

ĐỖ HOÀNG LINH (Sưu tầm & biên soạn)

HỒ CHÍ MINH

Hành trình
79 mùa xuân
(1890 - 1969)



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG BANG



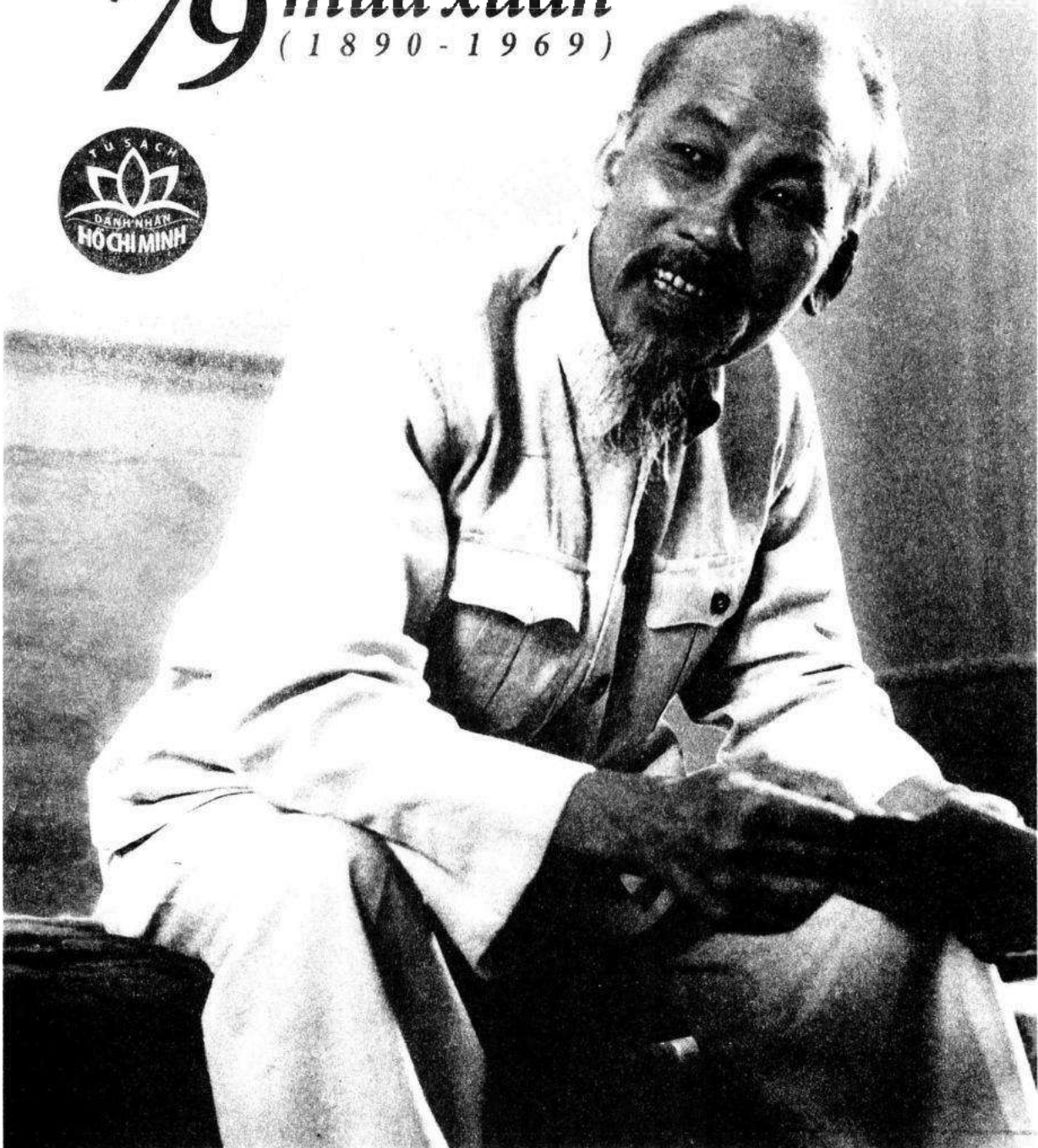
DC.036090



ĐỖ HOÀNG LINH (Sưu tầm & biên soạn)

HỒ CHÍ MINH

Hành trình
79 mùa xuân
(1890 - 1969)



NHA XUẤT BẢN HỒNG BÀNG

036090

TRUNG TÂM
THÔNG TIN THƯ VIỆN



LỜI GIỚI THIỆU

Đã có nhiều sách, báo viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa. Chưa thống kê đầy đủ, nhưng ước tính con số phải hàng ngàn, đặc biệt kể từ khi Người được tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc UNESCO thông qua nghị quyết kỷ niệm 100 năm ngày sinh trên toàn thế giới vào năm 1990.

Tâm ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh lan tỏa và in dấu sâu đậm trong các nhà hoạt động chính trị, xã hội và nhân dân lao động, trí thức quốc tế từ những năm đầu của thế kỷ XX.

Việt Nam - Hồ Chí Minh đã thành biểu tượng không tách rời. Tư tưởng, đạo đức, nhân cách, trước tác, sự nghiệp hoạt động của Người là tài sản vô cùng quý giá cho dân tộc và thời đại.

Việc xuất bản lần thứ hai *Hồ Chí Minh toàn tập* gồm 12 tập trong hai năm 1995-1996 do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành đánh dấu một chặng đường nghiên cứu sưu tầm tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh và các sự kiện lịch sử cách mạng có liên quan. Bộ sách được thực hiện theo quyết định ngày 22 tháng 12 năm 1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. Đó là một công trình tư liệu - khoa học, gồm những tác phẩm, bài nói, bài viết quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1919 đến 1969. Từ bấy đến nay, nhiều tư liệu mới của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh được tìm thấy, xác minh và công bố.

Nhiều sách, báo, hiện vật và các cuộc hội thảo, kỷ niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh khắp mọi nơi, kể cả ở nước ngoài xuất hiện.

Các cuốn sách dưới đây: *Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành (1890-1911)*; *Người đi tìm hình của nước (1911-1930)*; *Đường về Tổ quốc (1930-1941)*; *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh (1941-1945)*; *Hồ Chí Minh 474 ngày độc lập (1945-1946)*; *Hồ Chí Minh 9 năm kháng chiến (1946-1954)*; *Hồ Chí Minh - Hành trình 79 mùa xuân* do các tác giả Nguyễn Văn Dương và Đỗ Hoàng Linh sưu tầm, biên soạn theo lối biên niên, thời gian khi Người sinh ra (1890), ra đi tìm đường cứu nước (1911) rồi trở về tổ quốc (1941)...

Đó là một cách làm hay. Dạng sách *thực lục* này cung cấp cho độc giả hình dung các hoạt động của nhân vật diễn ra theo năm tháng, thậm chí ngày giờ, địa điểm, nội dung. Các tác giả biên soạn đã có công trong việc sưu tầm tư liệu và hồi ký của các nhân vật khác từng gặp gỡ, cùng hoạt động với Bác Hồ và chứng kiến sự việc, tham



chiếu niên biểu sự kiện lịch sử... để phục dựng cuộc đời hoạt động thật phong phú của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi vậy các cuốn sách kể trên không bị khô cứng trong sự kiện mà có da thịt, hơi thở của cuộc sống; tầm vóc của danh nhân, vì vậy thật lớn lao mà gần gũi, sống động và thuyết phục. Qua mỗi việc làm, tư tưởng của nhà ái quốc vĩ đại thường được thể hiện bằng hành động và lời nói ngắn gọn dễ hiểu: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”; “Dân chủ là để dân được mở miệng”; “Cán bộ là dây tợ của nhân dân...”; “Đảng không phải tổ chức để làm quan phát tài”...

Có thể dẫn ra rất nhiều và đa dạng các câu nói của Bác Hồ trong các cuộc gặp gỡ, làm việc, tiếp xúc của Người với đồng sự, công chúng.

Nhưng trong sâu thẳm đều có chung một nguồn mạch:

Giọng của Người không phải sấm trên cao

Ấm từng tiếng thấm vào lòng mong ước.

(Tố Hữu)

Đọc các cuốn sách trên bạn sẽ kinh ngạc về tầm nhìn, bản lĩnh chính trị, sức làm việc bền bỉ, lòng tận tụy, cách thức tổ chức, điều hành đoàn thể và nhà nước; sự am tường các nền văn hóa, lòng trắc ẩn và lối sống giản dị, phong thái ung dung, chủ động trước mọi hoàn cảnh lúc thắng lợi hoặc trong lao tù, hay khi vận nước ngàn cân treo sợi tóc... của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành - vị lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh là giéng trời. (Trần Văn Giàu). Hồ Chí Minh trước hết là một con người, con người của lịch sử và làm nên lịch sử. Hồ Chí Minh: Giản dị, lão thực, là hình ảnh của dân tộc (Phạm Văn Đồng). Hồ Chí Minh, tên Người là cả một niềm thơ (Nhà thơ Cu Ba Pêtrô Rôđrighết).

*

* *

Nhân kỷ niệm 122 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 67 năm nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945) và hưởng ứng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” Công ty cổ phần Gia Lai CTC, Nhà xuất bản **Hồng Bàng**, Nhà sách Huy Hoàng phối hợp xuất bản các ấn phẩm trên là một hành động thiết thực, có ý nghĩa “soi đường cho quốc dân đi” như có lần Người đã phát biểu khi nói về văn hóa.

TRẦN ĐÌNH VIỆT



LỜI NÓI ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, người sáng lập, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam và khai sinh Nhà nước Việt Nam mới, người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do, cho hạnh phúc của nhân dân. Cuộc đời và sự nghiệp vinh quang của Người là "một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc", đã "góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội". Người đã được UNESCO tôn vinh là: Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất của dân tộc Việt Nam.

Sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là tài sản tinh thần vô giá của các thế hệ người Việt Nam, luôn tỏa sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vẻ vang và đang vững bước trên con đường đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, về tinh thần đoàn kết chiến đấu, tấm gương về đạo đức cách mạng: Trung với nước, hiếu với dân; yêu thương con người; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; tinh thần quốc tế trong sáng.

Từ trước đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và qua mỗi lần xuất bản, "cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ của Người được tái hiện với nhiều tư liệu mới, nhiều khám phá giá trị, giúp cho nhân dân ta và bạn bè quốc tế hiểu thêm về tư tưởng, lý luận, đạo đức, phong cách của một lãnh tụ "thể phách đã mất mà tinh anh muôn thuở vẫn còn".

Nhân kỷ niệm 43 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu và cũng để thiết thực hưởng ứng cuộc vận động của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng: **Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh** đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, xin trân trọng giới thiệu cuốn **Hồ Chí Minh - Hành trình 79 mùa xuân** nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh của đông đảo các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là khuyến khích thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai của nước nhà, làm theo tấm gương Bác Hồ, có ý chí vươn lên, khát vọng cống hiến, làm chủ cuộc sống, trung với nước, hiếu với dân.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

TÁC GIẢ



1890 - 1911

Chủ tịch Hồ Chí Minh, thời thơ ấu tên là Nguyễn Sinh Cung⁽¹⁾, sinh ngày 19-5-1890, tại quê ngoại là làng Hoàng Trù (còn gọi là làng Trù), xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), trong một gia đình nhà Nho, nguồn gốc nông dân.

Cha của Người là Nguyễn Sinh Sắc (Nguyễn Sinh Huy), sinh năm 1862, mất năm 1929, quê ở làng Kim Liên (thường gọi là làng Sen) cùng thuộc xã Chung Cự, nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Sinh Sắc xuất thân từ gia đình nông dân, mồ côi cha mẹ sớm, từ nhỏ đã chịu khó làm việc và ham học. Vì vậy, ông được nhà Nho Hoàng Xuân Đường ở làng Hoàng Trù xin họ Nguyễn Sinh đem về nuôi. Là người ham học và thông minh, lại được nhà Nho Hoàng Xuân Đường hết lòng chăm sóc, dạy dỗ, ông thi đỗ Phó bảng và sống bằng nghề dạy học. Đối với các con, ông Sắc giáo dục ý thức lao động và học tập để hiểu "đạo lý làm người". Khi còn trẻ, như nhiều người có chí đương thời, ông đeo mài kính sứ, quyết chí đi thi. Nhưng càng học, càng hiểu đời, ông nhận thấy: "*Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ*", nghĩa là "Quan trường là nô lệ trong những người nô lệ, lại càng nô lệ hơn". Do đó, sau khi đỗ Phó bảng, bị triều đình phong kiến thúc ép nhiều lần, ông buộc phải ra làm quan. Mẹ của Người là Hoàng Thị Loan, sinh năm 1868, mất năm 1901, là một phụ nữ cần mẫn, đảm đang, đôn hậu, sống bằng nghề làm ruộng và dệt vải, hết lòng thương yêu và chăm lo cho chồng con. Chị của Người là Nguyễn Thị Thanh, còn có tên là Nguyễn Thị Bạch Liên, sinh năm 1884, mất năm 1954. Anh của Người là Nguyễn Sinh Khiêm, còn có tên là Nguyễn Tất Đạt, sinh năm 1888, mất năm 1950. Các anh chị của Người lớn lên đều chịu ảnh hưởng của ông bà, cha mẹ, chăm làm việc và rất thương người, đều là những người yêu nước, đã tham gia phong trào yêu nước và bị thực dân Pháp bắt bớ tù đày. Từ lúc ra đời đến tuổi lên 5, Nguyễn Sinh Cung sống ở quê nhà trong sự chăm sóc, thương yêu của ông bà ngoại và cha mẹ, lớn lên trong truyền thống tốt đẹp của quê hương, hiếu học, cần cù trong lao động, tình nghĩa trong cuộc sống và bất khuất trước kẻ thù. Là một cậu bé ham hiểu biết, Nguyễn Sinh Cung thích nghe chuyện và hay hỏi những điều mới lạ, từ các hiện tượng thiên nhiên đến những chuyện cổ tích mà bà ngoại và mẹ thường kể.

Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung cùng với gia đình chuyển vào Huế lần thứ nhất, khi ông Nguyễn Sinh Sắc vào Kinh thi Hội. Từ cuối năm 1895 đến đầu năm 1901,

⁽¹⁾ Trong một bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm 1954, Người ghi tên còn nhỏ của mình là Nguyễn Sinh Côn. (Bản chụp bút tích, lưu Kho Tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh).



Nguyễn Sinh Cung sống cùng cha mẹ tại Huế, ở nhờ nhà một người quen ở trong thành nội (nay là số nhà 112, đường Mai Thúc Loan). Đó là những năm tháng gia đình ông Sắc sống trong cảnh gieo neo, thiếu thốn. Bà Hoàng Thị Loan làm nghề dệt vải, còn ông Sắc ngoài thời gian học, phải đi chép chữ thuê để kiếm sống, để học và dự thi.

Có lần vua Thành Thái ngự du Xuân. Cậu Cung nấp mình sau gốc cây, nhằm nhìn trộm vua. Nhà vua chít khăn vàng ngói chêm chệ trên kiệu, trông như pho tượng. Dân chúng đi đường phải phủ phục xuống lạy vua liên hồi. Tối về cậu Cung đến bên khung cửi, hỏi mẹ:

- Vua dau chân sao phải khiêng, mẹ?

Nghe con hỏi đến vua, sợ con mắc tội "phạm thượng", bà Loan vội báo:

- Chớ, chớ, đừng hỏi rứa con. Làm vua ra đường luôn được ngồi kiệu.

Cung gật đầu cảm ơn mẹ, nhưng vẫn còn thắc mắc:

- Sao cha không chít khăn vàng như vua cho đẹp, mẹ?

- Nay, con nhớ nhé. Chỉ có vua mới được chít khăn vàng.

Chưa thoả mãn, Cung tiếp tục hỏi:

- Ngoài đường, sao con lại thấy lính cũng chít khăn vàng dưới chân. Thế, họ không sợ vua hả, mẹ?

Đến lúc này, bà Loan hốt hoảng vội can ngăn con:

- Sao con lại ví như thế. Đừng hỏi, đừng hỏi, cấm kỵ đấy con ạ.

Mỗi lần ra phố, thấy có việc gì xảy ra, cậu Cung thường về hỏi mẹ tận tường ngọn nguồn. Nhiều lúc bà Loan cũng bí trả lời những câu hỏi của cậu. Bà mừng là các con sớm mở rộng tầm hiểu biết nhanh chóng và luôn có ý thức nhận biết mọi điều. Nhưng bà cứ lo lắng, sợ con mình ra ngoài xã hội, trong vòng cương toả của giáo lý phong kiến, thực dân, mà sơ sẩy nói ra hay tỏ ý phản kháng những điều cấm kỵ, thì khó mà lường trước được tai hoạ. Bà lại những khoảng trống trong ý thức muốn nhận biết xã hội của các con, bà Loan cố truyền thêm nhiều những câu chuyện cổ tích Việt Nam, ca dao, tục ngữ, lấy Kiều hay điệu ví của quê nhà cho các con. Những vốn liếng văn hoá dân gian của bà được tiếp nhận từ chiếc nôi của gia đình, quê hương nay rất có ích, được phát huy, truyền lại cho hai con trẻ, trong hoàn cảnh xa nhà. Âu cũng là tiếng lòng da diết nhớ quê của bà. Vốn hiểu biết và tình cảm với quê hương dồn lên câu chuyện, câu hát cho con nghe bằng cả tấm lòng người mẹ, gieo vào lòng con tình yêu quê hương, đất nước và đạo lý làm người vốn được kết tụ từ dưới lũy tre làng, cất lên từ mái tranh nghèo.

*Làm người dối sạch, rách thơ
Công danh phủ nhẹ, nước non phải đến*

Gần cuối năm 1898, ông Nguyễn Sinh Sắc về dạy học cho một số học sinh ở làng Dương Nỗ, xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, cách thành phố Huế



6 km. Nguyễn Sinh Cung cùng anh theo cha về đây và bắt đầu học chữ Hán tại lớp học của cha.

Tuy mới 8 tuổi nhưng Cung rất thông minh, nhanh nhẹn và có trí nhớ khác thường. Các bài học Nguyễn Sinh Cung chỉ đọc ba bốn lần là thuộc⁽¹⁾. Ngoài giờ học, Nguyễn Sinh Cung thường cùng trẻ em trong làng ra chơi ở đình làng Dương Nỗ và xuống tắm ở bến sông Phố Lợi chạy ven làng. Có những lúc, cậu tới thôn Phò Am, cách Dương Nỗ không xa, vào chơi ở Am Bà, một ngôi miếu nhỏ trong thôn Có lán, cậu cùng bạn học dựng một màn trong võ tuồng "Tiết cương phá thiết khẩu phần" của quan thượng thư Đào Tấn. Các cậu bé lấy nhựa cây tươi dán cánh hoa dâm bụt vào má, trán, cằm, hoá trang thành vai tướng mặt đỏ và lấy mực nho vẽ mặt vai mình đỏng. Sau vở diễn, hai anh em bị ngứa, gãi sưng cả mặt. Bà Loan bắt hai anh em nằm sấp trên giường, định giờ roi đánh thì cậu Cung nói: "Mẹ đã cho con chơi hoa dâm bụt và nói hoa này hiền như Bụt thì con mới dán lên mặt, nào ngờ..." Bất cười, bà Loan bỏ roi xuống và dặn: "Hoa dâm bụt hiền nhưng nhựa cây tươi dữ lắm, các con nhớ chưa?".

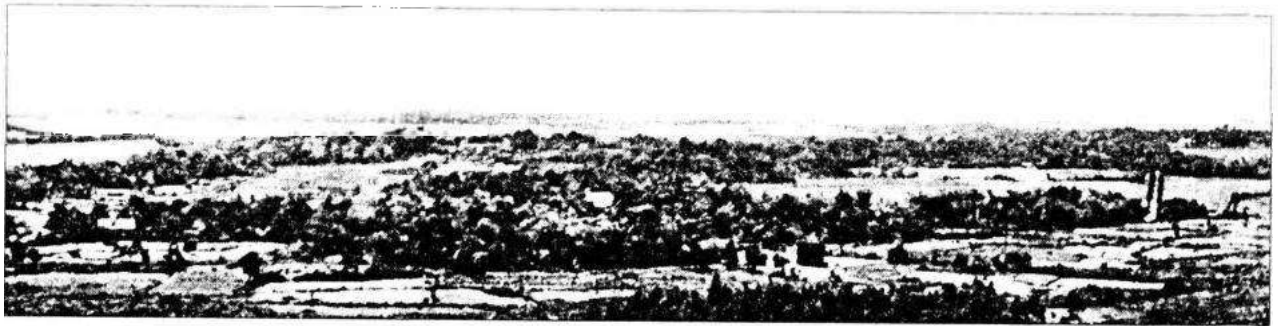
Cuối năm 1900, ông Nguyễn Sinh Sắc được cử đi coi thi ở trường thi hương Thanh Hoá. Ông đưa Nguyễn Sinh Khiêm đi cùng, còn Nguyễn Sinh Cung thì về sống với mẹ trong nội thành Huế. Bà Loan sinh bé Xin trong hoàn cảnh khó khăn túng thiếu nên lâm bệnh: Ngày 22 tháng chạp năm Canh Tý (tức ngày 10-2 năm 1901) bà Hoàng Thị Loan lâm bệnh nặng. Tuy được bà con xung quanh giúp đỡ, nhưng chỉ được phần nào cơm cháo. Sữa không đủ phải cho con đi bú nhờ. Trong hoàn cảnh đó, cậu Cung phải gồng mình lo toan, kể cả việc cháo ăn cho mẹ, sữa bú cho em. Bà Loan đau đớn, kinh hoàng khi cảm thấy cái chết đang đến gần với mình. Cũng nghĩ lòng bà càng đau thất lại, nước mắt chảy ròng khi nhìn thấy con mới sinh gào khóc thiếu sữa. Bà lụi dần trong nỗi tái tê vì con đau bởi căn bệnh hiểm nghèo. Thấy mẹ mê man bất tỉnh, em gào khóc, cậu Cung vội chạy đi chạy về kêu bà con xóm làng giúp đỡ. Động lòng thương xót, nhiều người đã hết lòng giúp đỡ mẹ con bà. Nhiều thầy thuốc trong vùng đã được bà con mời đến tự nguyện chữa chạy, nhưng bệnh quá nặng, bà Loan đã qua đời. Chẳng bao lâu sau, bé Xin quá yếu cũng theo mẹ. Mới 11 tuổi, Nguyễn Sinh Cung đã chịu nỗi đau mất mẹ và em. Ngôi nhà ngập trong tang thương. Hương trầm, hương thẻ cùng với những bó hoa Huế trắng toả hương trầm lắng được bà con đưa tới phúng viếng thờ bà Loan. Ở Huế, thời ấy, do tập lệ khắc nghiệt của triều đình, đám tang của dân thường không được đưa qua các cổng thành chính, và đặc biệt vào những ngày giáp Tết không được khóc, nên thì hài bà Loan được bà con lối phố lặng lẽ đưa xuống thuyền qua cổng Thanh Long, theo sông Đông Ba, ra sông Hương, rồi ngược dòng sông Hương về sông An Cựu.

⁽¹⁾ Theo lời kể của người nhà ông Nguyễn Sĩ Khuyến, có một hôm ông Nguyễn Sinh Sắc đi vắng, Nguyễn Sinh Cung cất sách đi chơi. Bạn bè nhắc Cung học bài thì Nguyễn Sinh Cung đã đọc thuộc lòng một mạch 7 trang sách cho các bạn nghe. Ngoài ra cậu còn sáng luận ngữ mỗi ngày học 4 tờ, mỗi tờ 11 dòng, mỗi dòng 10 chữ chỉ đọc vài lần người đã hiểu nghĩa. Là một cậu bé hiểu động, chẳng mấy khi chịu ngồi yên.



Đến gần ngã ba Giàng Xay thì hài bà được gánh bộ theo đường Ngự Bình và phần mộ bà được đặt trên thềm cao của ngọn núi Tam Tầng, thuộc dãy Ngự Bình, mặt tiền ngoảnh về đỉnh núi Bán, nơi 113 năm trước đó Vua Quang Trung đã làm lễ tế trời, lên ngôi Hoàng đế, lãnh trách nhiệm trước quốc dân, tiến ra Bắc, quét sạch quân xâm lược Thanh.

Được tin vợ qua đời, ông Nguyễn Sinh Sắc vội trở lại Huế, đưa con về quê. Sau khi thu xếp cuộc sống cho các con, được sự đồng ý của bà con trong họ ngoài làng, ông Nguyễn Sinh Sắc lại vào Huế dự kỳ thi hội năm Tân Sửu. Lần này đi thi ông mang tên mới là Nguyễn Sinh Huy. Tháng 5-1901, ông Nguyễn Sinh Huy đậu Phó bảng khoa thi Hội Tân Sửu. Khoảng tháng 9-1901, Nguyễn Sinh Cung cùng gia đình chuyển về sống ở quê nội. Ông Nguyễn Sinh Huy làm lễ vào làng cho hai con trai với tên mới là Nguyễn Tất Đạt (Sinh Khiêm) và Nguyễn Tất Thành (Sinh Cung).



Cảnh sông Lam - núi Hồng của Nghệ An

Tại quê nhà, Nguyễn Tất Thành được gửi đến học chữ Hán với các thầy giáo Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý và sau là thầy Trần Thân. Các thầy đều là những người yêu nước. Nguyễn Tất Thành được nghe nhiều chuyện qua các buổi bàn luận thời cuộc giữa các thầy với các sĩ phu yêu nước. Nguyễn Tất Thành dần dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất, nhà tan. Trong những người mà ông Sắc thường gặp gỡ có ông Phan Bội Châu. Giống như nhiều nhà nho yêu nước lúc bấy giờ, Phan Bội Châu cũng day dứt trước hiện tình đất nước và số phận của dân tộc. Con người nhiệt huyết ấy trong lúc rượu say vẫn thường ngâm hai câu thơ của Viên Mai:

"Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch,
Lập thân tối hạ thị văn chương".

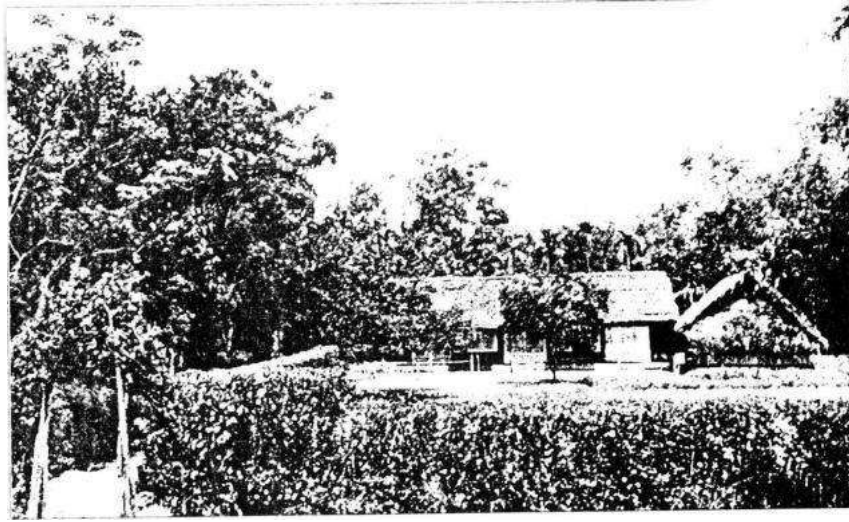
Nghĩa là:

"Mỗi bữa (ăn) không quên ghi sử sách,
Lập thân hèn nhất ấy (là) văn chương".

Câu thơ đã tác động nhiều đến Nguyễn Tất Thành và góp phần định hướng cho người thiếu niên sớm có hoài bão lớn. Càng đi vào cuộc sống của người dân địa phương, Nguyễn Tất Thành càng thấm thía thân phận cùng khổ của người dân mất



nước. Đó là nạn thuế khoá nặng nề cùng với việc nhân dân bị bắt làm phu xây dựng đường trong tỉnh, làm đường từ Cửa Rào, nơi rừng thiêng nước độc đi Xiêng Khoảng (Lào), nhân dân lầm than, ai oán, than thở.



Nhà bên quê nội của Chủ tịch Hồ Chí Minh



Nhà bên quê ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nguyễn Tất Thành được học chữ của thầy, nhưng điều quan trọng hơn, đó là học lòng yêu nước thương dân của thầy Quý. Sống trong sự dò la kiểm soát của bộ máy thống trị từ làng đến tỉnh, nhưng thầy Quý không hề ngần ngại dạy cho học trò tư tưởng yêu nước thương dân và chí làm trai phải giúp ích cho đời. Thầy thường gửi gắm tâm sự yêu nước và căm thù giặc vào những bài giảng cho học trò. Trên bàn thờ



phía trong lớp học thường có khói hương, đèn nến thờ cụ Vương Thúc Mậu. Một lần thắp đèn, dầu sánh ra, thấy liền ra cho học trò một vế đối.

"Thắp đèn lên dầu vương ra đê".

Có học trò lớn tuổi đối một câu rất chỉnh:

"Đốt nhang rồi gió quạt bay tàn"

Trò Nguyễn Tất Thành xin đối:

"Cưỡi ngựa dong thẳng Tán lên Đường".

Thầy khen cả hai câu, nhưng với câu sau, thấy cho rằng đối thoát hơn, nhiều ý hơn, không gò bó với nghĩa đen của từng từ trong vế đối.

Vốn ham hiểu biết, Nguyễn Tất Thành thường tìm đọc những cuốn sách mà các bậc cha chú thường nhắc tới và luôn được phụ thân dẫn đi thăm các di tích lịch sử và các danh lam thắng cảnh trong vùng. Ngoài việc học tập, Nguyễn Tất Thành thường cùng bạn bè chơi các trò chơi của tuổi thiếu niên như đánh khăng, đánh trận giả, câu cá, bẫy chim, đánh vật, hoặc rủ nhau thăm các thắng cảnh, các di tích văn hoá lịch sử trong vùng (núi Chung, đền Thánh Cả, chùa Đạt, đền Độc Lôi). Trong đó, nơi Nguyễn Tất Thành thường lui tới nhiều nhất là lò rèn ông Diên và giếng Cốc ở gần nhà.

Có lần Nguyễn Tất Thành làm chung cùng các bạn trong làng một cái điều sáo. Làm xong đem thả, điều không lên. Sửa mấy cũng không được, các bạn nản chí bàn phá đi làm lại cái khác. Nguyễn Tất Thành không nghe theo các bạn mà tiếp tục sửa chữa. Đến khi điều tung gió bay cao, các bạn hỏi về cách sửa chữa, Nguyễn Tất Thành chỉ vẽ cho các bạn và bảo: "Cứ kiên trì chịu khó là được".

Cũng một lần khác cùng các bạn câu cá ở cái ao gần nhà bà ngoại (làng Trù), khi một bạn giật mạnh cần câu, lưỡi câu sắc nhọn, mắc vào tai Nguyễn Tất Thành, máu ra nhiều các bạn rất lo sợ. Nhưng Nguyễn Tất Thành nén chịu đau, bình tĩnh rút lưỡi câu ra, nhờ các bạn lấy "lá niệt" rửa sạch, đặt vào chỗ vết thương để cầm máu, và dặn các bạn đừng nói cho bà ngoại biết kẻo bà lo. Vết thương sau thành sẹo, để dấu ấn ở tai Nguyễn Tất Thành.

Mùa xuân năm 1903, Nguyễn Tất Thành theo cha đến xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và tiếp tục học chữ Hán. Tại đây Nguyễn Tất Thành lại có dịp nghe chuyện thời cuộc của các sĩ phu đến đàm đạo với cha mình. Cuối năm 1904, Nguyễn Tất Thành theo cha sang làng Du Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, khi ông Sắc đến đây dạy học. Ngoài thời gian học tập, Nguyễn Tất Thành thường theo cha đến các vùng trong tỉnh như làng Đông Thái, quê hương của Phan Đình Phùng, thăm các di tích thành Lục Niên, miếu thờ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, v.v... Tháng 7-1905, Nguyễn Tất Thành theo cha đến huyện Kiến Xương, Thái Bình, trong dịp ông Nguyễn Sinh Sắc đi gặp các sĩ phu ở vùng đó. Khoảng tháng 9-1905, Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Tất Đạt được ông Nguyễn Sinh Huy xin cho theo học lớp dự bị (préparatoire) Trường tiểu học Pháp-bản xứ ở thành phố Vinh. Chính tại ngôi trường



này, Nguyễn Tất Thành lần đầu tiên được tiếp xúc với khẩu hiệu TỰ DO-BÌNH ĐẲNG-BÁC ÁI.

Sau nhiều năm lần lữa việc đi làm quan, cuối tháng 5-1906, ông Nguyễn Sinh Huy vào kinh đô Huế, nhậm chức. Nguyễn Tất Thành cùng đi theo cha và cùng với anh trai được cha cho đi học Trường tiểu học Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên, lớp dự bị (cours préparatoire, tháng 9-1906); lớp sơ đẳng (cours élémentaire, tháng 9-1907). Hai anh em Tất Thành vẫn có ưu thế về chữ Hán. Còn chữ Pháp thì dĩ nhiên, họ khó mà giỏi hơn các bạn con những ông quan to hay công chức của Pháp. Tuy thế, Tất Thành vẫn có lúc được thầy giáo khen. Một hôm, thầy giáo Thọ bảo cả lớp dịch câu tiếng Pháp. "O chat! O chat! O chat! Voelez - vous manger le rat, monter sur la poutre". Tất Thành đã sử dụng vốn dân ca của quê hương phường vải và dịch ngay sang tiếng Việt:

Con mèo! Con mèo! Con mèo!

Mày muốn chén chuột thì leo lên xà.

Càng học, Tất Thành càng chăm chỉ và càng tiến bộ. Ngoài việc học ở nhà trường, Nguyễn Tất Thành còn nhờ người mượn sách ở Lầu tàng thư (nơi lưu trữ sách và các loại văn thư của triều Nguyễn) về đọc. Nguyễn Tất Thành ham đọc sách, biết tranh thủ thời giờ nên kỳ nghỉ hè này anh đã đọc được nhiều loại sách quý. Ở Huế, từ vài năm nay xuất hiện nhiều sách báo Tân thư, Tân văn. Những loại sách báo đó bắt nguồn từ phong trào Duy Tân theo xu hướng tư sản. Tiêu biểu cho xu hướng này ở Trung Hoa là Khang Hữu Vy, Lương Khải Siêu. Chính Tân thư, Tân văn đã tác động mạnh mẽ đến nhiều nhà chí sĩ yêu nước Việt Nam. Khác hẳn các sách kinh điển Nho giáo, các loại sách mới này chứa đựng nhiều kiến thức mới về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Những loại sách mới đó còn giới thiệu với bạn đọc về thân thế, sự nghiệp và tác phẩm của những nhà khai sáng Pháp ở thế kỷ XVIII. Tất Thành cùng các bạn lại háo hức tìm đọc những loại sách của các nhà khai sáng Pháp như Môngtetskiơ, Rút-xô, Vôn-te, v.v...

Năm học 1908-1909, Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Tất Đạt chuyển sang học trường Quốc Học Huế. Trường Quốc học Huế được thành lập theo đạo dụ ngày 23 tháng 10 năm 1896 của vua Thành Thái, và nghị định ngày 18-11-1896 do toàn quyền Đông Dương Rút-xô (A. Rousseau) ký. Trong nghị định này ghi rõ: Trường dựa dưới quyền kiểm soát của Khâm sứ Trung Kỳ. Vào đầu năm 1908, ở Huế xảy ra một sự kiện đáng ghi nhớ trong cuộc đời của anh thanh niên Nguyễn Tất Thành. Tháng 4-1908, anh tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân tỉnh Thừa Thiên, khởi đầu cho cuộc tranh đấu suốt đời Người vì quyền lợi của nhân dân lao động. Vì những hoạt động yêu nước, tham gia cuộc đấu tranh của nông dân, Nguyễn Tất Thành bị thực dân Pháp để ý theo dõi. Ông Nguyễn Sinh Huy cũng bị chúng khiển trách vì đã để cho con trai có những hoạt động bại Pháp. Tuy nhiên, tháng 8-1908, Nguyễn Tất Thành, với tên gọi Nguyễn Sinh Côn, vẫn được ông Hiệu trưởng Quốc học Suke (Chouquet) tiếp nhận vào học tại trường. Tháng 9-1908, Nguyễn Tất Thành vào lớp trung đẳng (lớp nhì) (cours moyen) tại Trường Quốc học Huế. Trong thời gian học tại



đây, Nguyễn Tất Thành được tiếp xúc nhiều với sách báo Pháp. Các thầy giáo của Trường Quốc học có cả người Pháp và người Việt Nam, cũng có những người yêu nước như thầy Hoàng Thông, thầy Lê Văn Miến. Chính nhờ ảnh hưởng của các thầy giáo yêu nước và sách báo tiến bộ mà anh được tiếp xúc, ý muốn đi sang phương Tây tìm hiểu tình hình các nước và học hỏi những thành tựu của văn minh nhân loại từng bước lớn dần trong tâm trí của Nguyễn Tất Thành. Cùng thời gian đó, Nguyễn Tất Thành còn được nghe kể về những hành động của những ông vua yêu nước như Thành Thái, Duy Tân và những bàn luận về con đường cứu nước trong các sĩ phu yêu nước.



Cù Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ của
Chủ tịch Hồ Chí Minh



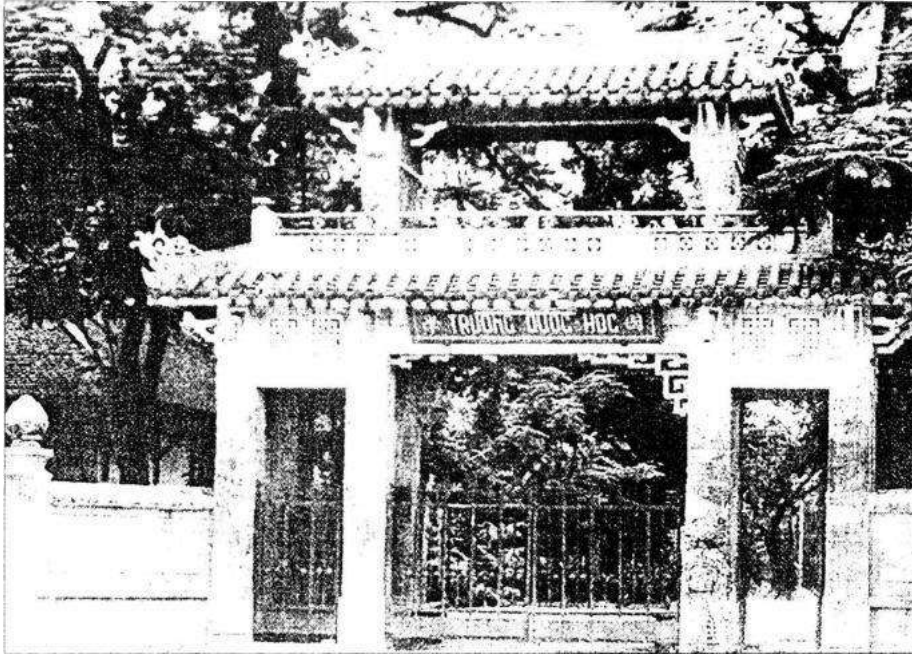
Cù Hoàng Thị Loan, thân mẫu của
Chủ tịch Hồ Chí Minh



Bà Nguyễn Thị Thanh, chị ruột của
Chủ tịch Hồ Chí Minh



Ông Nguyễn Sinh Khiêm, anh ruột của
Chủ tịch Hồ Chí Minh



Trường Quốc học Huế, nơi Nguyễn Tất Thành từng học

Khoảng tháng 6 năm 1909, Nguyễn Tất Thành rời Trường Quốc học Huế theo cha vào Bình Định, khi ông được bổ nhiệm chức Tri huyện Bình Khê. Trong thời gian ở Bình Khê, Nguyễn Tất Thành thường được cha dẫn đi thăm các sĩ phu trong vùng và thăm di tích lịch sử vùng Tây Sơn. Cuối năm 1909, Nguyễn Tất Thành được cha gửi đi học tiếp chương trình lớp cao đẳng (lớp nhất) tại Trường tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn (cours supérieur). Tháng 6-1910, Nguyễn Tất Thành hoàn thành chương trình tiểu học. Sau khi nghe tin cha bị cách chức tri huyện Bình Khê, bị triệu hồi về Kinh, anh không theo cha trở về Huế mà quyết định đi tiếp xuống phía Nam. Trên đường từ Quy Nhơn vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành dừng chân ở Phan Thiết. Ở đây anh xin vào làm trợ giáo (moniteur), dạy môn thể dục, đồng thời phụ trách các hoạt động ngoại khoá của trường Dục Thanh, một trường tư thục do các ông Nguyễn Trọng Lợi và Nguyễn Quý Anh (con trai cụ Nguyễn Thông, một nhân sĩ yêu nước) thành lập năm 1907. Ngoài giờ lên lớp, Nguyễn Tất Thành tìm những cuốn sách quý trong tủ sách của cụ Nguyễn Thông để đọc. Lần đầu tiên anh được tiếp cận với những tư tưởng tiến bộ của các nhà khai sáng Pháp như Rút-xô (Rousaeau), Vôn-te (Voltaire), Mông-tét-xki-ơ (Montesqieu). Sự tiếp cận với những tư tưởng mới đó càng thôi thúc anh tìm đường đi ra nước ngoài. Hằng ngày thầy Thành dành thời giờ để đọc sách, chấm bài và trò chuyện với các thầy giáo, học trò, cũng như bà con lao động xóm chài. Buổi sáng, thầy Thành dậy sớm, quét dọn nhà cửa, gánh nước, tưới cây với học trò. Những buổi lên lớp, thầy Thành giảng bài rất kỹ. Gặp những chỗ khó, thầy giảng đi, giảng lại cho học trò hiểu mới thôi. Thấy Thành là giáo viên đầu tiên dạy quốc ngữ ở

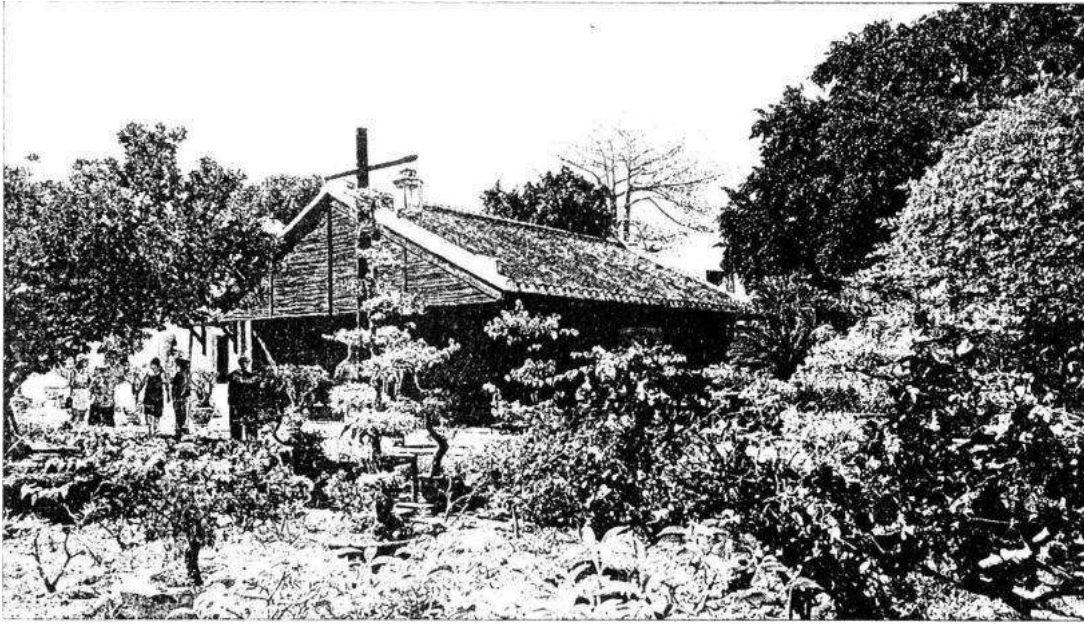


trường Dục Thanh. Thầy dạy lớp nhì và các lớp khác. Thầy không bao giờ đánh mắng học trò. Giờ nghỉ học, thầy thường đưa học trò đi chơi dọc bờ sông hay bờ biển. Những lúc đi như vậy, thầy Thành thường giảng về địa lí và lịch sử đất nước cho học trò nghe. Thầy còn kể chuyện Bà Triệu, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Quang Trung... rất say sưa và hấp dẫn.

Thầy là người khởi xướng phong trào tập thể dục, thể thao ở trường. Lúc ấy, Dục Thanh là trường duy nhất có phong trào thể dục, thể thao. Sáng sáng, tiếng của thầy Thành hô vang trên sân trường. Thầy Thành chấm bài rất kĩ và phân minh. Thường có kèm theo lời dặn dò chu đáo. Đối với những học trò kém, ngoài giờ dạy ở lớp, thầy còn ra bài cho làm thêm và thầy chấm đầy đủ. Vào những ngày chủ nhật, ngày lễ, thầy đưa học trò đi chơi ở động Thiếng Đức, đình làng Đức Nghĩa hoặc ra bãi biển Thương Chánh, một bờ biển có nhiều ghềnh đá nổi giữa hai bờ cát trắng, nằm ở tả ngạn sông Cà Ti. Tết trung thu năm 1910, lúc mặt trăng đỏ, tròn và to như cái mâm vừa ló lên ở chân trời đằng Đông thì thầy Thành cùng học trò đón trung thu bên ghềnh đá sóng vỗ. Sau khi "phá cỗ", ăn bánh trung thu, thầy Thành đã kể truyền thuyết chị Hằng - chú Cuội ngồi rồi giải thích theo khoa học về cấu tạo của mặt trăng cho học trò nghe. Chuyện thầy kể dễ hiểu và dí dỏm nên rất vui. Giọng của thầy nhẹ nhàng, ấm áp, làm ai cũng muốn nghe. Thầy Thành dạy ở đây không lâu, nhưng đã để lại những ấn tượng và tình cảm sâu đậm trong học trò, thầy giáo của trường.



Cuộc biểu tình chống thuế tại Huế



Trường Dục Thanh tại Phan Thiết, nơi Nguyễn Tất Thành từng dạy học

Tháng 2-1911, Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn. Anh ở tạm tại trụ sở các chi nhánh của Liên Thành công ty đặt tại Sài Gòn, như nhà số 3, đường Tổng đốc Phương (nay là số 5, đường Châu Văn Liêm); nhà số 128, Khánh Hội. Ở Sài Gòn một thời gian ngắn, anh thường đi vào các xóm thợ nghèo, làm quen với những thanh niên cùng lứa tuổi. Ở đâu anh cũng thấy nhân dân lao động bị đọa đày, khổ nhục. Nguyễn Tất Thành cũng hay đến những cửa hàng ở gần cảng Sài Gòn, nơi chuyên nhận giặt là quần áo cho các thủy thủ trên tàu Pháp, để tìm cách xin việc làm trên tàu, thực hiện ước mơ có những chuyến đi xa. Năm ấy mới 21 tuổi, Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba. Một hôm anh Ba được một người bạn đưa đi xem đèn điện ở trước cửa tiệm cà phê của Pháp, xem chiếu bóng và máy nước. Những cái đó trước kia anh chưa hề thấy. Rồi anh được người bạn mời ăn kem. Anh rất lạ. Lần đầu tiên trong đời anh mới biết mùi kem. Hai người bạn dắt nhau đi khắp thành phố, và tất cả những cảnh tượng của thành phố đầy rẫy những bất công ấy đập vào mắt họ. Đột nhiên anh Ba hỏi người bạn: "Anh Lê, anh có yêu nước không?". Người bạn ngạc nhiên và đáp: "Tất nhiên là có chứ". Anh Ba hỏi tiếp: "Anh có thể giữ bí mật được không?", "Có". "Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào nước ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví dụ như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không?", "Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?", "Đấy, tiền đấy", anh Ba vừa nói vừa giơ hai bàn tay ra: "Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Thế anh cùng đi với tôi chứ?". Bị lôi cuốn vì lòng hăng hái của Ba, người bạn đồng ý.



Nhưng sau suy nghĩ kỹ về cuộc đi có vẻ phiêu lưu, anh Lê không có đủ can đảm để giữ lời hứa. Vài ngày sau, anh Lê không gặp lại bạn mình nữa. Văn Ba đã đi ra nước ngoài với hai bàn tay của mình, ý chí và nghị lực của anh thanh niên Nguyễn Tất Thành thật là lớn lao. Anh tin hai bàn tay của mình, sức mình và lòng yêu nước của mình sẽ làm nên tất cả.



Bến cảng Nhà Rồng, Sài Gòn năm 1911

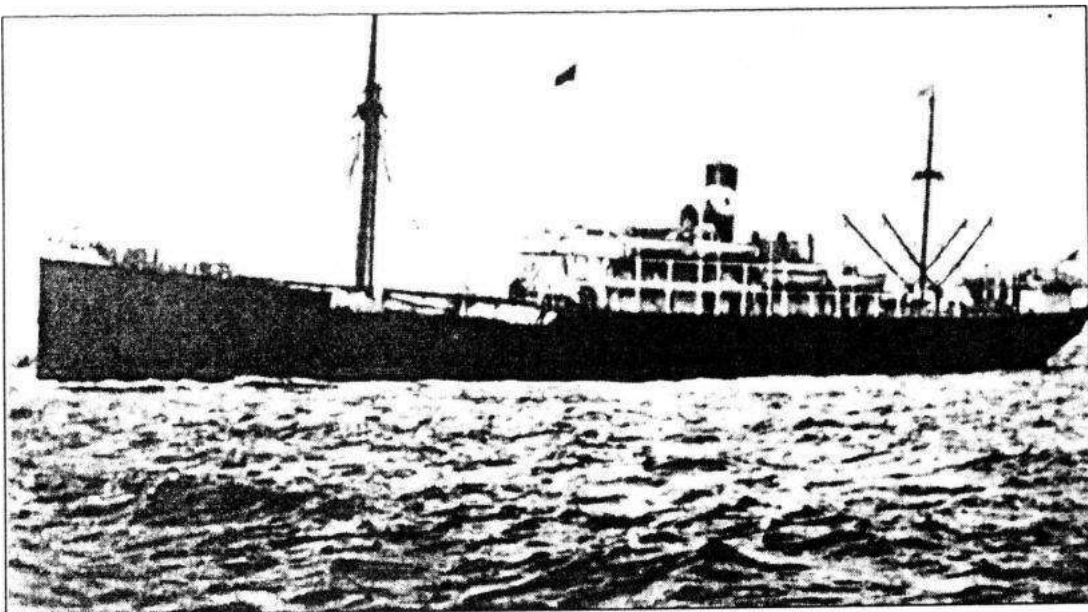


1911 - 1941

Ngày 3-6-1911, Nguyễn Tất Thành dưới cái tên Văn Ba xin làm phụ bếp trên tàu Đô đốc Latútơ Trơvin (Amiral Latouche Tréville), một tàu lớn vừa chở hàng vừa chở khách của hãng Năm Sao đang chuẩn bị rời cảng Sài Gòn đi Mácxây (Marseille), Pháp. Ngày 5-6-1911, tàu Đô đốc Latútơ Trơvin nhổ neo. Trần Dân Tiên, tác giả cuốn *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* đã ghi lại lời kể của một nhân chứng, ông Mai ở Hải Phòng, người làm trên một chiếc tàu Pháp của hãng Vận tải Hợp Nhất kể lại: "Vào khoảng cuối năm 1911 hay 1912 - tôi không nhớ đúng nữa - tôi làm việc ở phòng án của các sĩ quan trên tàu. Tàu chúng tôi cập bến Sài Gòn để lấy hàng và đón khách. Một buổi trưa, một người trai trẻ lên tàu. Sau một phút ngập ngừng, anh ta hỏi xin việc. Chúng tôi trả lời là không có việc và có chăng nữa, chúng tôi cũng không có quyền nhận anh ta."

Chúng tôi cười vì chàng trai có vẻ một anh học trò, không phải là người lao động như chúng tôi. Chúng tôi nói nhỏ với nhau: "Một người như thế có thể làm được công việc gì trên tàu?". Tôi không hiểu tại sao tôi thấy thương hại anh ta và tôi nói: "Đi theo tôi, tôi sẽ dẫn anh đến gặp chủ tàu. Có lẽ anh ta sẽ có việc cho anh làm". Chủ tàu hỏi: "Anh có thể làm việc gì?".

- Tôi có thể làm bất cứ việc gì! - Chàng trai trả lời.
- Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp. Sáng mai anh đến đây nhận việc.



Trên con tàu Latouche Tréville, Nguyễn Tất Thành bắt đầu ra đi tìm đường cứu nước ngày 5/6/1911



Chàng trai ấy xưng tên là Ba. Vì tôi đã giúp anh ta việc nhỏ ấy, cho nên anh ta rất thân với tôi, và cũng vì anh ta rất dễ mến nên tôi cũng rất thân với anh ấy. Việc gì tôi làm được là tôi cố làm để giúp anh ta, vì anh ta chưa biết làm gì cả. Và lại, anh ấy có can đảm và nhẫn nại. Phụ bếp trên tàu, mỗi ngày anh ta phải làm từ 4 giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, rồi đốt lửa trong các lò. Sau đó đi khuôn than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt, cá, nước đá... Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét. Nhất là khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang trong khi tàu tròn tròn. Xong công việc đấy, phải dọn cho bọn chủ bếp Pháp ăn. Sau đấy, nhặt rau, rửa chảo nồi và đun lò lại. Công việc kéo dài suốt ngày. Nhà bếp lo ăn cho bảy, tám trăm người, cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn và nặng quá, đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Và những cái nồi cao quá, anh phải leo lên ghế để chùi nồi. Luôn luôn nghe tiếng:

- Ba, đem nước đây!

- Ba, dọn chảo đi!

- Ba, thêm than chỗ này, thêm than chỗ kia!

Suốt ngày, người anh Ba dầm nước, hơi và mồ hôi, mình đầy bụi than. Người ta thấy anh Ba phải dùng hết tinh thần và sức lực để làm cho xong công việc. Và hơn nữa, vì chưa quen việc, anh phải gọt xong đồng củ cải và khoai tây. Anh không biết làm thế nào. Tôi dạy cho anh. Tôi còn nhớ một lần phải gọt măng tây. Đây là lần đầu tiên anh Ba thấy măng tây. Anh ta bắt đầu gọt trơ trụi, thì vừa lúc tôi đến. Tôi hối hả quẳng xuống bể tất cả măng đã gọt và tôi bày cho anh ta phải làm như thế nào. Nhờ thế không xảy ra việc gì. Mỗi ngày, 9 giờ tối, công việc mới xong. Anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi chúng tôi nghỉ hoặc đánh bài, anh Ba đọc hay viết đến 11 giờ hoặc nửa đêm. Về thứ bậc, anh Ba là người dưới chúng tôi, chúng tôi là những người có chức vị, còn anh Ba chỉ là người phụ bếp. Nhưng vì anh Ba hiểu biết, anh giúp những người mù chữ của tôi viết thư về cho gia đình họ và anh không bao giờ nói tục, vì vậy anh Ba được tất cả chúng tôi yêu mến. Một lần, dọc đường, anh Ba suýt chết đuối. Bể nổi sóng. Làn sóng to như những quả núi chồm lên đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba đi lên đi xuống từ bếp đến hầm. Không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu tròn tròn, anh phải buộc rổ rau vào dây sắt để kéo đi, chuyển thứ hai một ngọn sóng lớn thỉnh thoảng phủ lên sàn tàu và cuốn xuống bể mọi vật trên sàn tàu. Cả những rổ rau và anh Ba nữa. Anh bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết. Cái gì đối với anh Ba cũng mới, anh phải học tất cả. Ví dụ mới đầu anh không ăn được bánh mì và bơ. Ăn xúp thì anh dùng nĩa. Vài ngày sau tàu rời bến, có hai hành khách - hai người lính trẻ tuổi giải ngũ trở về Pháp. Tôi không hiểu tại sao hai anh này đã trở nên bạn thân của anh Ba. Họ giúp anh nhặt rau và buổi tối họ cho anh mượn những quyển sách nhỏ, dạy cho anh đọc và viết. Và anh Ba lại dạy họ học quốc ngữ và thỉnh thoảng giám giúi cho họ một cốc cà phê. Anh nói với tôi với một vẻ ngạc nhiên: "Anh Mai, cũng có những người Pháp tốt, anh ạ".

Hồi ấy, Bùi Quang Chiêu, kĩ sư canh nông vào làng Tây, đi tàu hạng nhất cùng



với gia đình. Ông ta đưa con sang Pháp học. Trông thấy Ba, ông ta gọi anh lại và thân mật bảo: "Tại sao con lại làm cái nghề khó nhọc này? Bỏ nghề này đi. Con nên chọn một nghề khác, danh giá hơn...". Anh Ba lễ phép cảm ơn ông Chiêu, nhưng không nói đồng ý hay không. Đến Mác-xây, chúng tôi lĩnh lương; mỗi nhân viên Việt Nam được từ một trăm đến hai trăm quan, thêm vào đấy tiền thưởng của hành khách. Anh Ba là phụ bếp, chỉ được mười quan. Anh được ít lương, nhưng anh học được nhiều chuyện mới lạ. Coi tôi là bạn thân thiết nhất, anh ta nói với tôi tất cả những điều anh trông thấy và suy nghĩ:

"Ồ! Ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta!".

Trông thấy những gái điếm đến làm tiền trên tàu. Ba nói với tôi:

"Tại sao người Pháp không "khai hóa" đồng bào của họ trước khi đi "khai hóa" chúng ta, sao thế anh Mai?".

Tàu điện đối với anh Ba là một chuyện kì lạ. Lần đầu tiên anh ta trông thấy những "cái nhà biết chạy" ấy. Cái gì cũng làm anh ta chú ý, vì cái gì đối với anh ta cũng mới cả. Luôn luôn anh ta nói:

"Lần đầu tiên, tôi mới thấy cái này...".

Công việc trong ngày xong, tôi cho anh ta mượn bộ áo quần, và chúng tôi đi đến tiệm cà-phê ở đường Canobia. Không cần phải nói, đây là lần đầu tiên anh ta vào tiệm cà-phê và cũng là lần đầu tiên người Pháp gọi anh bằng "ông".

Sau những ngày đầu tiên ở Mác-xây, anh Ba tóm tắt cảm tưởng của mình bằng mấy chữ:

"Người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương.

Chúng tôi đi theo tàu lên Havorơ (Havre) để sửa chữa. Chúng tôi được đưa sang làm việc ở một chiếc tàu khác, trở về Đông Dương. Anh Ba không muốn trở về. Ông chủ tàu đem anh về nhà. Từ đấy, tôi không được tin tức gì của anh Ba nữa...".

Theo hành trình của tàu, Nguyễn Tất Thành đã dừng chân ở cảng Mác-xây, cảng Lơ Havorơ (Le Havre) của Pháp. Những ngày đầu tiên trên đất Pháp, được chứng kiến ở Pháp cũng có những người nghèo như ở Việt Nam, anh cảm nhận thấy có những người Pháp trên đất Pháp tốt và lịch sự hơn những tên thực dân Pháp ở Đông Dương. Tác giả Trần Dân Tiên đã gặp một nhân chứng cũ từng làm ở Marsell: "Theo địa chỉ ông Mai mách, anh Trần, người cộng tác trẻ của tôi, đến gặp ông Dân ở Nha Trang. Đây là những điều anh Trần ghi chép: Ông Dân 62 tuổi, chủ một cửa hàng nhỏ sạch sẽ và đông khách, nhà đông con. Ông ta tiếp tôi niềm nở và kể chuyện. Ông Dân có tài nãi. Ông bắt chuyện này sang chuyện khác rất thân tình. Kéo ông về câu chuyện mà tôi đặc biệt chú ý không phải là dễ. Nhưng sau tôi đã thành công.

-Có chứ, tôi còn nhớ anh Ba ấy. Chắc chắn tôi còn nhớ anh ta mặc dầu cách đây đã 31 năm.

Tôi ở với ông chủ của tôi ở Xanh Adoret (Saint Adresse), một ngoại ô của Havorơ, một hôm, ông chủ già dẫn về một người trẻ tuổi, gầy yếu, quần áo lôi thôi nhưng vẻ



lanh lợi. Tên anh ta là Ba. Ở nước ngoài mà gặp được một người đồng hương, thì lập tức người ta dễ trở thành bạn thân. Chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi ở một biệt thự có vườn hoa. Ông chủ già khi rảnh việc thì ở câu lạc bộ thành phố. Bà chủ thường đến nhà người con gái, vợ một nhân viên của công ty. Một bà nấu bếp là người tốt; nếu anh khéo nịnh thì bà ta cho anh ăn ngon, nhưng khi bà ta cáu thì như một cụ yêu tinh. Một cô sen xinh xinh hay làm dáng, có một "bà mẹ hay ốm" - "Bà mẹ ốm" chính là một chàng thủy thủ. Để đi gặp tình nhân, chị ta lừa chúng tôi luôn và nói là đi thăm mẹ ốm. Trong nhà tất cả là sáu người. Đồ đồng đánh bóng, đồ đạc lau xong, bàn ghế sạch bụi, thế là ông chủ bà chủ bằng lòng và rất tốt, luôn mồm một điều "con" hai điều "con". Nhưng phần lớn công việc do cô Sen làm. Chị ta muốn cho chóng xong để đi gặp "bà mẹ ốm". Vì vậy, chúng tôi có rất nhiều thì giờ rảnh. Anh Ba dùng thì giờ chăm bồn hoa với người làm vườn hoặc gỡ những tờ báo có ảnh trong tủ sách ra xem. Sau khi đến được ba ngày, anh hỏi tôi: "Anh Dân, anh có biết viết chữ quốc ngữ không?". Tôi hơi thẹn nhưng trả lời thành thật: "Không, tôi không biết". Anh Ba liền giảng giải và khuyến khích tôi học. Tôi làm theo lời anh. Anh Ba cũng thế, anh học tiếng Pháp với cô Sen. Ngày nay tôi đọc được và viết được chính là nhờ anh Ba. Để trả ơn, thỉnh thoảng tôi dẫn anh Ba đi xem chiếu bóng hoặc xem xiếc. Chúng tôi ở với nhau được độ một tháng. Một buổi chiều người chủ già đi làm về, nói với anh Ba: "Có một chuyến tàu đi vòng quanh châu Phi. Không có hành khách. Chỉ có hàng hóa. Anh có muốn nhận làm bồi cho các sĩ quan trên tàu ấy không? Họ không đông lắm đâu, và đều là những người tốt, anh sẽ thấy anh không đến nổi vất vả ở trên tàu. Đồng ý chứ?". Anh Ba vui vẻ nhận lời. Sau tôi nói với anh: "Ba ơi, khí hậu ở châu Phi rất nóng, nóng hơn ở bên ta. Và một chiếc thuyền chở hàng rất tròn trĩnh, rất dễ làm cho anh say sóng. Đi như thế anh đại đột lắm, nhất là một thân một mình, bầu bạn không có...". Anh Ba nói với tôi: "Anh không nên nói như thế. Tôi là thanh niên, tôi khỏe, tôi chịu được khổ. Và tôi muốn đi xem các nước". Ngày hôm sau anh Ba đáp thuyền đi, anh có viết thư cho tôi hai ba lần, kể cho tôi nghe vô số chuyện, nói đến người da đen, người Ả Rập, nói đến xứ Tenenipho, xứ Litbon, đến những con vẹt... Anh cũng cho biết là người nấu bếp trên tàu cũng là một đồng hương tên là Bốn...".

Không dừng lại ở Pháp, năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê cho một chiếc tàu của hãng Sácgiơ Rêuyni đi vòng quanh châu Phi, đã có dịp dừng lại ở những bến cảng của một số nước như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cònggô, Đahômây, Xênegan, Rêuyniông... Đến đâu anh cũng thấy cảnh khổ cực của người lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Tác giả Trần Dân Tiên tiếp tục gặp nhân chứng để có thêm tư liệu về anh Ba: "Tôi lại tìm đến ông Bốn. Tính tình ông Bốn hoàn toàn khác với ông Dân, và cũng không giống như anh Bốn trai trẻ mà ông Dân đã nói. Đây là một ông già hơn 60 tuổi, hiền lành. Với một giọng nhẹ nhàng, ông kể lại đời mình cho tôi nghe và những mối quan hệ giữa ông với anh Ba hồi ấy. Ông nói: "Lúc còn trẻ, tôi đi vòng quanh thế giới làm nghề nấu bếp ở trên tàu. Tôi kiếm được rất nhiều tiền. Nhưng tôi không gửi một xu nhỏ về cho gia đình. Tôi chạy theo một cô gái nhảy, có bao nhiêu nó nướng hết. Tôi đi nhiều, nhưng



tôi không thấy gì, không học gì. Tôi hoàn toàn dốt đặc, không biết đọc, chẳng biết viết. Một lần đi trên một chiếc tàu nhỏ chở hàng, tôi có người bạn là một đồng lương trẻ tuổi, tên là Ba. Sau những giờ làm việc, anh Ba viết và đọc sách. Chính anh đã khuyên tôi học chữ quốc ngữ. Anh Ba có một lối thuyết phục người rất giỏi. Nhờ những lời khuyên bảo và sự giúp đỡ của anh Ba, tôi trở nên một người khá. Chiếc tàu nhỏ rời Havơơ, đỗ lại ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi và những cửa bể Đông châu Phi cho đến Công gô. Đến đâu anh Ba cũng để ý xem xét. Mỗi lần tàu cập bến, thế nào anh Ba cũng kiếm cách đi thăm thành phố. Khi trở về, anh có những ảnh và những hộp diêm đầy túi. Anh Ba thích thu thập những thứ ấy. Đến Đaca, bể nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ, cũng không thể thả ca nô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn đi. Cảnh tượng ấy mọi người coi là thường. Nhưng điều đó làm cho anh Ba hết sức cảm động, anh khóc. Ngạc nhiên tôi hỏi tại sao, anh Ba buồn rầu trả lời tôi:

- Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất lung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen đều không đáng một xu.

Chiếc tàu của chúng tôi chở rượu ngon của Boócđô và Angiêri cho những thuộc địa thác. Tất cả mọi người trên tàu dùng rượu đó. Vì rượu rất nhiều. Tôi đã trông thấy nhiều thủy thủ say rượu suốt chuyến tàu. Chỉ cần dùi một lỗ nhỏ vào thùng rượu, ấn một ống cao su nhỏ vào đấy, hút thật mạnh và để đầu ống kia vào một cái chai. Và như hế tha hồ mà uống. Nhưng anh Ba không bao giờ uống rượu và khuyên tôi không nên làm như thế. Anh Ba rất tốt với mọi người và không bao giờ cãi cọ với ai. Nhưng anh Ba hơi khác thường. Mỗi ngày, anh dậy thật sớm để xem mặt trời mọc. Và trong những đêm trăng, anh hầu như không ngủ, anh đi đi lại lại trên tàu, ngắm trời ngắm bể. Chúng tôi đậu lại ở Teleripho vào lúc hoàng hôn. Bể lặng sóng, hòn đảo giống như một cái chụp đèn khổng lồ trên mặt bể, phía trên lóng lánh, phía dưới xanh xanh. Chỉ có thế thôi, mà anh Ba ngáy người. Anh nhắc đi nhắc lại: "Bón, anh nhìn kìa! Đẹp quá! Hùng vĩ quá!". Đến lúc trở về Havơơ, nhớ lời khuyên của anh Ba, tôi không đến thăm cô gái nhảy nữa. Tôi còn đi một vài chuyến, dành được ít tiền thì tôi trở về nước mở một cửa hàng nhỏ, và lấy vợ. Nghĩ đến tình bạn giữa chúng tôi, tôi đã đặt tên cho đứa con đầu lòng của tôi là Ba, điều đó làm cho những người chung quanh lấy làm lạ. Việc đó cách đây đã 30 năm. Ngày giờ đi chóng quá. Ông Bón ngừng lại. Tôi hỏi tiếp:

- Thế còn ông bạn Ba của ông, sau đấy đi đâu?
- Ba cũng rời chiếc tàu, nói là đi Anh.
- Tại sao đi Anh?



- Ba nói để học tiếng Anh.

- Thế ông có được tin tức của anh Ba không?

- Có, hai ba lần gì đấy, anh Ba kể cho tôi nghe đã gặp ở Luân Đôn một người đồng hương tên là Nam".

Nguyễn Tất Thành theo con tàu tiếp tục đi qua Máctiních (Martinique) (Trung Mỹ), Uruguay và Argentina (Nam Mỹ) và dừng lại ở nước Mỹ cuối năm 1912. Tại đây, anh có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản *Tuyên Ngôn độc lập* nổi tiếng trong lịch sử. Anh vừa đi làm thuê để kiếm sống vừa tìm hiểu đời sống của những người lao động Mỹ. Anh đã đến thăm quận Brúclin (Brooklyn) của thành phố Niu Oóc (New York). Anh đi xe điện ngầm đến khu Háclem (Harlem) để tìm hiểu đời sống và cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc của những người da đen. Với mục đích ra đi để tìm hiểu, do vậy, trong thời gian tàu đỗ hàng và cất hàng, Nguyễn Tất Thành đã tranh thủ lúc rỗi rãi đi xem xét nhiều nơi, từ những khu phố hoa lệ nổi tiếng thế giới với những ngôi nhà cao chọc trời ở Niu Oóc đến những ngôi nhà ổ chuột ở khu Háclem. Dừng chân ở nước Mỹ không lâu, Nguyễn Tất Thành đã sớm nhận ra bộ mặt thật của đế quốc Hoa Kỳ. Đằng sau khẩu hiệu "cộng hòa dân chủ" của giai cấp tư sản Mỹ là những thủ đoạn bóc lột nhân dân lao động rất tàn bạo. Anh cảm thông sâu sắc với đời sống, của người dân lao động da đen và rất căm giận bọn phân biệt chủng tộc, hành hình người da đen một cách man rợ kiểu *Linsơ*. Khoảng đầu năm 1913, Nguyễn Tất Thành theo tàu rời Mỹ trở về Lơ Havorơ, sau đó sang Anh. Đến nước Anh, để kiếm tiền sinh sống, anh nhận cào tuyết cho một trường học, rồi làm thợ đốt lò. Công việc hết sức nặng nhọc, nhưng sau mỗi ngày anh đều tranh thủ thời gian học tiếng Anh. Từ nước Anh, Nguyễn Tất Thành gửi thư liên hệ với cụ Phan Châu Trinh, lúc này đang ở Pháp thông báo tình hình sinh hoạt, học tập của mình, hỏi thăm tình hình người thân của cụ Phan. Trong thư, Nguyễn Tất Thành cũng bày tỏ và thăm dò ý kiến của cụ Phan về tình hình thời cuộc. Tác giả Trần Dân Tiên tiếp tục đi gặp nhân chứng và ghi lại những sự kiện trong thời gian này như sau: "Ông Thanh, thư ký công đoàn thủy thủ Vinh, giới thiệu tôi với ông Nam, một người làm bánh rán có tiếng trong thành phố, ở trong Ban Chấp hành Công đoàn cứu quốc hải ngoại. Sau khi chào hỏi, tôi đi ngay vào câu chuyện về anh Ba. Ông Nam kể: "Trước tôi làm việc ở tiệm ăn Caclotong, một tiệm sang có tiếng ở Luân Đôn. Người làm bếp độ trăm người đủ các hạng. Có cả người Pháp, người Anh, người Đức, người Nga, người châu Á và tôi là người Việt Nam. Chính ông Etcôpphie, ông vua đầu bếp, được huân chương danh dự, điều khiển nhà bếp. Về ông Etcôpphie, có một chuyện đáng kể lại: Tài nấu bếp của ông ta, thế giới đều biết. Những chủ quán lớn nhất trên thế giới trả tiền rất nhiều để mời ông ta làm chủ bếp. Khi có những yến tiệc lớn, người ta mời ông đến làm thức ăn và điều khiển nhà bếp. Lần vua Đức sang thăm Luân Đôn, vua Anh mời ông Etcôpphie phụ trách làm bữa tiệc, và tất nhiên với một số lương rất hậu. Ông già Etcôpphie kiêu hãnh trả lời: "Tôi người Pháp. Tôi không nấu ăn cho kẻ thù của dân tộc tôi".

"Vâng, bây giờ chúng ta nói chuyện anh Ba. Vào khoảng một năm trước đại



chiếm, một hôm, tôi gặp ở phòng lau chùi thìa, nĩa, một người Á Đông trẻ tuổi. Tôi không để ý đến anh ấy vì tôi tưởng anh ấy là người Trung Quốc. Đến ngày thứ ba, chính anh ấy đến nói chuyện với tôi bằng tiếng Việt Nam. Cố nhiên tôi rất sung sướng được gặp một người đồng hương. Từ ngày ấy, chúng tôi trở nên đôi bạn thân.

- Ai đưa anh đến đây, đến nước Anh? - Tôi hỏi anh Ba.

- Tôi đến đây một mình để học tiếng Anh.

- Hay đấy, nhưng tiếng Anh rất khó học. Tôi đã hai năm ở thành phố này mà không biết gì hơn ngoài hai chữ Yes và No (vâng và không).

- Phải học chứ. Chúng ta sẽ cùng nhau học.

- Trước khi đến đây, anh làm ở đâu?

- Hôm thứ nhất, tôi nhận việc cào tuyết trong một trường học. Một công việc rất mệt nhọc. Mình mấy tôi đâm mồ hôi mà tay chân thì rét cóng. Và cuộc đờc tuyết cũng rất khó khăn vì tuyết trơn. Sau tám giờ làm công việc này, tôi mệt lử và đói bụng. Ông hiệu trưởng là một người tốt. Ông ấy trả cho tôi cả ngày làm việc sáu đồng và vừa nói vừa cười: "Chính thế, công việc này quá síc anh".

"Hai ngày sau tôi tìm được một việc khác. Lân này thì phải đốt lò. Từ năm giờ sáng, một người nữa với tôi, chui xuống hầm để nhóm lửa. Suốt ngày chúng tôi đốt than, thay than trong lò. Ở đây thật đáng sợ. Luôn luôn ở trong cảnh tranh tối tranh sáng. Tôi không biết người ta làm gì ở tầng trên, vì không bao giờ tôi lên đấy. Người bạn tôi là một người âm thầm, có lẽ anh ta câm. Suốt hai ngày làm việc, anh ta không hề nói một tiếng, anh vừa làm việc vừa hút thuốc. Khi nào anh ta cần tôi làm việc thì anh ta ra hiệu. Nhưng không nói một tiếng. Trong hầm hết sức nóng, ngoài trời hết sức rét, và không có đủ quần áo, tôi bị cảm. Vì vậy, tôi nghỉ việc luôn hai tuần lễ. Với số tiền để dành, tôi trả tiền phòng, tiền bơ và bánh mỳ, và sáu bài học chữ Anh. Khi chỉ còn sáu hào rưỡi, tôi đến sở tìm việc ở Sôhô, và người ta đưa tôi đến đây.

"Công việc làm từ 8 giờ đến 12 giờ và chiều từ 5 giờ đến 10 giờ. Hàng ngày, buổi sáng sớm và buổi chiều, anh Ba ngồi trong vườn hoa Hayđơ (Hyde), tay cầm một quyển sách và một cái bút chì. Hàng tuần vào ngày nghỉ, anh đi học tiếng Anh với một giáo sư người Ý. Ba thường khuyên tôi nên học như Ba, nhưng tôi hết sức lười, bây giờ tôi mới tiếc. "Mỗi ngày có một người dọn dẹp đồ đạc. Những người phục vụ, sau khi dọn chỗ khách ăn, phải dọn bát đĩa bỏ tất cả chén bát và thức ăn lẫn lộn vào trong một cái thang điện đưa xuống bếp. Lúc bảy giờ người dọn dẹp phải để đồ đạc riêng một bên, bát đĩa để riêng một bên để người ta đem đi rửa. Khi đến lượt anh Ba, anh làm rất cẩn thận. Đáng lẽ vớt thức ăn thừa vào một cái thùng, đôi khi còn cả phần tư con gà, những miếng bít-tết to tướng... thì anh giữ gìn sạch sẽ và đưa lại cho nhà bếp. Chú ý đến việc này, ông già Etcôpphie hỏi anh: "Tại sao anh không quẳng thức ăn thừa vào thùng, như những người kia?"

- Không nên vứt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy.

- Ông bạn trẻ của tôi ơi, anh nghe tôi - Ông Etcôpphie vừa nói vừa cười và có vẻ



bằng lòng - *Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên, và tôi sẽ dạy cho anh cách làm bếp, làm ngon và anh sẽ được nhiều tiền. Anh bằng lòng chứ?*

Và ông Etcôpphie không để anh Ba phải rửa bát nữa mà đưa anh vào chỗ làm bánh, với một số lương cao hơn. Thật là một việc lớn xảy ra trong nhà bếp, vì chính là lần đầu tiên mà ông "vua bếp" làm như thế. Anh Ba rất giàu tình cảm. Một hôm, tôi gặp anh cầm một tờ báo và chảy nước mắt. Tôi hỏi anh vì sao buồn thế. Anh đưa cho tôi tờ báo và giải thích: "Anh xem đây. Đây là tin tức ông thị trưởng Coóc (Cook) một nhà đại ái quốc Ai Nhĩ Lan. Ông ta bị bắt và bị người Anh ở tù. Ông ta tuyệt thực. Không những ông không ăn uống, mà còn không nói năng, không cử động nữa. Ông nằm nghiêng một phía im lìm như thế hơn bốn mươi ngày. Da thịt và áo quần phía ấy thối hết. Và ông chết, chết vì Tổ quốc. Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Coóc sẽ không bao giờ đầu hàng. Chúng ta cũng thế, chúng ta có những người can đảm như ông thị trưởng Coóc. Anh có biết chuyện cụ Tống Duy Tân không? Tôi kể cho anh nghe: Cụ Tống Duy Tân là một nhà đại trí thức đấu tranh dũng cảm chống bọn xâm lược Pháp. Cụ bị bắt và nhốt trong một cái cũi để gửi đến Bộ Tổng tư lệnh Pháp. Ngồi trong cũi, Cụ vẫn làm thơ yêu nước. Khi hết giấy, cụ bẻ gãy quản bút, lấy cật tre làm dao, và mổ bụng, cắt ruột tự tử. Trong những tờ giấy tìm thấy trong cũi, cuối những bài thơ, người ta còn đọc những chữ: "Thà chết còn hơn đầu hàng". Tôi tôn kính tất cả những Tống Duy Tân. Tôi sùng kính tất cả các thị trưởng Coóc. Cái chết của họ làm cho Tổ quốc họ sống lại, lòng can đảm của họ là bất diệt. Đại chiến thế giới bùng nổ. Người Pháp ở Luân Đôn nhận được lệnh động viên. Nhiều người khóc, nhất là những người đàn bà Pháp. Người Đức bị bắt nhốt vào trại tập trung. Họ cũng khóc. Linh Anh bị đưa ra mặt trận, cha mẹ, vợ con họ đều khóc. Anh Ba đến nói với tôi: "Xin từ biệt anh Nam".

- Anh đi đâu?

- Tôi đi Pháp.

- Không nói chơi chứ? Nước Pháp đang có chiến tranh. Anh đến Pháp làm gì?

- Tôi đi xem. Tôi sẽ viết thư cho anh.

Anh Ba bắt tay tôi, chúng tôi hôn nhau. Và cứ thế anh Ba đi, không hành lý.

Chiến tranh tiếp tục. Linh Anh bị thương trở về. Cả những người lính nạn Bỉ cũng đến. Các công việc đều đình trệ. Loyd George lật đổ Asquish và lên làm thủ tướng. Số người nhà bếp của chúng tôi chỉ còn lại một nửa. Đồng vàng và đồng bạc không lưu hành ở Pháp nữa. Quân Đức đã tiến đến sông Marne. Nước Pháp bị ngạt thở vì khói lửa chiến tranh. Ở Anh, các thức ăn, thức dùng đều bị Chính phủ hạn chế. Sau khi rời Luân Đôn, anh Ba viết thư cho tôi. Đại ý thế này: "Tôi đã gặp nhà ái quốc Phan Chu Trinh. Anh biết không? Ông bị án tử hình. Nhờ hội Nhân quyền và ông Jaurès can thiệp, ông Phan được thả và sang Ba Lê. Tôi cũng gặp luật sư Phan Văn Trường và những người khác. Tôi nói với họ: Trong khi vua Duy Tân nổi dậy ở Huế, nhân dân Thái Nguyên và nhiều nơi khác khởi nghĩa, thì chúng ta phải làm gì chứ?". Từ ngày ấy, tôi không biết gì về anh Ba nữa".



Giữa lúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất diễn ra ác liệt, tình hình Đông Dương đang có những biến động, vào khoảng cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp để có điều kiện trực tiếp hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp. Trở lại Pháp, đến thành phố Pari, lúc đầu Nguyễn Tất Thành ở phố Saròn (Charonne) trong một thời gian ngắn; từ ngày 7 đến 11-6-1919 ở nhà số 10, phố Xtốckhôm (Stokholm); ngày 12-6-1919, chuyển đến ở nhà số 56 phố Moxiơlơ Poranhxơ (Monsieur le Prince); tháng 7-1919, ở nhà số 6, phố Vila đê Gôbơlanh (Villa des Gobelins), quận 13; ngày 14-7-1921, chuyển đến ở nhà số 12, phố Buyô; Trong tháng 7-1921, Nguyễn Tất Thành chuyển đến nhà số 9, ngõ Côngpoanh (Compoint), quận 17, một trong những khu lao động nghèo nhất của Thủ đô nước Pháp. Ngày 14-3-1923, anh đến ở nhà số 3, phố Mácsê đê Patoriacơ. Thời gian đầu khi tới Pari, chưa có giấy tờ hợp pháp, Nguyễn Tất Thành được các đồng chí trong Ban đón tiếp những người lao động nhập cư của Đảng Xã hội Pháp giúp đỡ. Trong khi chờ các đồng chí tìm cho giấy tờ quản dịch hợp pháp, anh phải sống ẩn náu, hạn chế đi lại để tránh sự kiểm tra của cảnh sát. Cuộc sống của anh lúc đó gặp rất nhiều khó khăn. Vừa hoạt động chính trị, vừa phải kiếm sống một cách chật vật, khi thì làm thuê cho một hiệu ảnh, khi thì vẽ thuê cho một xưởng "đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa", nhưng anh vẫn kiên trì, hăng say học tập và hoạt động. Anh thường xuyên gặp gỡ với những người Việt Nam ở Pháp, có tư tưởng và khuynh hướng tiến bộ như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường. Nguyễn Ái Quốc từng bước tham gia vào cuộc đấu tranh của phong trào công nhân và lao động Pháp. Tác giả Trần Dân Tiên đã viết như sau: *"Một người quen ông Nguyễn ở Pari đã cho chúng tôi nhiều tài liệu rất quý báu. Ông này đã nói với chúng tôi: Lúc ấy, ông Nguyễn là một người yêu nước quyết tâm hi sinh tất cả vì Tổ quốc; nhưng ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là Công hội, thế nào là bãi công và thế nào là chính đảng. Trong tất cả những tờ báo Pháp, chỉ có tờ "Dân chúng", cơ quan của Đảng Xã hội Pháp là đã in những lời yêu cầu của Việt Nam. Ông Nguyễn đến tòa báo. Chủ nhiệm báo, ông Giăng Lôngghê (Jean Longuet), cháu ngoại Các Mác và là nghị viên của Quốc hội Pháp, đã tiếp ông. Ông Nguyễn lấy làm lạ, vì chưa bao giờ ông ta được ai tiếp đón thân mật như thế. Ông Lôngghê gọi ông Nguyễn là đồng chí thân ái. Ông nói cho ông Nguyễn rõ tất cả cảm tình của ông đối với nhân dân Việt Nam. Ông khuyến khích ông Nguyễn viết bài và ông sẽ đăng lên báo "Dân chúng" để làm cho nhân dân Pháp hiểu rõ những sự bất công xảy ra ở Việt Nam. Có thể nói rằng, cuộc gặp gỡ ấy đã mở đường cho sự hiểu biết chính trị của ông Nguyễn. Nó cũng đã làm cho ông Nguyễn hiểu rõ nhân dân Pháp. Ông Nguyễn không đủ tiếng Pháp để viết và phải khẩn khoản yêu cầu ông Phan Văn Trường viết thay. Ông Trường viết giới, nhưng không muốn kí tên. Mà chính ông Nguyễn đã phải kí tên những bài báo. Nhược điểm về tri thức làm cho ông Nguyễn rất khó chịu. Nhất là ông Trường không viết tất cả những điều ông Nguyễn muốn nói. Vì vậy, ông Nguyễn bắt tay vào việc học làm báo. Thường lui tới*



tòa báo "Dân chúng", ông làm quen với những người Pháp khác trong đó có chủ bút tờ "Đời sống thợ thuyền". Cũng như ông Lôngghê, người chủ bút này cũng rất đáng mến. Ông bảo ông Nguyễn viết tin tức cho tờ báo của ông. Biết rằng không thể nhờ ông Trường viết mãi, ông Nguyễn nói thật là mình còn kém tiếng Pháp. Người chủ bút nói: "Điều đó không ngại; có thể nào anh viết thế ấy. Tôi sẽ chữa bài của anh trước khi đưa in. Anh không cần viết dài, năm, sáu dòng cũng được". Ông Nguyễn bắt đầu viết rất khó khăn. Tin tức về Việt Nam, ông Nguyễn không thiếu, ông thiếu nhất là văn Pháp, ông Nguyễn viết làm hai bản, gửi cho tòa báo một bản; giữ lại một bản. Ông hết sức vui sướng khi thấy bài viết đầu tiên của mình được đăng lên báo. Ông đọc lại bài báo đã in, so sánh và sửa chữa chỗ viết sai. Ông kiên nhẫn làm theo cách ấy. Khi thấy viết đã bớt sai lắm, ông chủ bút bảo ông Nguyễn: "Bây giờ anh viết dài hơn một tí, viết độ bảy, tám dòng". Ông Nguyễn viết bảy, tám dòng. Dần dần ông Nguyễn có thể viết cả một cột báo và có khi dài hơn. Lúc bấy giờ, người chủ bút, bạn thân của ông Nguyễn khế bảo: "Bây giờ anh viết ngắn lại. Viết từng này hoặc từng này dòng. Không viết dài hơn". Ông Nguyễn thấy rằng phải rút ngắn cũng khổ như trước kia phải kéo dài. Nhưng cũng hết sức cố gắng. Và ông thành công. Ông bắt đầu vào làng báo từ đó.

Về văn học, ông Nguyễn thích đọc Sếchxpia (Shakespeare), và Díchken (Dickens) bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa và Huygô (Hugo), Đôla (Zola) bằng tiếng Pháp, Anaton Phơrăngxơ (Anatole France) và Lêông Tônstôi (Léon Tolstoi) có thể nói là những người đỡ đầu văn học cho ông Nguyễn. Đọc những truyện ngắn của Anaton Phơrăngxơ và của Tônstôi, ông Nguyễn thấy hứng thú về văn chương giản dị và tự nhiên: "Người ta chỉ cần viết điều gì về người ta thấy và cảm, bằng cách nắm lấy màu sắc và hoạt động của sự vật, như thế thì viết cũng không khó lắm". Truyện ngắn đầu tiên của ông Nguyễn được đăng trên báo "Nhân đạo" làm hai kì. Ông Nguyễn tả đời sống thợ thuyền ở Pari mà cũng là đời sống của ông lúc đó. Tòa báo đã trả bài này một trăm quan, đây là một số tiền lớn lúc bấy giờ. Đó là một thành công lớn về hai mặt: văn chương và tài chính. Thành công đầu tiên này đã khuyến khích ông Nguyễn viết những truyện ngắn khác. Ngoài việc tả lại đời sống thợ thuyền Pari, ông thường viết về các thuộc địa và đặc biệt là Việt Nam, không có một phút nào ông quên Tổ quốc mình đang bị giày xéo và đồng bào mình đang bị áp bức. Ông Nguyễn chỉ viết một quyển sách duy nhất là quyển *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Tác phẩm này gồm những tài liệu chống thực dân Pháp, trích trong những sách của người Pháp viết để ở thư viện quốc gia. Đây hăng hái, ông Nguyễn viết cả một vở kịch *Rồng tre*. Đại ý vở kịch như thế này: có những cây tre thân hình quần quẹo. Những người chơi đồ cổ lấy về đeo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi. Là con rồng nhưng thật ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre, nhưng lại hãnh diện có tên là hình dáng con rồng. Tuy vậy nó chỉ là một quái vật vô dụng. Ông Nguyễn viết vở kịch này vào dịp vua Khải Định sang Pháp để dự triển lãm



thuộc địa. Vở kịch bị chính phủ Pháp cấm, nhưng Câu lạc bộ ngoại ô Pari đã đem diễn, được các nhà phê bình văn nghệ khen hay. Trong thời gian ở Pari, ông Nguyễn sống rất cực khổ. Để kiếm tiền, ông Nguyễn làm nghề rửa ảnh và phóng đại ảnh. Chính cụ Phan Chu Trinh đã dạy cho ông Nguyễn nghề này. Ông làm cả nghề sơn vẽ đồ cổ. Ở Pari, có nhiều nhà làm giả đồ cổ Trung Quốc, họ làm đồ gỗ, bình phong và những vật khác bắt chước theo kiểu Trung Quốc. Họ sơn bằng sơn Nhật và vẽ hoặc viết những chữ ngoằn ngoèo giả chữ Trung Quốc. Những bà quý tộc già, những người trọc phú rất ham chuộng những vật ấy, không biết là đồ giả và mua rất đắt. Công việc sơn vẽ giả đồ cổ Trung Quốc rất dễ cho ông Nguyễn. Không may đấy chỉ là một công việc hàng mùa, mỗi năm chỉ làm vài tháng.

Sự hoạt động chính trị của ông Nguyễn được cảm tình sâu sắc của những người Việt Nam yêu nước, đó là sự dĩ nhiên. Vì lần đầu tiên trong lịch sử, có một người Việt Nam tuyên bố trước toàn thế giới chủ trương giành độc lập cho dân tộc mình, lần đầu tiên trong lịch sử, có một người Việt Nam dám bóc trần những tội ác của bọn thực dân Pháp ngay ở Pari và cũng chính vì vậy mà ông Nguyễn bị bọn thực dân thù ghét. Người ta rình mò ông Nguyễn. Người ta nói xấu ông, người ta tẩy chay ông. Người ta bảo bọn chủ không nên dùng ông. Người ta cố tình mua chuộc ông, người ta kiếm cách dọa dẫm ông. Anh Xarô (Albert Sarraut) bộ trưởng Bộ thuộc địa và Pic Patkiê (Pierre Pasquier) toàn quyền Đông Dương mời ông Nguyễn đến nói chuyện và Tổng giám đốc cảnh sát đã thu giấy căn cước của ông Nguyễn. Suốt trong thời gian Khải Định ở lại Pháp, ông Nguyễn ngày đêm bị hai tên mật thám theo dõi không rời một bước. Ông không để ý đến những việc ấy. Mặc dầu đời sống nghèo nàn, lại bị rầy rà về chính trị, ông Nguyễn vẫn không nao núng. Mỗi buổi mai, ông Nguyễn nấu cơm trong một cái sanh nhỏ bằng sắt tây đặt trên ngọn đèn dầu. Với một con cá mắm hoặc một tí thịt. Ông ăn một nửa và để dành một nửa đến chiều. Có khi một miếng bánh mì với một miếng pho-mát là đủ ăn cả ngày. Ông trọ ở một phòng nhỏ trong một khách sạn rẻ tiền ở xóm lao động. Phòng chỉ vừa kê một cái giường sắt chập, một cái bàn nhỏ và một cái ghế. Chỉ thế thôi, không có gì khác. Về mùa đông lạnh, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, ông để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn. Chiều đến, ông lấy viên gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống nệm cho đỡ rét”.

Khoảng đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành vào Đảng Xã hội Pháp. Khi được hỏi vì sao vào Đảng, anh trả lời: Vì đây là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: "Tự do, Bình đẳng, Bác ái". Năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Ngày 18-6-1919, đại biểu các nước đế quốc tham gia chiến tranh họp Hội nghị ở Vécxây (Versailles) (Pháp). Hội nghị này còn gọi là Hội nghị hoà bình Pari, nhưng thực chất đó là nơi chia phần giữa các nước đế quốc thắng trận và trút hậu quả chiến tranh lên đầu nhân dân các nước thua trận và các dân tộc bị áp bức. Thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Nguyễn Tất Thành cùng Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường thảo ra bản *Yêu sách của nhân dân An*



Nam gửi tới Hội nghị đến Vécxây. Bản *Yêu sách* gồm tám điểm, dưới bản *Yêu sách*, Nguyễn Tất Thành ký tên: Nguyễn Ái Quốc. Đây là lần đầu tiên tên gọi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện. Nguyễn Ái Quốc tới lâu đài Vécxây gửi bản *Yêu sách* cho văn phòng Hội nghị, sau đó lần lượt gửi bản *Yêu sách* đến các đoàn đại biểu các nước Đồng minh dự Hội nghị. Hầu hết các đoàn đại biểu đều có thư trả lời Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Ái Quốc còn tự tay viết *Yêu sách* bằng hai thứ chữ: một bản bằng chữ quốc ngữ theo thể văn vần, nhan đề *Việt Nam yêu cầu ca* và một bản chữ Hán nhan đề *An Nam nhân dân thỉnh nguyện thư*. Anh đến Nhà in Sác-păng-chiê, số 70 phố Gô-bơ-lanh, bỏ tiền túi của mình thuê in 6000 bản "*Yêu sách của nhân dân An Nam*" để phân phát trong các cuộc hội họp, mít tinh, phát đi nhiều nơi và bí mật gửi về Việt Nam. Thực dân Pháp bắt đầu chú ý tới người có tên Nguyễn Ái Quốc. Trong một lần đến theo dõi buổi nói chuyện ở Hội trường Hooctiquyntơ tại Pari, viên mật thám Pháp Paul Arnoux chuyên theo dõi người Việt Nam sống ở Pari, tận mắt chứng kiến Nguyễn Ái Quốc đang phân phát truyền đơn in bản *Yêu sách* cho những người có mặt, đã phải thốt lên dự cảm: "Con người thanh niên mạnh khỏe và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt chữ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương". Tác giả T.Lan (bút danh của Bác Hồ) kể lại trong cuốn *Vừa đi đường, vừa kể chuyện*:

Hồi đó Bác trọ nhờ nhà luật sư Phan Văn Trường ở Pari. Buổi sáng thì đi làm nghề tô ảnh phóng đại để lấy tiền ăn. Buổi chiều thì hoạt động cách mạng. Chính phủ Pháp cho hai tên mật thám đêm ngày theo dõi Bác.

Chính phủ Pháp lúc đó do Poanhcacê cầm đầu. Y là một người cực kỳ phản động. Chính y đã chủ trương đánh Cách mạng Nga. Khi quân sự đã thất bại, y chủ trương tẩy chay kinh tế Nga. Trong một cuộc tổng tuyển cử hạ nghị viện Pháp, y đã cho dán khắp cả nước bức vẽ tuyên truyền chống cộng, dưới nhan đề là "Bôn-sê-vích hai hàm răng ngậm dao". Trong bức vẽ thì phía sau là những ngôi nhà đang cháy ngùn ngụt; phía trước là một người "Bôn-sê-vích", mặt mũi rất dữ tợn, miệng ngậm một cái dao đâm máu, tay xách cái đầu của một người đàn bà... Vài năm sau, chính Poanhcacê đã chủ trương chiếm đóng khu hầm mỏ Rúa của nước Đức. Đảng Cộng sản Pháp đập lại Poanhcacê một vố cũng khá nặng. Số là Poanhcacê trong khi đến thăm một nghĩa địa có hàng nghìn mộ lính Pháp, thì Poanhcacê nhăn răng cười. Đảng Pháp lấy được bức ảnh đó, cho in ra hàng triệu tấm, dưới nhan đề "Poincarré qui rit" (nghĩa là Poanhcacê nó cười) và bán khắp nước Pháp. Bức ảnh đó đã gây nên một phong trào sôi nổi chống Poanhcacê.

Một buổi trưa đi làm về, bà già giữ nhà đưa cho Bác một bức thư. Quái! Xưa nay Bác chưa hề nhận thư gửi đến địa chỉ này. Vì để phòng mật thám, thư từ anh em cho tin tức hoặc bàn công việc đều gửi đến các nhà bạn quen của Bác. Mở thư xem, thì ra của quan thượng thư thuộc địa mời Bác đến gặp. Cách vài hôm sau, Bác đi gặp y.

Trong phòng khách của bộ thuộc địa, một bảy người Pháp "tai to mặt lớn" đang



nhô nhô chờ đến phiên mình được "quan thượng" gọi vào. Nhưng Bác không phải chờ, vừa đến thì liền có ông già mang xiềng bằng bạc (người truyền đạt ở các cơ quan cấp cao) mời vào ngay.

Một gian phòng rộng rãi và lộng lẫy, trưng bày đầy những đồ xa xỉ vật quý mang từ các thuộc địa về. Quan thượng thư, đầu hói như quả bưởi, một mắt mang kính trắng, "uy phong lẫm lẫm" ngồi chễm chệ bên một cái bàn rất rộng và chất đầy giấy tờ. Thấy Bác vào, ông ta đứng dậy bắt tay và mời ngồi một cách lễ độ giả dối.

Hai người ngồi đối mặt nhau.

Một người thì đại biểu của chế độ đế quốc thực dân Pháp đang áp bức bóc lột Việt Nam.

Một người là tượng trưng của nhân dân Việt Nam đang bị Pháp đô hộ một cách tàn nhẫn.

Y thì nắm trong tay cả quyền binh kinh tế, chính trị, quân sự, cảnh sát, tòa án, trại giam... ở các thuộc địa Pháp.

Bác là một trong 50 triệu người thuộc địa đang bị bọn thực dân Pháp bắt làm nô lệ.

Y có quyền bắt giải Bác về Việt Nam, gán cho tội tuyên truyền cộng sản, rồi đưa lên máy chém (Triều đình Việt Nam đã vâng lệnh Pháp mà xử án Bác vắng mặt).

Bác thì chỉ dựa vào lực lượng của chính nghĩa và cảm tình của giai cấp công nhân Pháp, nhất là công nhân Pari.

Hai giai cấp, hai chế độ ngồi đối mặt nhau. Thế nhưng Bác cảm thấy ông ta sợ Bác, vì sợ cách mạng; và đoán biết rằng ông ta cũng cảm thấy Bác không sợ ông ta, vì cách mạng không sợ cái chế độ do ông ta đại biểu.

Thượng thư thuộc địa mắt thì nhìn Bác chăm chăm, tay thì vẽ trên bàn, miệng thì nói như phun ra lửa. Y nói đại ý như sau:

"Hiện nay có những kẻ ngông cuồng hoạt động ở Pháp. Họ liên lạc với bọn Bôn-sê-vích ở Nga. Từ Nga họ liên lạc với Quảng Đông. Và từ Quảng Đông họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết rõ hết những dây liên lạc đó! Họ âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương và chống đối lại nhà nước bảo hộ. Nước mẹ Đại Pháp rất khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn... Nước mẹ Đại Pháp đủ sức để bẻ gãy họ, như thế này...".

Nói đến đó, y vẻ mặt hầm hầm, hai tay nắm lại và làm như đang bẻ những vật gì rất cứng rắn - những người cách mạng Việt Nam...

Bác cứ giữ thái độ ung dung, cứ mỉm cười, để mặc y nói.

Cái mỉm cười trước những lời đe dọa làm cho thượng thư thuộc địa càng bức, càng sợ. Khi ông ta tạm dứt lời, Bác hỏi: "Ngài nói xong rồi chứ?"

Là một nhà chính trị cáo già, ông ta đổi giọng và nói một cách ôn tồn:

"Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn



phải "thức thời" mới ngoan. Ô này! khi nào ông có cần gì tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo.....".

Bác nói: "Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập... Kính ngài ở lại, tôi xin phép về".

Trên đường về, ngồi trong xe điện dưới hầm (mét-rô), Bác cười trong bụng: "Con cáo già thuộc địa đã đoán trúng ý định của mình!"



Nguyễn Ái Quốc ở Pháp năm 1920

Từ yêu cầu thực tiễn đấu tranh, Nguyễn Ái Quốc thấy cần phải học viết báo để tố cáo tội ác của thực dân Pháp. Phong trào công nhân và Chủ nghĩa xã hội ở Pháp đã đưa anh đến với hoạt động báo chí. Trong hai năm 1919, 1920, Nguyễn Ái Quốc đã viết 5 bài báo. Bài đầu tiên là *Vấn đề bản xứ*, đăng trên báo *Nhân đạo* (*L'Humanité*), ngày 2-8-1919. Bài báo nhắc lại những nội dung chính bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi Hội nghị Vécxây, tháng 6-1919, khẳng định nguyện vọng đó của nhân dân Việt Nam là chính đáng; đồng thời tố cáo, lên án những chính sách cai trị cùng các thủ đoạn đàn áp, cướp bóc của thực dân Pháp ở Đông Dương và tin tưởng rằng nhân dân tiến bộ Pháp sẽ đồng tình, ủng hộ cuộc đấu tranh vì tự do và công lý của nhân dân Việt Nam.



Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội đảng Xã hội Pháp (12/1920)

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Đầu năm 1919, Lênin và những người theo chủ nghĩa Mác ủng hộ lập trường của Lênin họp Đại hội ở Mátxcơva, thành lập Quốc tế thứ ba tức Quốc tế Cộng sản. Quốc tế Cộng sản đã kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin được Đại hội lần thứ hai Quốc tế Cộng sản họp năm 1920 thông qua, đã vạch ra đường lối cơ bản cho phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Lần đầu tiên trên báo *Nhân đạo* ngày 16 và 17-7-1920 đã đăng *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Tên đầu bài có liên quan đến vấn đề thuộc địa lập tức thu hút sự chú ý của Nguyễn Ái Quốc. Luận cương của Lênin đã giải đáp cho Nguyễn Ái Quốc con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào. Sau này, khi kể lại sự kiện quan trọng đó, Người nói: "*Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!*"

Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp họp từ ngày 25 đến 30-12-1920, tại thành phố Tua (Pháp), đã tranh luận gay gắt về việc gia nhập Quốc tế thứ ba hay ở lại Quốc tế thứ hai, thành lập Đảng Cộng sản, hay giữ nguyên Đảng Xã hội. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội với tư cách là đại biểu chính thức và duy nhất của các nước thuộc địa Đông Dương.



Tại phiên họp buổi chiều ngày 26-12-1920, Nguyễn Ái Quốc được mời phát biểu. Trong lời phát biểu, Người lên án chủ nghĩa đế quốc Pháp, vì lợi ích đã dùng lưỡi lê chinh phục Đông Dương và trong suốt nửa thế kỷ qua, nhân dân Đông Dương không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã mà còn bị hành hạ và đày đọa một cách thâm hiểm. Bằng những sự thật, Nguyễn Ái Quốc tố cáo sự tàn bạo mà bọn thực dân Pháp đã gây ra ở Đông Dương, và cho rằng: "*Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức*", rằng "*Đảng phải tuyên truyền Chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa... đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa...*". Nguyễn Ái Quốc kết thúc bài phát biểu bằng lời kêu gọi thống nhất: "*Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi!*".

Tại Đại hội lịch sử này, cùng với những người cách mạng chân chính của nước Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế thứ ba (Quốc tế Cộng sản), trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, và Người cũng trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đó là một sự kiện chính trị vô cùng quan trọng trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và trong lịch sử cách mạng nước ta. 40 năm sau nhìn lại sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "*Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ Xã hội chủ nghĩa*".

Đánh giá cao sức mạnh của nhân dân thuộc địa và vai trò của những người cộng sản trong việc tập hợp và tổ chức quần chúng đấu tranh để giành độc lập dân tộc, trong hai bài *Đông Dương*, đăng trên tạp chí *La Revue Communiste*, số 14 (4-1921) và số 15 (5-1921) Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "*Đảng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến. Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi. Đồng thời, Người nhấn mạnh vai trò của cách mạng thuộc địa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản thế giới. Theo Người: "Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.*"

Sau ngày 14-7-1921, Nguyễn Ái Quốc rời số 6, Vila de Gôbolanh đến ở trong căn phòng rộng 9 m², gác 2, nhà số 9, ngõ Côngpoanh, quận 17, Pari. Mặc dù chật hẹp, nhưng nơi đây đã trở thành một trung tâm mới, thu hút những người Việt Nam



yêu nước. Ngày 12-12-1921, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội Đảng bộ quận Xen (Seine), nơi Người cư trú và được bầu là đại biểu chính thức dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I Đảng Cộng sản Pháp, họp từ ngày 25 đến 30-12-1921 tại Mácxây. Đại hội bầu Nguyễn Ái Quốc làm phụ tá của Chủ tịch Đại hội. Nguyễn Ái Quốc phát biểu cảm ơn các đại biểu đã quan tâm đến những người bản xứ, qua đó Người khẳng định: *"Chỉ có trong chủ nghĩa cộng sản người ta mới thấy tình hữu ái thực sự và quyền bình đẳng, và cũng chỉ có nó chúng ta mới có thể thực hiện sự hoà hợp và hạnh phúc ở chính quốc và ở các thuộc địa"*.

Sau Đại hội, Nguyễn Ái Quốc đề nghị Ban lãnh đạo Đảng thành lập Ban Nghiên cứu thuộc địa, có nhiệm vụ giúp Đảng cập nhật thông tin về tình hình các thuộc địa, đề xuất các chính sách đấu tranh với giai cấp tư sản và bọn thực dân, thiết thực giúp đỡ và phối hợp đấu tranh với các dân tộc thuộc địa v.v... Ý kiến này được chấp thuận và Nguyễn Ái Quốc được chỉ định tham gia Ban đó.

Tiếp đó, Nguyễn Ái Quốc lại được cử đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Cộng sản Pháp, họp ở Pari, từ ngày 21 đến 24-10-1922. Tại Đại hội này, vấn đề thuộc địa vẫn không có trong chương trình nghị sự. Trên diễn đàn của Đại hội, Nguyễn Ái Quốc lên tiếng phê bình Đảng Cộng sản Pháp chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa. Theo đề nghị tích cực của Nguyễn Ái Quốc, Đại hội biểu quyết thông qua: *Lời kêu gọi những người bản xứ ở các thuộc địa do Ban Nghiên cứu thuộc địa đệ trình, trong đó nhấn mạnh: "Vì hoà bình thế giới, vì tự do và sự no ấm của mọi người, những người bị bóc lột thuộc mọi nòi giống, chúng ta hãy đoàn kết lại và đấu tranh chống bọn áp bức"*. Sau đó, lời kêu gọi đã được viết rút gọn bằng tiếng Việt, in thành truyền đơn và bí mật gửi về Việt Nam.

Thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc tham gia sinh hoạt câu lạc bộ Phôbua, do Léo Pônđex (Léo Poldes), một trí thức tiến bộ Pháp sáng lập và lãnh đạo, với nhiều nội dung phong phú và bổ ích. Nguyễn Ái Quốc tham dự khá đều đặn các chương trình, sinh hoạt của câu lạc bộ và tham gia: Hội nghệ thuật và khoa học, Hội những người bạn của nghệ thuật, Hội du lịch, để có điều kiện đi tham quan các bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật, và nhiều nơi ở Ý, Thụy Sĩ, Đức, để có điều kiện khảo sát thực tế và tăng thêm sự hiểu biết. Câu lạc bộ Phôbua, nơi Người thường xuyên tham gia sinh hoạt đã tổ chức trình diễn vở kịch *Con rồng tre* do Người sáng tác, nhằm đả kích tên vua bù nhìn Khải Định, khi hấn sang Pháp dự Hội chợ thuộc địa tại Mácxây (6-1922). Đồng chí Bùi Lâm, một người thủy thủ Việt Nam nhớ lại: *"... Tháng 7-1922, tôi vừa đi Nam Mỹ về, thì một đồng chí người Pháp phụ trách công đoàn đưa cho xem mấy tờ báo. Báo Người cùng khổ do ông Nguyễn Ái Quốc làm. Tôi đọc mê man, ngón ngấu, người rần rật như có lửa đốt bên trong. Đọc xong liền vùng chạy đi tìm anh em mình đọc nghe chung. Cả lũ chúng tôi ai cũng ứa hai hàng nước mắt. Những bài báo ngắn gọn sao lại có thể khuấy động tâm hồn của người mất nước, của người lao khổ bị áp bức, bóc lột đến như thế. Những*



bài báo đọc lên cứ thúc người ta hành động. Nhưng chúng tôi không hiểu nên hành động như thế nào. Chợt nảy ra ý đi tìm ông Nguyễn Ái Quốc. Anh em bàn nhau rồi cứ tôi đi. Trước đây, riêng tôi đã định đi tìm ông Nguyễn nhưng không biết địa chỉ, cứ sợ về Pari như chim chích vào rừng. Lần này anh em cứ đi, lại nắm chắc lấy tờ báo Người cùng khổ, tôi hăng lắm, không sợ gì cả, hăm hở lên đường ngay. Hình như ở Pari, ông Nguyễn Ái Quốc đã biết chúng tôi sẽ đến tìm và có ông thì chẳng ngại cái gì nữa.

Ngồi xe lửa đi. Mười một giờ trưa tới Pari, ở ga xuống, gặp bất kỳ ai là người da vàng tôi cũng chìa địa chỉ báo Người cùng khổ ra hỏi đường. Tôi nghĩ người da vàng là người thuộc địa, người thuộc địa ở Pari không ít thì nhiều cũng biết báo Người cùng khổ. Quả nhiên, nhiều người chỉ đường cho tôi. Tôi lần đến đường Mácsêđê Patoriacsơ (Marché des Patriarches) ở quận 6. Phố này cổ. Tòa báo Người cùng khổ ở phố này, trước cái chợ bán các thứ nhí nhằng. Ngoài cửa tòa báo có một hòm thư dán cái dấu để nhỏ nhỏ của báo. Tòa báo ở tầng dưới cùng, chỉ có hai gian vừa phải. Hai người Bắc Phi đang hí húi làm việc, xé phong bì, viết lách, đập xóa.

Hai người niềm nở mời tôi ngồi chờ rồi tiếp tục làm việc. Tôi nghe thỉnh thoảng họ lại hỏi nhau bằng tiếng Pháp: "Cái này đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã xem chưa?". "Cái này đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã duyệt rồi?"... Xem ý rất kính đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Ngồi đợi, tôi đưa mắt nhìn tòa báo. Một cái bàn gỗ dài, mộc mạc, trên mặt bày la liệt từng chồng báo các thứ tiếng: Anh, Pháp, Đức... mấy cái ghế và một bản đồ thế giới khổ lớn treo trên tường. Tôi nhẹ nhàng đi lại gần xem. Ở chỗ Việt Nam, vết tay người và nét bút chì đã làm cho màu xỉn và bóng lại. Có người thường xuyên đứng suy nghĩ về dải đất này đây! Bất giác tôi cũng đứng lặng một hồi. Việt Nam xa Pari quá. Đồng bào mình bây giờ ra sao?

Chờ mãi, chờ mãi. Đến năm giờ chiều, hai người Bắc Phi bảo cho tôi biết hôm nay đồng chí Nguyễn Ái Quốc không đến tòa báo và cho tôi địa chỉ ở phố Gôbolanh (Rue des Gobelins) quận 13, cách tòa báo khoảng hơn một cây số. Gôbolanh có nghĩa là tám thảm. Phố này thời xưa có lẽ dẹt thảm. Bây giờ thì những người bình thường ở. Tôi đến phố Gôbolanh, tìm tới nhà số 6, leo lên tầng hai. Tôi hồi hộp lắm. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người thế nào và đồng chí sẽ đối xử với tôi ra sao? Tôi giơ tay gõ cửa. Có tiếng giấy lại gần và cửa mở. Một người trạc ba mươi, ba mươi hai gì đó, cao, gầy, trắng trẻo đứng trước mặt tôi tươi cười:

- Anh tìm ai? (lúc ấy tôi còn trẻ lắm, chưa đến 20).
- Tôi tìm... ông Nguyễn Ái Quốc!
- Tôi đây! Mời anh vào!

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang đứng trước mặt tôi, đang tươi cười thân mật mở rộng cửa mời tôi vào. Tôi nhớ lúc ấy tôi có đứng sững lại giây lát, để nhìn kỹ thêm đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem người ra mở cửa lúc chửa tự giới thiệu với người bây giờ vẫn là một hay là hai. Vẫn là một, vẫn dáng người cao, dong dong gầy trong bộ



quần áo dạ đen đã cũ và đặc biệt đôi mắt to, sáng lạ lùng ấy. Tôi theo đồng chí Nguyễn Ái Quốc vào nhà, thoải mái tự nhiên ngay, không rụt rè nữa. Đây là căn buồng một người ở, bày biện hết sức đơn sơ. Ở góc buồng kê một cái bàn. Rất nhiều sách, báo, tạp chí. Cạnh đó là một cái giường sắt và một cái tủ đứng nho nhỏ. Vẻn vẹn có thế. Nhưng căn buồng sạch sẽ, sáng sủa, thân mật khác thường.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc hỏi quê tôi ở đâu, đến có việc gì..., tàu biển bao lâu đi một chuyến, có vất vả không, sinh hoạt thế nào. Lúc ấy, tôi mới biết đồng chí trước cũng là công nhân làm tàu. Thảo nào nói đúng tiếng trong nghề mình. Đồng chí đi đã lắm, phần lớn những nơi tôi tới đồng chí đều thông tỏ cả. Đồng chí không giới thiệu ra đâu nhưng nghe cách hỏi thăm cái phố, cái sá, là đủ rõ. Đặc biệt đồng chí rất để ý đến đời sống của nhân dân các nước ấy. Rồi chúng tôi nói sang chuyện đất nước. Biết tôi ra đi ở Sài Gòn, chợ Bến Thành, bến tàu, anh em khuân vác, xe thổ mộ... Đôi mắt trầm ngâm, đồng chí hỏi tôi tỉ mỉ từng cái nhỏ và nghe chăm chú. Chuyện trò thân mật, thời gian đi nhanh quá, một loáng đã chín giờ tối. Tôi phải cáo từ ra về. Đồng chí hẹn tôi sáng sau, chủ nhật, đến nữa.

Tôi về nhà trọ nằm nghĩ mãi. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc có tiếng tâm như thế mà giản dị, khiêm tốn, thân mật vô cùng. Gặp đồng chí, tôi càng thêm kính phục và cảm động. Những người đi biển chúng tôi rất quý người chỉ huy giỏi và hiểu giá trị người chỉ huy giỏi. Gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy tin đồng chí một cách đặc biệt, như chưa bao giờ tôi tin ai như thế. Với đồng chí Nguyễn Ái Quốc thì vào giông và bão cũng không ngại. Đồng chí có sức hấp dẫn lạ thường. Ai đã gặp đồng chí là cứ muốn gặp mãi, muốn được ở bên đồng chí mãi.

8 giờ sáng hôm sau tôi lại đến. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chờ tôi, vẫn bộ quần áo dạ đen xuềnh xoàng hôm qua để dắt tôi đi chơi Pari. Chúng tôi ra phố, đi vòng vèo rất nhiều đường, qua cái phố Mônggiờ (Monges) dài lắm, chúng tôi cứ kéo bộ miết. Tôi để ý thấy đôi giày của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã cũ, là loại đế rất cao, có cổ để đi bộ lâu mòn, lâu hỏng. Vừa đi vừa nói chuyện, độ gần một giờ sau, đồng chí dắt tôi vào một phòng triển lãm hội họa. Thú thật lúc đó còn trẻ tôi không hiểu hội họa nên cũng không thích lắm. Nhưng đi với đồng chí Nguyễn Ái Quốc là thú rồi. Phòng triển lãm bày đến mấy trăm bức họa và rất đông người xem. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc quen nhiều lắm. Luôn luôn thấy có người lại bắt tay hoặc gật đầu chào đồng chí. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem tranh rất lâu, rất kỹ, ngắm từng bức và bình phẩm với các bạn Pháp lúc đó cùng xem với đồng chí. Những lời bình phẩm tỏ ra đồng chí rất hiểu văn hóa Pháp, rất sành nghệ thuật. Các bạn Pháp gật gù rồi trao đổi ý kiến với đồng chí. Tôi đứng nghe, thấy hay, cũng dăm ra chú ý ngắm tranh hơn. Tôi nhớ có bức tranh của đồng chí Vayăng Cutuyriê, đồng chí Nguyễn Ái Quốc xem đi xem lại mãi. Mấy năm sau này, tôi về Pari làm thợ in ở xưởng của lão tư bản Đănggông, xưởng này in cho báo Nhân đạo và báo Việt Nam hôn, tôi vẫn thường gặp đồng chí Cutuyriê. Thật là một người trí thức hiểu rộng,



khiêm tốn, vui vẻ, hết sức quan tâm đến các nước thuộc địa. Lúc ấy tôi mới biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc và đồng chí Cutuyriê là bạn thân của nhau. Xem hai tiếng đồng hồ, đến 11 giờ trưa. Điện Păngtông ở ngay trước phòng triển lãm, chúng tôi tạt vào một lát rồi ra. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đưa tôi đến phố Đê Cácơ (Des Carmes) vào một hiệu ăn của người Hoa kiều gọi cơm. Bữa ấy có nước mắm và thịt bò xào với giá. Lâu ngày mới ăn món quê hương, ngon quá. Ăn xong lại kéo bộ về.

Đến nhà, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trải chiếu xuống sàn, lấy sách báo sắp làm hai cái gối rồi cùng tôi nằm nghỉ trưa. Tôi được hiểu rõ về công việc làm ăn của đồng chí. Sáng thì đồng chí đi vẽ khoán cho một xưởng phóng đại ảnh, có vẽ mới có tiền, do đó đời sống của đồng chí chỉ tạm tạm thôi, có phần còn gieo neo hơn cả chúng tôi là những công nhân có lương tháng đảng hoàng. Nhưng đồng chí vẫn để dành tiền để in sách và đưa vào báo Người cùng khổ. Chiều thì đồng chí làm việc ở tòa báo, viết bài, sửa bài. Đồng chí còn viết cho nhiều báo và tạp chí khác như Nhân đạo, Đời sống công nhân... Nhân viên tòa báo đều là những người thuộc địa hoạt động cách mạng đến làm thêm sau giờ làm ăn của mình. Hèn nào tôi chẳng thấy tòa báo có người gác cổng và người đánh máy. Tối thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi dự các cuộc nói chuyện có tranh luận về các vấn đề triết học, kinh tế, chính trị, xã hội, văn nghệ... Ở các câu lạc bộ hoặc đến thư viện quốc gia đọc sách. Ngoài ra, còn đi họp ở chi bộ đường phố của Đảng Cộng sản Pháp. Bạn như thế nhưng chủ nhật nào đồng chí cũng đi dạo chơi và xem triển lãm. Lần thứ hai tôi đến Pari, đồng chí lại đưa tôi đi xem triển lãm hội họa và bảo tàng Luvơơ. Đồng chí rất thuộc Pari, nhất là rất thông thạo khu ngoại ô, nơi nhà máy và công nhân ở. Vùng ngoại ô này liên kết lại thành một vòng, người Pháp gọi là "vòng đai đỏ", vì ở đó chịu ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Pháp. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc thường hoạt động, đi lại tiếp xúc với công nhân ở đây.

Khoảng gần chiều, tôi cần ra tàu về Lơ Havơơ. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc căn dặn tôi rất nhiều, tôi nhớ nhất và thấm thía nhất câu: "Cần luôn luôn nhớ làm nhiệm vụ của người dân mất nước. Anh em nên thương yêu nhau, vui vẻ, đoàn kết với nhau. Đoàn kết cả với công nhân Pháp, nhân dân Pháp và các nước thuộc địa. Chúng ta đều là người nghèo khổ bị áp bức, bóc lột như nhau..."

Tháng 4-1923, tàu của tôi làm lại cập bến Lơ Havơơ. Tôi lại nhảy về Pari tìm đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tôi đến phố Gôbolanh nhưng đồng chí Nguyễn Ái Quốc không có nhà. Tôi chạy ra tòa báo. Đồng chí đang nói chuyện với một người da đen lạ mặt. Thấy tôi, đồng chí tươi cười bắt tay và giới thiệu với tôi đồng chí Xaigo (Seigho) người Tây Phi đang nói chuyện với đồng chí. Câu đầu tiên tôi nói là báo cho đồng chí biết rằng báo Người cùng khổ vẫn được anh em chuyển nhiều và đều đặn về. Đồng chí nghe thấy thế vui mừng lộ rõ trên mặt. Đồng chí dặn "cố gắng làm cho anh em quyết tâm hơn nữa". Rồi đồng chí dẫn tôi về nhà, hỏi thăm sức khỏe của tôi và anh em làm tàu ở Lơ Havơơ và lại hỏi thăm tình hình các nơi chúng tôi mới



đi qua và tình hình trong nước. Thái độ ân cần thân thiết như một người anh cả. Lúc nghe tôi kể chuyện tàu Pháp chở gạo sang mà dân ta chết đói, đồng chí ngồi lặng một lúc không nói.

Lần này, tôi mới biết bên cạnh buồng đồng chí Nguyễn Ái Quốc là buồng ông luật sư Phan Văn Trường. Ông Trường nhượng cho đồng chí Nguyễn Ái Quốc thuê lại cái buồng này. Ông Trường là một nhà trí thức yêu nước, cũng muốn tìm hiểu chủ nghĩa cộng sản nhưng ông thiên về sách vở, khác đồng chí Nguyễn Ái Quốc là một nhà lý luận, đồng thời là một người hoạt động thực tiễn đi sâu vào anh em lao động. Tôi có dịp gặp riêng ông Trường. Ông tỏ ra rất khâm phục đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Ông nói với tôi: "Anbe Xarô, nguyên toàn quyền Đông Dương, nay làm Bộ trưởng Bộ thuộc địa, trùu thực dân, một hôm gọi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến. Nó giơ bày tay rồi nghiêng rặng riết chặt lại xoay một vòng ra ý bóp nát và bảo đồng chí Nguyễn Ái Quốc: "Nước Pháp có đủ sức mạnh trừng trị những kẻ chống đối". Mặc nó dọa, đồng chí Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động, vẫn chống lại. Nó bèn quay sang mua chuộc, vuốt ve đồng chí thì đồng chí đập vào mặt nó: "Tôi không cần "ơn huệ", tôi tự đi làm cũng đủ sống; tôi không cần gì hết, tôi chỉ đòi độc lập cho dân tộc Việt Nam". Anbe Xarô, cái tên thét ra lửa ấy, bị bẽ mặt, ức lắm, nhưng phải chịu. Bên cạnh đồng chí Nguyễn Ái Quốc là nhân dân ta, nhân dân các nước thuộc địa, nhất là nhân dân Pháp và Đảng Cộng sản Pháp, nó dám đụng vào đồng chí Nguyễn Ái Quốc à? Tàu đi biển luôn, một dạo tôi thưa đến Pari, chỉ thỉnh thoảng viết thư đến đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Một lần tôi viết hỏi đồng chí: "Tôi đọc sách thấy hay nói ông Mác, tôi chưa hiểu, xin giải thích cho tôi biết". Tôi nhận được ngay thư trả lời, không những nói cho rõ Mác là ai mà còn giải thích tỉ mỉ chủ nghĩa Mác và khuyên tôi chịu khó xem. Từ đó tôi đọc sách Mác. Chử gì không hiểu thì mò từ điển. Vẫn chưa hiểu thì viết thư hỏi đồng chí Nguyễn Ái Quốc..."

Tham gia đều đặn các buổi sinh hoạt và các hoạt động ngoại khoá của câu lạc bộ Phôbua, nhận thức chính trị và xã hội của Nguyễn Ái Quốc ngày một nâng cao. Từ thủ đô nước Pháp, Người đã từng bước vạch trần những tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp trên nhiều báo và tạp chí. Nguyễn Ái Quốc đã hướng các hoạt động cụ thể của mình vào mục tiêu lên án chủ nghĩa thực dân. Với nhiều bài viết, bằng thể loại khác nhau đăng trên các báo *Nhân đạo (L'Humanité)*, *Đời sống công nhân (La Vie Ouvriere)*, tạp chí *Cộng sản (La Revue Communiste)*, v.v...

Để có thể thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của nhân dân các thuộc địa, để có một bộ tham mưu tổ chức và lãnh đạo thống nhất cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở các thuộc địa, được sự đồng tình và ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã cùng với đại biểu thuộc địa của Pháp đứng ra vận động thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* - một hình thức mặt trận của các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân Pháp thống trị, liên minh với giai cấp vô sản ở chính quốc cùng đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Sau nhiều lần gặp gỡ trao đổi, cuộc họp ngày 26-6-1921 của các



chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân Pháp ở nhiều nước đang sinh sống ở Pari đã bàn việc thành lập Hội, xây dựng chương trình, điều lệ và cử Ban Chấp hành Hội. Ngày 20-7-1921, Ban Chấp hành Hội đã thông qua các văn bản và nộp Điều lệ hội cho nhà chức trách. Cuộc họp ngày 28-5-1922 thông qua Tuyên ngôn của Hội do Nguyễn Ái Quốc viết và nhấn mạnh: "*Chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em. Hội Liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy... Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại*".

Từ những hoạt động và đóng góp của mình, Người đã được bầu vào Ban Chấp hành *Hội Liên hiệp thuộc địa*. Thời gian đầu (1922-1923), *Hội Liên hiệp thuộc địa* có khoảng 200 hội viên, hoạt động mạnh mẽ, sôi nổi và có ảnh hưởng rộng rãi. *Hội những người Việt Nam yêu nước* là một đoàn thể trong *Hội Liên hiệp thuộc địa*. Tuy nhiên, thời gian sau, do nhiều nguyên nhân tác động như: Sự cản trở và phá hoại của Bộ Thuộc địa, sự eo hẹp về tài chính... hoạt động của Hội giảm dần. Đến tháng 6-1926, *Hội Liên hiệp thuộc địa* ngừng hoạt động.

Hội Liên hiệp thuộc địa xuất bản báo *Người cùng khổ (Le Paria)* làm cơ quan ngôn luận. Nguyễn Ái Quốc được phân công làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút của tờ báo. *Le Paria* số 1, ngày 1-4-1922, đăng lời kêu gọi, nêu rõ tôn chỉ, mục đích và nhấn mạnh: "*Le Paria đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, mục đích của báo chắc chắn sẽ đạt được: đó là giải phóng loài người*".

Từ khi ra đời đến khi đình bản, báo *Người cùng khổ* ra được 38 số, trong những điều kiện hết sức khó khăn về tài chính và phương tiện hoạt động, lại luôn bị cảnh sát theo dõi, đe dọa, gây khó dễ. Nguyễn Ái Quốc là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của báo, Người làm chủ nhiệm, chủ bút, giữ quỹ và kiêm cả việc phát hành, bán báo. Làm việc không mệt mỏi, Nguyễn Ái Quốc đóng góp cho sự tồn tại và phát triển của báo bằng cách viết nhiều bài cho báo, thậm chí còn dành cả phần tài chính eo hẹp của mình cho báo.

Nguyễn Ái Quốc phụ trách tờ báo từ số 1 đến số 15 (6-1923). Trước khi rời Pháp đi Liên Xô, Người viết bài để lại cho các số sau. Trong thời gian này, Người viết 30 bài. Những bức tranh, ký họa của Người đăng trên báo ký tên Nguyễn Ái Quốc và một số bút danh khác. Nội dung các bài viết này tập trung vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Đông Dương và các thuộc địa khác. Thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đã vận động *Hội những người Việt Nam yêu nước* tại Pháp ra báo *Việt Nam hôn*. Nhưng do Người rời Pháp đi Liên Xô nên dự định ra báo này chưa kịp thực hiện. Sau đó, báo *Việt Nam hôn* ra đời vào tháng 1-1926, dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thế Truyền.

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp thông qua những đóng góp của Người tại Đại hội I và II của Đảng Cộng sản Pháp, tại *Hội Liên hiệp thuộc địa* cùng với



việc xuất bản báo *Người cùng khổ* được Đảng Cộng sản Pháp đánh giá cao. Uy tín và vai trò của người cộng sản Đông Dương đã được Quốc tế Cộng sản biết đến và Người được Đảng Cộng sản Pháp cử đi Mátxcơva (Liên Xô) dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản. Tác giả T.Lan (bút danh của Bác Hồ) kể lại:

Lời đó, đi Nga là một việc rất khó khăn và nguy hiểm. Sau khi Hồng quân đã đánh lui bộ đội của 14 nước đế quốc và dẹp xong bọn phản động trong nước, thì Nga lại bị các nước đế quốc bao vây chặt chẽ. Có những người như nhà thơ Pháp là đồng chí Raymông Lophevơ cùng mấy anh em công nhân đã mạo hiểm bí mật đi Nga lúc về đã bị đắm thuyền chết ở biển Ban tích. Nhiều người khác đi gần đến Nga thì bị bọn phản động quốc tế bắt và thủ tiêu...

Nguy hiểm thì không sợ. Nhưng làm thế nào để giải quyết các khó khăn. Trước hết, làm thế nào để vượt được đoạn đường từ Pari đến biên giới cho khỏi bị mật thám Pháp bắt lại? Làm thế nào để xuyên qua nước Đức và Ba Lan?...

Ngày thường gần gũi anh em công nhân, Bác biết họ rất khảng khái. Vài thí dụ:

Trong một cuộc mít tinh ở Pari, nhằm quyên góp giúp Nga đang bị đói kém và bệnh hoạn, người diễn thuyết là bà Sôvơrin, đồng chí Casanh và đồng chí V.Cituyriê. Khi nghe nói đến lạc quyên, thì trăm người như một, trong túi có bao nhiêu tiền rút ra quyên hết, không ai đếm xem mình quyên ít hay nhiều. Đó là một hiện tượng đồng tình vô sản quốc tế rất cao quý!

Một đồng chí thợ già tên là N. làm ở nhà máy điện thường cùng Bác đi dự các cuộc mít tinh. Một hôm khi cùng nhau từ cuộc hội họp đi về, đồng chí N. thủ thủ nói với Bác: "Chú này! Mình suốt đời lao động, có dành dụm được chút ít tiền. Mình không vợ không con, bao giờ mình "nhắm mắt", mình để số tiền đó giúp chú làm các mạng..."

Vậy muốn đi Nga, thì chỉ có một cách là nhờ anh em công nhân giúp. Ý định như vậy rồi, Bác tìm làm quen với anh em công nhân xe lửa. Sau nhiều ngày tìm kiếm, thăm dò, Bác đến gặp đồng chí X. làm ở đầu máy xe lửa đi Pari - Bá Linh. Nghe nói Bác muốn đi Nga, đồng chí X. vui vẻ nhận giúp ngay. Đồng chí X. nói: "Được, chúng tôi sẽ giấu đồng chí ở một chỗ trên xe, bố mật thám cũng chẳng tìm ra được! Nhưng xe chúng tôi chỉ đi đến Bá-linh thôi...". Nheo mắt lại nghĩ ngợi một lát, rồi đồng chí X. nói tiếp: "Không sao! Tôi sẽ bàn với anh em công nhân xe lửa Đức giúp cho đồng chí..."

*Thế là bước đầu đã thành công. Nhưng khó khăn vẫn còn không ít. Làm thế nào để bỏ rơi bọn mật thám ngày đêm theo mình như bóng theo hình? Anh em công nhân Đức có thể giúp, nhưng công nhân Ba-lan sẽ sẵn sàng giúp mình chăng? Và ai sẽ phụ trách tờ báo *La Paria*? Các đồng chí Á - Phi, người thì giúp bài, kẻ thì giúp tiền làm báo, nhưng cần có người không có gia đình bận bịu như mình để phụ trách mọi việc như đi góp tiền, đi giục bài, bí mật gửi báo đến các thuộc địa, bán báo để tuyên truyền ngay ở Pari... Thật là "ngón gang trăm mối bên lòng"!*



Quanh quần mấy tháng, kế hoạch chưa xong, thì một hôm được Trung ương Đảng Cộng sản Pháp gọi đến và bảo: "Đồng chí sẽ được đi dự Đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản, với danh nghĩa là đại biểu dân tộc thuộc địa".

Tin mừng đó làm cho Bác sung sướng ngất trời!

Bọn mật thám nắm vững "quy luật" hoạt động của Bác. Sáng đi làm công. Chiều đến thư viện. Tối dự mít-tinh. Khuya về nhà ngủ...

Bác cũng nắm vững "quy luật" hoạt động của chúng: Chúng chỉ theo Bác từ nhà trọ đến chỗ làm việc, đến chỗ xem sách, đến nơi hội họp. Sau đó, tin chắc rằng Bác chẳng đi đâu hết, chúng về nhà chúng để vui thú gia đình.

Hôm đó, hai tay dúi túi, Bác ung dung lên xe "buýt" đi tham gia một cuộc mít tinh ở ngoại ô Pari. Độ nửa giờ sau, Bác lặng lẽ đi quanh về ga xe lửa. Một đồng chí tin cẩn đã chờ sẵn ở đó, trao cho Bác một vé xe lửa hạng nhất (vì hạng nhất chỉ có những khách sang trọng, ít bị tình nghi), và một cái va ly con... Bác cố trấn tĩnh, nhưng đến khi xe lửa qua khỏi biên giới Pháp - Đức, trong ngực mới hết phập phồng.

Chắc chắn là bọn mật thám phụ trách gác Bác sẽ được quan thượng thư thuộc địa "thưởng" cho một mẻ nên thân! Mà chính quan thượng thư cũng tức mình đến "ung thư phát bối".

Khi đi qua địa phận Đức bị quân Pháp chiếm đóng, thì thấy lại những cảnh tượng thực dân. Đối với người Đức, bọn quân phiệt Pháp ở đây cũng vênh váo lên mặt, làm mưa làm gió, y như bọn Pháp ở nước ta... Có mấy người thương binh Pháp lên nhâm toa xe hạng nhất, liền bị một tên quan sáu Pháp khua ba-toong đuổi xuống xe...

Tuy sau chiến tranh đã sáu năm, ở Bá Linh vẫn đói kém dữ (có lẽ ở các nơi khác cũng vậy). Người nào cũng có vẻ xanh xao vàng vọt! Nạn lạm phát giấy bạc thật là kinh khủng, sớm một giá khác, chiều một giá khác. Đưa giấy bạc mua tờ báo thì số giấy bạc chấp nhau lại, rộng hơn tờ báo! Cả gia tài bác chỉ vền vện non 1.000 phorăng, vậy mà tính ra tiền Đức, Bác đã trở thành người giàu bạc triệu!

Luật sư Mắc Clanvvin Blôngcua (Max Clainville Blongourt) hoạt động trong Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, tham gia Ban Biên tập báo Người cùng khổ cũng nhớ lại: "Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Chính phủ Pháp ra sức bóc lột, đàn áp nhân dân thuộc địa và đẩy họ đi làm bia đỡ đạn trên chiến trường châu Âu. Những người dân thuộc địa đi lính cho Pháp hồi đó bị đưa đi đánh quân Đức và phải chịu nhiều nỗi khổ cực. Chiến tranh kết thúc, nhân dân các thuộc địa Pháp được giác ngộ hơn và nhiều phong trào chống thực dân Pháp đã diễn ra khắp nơi. Trong hoàn cảnh đó, những người dân thuộc địa cư trú ở Pháp đã tập hợp lại và tổ chức ra "Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa". Hội này thu hút những người Madagátxca, Đahômây, Xênegan, Ghinê, Ăngtin, Goadolúp, Mactinich, Haiti, Ăngiêri, Đông Dương...

Và tôi đã gặp anh Nguyễn Ái Quốc trong buổi thành lập Hội đó. Đây là vào



năm 1922 ở Paris. Tôi nhớ rõ lần đầu tiên quen biết anh trong buổi họp của Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, tôi thấy anh người gầy gò, mảnh khảnh, với một giọng nói nhỏ nhẹ, anh tự giới thiệu là người Việt Nam, làm nghề thợ ảnh đã đến ở Paris trước tôi ba năm, hiện ngụ ở ngõ Công poanh. Anh nói tiếng Pháp thạo và tiếp xúc với anh tôi thấy ngay là một người đáng mến.

Tôi gặp anh Nguyễn luôn trong các buổi họp của Hội. Có khi họp ở trụ sở Hội, có khi chúng tôi tổ chức mít tinh ở phòng họp của Hội phổ biến kiến thức và phòng họp của Nhà Công đoàn ở phố Ôguýt Bălăngki. Anh Nguyễn đi họp và đi dự các buổi mít tinh của Hội rất đều. Anh nghèo nhưng ăn mặc chỉnh tề. Hoạt động với anh tôi thấy anh là một người hăng hái đấu tranh cho việc giải phóng các dân tộc thuộc địa, không riêng dân tộc Việt Nam của anh mà tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Anh có lòng tin mãnh liệt ở thắng lợi cuối cùng và anh cho rằng muốn giải phóng dân tộc phải làm cách mạng, không có con đường nào khác. Tôi có cảm tưởng: ở anh ý nghĩ đấu tranh giải phóng dân tộc luôn luôn khắc sâu trong tâm trí anh và quán triệt suốt cuộc đời của anh. Một lần nghe tin thực dân Pháp khủng bố tàn sát nhân dân ở Đahômây tôi thấy anh căm phẫn, xúc động, đau đớn như chính việc đó xảy ra đối với nhân dân Việt Nam của anh. Anh là một con người đầy tình nhân đạo và tinh thần quốc tế. Không bao giờ thấy ở anh một nét nhỏ nào của sự ích kỷ. Và càng hoạt động chúng tôi càng yêu thương nhau, càng thấy các dân tộc thuộc địa phải đoàn kết với nhau chống kẻ thù chung. Anh đã trở thành bạn thân và tin cậy của tôi.

Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa sống bằng tiền đóng góp của hội viên. Mỗi hội viên đóng cho Hội mỗi tháng ba phrăng Pháp, ngoài ra có những người hảo tâm ủng hộ tiền cho Hội. Một hôm chúng tôi, trong đó có anh Nguyễn Ái Quốc, nảy ra ý kiến nên ra một tờ báo của Hội. Một sáng kiến táo bạo nhưng cũng để ra nhiều vấn đề khó khăn cần giải quyết. Sau chúng tôi quyết định cứ ra báo. Chúng tôi thảo luận, đặt cho báo một cái tên: Người cùng khổ. Đây là bước phát triển mới của Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

... Cách làm việc của toà soạn báo Người cùng khổ rất tập thể. Chúng tôi không có ban biên tập làm việc thường xuyên vì mọi người chúng tôi đều phải sinh sống hàng ngày hoặc bận hoạt động nhiều việc khác. Mỗi kỳ ra báo, mỗi người đem bài viết của mình đến. Chúng tôi họp nhau lại, đọc chung, sửa chung rồi bàn nội dung cho số sau. Sau khi đã chọn bài một cách tập thể, chúng tôi phân công người chịu trách nhiệm sắp xếp lại và lo lắng việc xuất bản, đem bài đi nhà in chẳng hạn. Nhiều lần anh Nguyễn được cử phụ trách chữa bài vở và xuất bản nhiều số báo. Anh tốt và có tinh thần tương trợ, cho nên có những lần đến lượt chúng tôi phải đi trông nom việc ra báo, nhưng thấy chúng tôi bận việc hoặc mắc chuyện gia đình, anh Nguyễn đã xung phong đi làm thay cho chúng tôi. Đây là một người bạn tốt, dịu dàng, đáng mến, lo xa, yêu thương đồng đội, chịu khó giúp đỡ người khác.



Báo Người cùng khổ xuất bản từ năm 1922 đến 1924, tất cả được 38 số. Anh Nguyễn Ái Quốc đã đóng góp rất nhiều cho tờ báo. Anh viết khoẻ, có số viết tới hai, ba bài. Toàn bộ những bài báo của anh là bản án chủ nghĩa thực dân Pháp và là nguyện vọng giành độc lập tự do cho nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa. Lời văn anh sắc bén, tư tưởng anh rõ ràng và mạnh mẽ: đấu tranh đến cùng chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Ở nhiều số, không những anh viết bài mà anh còn vẽ tranh châm biếm nữa để đả kích chế độ thực dân. Tất cả những bài và tranh ký tên Nguyễn Ái Quốc trên báo Người cùng khổ mang một màu sắc đặc biệt: đó là tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để và quyết tâm chống chủ nghĩa thực dân. Xem và đọc những bài và tranh đó người ta thấy rõ tác giả có một tinh thần tiến công rất chủ động và rất thông minh.

Đạo ấy, anh Nguyễn là người không có gia đình. Còn tôi thì đã lập gia đình. Tôi lúc đó có bàn giấy trạng sư ở số nhà 10b phố Po Roayan Pari, và cả gia đình tôi ở đấy. Anh Nguyễn thường lại chơi thăm gia đình tôi. Chúng tôi coi anh như người thân trong nhà và nhiều lần giữ anh lại ăn cơm. Anh giản dị, tự nhiên, vui tính. Anh gọi vợ tôi: "Bà chị của tôi". Anh gọi con gái tôi - Êlian là "cháu". Anh ăn uống ít và tôi có cảm tưởng là một người không đòi hỏi gì nhiều trong sinh hoạt. Một hôm anh đưa đến nhà tặng gia đình tôi một cái chiêng bằng đồng đường kính chừng 50cm và một lư hương cũng bằng đồng. Những vật kỷ niệm quý giá đó tôi để ở nhà. Nhưng năm 1927 tôi về Goadolúp, 13 năm sau mới trở sang Pari thì những vật đó đã mất. Tôi rất tiếc. Cả nhà tôi hết sức quý mến anh Nguyễn. Duy có điều chúng tôi không bao giờ thấy anh nói chuyện về gia đình, làng mạc quê hương của anh. Chúng tôi cũng tránh hỏi vì biết anh là một người hoạt động cách mạng, đời sống luôn luôn bị uy hiếp, có thể bị bắt bớ bất cứ lúc nào.

Bỗng một hôm vào năm 1923, anh Nguyễn đến nhà chúng tôi và nói bằng một giọng lưu luyến:

- Hôm nay tôi đến chào anh chị. Tôi sẽ đi xa một thời gian và không có dịp được gặp anh chị nữa. Xin chào anh chị và cháu ở lại mạnh khoẻ và anh cho tôi gửi lời chào các đồng chí trong Hội Liên hiệp.

Chúng tôi sững sốt, bùi ngùi vì sắp phải xa một người thân. Lúc anh Nguyễn sắp sửa ra về, con gái Elian của tôi, lúc đó nó lên 10 tuổi, chạy ra níu lấy anh Nguyễn hỏi:

- Chú Nguyễn! Chú Nguyễn! Chú sắp đi xa đấy à? Chú bỏ đi đấy à?

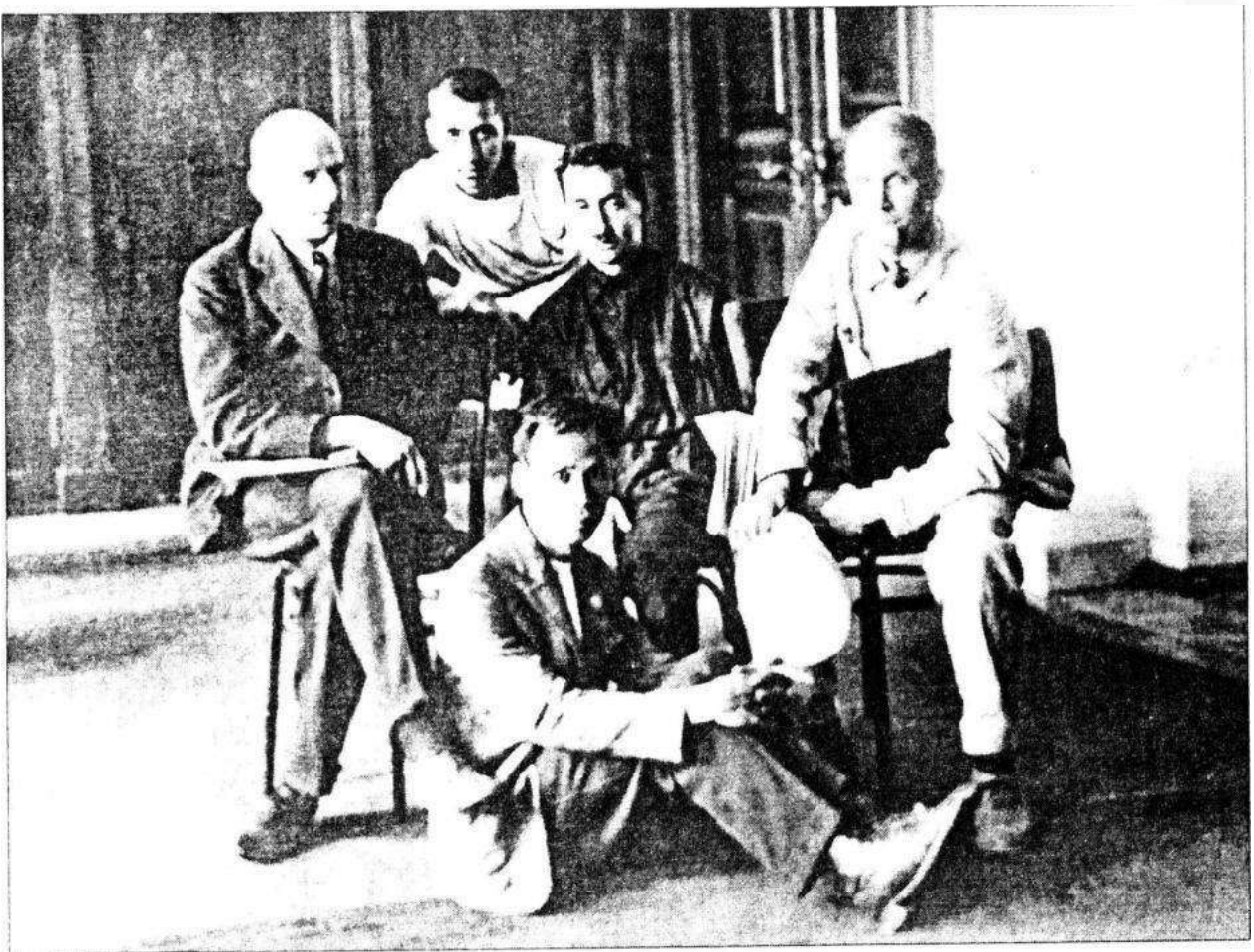
Tôi thấy anh Nguyễn tươi cười xoa đầu Êlian và nói:

- Sao cháu biết? Thật đúng là "ra đường hỏi người già, về nhà hỏi bọn trẻ". Chú đi rồi chú trở lại.

Anh Nguyễn không nói cho chúng tôi biết anh đi đâu, nhưng chúng tôi hiểu đấy là do công tác cách mạng của anh cần giữ bí mật. Ngay lúc đó tôi đoán có lẽ anh đi Mátxcova".



Ngày 13-6-1923, từ ga Duy No (Du Nord), Nguyễn Ái Quốc rời Pari bằng tàu hoả đến Béclin (Đức). Từ Hambuốc (Đức), Người đi tàu thuỷ đến Pêtorôgrát (Liên Xô), quê hương của Cách mạng Tháng Mười (30-6-1923). Ít ngày sau, Người đi xe lửa về Mátxcova, bắt đầu một thời kỳ hoạt động, học tập và nghiên cứu về học thuyết Mác-Lênin, về chế độ Xã hội chủ nghĩa ngay trên đất nước của Lênin vĩ đại. Tháng 6-1923, theo sáng kiến và đề nghị của đồng chí Đôm Ban (Thomas Dombal), Quốc tế Cộng sản đã ủng hộ việc thành lập một tổ chức nông dân quốc tế, nhằm thực hiện liên minh công nông trên phạm vi toàn thế giới. Tháng 10-1923, Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân được triệu tập, gồm 158 đại biểu, trong đó có 122 đại biểu chính thức, đại diện cho nông dân của 40 nước trên thế giới. Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Hội nghị với tư cách là đại biểu chính thức của nông dân Đông Dương.



Nguyễn Ái Quốc và những người bạn Pháp năm 1921

Tại phiên họp đầu tiên, Hội đồng đã bầu Nguyễn Ái Quốc vào Đoàn Chủ tịch, gồm 11 người. Nguyễn Ái Quốc là đại biểu duy nhất của nông dân thuộc địa. Được mời phát biểu, Người nói: "*Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một Quốc tế thật sự khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất*



là nông dân ở các thuộc địa là những người bị bóc lột và bị áp bức nhiều hơn các đồng chí, đều tham gia Quốc tế của các đồng chí". Hội nghị bầu ra Hội đồng Quốc tế Nông dân gồm 52 uỷ viên, thông qua các văn kiện và kết thúc vào ngày 16-10-1923.

Thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài cho tạp chí *Krestianskii International* (Quốc tế Nông dân), đề cập đến các vấn đề của nông dân Việt Nam, Trung Quốc và Bắc Phi, tố cáo chế độ áp bức, bóc lột dã man của bọn thực dân, đế quốc, chỉ rõ phương hướng đấu tranh cho những người nông dân thuộc địa và nửa thuộc địa. Trong khi nêu vấn đề: Xoá bỏ tình trạng khổ cực của những người nông dân, Nguyễn Ái Quốc cũng đồng thời chỉ rõ nguồn sức mạnh, và hướng những người nông dân vào cuộc đấu tranh đó, với khẩu hiệu: "Tất cả ruộng đất về tay nông dân". Sau khi rời Liên Xô, Người được giao nhiệm vụ phụ trách phong trào nông dân các nước châu Á với tư cách uỷ viên đoàn chủ tịch Quốc tế Nông dân.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản, nhưng do Lênin ốm nặng, nên Đại hội hoãn họp, vì vậy, Người tham gia lớp học ngắn hạn của Trường Đại học Phương Đông. Ngày 2-4-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự lễ kỷ niệm lần thứ 3 ngày thành lập trường. Trong thời gian học tập ở trường, Nguyễn Ái Quốc đã trao đổi với những thanh niên Trung Quốc, tập hợp tư liệu do họ cung cấp và chủ biên cuốn sách: *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc* bằng tiếng Pháp (được Petrôva Sua dịch ra tiếng Nga, Nxb. *Novaia Mátcova* xuất bản năm 1925).



Nguyễn Ái Quốc ở Nga năm 1923



Thời gian này, Nguyễn Ái Quốc gặp và trả lời phỏng vấn nhà thơ Ôxíp Mandenxtam và Người đã để lại một ấn tượng sâu sắc, nhà thơ kể lại: "Tại Đông Dương, ảnh hưởng phong trào Găngđi như thế nào? Tiếng vang, làn sóng của phong trào đó có lan đến đây chút nào không? - Tôi hỏi Nguyễn Ái Quốc.

- Không - Nguyễn Ái Quốc trả lời - Nhân dân An Nam chúng tôi là những nông dân bị nhấn chìm trong bóng đêm hết sức tối tăm. Không một tờ báo nào, không ai hiểu bây giờ trên thế giới đang diễn ra những gì; đêm tối, thực sự là đêm tối.

Nguyễn Ái Quốc hiện là người An Nam duy nhất ở Mátxcova, đại diện của chủng tộc Mã Lai cổ xưa. Đó là một thanh niên gầy gò, linh hoạt, mặc cái áo len đan. Đồng chí nói tiếng Pháp - tiếng của những kẻ áp bức, nhưng mà những chữ Pháp từ miệng đồng chí Nguyễn Ái Quốc nghe trầm trầm, lắng xuống như âm hưởng của tiếng mẹ đẻ quê hương đồng chí.

Nguyễn Ái Quốc đã nói đến hai chữ "văn minh" một cách đầy khinh bỉ. Đồng thời đã đặt chân qua hầu hết các nước thuộc địa trên thế giới, đã tới miền Bắc và miền Trung châu Phi, đã thấy rất nhiều cảnh đau khổ. Khi nói chuyện, đồng chí thường hay dùng chữ "anh em". Anh em của Nguyễn Ái Quốc ở đây là những người da đen, những người Ấn Độ, những người Xyri, những người Trung Quốc...

Nguyễn Ái Quốc đã có lần gửi thư tới nhà văn Roné Marăng, người da đen có quốc tịch Pháp, là tác giả cuốn tiểu thuyết "Batuala" và đã đặt một câu hỏi một cách thẳng thắn: "Ông Marăng, ông muốn hay không muốn giúp đỡ công cuộc giải phóng các nước anh em ở thuộc địa?". Roné Marăng, người được Viện Hàn lâm Pháp quàng cho một vòng hoa danh dự, đã trả lời Nguyễn Ái Quốc một cách dè dặt và quanh co...

- Tôi sinh ra trong một gia đình nhà nho An Nam. Những gia đình như thế ở nước chúng tôi không phải làm việc gì. Thanh niên trong những gia đình ấy thường học Khổng giáo, đồng chí chắc biết Khổng giáo không phải là tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử. Và trên cơ sở đó người ta đưa ra khái niệm về "thế giới đại đồng". Khi tôi độ 13 tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy. Nhưng trong những trường học cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt. Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ sách của các nhà văn mới, mà cả Rút-xô và Môngtexkiơ cũng bị cấm. Vậy thì phải làm thế nào bây giờ? Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài. Thân phận người An Nam chỉ là thân phận nông nô. Chúng tôi bị cấm, không phải chỉ là bị cấm đi du lịch ra nước ngoài mà cả đi trong nước cũng không được. Đường sắt được xây dựng với mục đích "chiến lược" riêng. Theo con mắt của thực dân, chúng tôi chưa đủ trình độ để sử dụng loại đường này. Tôi lang thang ra bờ biển và tôi đã vượt biển ra nước ngoài.



Năm ấy tôi 19 tuổi. Ở Pháp lúc đó đang có tổng tuyển cử. Bọn tư sản Pháp đã dùng những thủ đoạn bẩn thỉu nhất để bôi nhọ lẫn nhau. gương mặt Nguyễn Ái Quốc nhìn lại một cách khinh bỉ. Đôi mắt nặng nề, u ám bỗng bừng lên. Trong đôi mắt mở to, ứa lệ, anh nhìn về xa xăm:

- Khi thực dân Pháp đến cướp nước tôi, những gia đình nền nếp, gia giáo đã bỏ chạy hết không cộng tác với chúng. Bọn vô lại quen thói xu nịnh đã chiếm hết nhà cửa và vườn ruộng, chúng trở nên những tên tư sản mới giàu sụ, và chúng có khả năng giáo dục con cái theo kiểu Pháp. Bên chúng tôi coi những thanh niên đi học các trường dòng của bọn Pháp là bọn người bỏ đi, là những đồ cặn bã. Thế mà người ta đã trả tiền để làm việc đó. Và dù những kẻ học ở các trường đó có dân đến đến mức nào chúng cũng cố để được đi làm cảnh sát, làm sen dầm. Bọn cố đạo ở nước tôi chiếm tới một phần năm tổng số ruộng đất cả nước. Chỉ có những chủ đồn điền mới so sánh được với họ.

Thực dân Pháp là gì? Ô, đó là những kẻ bất tài và thiếu cặn. Việc quan tâm đầu tiên của chúng là hình thành nhóm người thân thuộc. Sau đó, là chiếm đoạt và cướp bóc thế nào cho thật nhiều và thật nhanh. Mục đích của toàn bộ chính sách này là có được một ngôi nhà nhỏ, "ngôi nhà nhỏ của mình" ở Pháp.

... Dáng dấp của con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị. Văn minh châu Âu trên đất nước ấy dùng lối lè, rệu dộc và che giấu tất cả những cái đó dưới tà áo dài đen của bọn cố đạo. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai.

- Hiện nay, ở Pari, một nhóm các đồng chí từ các nước thuộc địa của Pháp, năm - sáu người Nam Kỳ, Xudăng, Madagátxca, Haiti đang xuất bản tờ báo *Le Paria* để chống lại chính sách thuộc địa của Pháp. Đó là tờ báo nhỏ. Các cộng tác viên phải bỏ tiền túi ra để xuất bản, thay cho việc nhận tiền nhuận bút...

- Vâng, thật thú vị là chính quyền Pháp đã dạy cho những người nông dân chúng tôi biết những từ "bôn-sê-vích" và "Lênin". Chúng lùng bắt những người cộng sản trong dân chúng, trong khi chẳng có người cộng sản nào, hoàn toàn không có ngay cả trong ý niệm, và như vậy chính chúng đã tuyên truyền cho chủ nghĩa bôn-sê-vích và Lênin.

Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới.

Trên bàn có một tập bản thảo, một bản báo cáo công tác rõ ràng, mang phong cách truyền tin của phóng viên. Anh đang tưởng tượng đến đề tài: Đại hội Quốc tế Cộng sản năm 1947. Anh như đang nhìn thấy, nghe thấy diễn biến của hội nghị, mà ở đó anh sẽ điều khiển chương trình nghị sự.

Lúc chia tay, Nguyễn Ái Quốc như nhớ điều gì.



- Vàng, chúng tôi còn có một cuộc "nổi dậy" nữa do vua An Nam trẻ tuổi Duy Tân phát động, chống lại việc đưa những nông dân của chúng tôi đến chiến trường của Pháp. Vua Duy Tân đã chạy, bây giờ ông ấy đang sống lưu vong. Hãy kể về ông ấy nữa".

Ngày 21-1-1924, Lênin qua đời. Vô cùng thương tiếc Lênin, ngày 23-1-1924 Nguyễn Ái Quốc đã có mặt trong dòng người vào vĩnh biệt Lênin. Sau đó, Người viết bài: *Lênin và các dân tộc thuộc địa*, đăng báo *Sự thật (Pravda)*, ngày 27-1-1924, và khẳng định: "*Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta*". Đây là lời thề của người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Ái Quốc, Người sẽ phấn đấu và hiện thực hoá tư tưởng của Lênin vĩ đại ở các thuộc địa. Người sẽ gắn bó cuộc cách mạng giải phóng dân tộc với con đường đi tới cuộc cách mạng xã hội Xã hội chủ nghĩa sau đó. Tác giả T.Lan (bút danh của Bác Hồ) kể lại:

Bác đến Nga vào mùa Đông. Mọi vật đều bị tuyết phủ trắng xóa như một thế giới bằng bạc. Có ngày rét đến 42 độ dưới 0.

Đại hội Quốc tế cộng sản hoãn chưa khai mạc, vì Lê-nin còn ốm nặng.

Hôm 21 tháng Giêng năm 1924, một cơn gió thảm mưa sâu đã làm chấn động toàn thể nhân dân Nga, cũng như nhân dân lao động và dân tộc bị áp bức cả thế giới: Lê-nin - người thầy, người bạn, người đồng chí yêu kính của chúng ta mất rồi!

Cuối tháng 8 - 1918, trong lúc đến nói chuyện ở một cuộc mít tinh của công nhân nhà máy thành phố Pétéc-bua (nay là Leningrát), Lê-nin bị một tên phản động bắn bị thương nặng. Từ đó về sau, Lê-nin thường bị yếu, nhưng vẫn cố gắng làm việc đến hơi thở cuối cùng.

Nghe tin buồn đó, nhiều người òa lên khóc. Bác cũng khóc. Kể sao cho xiết tình thương tiếc không bờ bến của những người lao động đối với người thầy cách mạng vĩ đại ấy! Biến thương xót thành hành động; Lê-nin mất, nhưng ngọn cờ chủ nghĩa Lê-nin có Đảng Bôn-sê-vích anh hùng nắm vững và có hàng triệu người cộng sản khắp thế giới giương cao. Để tỏ tình đoàn kết chặt chẽ và nhiệt tình ủng hộ Đảng của Lê-nin, hơn 24 vạn công nhân Nga lúc đó đã xin vào Đảng.

Ngày Bác đến Mátxcova lần đầu tiên, điều kiện đời sống ở Liên Xô cũng đang rất khó khăn. Những thứ cần dùng hàng ngày như bánh mì, bơ, thịt, đường, vải, v.v... đều bị hạn chế. Một thí dụ: người Liên Xô quen uống nước chè với đường, nhưng ở đó đường rất khan hiếm. Năm thì mười họa mỗi gia đình mới được mua chút ít. Người ta phải dùng sakharin (một chất hoá học hơi ngòn ngọt) thay thế cho đường. Nhân dân phải chịu nhịn những thứ của ngon vật quý để đưa ra nước ngoài đổi lấy máy móc cho công việc xây dựng. Nhà ở cũng thiếu thốn... Tuy vậy, không ai than phiền oán trách; trái lại, mọi người đều cố gắng để vượt qua khó khăn để ra sức xây dựng.

Có thể nói: Hồi đó mức sống của người lao động Liên Xô và của người lao động Đức cũng kham khổ như nhau. Nhưng có những điều tuyệt đối khác nhau, giữa nhân dân hai nước:



- Người Đức phải tự nhận mình là kẻ thua trận trong cuộc chiến tranh, người Liên Xô tự hào mình đã thắng lợi trong cuộc cách mạng Xã hội chủ nghĩa. Người Đức thì buồn rầu. Người Liên Xô thì phấn khởi.

- Nhân dân Đức rất khổ cực, nhưng bên cạnh họ thì bọn thống trị Đức và bọn tư sản nước ngoài sống một cách cực kỳ xa hoa. Nhân dân Liên Xô thì từ trên xuống dưới đều đồng cam cộng khổ, thắt lưng buộc bụng, đoàn kết phấn đấu, để xây dựng nước nhà, xây dựng Chủ nghĩa xã hội

Do đó, người Đức sống trong một bầu không khí ảm đạm mịt mù. Người Liên Xô thì hăng say lao động và trông thấy trước mắt một tương lai hạnh phúc rực rỡ.

Còn bản thân Bác cũng có sự thay đổi lớn. Từ một công nhân nghèo ở Pari sang đến Đức thoát trở nên một người "triệu phú". Từ một người có bạc triệu ở Đức sang đến Liên Xô lại trở nên thành viên chân chính, một người anh em ruột thịt trong đại gia đình vô sản quốc tế. Bác nói: "Từ bé đến lớn chưa bao giờ thấy trong mình tự do, khoan khoái và sung sướng như lúc bấy giờ. Tuy vậy, chỉ mong Đại hội quốc tế sớm họp, để sau Đại hội thì được đi hoạt động". Trong khi chờ đợi, Bác cố gắng học hỏi và xem xét.

Một hôm Bác cùng mấy đồng chí người châu Phi đi thăm một trại nhi đồng có độ 300 em. Mặc dù trong hoàn cảnh thiếu thốn, nhi đồng được đặc biệt săn sóc về mặt vật chất. Về mặt tinh thần, các em cũng rất thông minh, sáng dạ. Cùng sáng hôm đó, có mấy người viết báo Anh và Pháp đến thăm trại. Đối với họ, các em giữ đúng lễ độ. Họ hỏi câu gì, các em trả lời câu ấy, thế thôi. Các em không thích chuyện trò thân mật với những người "bước-dôi" (tư bản).

Nhưng khi thấy Bác và các đồng chí châu Phi đến, thì các em vui vẻ chạy ùa ra như một đàn chim để hoan nghênh nhiệt liệt các chú, các bác cộng sản.

Một em gái độ 6, 7 tuổi, xinh xắn và ngoan ngoãn, khẽ hỏi Bác: "Chú ơi, chú, mặt mũi bọn đế quốc ra thế nào? Chắc nó xấu lắm nhỉ. Cháu nghe các anh, các chị nói: chúng hành hạ cả trẻ con Việt Nam, cháu ghét chúng nó lắm!... Bao giờ về nước, nhờ chú chuyển những cái hôn của chúng cháu cho các bạn Việt Nam nhé!" Nói xong, em ôm chàng hôn Bác và mắt em hơi ướt vì cảm động.

Nguyễn Ái Quốc viết bài Lenin và các dân tộc phương Đông, đăng báo Le Paria (số 27, 7-1924), Người khẳng định: "Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi". Gécmanétô, chiến sĩ cách mạng người Italia, nguyên là Ủy viên Chấp hành Ban Bí thư Công hội Đỏ quốc tế nhớ lại: "Mátxcova tháng 1 năm 1924. Giữa mùa Đông nước Nga, khí trời lạnh âm 40 độ. Lenin vừa mất được mấy hôm. Sáng hôm ấy tại phòng chúng tôi, phòng số 8 khách sạn LUX có tiếng gõ cửa nhẹ. Một thanh niên rất gầy gò, đầu đội cát két, mình mặc chiếc áo mỏng mùa thu, tay xách một vali bé tí, bước vào và



nói: - Tôi là Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam, vừa ở Pari đến. Tôi đến thì Lenin vừa mất. - Nói đến đây người thanh niên ngừng lại, lau nước mắt. - Bây giờ tôi muốn đến viếng linh cữu Lenin...". - Đồng chí Ái Quốc, đồng chí mặc mỏng manh như thế không chịu được rét Nga đâu. Đồng chí hãy chờ đến ngày mai, khi có quần áo ấm hãy đi... - Nguyễn Ái Quốc thở dài không trả lời, ngồi uống nước chè với chúng tôi, rồi trở về phòng mình. Chúng tôi cho rằng: "Thế là đồng chí ấy chịu nghe chúng mình rồi". Ngoài trời tuyết tạt ngừng rơi, lạnh như cắt ruột. Trước nhà Công đoàn là nơi để linh cữu Lenin, dòng người im lặng và dài vô tận đứng chờ, hầu như không nhích được bước nào. Rét quá! Ngoài đường có từng đống lửa để nhân dân sưởi cho đỡ rét. Tiếng máy truyền thanh buồn bã nói về Lenin, vị lãnh tụ vừa quá cố... Tiết trời hôm nay hình như cũng chia buồn với lòng người. Khoảng 10 giờ đêm, có tiếng gõ cửa nhẹ. Tôi bước ra mở cửa: trước mặt tôi là đồng chí Ái Quốc, vẫn trong bộ quần áo mỏng manh, đầu đội cát két. Mặt đồng chí xanh xám, ngón tay, mũi và tai thâm tím vì giá rét. - Tôi vừa đi viếng Lenin về. - Ái Quốc vừa nói vừa run cầm cập - Tôi không thể chờ đến ngày mai để viếng Người bạn vĩ đại nhất của nhân dân các nước thuộc địa... Đồng chí còn có nước chè nóng không?... Tôi luôn luôn nhớ mãi hình ảnh ấy, biểu hiện cho ý chí của con người luôn luôn kiên quyết đấu tranh chống thực dân, vì tự do và hạnh phúc của dân tộc. Sau đó chúng tôi trở thành bạn thân, cùng làm việc với nhau nhiều. Cái gì tiêu biểu nhất ở con người Hồ Chí Minh? Là tính khiêm tốn lạ thường, là ý chí phấn đấu và học hỏi vô cùng mạnh mẽ...".

Tháng 3-1924, Nguyễn Ái Quốc đã trả lời phỏng vấn của báo L'UNITA (Italy).

- *Tôi hỏi anh ở đâu đến?*

- Tôi là người An Nam - bị Pháp cai trị, học sinh Trường đại học phương Đông ở Mátxcova. Tôi tên là Nguyễn Ái Quốc.

- *Anh kể cho nghe về đời học sinh được không?*

- Được...

Trong nước, tôi lao động ở nông thôn, tôi rời Tổ quốc tôi cách đây ba năm.

- *Tại sao anh lại sang châu Âu?*

- Trước đây tôi có đọc một số tờ báo phát hành sang nước tôi, một vài tờ có tính chống đối ở An Nam, có những người lính lê dương do Poanhearé (*Poincaré*) gửi sang để cải huấn. Những người lính lê dương này đọc đủ thứ. Họ là những kẻ chống đối về bản chất. Họ cho tôi đọc các báo Pháp. Vì thế tôi nảy ra ý muốn sang xem "mâu quốc" ra sao và tôi đã tới Pari. Khi Trường đại học phương Đông ở Mátxcova mở, tôi bèn xin học.

- *Trường có đông học sinh không?*

- Tất cả có 1.025 người học thuộc 62 xứ thuộc địa trong đó có 150 gái, 895 vào Đảng Cộng sản. Trong số 1.025 người học, 547 là nông dân, khoảng 300 là công nhân, còn là trí thức tư sản.



- Anh nghĩ thế nào về sáng kiến Bôn-sê-vích này?

- Tôi rất phấn khởi đối với sáng kiến này. Tôi đã đọc nhiều tuyên bố ủng hộ và đoàn kết của những người chống đối nhưng không người nào đem lại cho chúng tôi một sự giúp đỡ thiết thực để thoát khỏi chế độ nô lệ mà những "người đi gieo rắc văn minh" đang giam hãm chúng tôi. Tôi cho rằng sáng kiến này sẽ đem lại những kết quả rất tốt. Nhiều người đã hiểu tình trạng kém cỏi của chúng tôi nhưng chưa có ai, trừ những người làm cách mạng Nga, chỉ cho chúng tôi con đường đi đến giải phóng. Ở Bacu, năm 1921, lần đầu tiên trong lịch sử của giai cấp vô sản, đã họp một đại hội của các dân tộc phương Đông và chính Lênin, đồng chí Ilítso thân mến của chúng tôi, đã nêu lên những đề án và hướng dẫn chúng tôi đi những bước đầu để làm cho chúng tôi có khả năng cùng tiến bước với giai cấp vô sản thế giới.

- Tay anh làm sao thế?

- Không sao, anh trả lời. Tôi mang vòng hoa của học sinh viếng Lênin, vì thế hai ngón tay tôi bị tê cóng. Lênin thương tiếc!

- Các anh có bao nhiêu giáo sư? Chương trình có những môn gì?

- Chúng tôi có 150 giáo sư dạy các môn: khoa học xã hội, toán, duy vật lịch sử, lịch sử phong trào công nhân, khoa học tự nhiên, lịch sử cách mạng, kinh tế chính trị học, v. v... Trường đại học có một phòng chiếu bóng, một thư viện 47.000 cuốn sách. Mỗi dân tộc có một thư viện riêng gồm sách, báo, tạp chí. Nên biết là chúng tôi thuộc 62 dân tộc mà đoàn kết với nhau như anh em ruột thịt. Người học tự viết lấy báo hằng tuần. Chúng tôi có một nhà an dưỡng ở Crimê và hai nhà nghỉ hè, một trong hai nhà đó trước cách mạng là lâu đài của một quận công.

Anh hãy hình dung là ở trên đỉnh ngọn tháp của lâu đài, gần con quạ, biểu tượng của đế chế, pháp phối lá cờ đỏ và ở trong phòng khách, thay vào ngài quận công, là những người nông dân Triều Tiên hoặc Ác-mê-ni nô đùa với nhau.

- Ai nấu cho các anh ăn?

- Chúng tôi thay phiên nhau làm bếp. Chúng tôi cũng thay phiên nhau làm việc ở thư viện, ở câu lạc bộ, giặt giũ. Chúng tôi tổ chức thành công xã. Công xã họp một tuần một lần để thảo luận chính trị, và tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật, giải trí. Những sự sai phạm sẽ do một "tòa án", do công xã bầu ra nếu thấy cần thiết, xét xử.

- Khi học xong, anh dự định làm gì?

- Dĩ nhiên là tôi sẽ trở về Tổ quốc để đấu tranh cho sự nghiệp của chúng tôi. Ở bên chúng tôi có nhiều việc phải làm lắm. Chúng tôi chẳng có quyền gì cả, trừ quyền đóng thuế cho "mẫu quốc" Pháp, cho bọn chủ bản xứ. Sự việc nổi bật nhất là như thế này: chúng tôi là những người bị đô hộ, như đồng chí biết, chúng tôi là những dân tộc "hạ đẳng", và vì thế chúng tôi không có quyền ứng cử, bầu cử. Ở nước Nga, ở cái nước của những người đã man - giai cấp tư sản dân chủ gọi các đồng chí Nga như thế, chúng tôi có đầy đủ những quyền như công dân Nga. Thật



vậy, những đại biểu của chúng tôi do Xôviết của chúng tôi bầu ra theo đúng kỳ hạn, đã cùng hội họp với các đại biểu công, nông, binh. Đó, anh đã thấy rõ sự đối xử khác nhau của chế độ dân chủ tư sản và chế độ dân chủ công nhân đối với chúng tôi!

Chúng tôi đã đau khổ nhiều và chúng tôi còn phải đau khổ nữa. Những người "khai hóa" các nước chúng tôi không để chúng tôi tự do. Nhưng chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài học đã học được. Các đồng chí của tôi làm việc phấn khởi, tin tưởng, nghiêm túc. Nhiều người còn rất trẻ đã có một trình độ mácxít ít có thể tưởng tượng là có thể có được vào tuổi đó. Chúng tôi hiểu rõ là chúng tôi có trách nhiệm rất nặng nề, và tương lai của các dân tộc thuộc địa tùy thuộc vào sự tuyên truyền và tinh thần hy sinh của chúng tôi. Ở phương Đông, từ Xyri đến Triều Tiên tôi chỉ nói các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, có một diện tích rộng mênh mông với hơn 1.200 triệu dân. Cả vùng rộng lớn này nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa. Các dân tộc ở đó không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được nếu không gắn bó với giai cấp vô sản thế giới. Những nghị quyết của phái xã hội dân chủ dù tỏ ra có cảm tình nồng nhiệt đến đâu cũng không có sức nặng.

Việc thành lập trường Đại học Bôn-sê-vích đã mở ra thời đại mới trong lịch sử các dân tộc thuộc địa ở phương Đông, và nhà trường đã dạy chúng tôi nguyên lý đấu tranh giai cấp, và nhà trường đã đặt mối quan hệ giữa chúng tôi với các dân tộc phương Tây và trang bị cho chúng tôi - những người nô lệ - khả năng hoạt động chặt chẽ.

- *Khí hậu nước Nga thế nào, có cực lắm không?*

- Có... Tôi chưa quen tuy đã ở hai năm. Nhưng không sao, tôi sẽ khắc phục được. Tôi đi thăm một công xã nông nghiệp. Thôi chào anh..."

Học xong lớp ngắn hạn tại Đại học Phương Đông, trong khi chờ đợi Đại hội V Quốc tế Cộng sản khai mạc và chuyển lên đường về châu Á, Nguyễn Ái Quốc được nhận vào làm cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản (theo giấy xác nhận do Petơ-rốp ký ngày 14-4-1924). Nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời đến Hồng trường nói chuyện với những người đi biểu tình và được Tư lệnh thành phố Mátxcơva cấp giấy phép tự do đi lại trên Hồng trường trong ngày Quốc tế của những người lao động. Những hoạt động tích cực của Người trên đất nước Xô Viết, sự có mặt của Người trong những nghi lễ quan trọng cho thấy vai trò và uy tín của Nguyễn Ái Quốc ngày càng được khẳng định ở trung tâm phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản họp từ ngày 17-6 đến 8-7-1924 tại Mátxcơva (với 504 đại biểu thay mặt cho 46 Đảng cộng sản, 4 Đảng không cộng sản và 10 tổ chức quốc tế) để tổng kết tình hình, rút ra những bài học kinh nghiệm của các cuộc đấu tranh giai cấp trong những năm 1918-1923, đồng thời nêu lên ý nghĩa, tầm quan trọng của việc Bôn-sê-vích hoá các Đảng Cộng sản. Tại Đại hội, vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc



đặc biệt lưu tâm là điểm thứ 5 của chương trình nghị sự. Trong buổi khai mạc Đại hội, Nguyễn Ái Quốc phát biểu: Tôi muốn biết Đại hội có gửi Lời kêu gọi đặc biệt đến các dân tộc thuộc địa không? Và trước khi biểu quyết thông qua Lời kêu gọi, Người đề nghị bổ sung mấy chữ: Gửi các dân tộc thuộc địa.

Sau đó, tại phiên họp thứ 8, ngày 23-6-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời phát biểu ý kiến. Thẳng thắn phê bình một số Đảng Cộng sản đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa, Người nói: "Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại, và vạch ra để Quốc tế cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa còn có cả nguy cơ của các thuộc địa", đồng thời "Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa... thế mà khi nói về cách mạng... các đồng chí lại khinh thường thuộc địa". Tiếp tục chương trình nghị sự, được phát biểu về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tại phiên họp thứ 22 của Đại hội, ngày 1-7-1924, Nguyễn Ái Quốc khẳng định tầm quan trọng và vị trí của cách mạng thuộc địa: "Cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch".

Tại phiên họp thứ 25, ngày 3-7-1924, Nguyễn Ái Quốc phát biểu về vấn đề ruộng đất và nông dân ở các thuộc địa của Pháp. Nói về sự thất bại của nông dân bản xứ, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh: "Họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng".

Với danh nghĩa đại biểu Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ, họp từ ngày 7 đến 22-7-1924. Trong bài tham luận tại Đại hội, Nguyễn Ái Quốc trình bày những vấn đề liên quan đến giai cấp vô sản ở Đông Dương, khẳng định giai cấp vô sản Đông Dương chưa có một tổ chức công nhân nào cả. Từ thực tế đó, Người đề nghị: "*Các tổ chức công nhân cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng của chúng tôi*". Sau đó, Người được mời và tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên và Hội nghị của Tổ chức Quốc tế Cứu tế đỏ (MOPR). Tác giả T.Lan (bút danh của Bác Hồ) có kể thêm rằng: *Sau Đại hội V của Quốc tế Cộng sản, Bác còn dự các cuộc Đại hội Quốc tế công hội đỏ, Quốc tế nông dân, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thanh niên, Quốc tế cứu tế đỏ (Nopr). Ở Đại hội Quốc tế phụ nữ, Bác đã gặp nhiều nữ đồng chí Bôn-sê-vích, trong đó có đồng chí Corúpxcava (vợ Lê-nin). Đồng chí Corúpxcava rất chất phác, hiền lành, khiêm tốn và nói tiếng Pháp rất thạo. Đồng chí ân cần hỏi Bác về phong trào phụ nữ Việt Nam và nói cho Bác nghe một số kinh nghiệm về việc hoạt động phụ nữ. Hội đó đồng chí làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục.*

Trong thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã tranh thủ viết bài cho các báo Nhân đạo (*L'Humanité*), Đời sống công nhân (*La Vie Ouvrière*), Sự thật (*Pravda*),



Người cùng khổ (*Le Paria*), Thư tín quốc tế (*Inprekor*), Tạp chí Cộng sản v.v... Các bài báo tập trung nói về các vấn đề liên quan đến giai cấp công nhân, đến cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các thuộc địa, đồng thời chỉ ra mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng thuộc địa. Từ những bài báo viết trong những năm 1921-1924 này, Người bổ sung, sửa chữa thành cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Cuối năm 1924, bản thảo được gửi từ Mátxcova đến Pari cho Hội Liên hiệp thuộc địa và Ban biên tập báo *Le Paria* (trước khi Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Quảng Châu). Tác giả T.Lan (bút danh của Bác Hồ) nhớ lại:

Bác bí mật sang Trung Quốc. Lúc đó, Trung Quốc đang trong tình trạng lộn xộn. Ở miền Bắc, bọn quân phiệt Ngô Bội Phu, Đoàn Kỳ Thụy, Trương Tác Lâm... - do các nước đế quốc giật dây - đang đánh nhau lung tung. Ở miền Nam, Quốc Dân đảng của cụ Tôn Trung Sơn và Đảng Cộng sản đang hợp tác chặt chẽ, do đó mà phong trào cách mạng đang lên cao. Chính phủ cách mạng (Quốc dân Đảng) đóng ở Quảng Châu, đang chuẩn bị tiến quân về miền Bắc.

Bác về đến Quảng Châu thì may lại gặp các đồng chí Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Thái Xương (vợ đồng chí Lý) và nhiều đồng chí khác mà Bác đã quen biết lúc ở Pháp. Đồng chí Mao Trạch Đông hỏi đó phụ trách trường huấn luyện nông dân. Đồng chí Lưu Thiếu Kỳ phụ trách phong trào công nhân. Đồng chí Bành Bái phụ trách tổ chức nông dân.

Thiên hạ đều biết rõ hoạt động cách mạng của các đồng chí lãnh đạo Trung Quốc. Đây Bác chỉ tóm tắt kể chuyện đồng chí Bành Bái. Tuy xuất thân từ một nhà địa chủ phong kiến kéch sù, đồng chí Bành là một trong những người lập nên Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trước đó, đồng chí đã vận động và tổ chức nông dân ở vùng Hải Lục Phong. Đầu tiên, đồng chí vận động những tá điền của bố mình đòi giảm tô giảm tức, vì vậy, mà bị ông cụ ghét bỏ thậm tệ. May nhờ bà cụ cưng con và cô em gái thương anh, mà đồng chí Bành tiếp tục hoạt động được.

Trong thời kỳ đầu, đồng chí Bành đã gặp nhiều thất bại như: mặc áo tây đến nhà nông dân, họ tránh không chịu gặp, vì họ nghĩ "cậu ám" đến đòi nợ cho bố. Vì hay nói chữ, nông dân nghe không hiểu. Vì gặp phụ nữ cũng nói chuyện, bị nông dân ghen, v.v... Mỗi lần thất bại, đồng chí đều cố tìm ra nguyên nhân và sửa chữa ngay. Nhờ có quyết tâm và chịu khó, chẳng bao lâu đồng chí đã tổ chức được nông hội khắp hai huyện Hải Phong và Lục Phong. Nông dân hai huyện đã dùng súng ống đánh nhau với những địa chủ ngoan cố... Khi Quốc dân Đảng phản bội cách mạng, nông hội ở Hải Lục Phong vẫn đứng vững và đã che chở được nhiều cán bộ bí mật. Công xã Quảng Châu thất bại, đồng chí Bành vâng lệnh Đảng lên hoạt động bí mật ở Thượng Hải, bị bắt và đã oanh liệt hy sinh.

Ở Quảng Châu, Bác vừa làm phiên dịch cho đồng chí Bơôđin - cố vấn Liên Xô bên cạnh Chính phủ cách mạng Quốc Dân đảng vừa phụ trách mục tuyên truyền trong tờ báo Canton Gazette - báo bằng chữ Anh của Trung ương Quốc Dân đảng.



Đến Quảng Châu được ít lâu, Bác cùng các đồng chí Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu, Lê Tân Anh... tổ chức hội "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí" chuẩn bị nền tảng cho việc tổ chức Đảng Cộng sản sau này. Với sự giúp đỡ của các đồng chí Trung Quốc, hội bí mật đưa một số thanh niên trong nước đến Quảng Châu học ở lớp huấn luyện chính trị. Hội ra một tờ báo Thanh niên in bằng giấy sếp, bí mật gửi về trong nước để tuyên truyền.

Thế là lời đoán mò mấy năm trước đây của "quan thượng thư thuộc địa Pháp" đã thực hiện: Phong trào cách mạng từ Pari sang Mátxcova, từ Mátxcova sang Trung Quốc, từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Được các đồng chí Trung Quốc đồng ý, Bác tổ chức hội "Á châu bị áp bức dân tộc liên hiệp". Hội này có người Việt Nam, người Trung Quốc, người Ấn Độ, người Triều Tiên v.v... tham gia khá đông và hoạt động khá mạnh. Cụ Liêu Trọng Khải được bầu làm hội trưởng, Bác làm bí thư.

Trong thời kỳ đó, ở Hương Cảng nổ ra cuộc tổng bãi công. Các nhà máy, các bến tàu, các trường học, các chợ búa đều bãi công, bãi thị, bãi khoá. Nông dân chung quanh Hương Cảng thì cấm ngặt không để tiếp tế lương thực cho người Anh. Đời sống của thực dân Anh bị tê liệt hẳn. Nhiều người Anh và người nước ngoài khác đã cuốn gói chuẩn khởi Hương Cảng. Cuộc bãi công gần đến thắng lợi hoàn toàn thì phải chấm dứt, vì bọn Tưởng Giới Thạch phản.

Từ năm 1925 đến đầu năm 1927, phong trào cách mạng chung tiến rất thuận lợi. Ở Trung Quốc thì quân "Bắc phạt" Quảng Đông đánh đầu thắng đó. Họ đã lấy được Thượng Hải, Nam Kinh và đang tiến thẳng lên Hoa Bắc. Phong trào công nhân, nông dân, học sinh rầm rộ khắp nơi. Ở Việt Nam, thì nhiều thanh niên được huấn luyện ở Quảng Châu đã trở về nước và hăng hái hoạt động bí mật ở nhà máy, ở nông thôn, ở trường học từ Bắc đến Nam.

Vào khoảng đầu năm 1927, bọn Tưởng Giới Thạch phản bội cách mạng, thẳng tay khủng bố. Đảng Cộng sản và các đoàn thể quần chúng đều phải đi vào bí mật. Hội "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí" cũng vậy, Bác cũng phải bí mật rời khỏi Quảng Châu.

Sau ngày Cách mạng tháng Mười Nga thành công, cụ Tôn Trung Sơn thấy rõ rằng cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) chưa phải đã thắng lợi. Tuy Trung Quốc đã xóa bỏ chế độ vua chúa, nhưng vua Mãn Thanh vẫn được giữ "tiểu triều đình" ở Bắc Kinh, bọn đế quốc vẫn hoành hành, bọn quân phiệt vẫn chia nhau thống trị, công nhân và nông dân vẫn bị áp bức bóc lột như xưa. Cụ bèn chấn chỉnh lại Quốc dân Đảng và định ra ba chính sách lớn là: thân Nga, thân cộng, giúp đỡ công nông. Từ đó, lực lượng cách mạng ở Quảng Đông ngày càng phát triển.

Cuối năm 1924, cụ Tôn Trung Sơn lên Bắc Kinh đàm phán với các nhóm chính trị, nhằm tìm cách thống nhất Trung Quốc. Chẳng may cụ ốm và chết trước khi khai hội nghị. Bọn Tưởng Giới Thạch và Uông Tinh Vệ lên nắm quyền lãnh đạo Quốc



dân Đảng và đến năm 1927, chúng ra mặt phản cách mạng. Cuộc "Quốc Cộng hợp tác" lần thứ nhất tan rã. Nội chiến bắt đầu. Đảng Cộng sản tổ chức Hồng quân, lập chính quyền Xô Viết ở những vùng mình chiếm được. Đến năm 1931, Nhật Bản xâm lược Trung Quốc. Bọn Tưởng Giới Thạch muốn thoả hiệp đầu hàng, Đảng Cộng sản kêu gọi chấm dứt nội chiến để toàn dân chống Nhật. Dưới sức ép của nhân dân, Quốc Dân đảng buộc phải đồng ý cuộc "Quốc Cộng hợp tác" lần thứ hai, nhưng bọn Tưởng - Uông vẫn có âm mưu "dùng Nhật diệt cộng". Tuy bọn Quốc Dân đảng khùng bố tợn, Bác vẫn cố ở lại Quảng Châu một thời gian, vì Bác cần bí mật liên lạc với các đồng chí Trung Quốc, và cần duy trì công việc của hội "Thanh niên cách mạng đồng chí". Nhưng một đêm đã canh khuya, vào đầu tháng năm 1927, đồng chí Lĩnh (người Việt Nam, tốt nghiệp tại Trường quân quan Hoàng Phố, làm việc ở sở Công an) đến báo tin: "Chúng sắp bắt anh đấy! Tính thế nào, anh phải tính nhanh đi!". "36 chước, chước "chuồn" là hơn", Bác liền bí mật đi Hương Cảng. Đến Hương Cảng, bị sở mật thám Anh xét hỏi. Cũng như đối với mật thám Pháp, mật thám Ý, lần này gặp mật thám Anh, Bác cũng đối phó xong xuôi, dù lần này khó khăn hơn nhiều. Chúng bảo Bác phải rời khỏi Hương Cảng trong 24 giờ.

Lên Thượng Hải, bọn Quốc Dân đảng cũng khùng bố gắt. Để che mắt mật thám, Bác mặc thật bảnh, ở khách sạn thật sang. Nhưng mưu mô ấy không thể kéo dài, tốn tiền quá.

Chỉ còn một cách là chạy về Tổ quốc cách mạng - chạy về Liên Xô. Bác làm việc một thời gian ở Mátxcova, ở Bá Linh rồi ở Pari. Cố nhiên, lần này không đến gặp quan thượng thư thuộc địa, và phải hết sức khéo léo tránh mặt những người "bại:" mật thám Pháp đã quen thuộc Bác năm xưa...

Nguyễn Ái Quốc đã chọn Quảng Châu làm điểm dừng chân trên hành trình tiến gần về Tổ quốc, để tổ chức, đoàn kết, huấn luyện những thanh niên đầy nhiệt huyết đó đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập. Sau nhiều lần đề đạt, nguyện vọng của Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Với tư cách là cán bộ Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, đồng thời là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc được giao theo dõi và chỉ đạo phong trào cách mạng ở một số nước châu Á. Cuối tháng 10-1924, Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcova, đi xuyên Xibêri, nghỉ lại ở Vladivôxtốc, rồi xuống tàu Viễn Dương của Liên Xô đi Trung Quốc. Người đến Quảng Châu ngày 11-11-1924. Nắm tình hình và định hướng những công việc cần phải làm, ngày 12-11-1924, Người viết thư gửi một đồng chí trong Quốc tế Cộng sản báo tin: "Tôi đã đến đây hôm qua, và đang ở nhà đồng chí Bôrôđin với 2 hoặc 3 đồng chí Trung Quốc. Tôi chưa gặp ai cả. Mọi người ở đây đều bận về việc, Bác sĩ Tôn lên phutong Bắc. Tôi sẽ viết thư cho đồng chí sớm". Để chuẩn bị về tổ chức và tiếp tục chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho sự ra đời của một đảng mác xít ở Việt Nam, Người tiếp xúc với những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động tại Quảng Châu. Đầu tiên là những thanh niên hăng hái nhất trong Tám



Tám xã. Dân dân, Người mở rộng địa bàn hoạt động của mình. Trong thư gửi một cán bộ phụ trách Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, ngày 22-12-1924, Nguyễn Ái Quốc báo cáo: "Tôi đã tìm thấy ở đây vài người Đông Dương mà với họ, tôi hy vọng làm được việc gì đó". Đồng chí Nguyễn Lương Bằng, nguyên Phó Chủ tịch nước kể lại: "... Đồng chí Vương hẹn gặp tôi ở một phố Quảng Châu, trước một công ty bách hóa lớn. Sa Điện chỉ cách Quảng Châu có một cái cầu, qua một nhánh của con sông Châu. Tôi tới chỗ hẹn vào một buổi trưa mùa đông. Đồng chí Vương đã đợi tôi ở chỗ hẹn, chìa tay bắt tay tôi, vỗ vỗ, niềm nở ngay từ phút đầu. Tôi không nhớ một cách cụ thể hình dáng Bác lúc bấy giờ, chỉ có ấn tượng là đồng chí Vương còn trẻ lắm, khi ấy Bác mới 35 tuổi - người gầy, nhưng khỏe mạnh, đôi mắt rất sáng. Cũng như đồng chí Ích, đồng chí Vương rất nhanh nhẹn, hoạt bát, nhanh nhẹn mà vẫn từ tốn, hoạt bát mà vẫn ôn tồn, cử chỉ và lời nói thì dịu dàng, thân mật, khiến cho tôi gần gũi ngay. Đồng chí Vương rủ tôi vào trụ sở một công hội khu phố. Bấy giờ phong trào công hội rất rầm rộ ở Quảng Châu và ở khắp các tỉnh khác của Trung Quốc. Mình muốn họp, là anh em thu xếp chỗ ngay cho.

Đồng chí Vương hỏi tuổi, hỏi công việc làm ăn của tôi, hỏi hoàn cảnh lính ta dưới tàu chiến Pháp, hỏi tình hình đồng bào trong nước. Hỏi ấy, Pháp đang ra sức vơ vét của cải, bóc lột dân ta để bù đắp vào những thiệt hại của chúng do cuộc Đại chiến lần thứ nhất gây ra. Chúng mộ phu đi làm ở Hòn Gai, Cẩm Phả, đi vào đồn điền cao su trong Nam. Đời sống của những anh em ấy thật là trăm cay nghìn đắng. Dân quê thì luôn luôn bị thiên tai, hết lụt đến hạn. Tôi lấy lòng tôi ra làm ví dụ, lụt liền ba năm, nhiều bà con nghèo xơ nghèo xác thế mà vẫn phải è cổ ra mà đóng sưu cao, thuế nặng. Tôi được dịp thổ lộ những nỗi uất ức của tôi. Đồng chí Vương chăm chú lắng nghe. Nghe xong, đồng chí nói, tôi không nhớ được lời, chỉ nhớ là đồng chí Vương nhấn mạnh vào nhiệm vụ đấu tranh chống đế quốc Pháp, và tuyên truyền tư tưởng yêu nước cho tôi. Rồi đồng chí lại hỏi tôi được học đến đâu? Tôi nói nhà nghèo, chẳng được học mấy. Đồng chí Vương bảo tôi: "Đấy, các đồng chí cũng thất học. Chúng ta cần giúp đỡ nhau học thêm..."

Buổi gặp đầu tiên ấy cũng ngắn thôi. Nhưng đối với tôi đấy là một kỷ niệm sâu sắc. Gặp đồng chí Ích tôi đã phấn khởi. Gặp đồng chí Vương, tôi càng phấn khởi hơn. Không những tôi nhận thấy ở đồng chí Vương một người có một tấm lòng yêu nước sâu rộng, mà còn tìm thấy ở đồng chí một người anh sẵn sóc mình từng li từng tí. Nhưng điều tôi thích nhất vẫn là cách đối xử thân mật và những lời nói ôn tồn, thấm thía của đồng chí Vương.

Cách đó không lâu, tôi được kết nạp vào Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Trong buổi lễ kết nạp, đồng chí Vương cũng có mặt. Từ đó, mỗi tuần hai kỳ, tôi từ Sa Điện sang Quảng Châu, dự lớp huấn luyện chính trị, mở cho một số anh em chúng tôi và do đồng chí Vương và đồng chí Ích hướng dẫn. Trí óc tôi dần dần mở mang. Đấy là những ngày tôi say sưa với một tài liệu rất quý báu là cuốn Đường cách



mệnh, cuốn này do chính Bác soạn ra. Ngoài giờ huấn luyện chính trị, đồng chí Vương còn dạy chúng tôi học thêm văn hóa, như dạy học tiếng Anh chẳng hạn. Trong những ngày này, chúng tôi thường gặp đồng chí Vương ở các trụ sở công hội, hoặc ở nhà chúng tôi thuê làm cơ quan để hội họp. Cũng có khi đồng chí Vương hẹn gặp chúng tôi ở một chỗ rồi kéo chúng tôi đi trên hè phố nói chuyện. Những lúc gần gũi như thế, tôi thấy đồng chí Vương không bỏ qua một việc gì, dù nhỏ, nhằm uốn nắn, giáo dục chúng tôi. Một hôm, nhân một câu chuyện gì đó về lính thủy, chúng tôi gọi anh em là họ. Đồng chí Vương cười và hỏi: Đấy là anh em mình cả sao lại gọi là họ? Lời nói thật là ôn tồn, và tôi nhận ra rằng gọi như thế tức là đã có ý bí thủ, phân chia người này với người khác.

Việc học tập chính trị và văn hóa đang tiến hành, một hôm trong một buổi họp chung, đồng chí Vương nói hiện nay trong nước đang cần người về hoạt động và hỏi chúng tôi ai tình nguyện về nước. Tôi giơ tay xin về. Đang tuổi thanh niên, tôi rất ham hoạt động, có việc là đi. Tôi làm dưới tàu binh Pháp, lương tháng không đến nổi ít ỏi, thế nhưng tôi bỏ phăng. Đồng chí Vương gặp riêng tôi, hỏi đã nghĩ việc chưa, đã sẵn sàng chưa? Đồng chí căn dặn tôi khi về nước, thì tìm gặp những bạn cũ ở quê nhà hay ở thành phố, vẫn có tình thân với mình. Trong bất cứ câu chuyện gì, cũng gọi đến cánh Pháp áp bức bóc lột. Nếu bà con tỏ ý đồng tình, thì hỏi: ta cứ chịu để cho nó áp chế mãi sao? Bà con sẽ hỏi: sức đâu mà chẳng chịu? Nói: sức mạnh là ở đoàn kết, đoàn kết thì có sức mạnh lấy súng của giặc là vũ khí của mình. Dần dần đưa bà con vào các phường họ, các hội ái hữu, tương tế. Người tích cực thì tổ chức vào hội trùóc. Cứ thế mà mở rộng phong trào. Đồng chí Vương dặn dò tôi cần kẽ, tử mĩ nhất là vấn đề giữ bí mật. Trùóc khi chia tay, đồng chí Vương lại bảo tôi phải chú ý một điểm: Mình ở ngoài nước về, thường là có mật thám theo. Cho nên mới về nước, không nên đi lung tung ngay, chưa nên vào nhà ai vội. Không những thế, nếu cần còn phải đóng vai người chơi bời để mật thám không chú ý...".

Những hoạt động bước đầu đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm được chỗ dựa, hình thành được nhóm trung kiên để triển khai công việc. Từ việc nắm rõ những đặc điểm, tình hình đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam được thể hiện rõ trong báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, Nguyễn Ái Quốc đã khẩn trương, chủ động và cẩn trọng tiến hành xây dựng tổ chức cách mạng theo từng bước: tiếp xúc và tìm hiểu những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc, để lập ra nhóm bí mật làm hạt nhân gồm 9 hội viên. Bước tiếp theo, Người tiến tới thành lập một tổ chức có tính chất quần chúng rộng hơn nhằm tập hợp những thanh niên yêu nước trong và ngoài nước. Đó là tổ chức *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* được thành lập 6-1925. Được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, lấy tự phê bình và phê bình làm phương châm phát triển của mình, trong *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, tất cả các hội viên phải hoạt động trong quần chúng, tuyệt đối giữ bí mật hoạt động



của Hội. Hội được tổ chức thành 5 cấp: Tổng bộ, Kỳ bộ, Tỉnh bộ, Huyện bộ và Chi bộ. Mục đích của Hội là: "*Hy sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại được độc lập cho xứ sở) rồi sau làm cách mệnh thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản)*".

Nguyễn Ái Quốc mở *Lớp huấn luyện chính trị* để chuẩn bị xây dựng một đội ngũ cán bộ làm nòng cốt cho việc tuyên truyền những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lênin về trong nước. Lớp học chính thức khai mạc cuối năm 1925 tại ngôi nhà số 13 và 13/1 (nay là nhà số 248 - 250), đường Văn Minh, Quảng Châu, Trung Quốc. Từ đầu năm 1926 đến tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc đã mở được ba khóa huấn luyện cho khoảng 75 người. Người trực tiếp phụ trách và là giảng viên chính. Chương trình học tập bao gồm cả lý thuyết lẫn thực hành. Thông qua huấn luyện, các học viên được vũ trang những vấn đề sơ giản về chủ nghĩa Mác - Lênin, về những nguyên tắc hoạt động bí mật và kỹ năng thực hành các công tác vận động quần chúng... Sau này, những bài giảng của Người được tập hợp, hoàn thiện trong cuốn *Đường Kách Mệnh*. Tuyệt đại bộ phận học viên học xong đều trở về nước và về Xiêm hoạt động. Họ đã trở thành những người tuyên truyền, tổ chức các tổ chức cách mạng trong nước và Việt kiều ở Xiêm.

Với tầm nhìn chiến lược, với vị thế cán bộ của Ban phương Đông, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn những thanh niên Việt Nam có khả năng, gửi đi học Trường Đại học Cộng sản của những người lao động Phương Đông ở Mátxcova (Trường đại học Phương Đông) và Trường Quân sự Hoàng Phố ở Quảng Châu. Không chỉ dừng lại ở việc lựa chọn và cử những thanh niên đi đào tạo, Người còn muốn gửi những thiếu nhi độ tuổi từ 12-15 có mặt ở Quảng Châu, đang là "những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam" sang Mátxcova để đào tạo, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán, đáp ứng yêu cầu của cách mạng Việt Nam sau này.

Cùng với việc đào tạo đội ngũ cán bộ, Nguyễn Ái Quốc chủ trương xuất bản sách và báo chí làm phương tiện tuyên truyền. Báo *Thanh Niên*, cơ quan ngôn luận của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo, đồng thời là cây bút chủ chốt (số đầu tiên ra ngày 21-6-1925), có các chuyên mục: xã hội, bình luận, tin tức, diễn đàn, vấn đáp, phê bình, trả lời bạn đọc, v.v... Những bài viết của báo *Thanh Niên* đều ngắn gọn, lời văn giản dị, trong sáng, dễ hiểu, thường đề cập những vấn đề chính: Đế quốc và thuộc địa; Cách mạng và cải lương; Thực tiễn của cách mạng Việt Nam; Đảng cách mạng và Đảng Cộng sản; Cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới; Cách mạng và mặt trận dân tộc thống nhất; Học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, v.v... Thông qua báo *Thanh Niên*, tổ chức *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* đã thống nhất về phương hướng và nội dung tuyên truyền giáo dục ở trong và ngoài hội.

Báo *Thanh Niên* ra hàng tuần, bằng tiếng Việt. Từ 6-1925 đến 4-1927, báo ra được 88 số. Là tờ báo đầu tiên trong lịch sử báo chí vô sản nước ta, báo *Thanh Niên*



đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân Việt Nam.

Tiếp theo tờ *Thanh Niên*, Nguyễn Ái Quốc cùng các bạn chiến đấu của mình còn xuất bản ba tờ báo định kỳ khác là: báo *Công nông* (từ 12-1926 đến đầu năm 1928), báo nguyệt san *Linh cách mệnh* (từ đầu năm 1927 đến đầu năm 1928) và *Việt Nam tiến phong* cho những đối tượng hẹp hơn.

Cùng với việc xuất bản báo, Nguyễn Ái Quốc dành thời gian cho cuốn *Đường Kách mệnh*. Cuốn sách gồm những bài giảng của Người tại các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* ở Quảng Châu (Trung Quốc) trong những năm 1925-1927 được tập hợp và hoàn thiện. Cuốn sách được Bộ Tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản vào đầu năm 1927 để làm tài liệu học tập và truyền truyền. Sau cuộc đảo chính phản cách mạng của Tướng Giới Thạch (4-1927), những người cách mạng Việt Nam hoạt động trên đất Trung Quốc đã trở thành đối tượng của sự khủng bố. Không thể tiếp tục ở lại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc chuyển đến Hương Cảng, nhưng mật thám Anh lại yêu cầu Người phải rời Hương Cảng. Người đi Thượng Hải, nhưng tại đây, Quốc Dân đảng cũng đang tiến hành những đợt khủng bố gắt gao, vì vậy, Người quyết định rời Thượng Hải trên một chiếc tàu buôn đi Vladivôxtôc. Tháng 5-1927, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova sau gần ba năm xa cách, tiếp tục làm việc trong Quốc tế Cộng sản. Sau ít ngày nghỉ ngơi trên bãi biển Crum, Người quay trở lại Mátxcova. Người bắt tay viết cuốn sách nhỏ *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân*, đúc kết kinh nghiệm cao trào cách mạng và các Đảng Cộng sản ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp, nêu tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chính trị, tổ chức và quân sự trong nông dân, đặc biệt là công tác quân sự của Đảng trong nông dân v.v... Người cũng từ tìm hiểu, nghiên cứu, và viết nhiều bài về Ấn Độ và được công bố vào năm 1928 như: *Phong trào công nhân ở Ấn Độ* (Inpreko, tiếng Pháp, số 37, 21-4-1928), *Sự bóc lột phụ nữ và trẻ em Ấn Độ* (Inpreko, tiếng Pháp, số 39, 14-4-1928), v.v... Đặc biệt, trong bài viết *Sự thống trị của đế quốc Pháp ở Đông Dương* đăng trên tạp san *Thư tín quốc tế*, số 104, 1927, Nguyễn Ái Quốc đề cập bản chất sự kiện chính trị thời sự (xung đột Hoa - Việt ở Hải Phòng) của nước ta khi đó.

Trung tuần tháng 11-1927, Người được Quốc tế Cộng sản cử đi Pháp công tác. Đầu tháng 12-1927, từ Pháp Người đi dự phiên họp mở rộng của Đại hội đồng Liên đoàn chống đế quốc tại Brúcxen (Bi). Sau khi mật thám Pháp phát hiện sự có mặt của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp, Người quyết định thay đổi hành trình, bí mật quay trở lại Đức vào trung tuần tháng 12-1927 và ở đây, Người nhận làm phóng viên cho tờ báo *Thế giới* (*Die Welt*). Không lâu sau, theo nguyện vọng của Người, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ra quyết định đồng ý để Nguyễn Ái Quốc trở về hoạt động ở Đông Dương (25-4-1928). Ngày 21-5-1928, từ Béclin Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi



các đồng chí trong Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản, báo tin về việc chuẩn bị lên đường và những việc đã làm. Đầu tháng 6-1928, Nguyễn Ái Quốc rời Béclin, bắt đầu cuộc hành trình để về gần Tổ quốc. Từ Đức, Người qua Thụy Sĩ đến Italia. Tại biên giới Thụy Sĩ - Italia, mặc dù bị cảnh sát gây khó dễ nhưng Người cũng vượt qua được và đi Milan, rồi từ Rôma, Người đến Napôli, đáp tàu thủy Nhật Bản đi Xiêm.

Từ tháng 7-1928 đến tháng 11-1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Xiêm (Từ 1938 gọi là Thái Lan), xây dựng lực lượng cách mạng trong Việt kiều yêu nước. Đầu tiên, Người tới Băng Cốc, từ đó, đi Bản Đôn (huyện Phì Chịt, tỉnh Phếtxanuloóc). Để giữ bí mật, Người dùng một số bí danh như Thọ, Nam Sơn, Thâu Chín v.v... Cuối tháng 7-1928, Nguyễn Ái Quốc rời Phì Chịt đến vùng Đông Bắc Xiêm như Udon Thani, Xa Vang, Na Khôn Pha Nôm, Noọng Khai, v.v... để xây dựng cơ sở, từ đó tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào đấu tranh cách mạng, gây ảnh hưởng về trong nước. Tác giả T.Lan (bút danh của Bác Hồ) kể lại:

Bác được phái đi dự cuộc hội nghị quốc tế "chống chiến tranh đế quốc" ở Borúcxen, thủ đô nước Bỉ. Đến ga xe lửa, thì Bác gặp đồng chí Xan Catadama - người sáng lập Đảng Cộng sản Nhật. Vì tuổi già, đồng chí được đoàn thể cấp cho vé xe hạng nhất. Khi thấy Bác đi hạng ba, đồng chí cũng quyết đi hạng ba, mặc dù Bác khẩn khoản mời đồng chí cứ đi hạng nhất cho khỏe khoắn. Đồng chí Xan Catadama là một người thợ nhiều nghề, đấu tranh đã nhiều, lênh đênh không ít. Tính rất kiên quyết, đồng thời rất hiền lành.

Đến dự hội nghị, có nhiều đại biểu các nước thuộc địa, và đại biểu mấy đảng cộng sản các nước đế quốc. Ở hội nghị, Bác có gặp người chiến sỹ lão thành yêu nước là cụ Nêru - thân sinh của Thủ tướng Nêru.

Sau hội nghị ít lâu, Bác đi Thụy Sĩ, sang Ý để dần dà đi về Tổ quốc.

Thụy Sĩ là một nước nhỏ, chỉ rộng hơn 41.000 cây số vuông, với hơn năm triệu dân. Vì ở vào giữa ba nước Pháp, Đức, Ý, cho nên người Thụy Sĩ nào cũng biết ba thứ tiếng; nói chung thì trình độ văn hoá khá cao. Phong cảnh rất đẹp; có núi Anpơ cao hơn 4.000 thước và tuyết phủ suốt đời. Có hồ Gionevơ mệnh mệnh, dài 70 cây số, rộng 12 cây số, sâu hơn 300 thước, v.v... Mỗi năm có hàng chục vạn người nước ngoài đến thăm; "lữ hành" là một nguồn lợi lớn, được coi như một ngành công nghiệp.

Hồi đó, nước Ý đang bị bọn phát xít Mútxôlini thống trị. (Mútxôlini cướp chính quyền năm 1922, bị nhân dân xừ tử năm 1945). Ở các hiệu buôn, các trường học, các cơ quan, các nhà tù, hai bên đường... nơi nào cũng treo ảnh Mútxôlini với những áo mũ khác nhau. Khi thì như đô đốc hải quân. Khi thì như đại nguyên soái. Khi thì như tổng tư lệnh không quân. Khi thì như quận công - thủ lĩnh tối cao của đảng phát xít... Nhưng bộ mặt vênh vào để ghét thì bao giờ cũng không thay đổi.

Khi Bác xin giấy phép đi qua nước Ý, cơ quan phát xít hỏi nhiều câu lời thôi. Đến biên giới, công an biên phòng phát xít giờ xem quyển "Tự điển chống cộng



quốc tế" dày khoảng 2.000 trang, ghi tên tuổi những người cách mạng các nước, từ chữ A đến Z. Không thấy tên mới của Bác trong đó, chúng chào lễ phép và nói: "Mời ông cứ đi!"

Đến phía Bắc nước Ý, Bác ghé vào xem hội chợ ở Mi Lan, một thành phố buôn bán phồn thịnh nhất nước Ý. Ở đó có một cái tháp cao, ai muốn lên tháp xem phong cảnh chung quanh, thì phải mua vé. Bác chào ông cụ già gác tháp và hỏi bằng tiếng Ý: "Sao cụ, đời sống thế nào?". Nhìn trước nhìn sau không có ai, ông cụ thở dài và nói: "Ôi, khổ lắm ông ạ! Biết bao giờ sẽ chấm dứt chế độ này...!"

Khi đi xem phong cảnh thủ đô Rôm, Bác bị hỏi giấy và bị đưa về sở công an. Cũng nhờ bị bắt mà Bác hiểu thêm cảnh thống trị của phát xít. Trên các đường phố, cứ cách độ 100 thước, thì có một tên mật thám. Cách 500 thước thì có một tên tổ trưởng mật thám. Tên mật thám hỏi giấy và bắt Bác hầu như mù chữ. Tại sở mật thám, chúng ra vẻ rất lễ độ. Tên trưởng phòng đứng dậy bắt tay Bác, mời Bác ngồi và mời Bác hút thuốc, rồi hỏi những câu bằng quơ. Người ít kinh nghiệm thì dễ rơi vào cạm bẫy của chúng...

Rôm là một thủ đô khá đẹp, với khoảng 2 triệu dân, có nhiều di tích lịch sử gần 3.000 năm. Hầu như đường phố nào cũng có một nhà thờ công giáo hoặc to, hoặc nhỏ. Thành phố xa hoa nhộn nhịp, "ngựa xe như nước, áo quần như nêm". Nhưng người thường dân thì cực khổ, vì giá sinh hoạt đắt đỏ, và thuế khoá nặng nề. Ngủ khách sạn một đêm cũng phải đóng thuế. Ăn một đĩa xúp cũng phải nộp thuế. Đi xem chiếu bóng cũng phải nộp thuế. Một bạn công nhân ý nói khẽ với Bác: "Người Ý từ lúc còn ở trong bụng mẹ cho đến sau khi vào quan tài, động một chút là phải nộp thuế!"

Bên cạnh Rôm có thành phố Vatican - là cung điện của Giáo hoàng, đại bản doanh của đạo Thiên chúa. Ở đó có nhiều nhà thờ và lâu đài rất nguy nga đồ sộ. Bộ đội của Giáo hoàng canh gác nơi đây vẫn ăn mặc như lính phong kiến cách đây hơn 300 năm, khi nhà thờ đòi đốt sống ông Galilê nếu ông không chịu bỏ cái lý thuyết rằng quả đất xoay vần.

Rất đông khách nước ngoài đến xem Vatican, nhất là những ngày có cúng lễ lớn thì có đến hàng chục vạn người. Dân cư chính cống ở thành phố này không đầy 1.000 người, số đông là nhân viên của toà thánh. Viện bảo tàng có trưng bày những gông cùm mà trước đây nhà thờ dùng để phạt những người dân thiếu thuế, thiếu nợ. Có một cái guồng xe như cái đu tiên, người ta trói giữa người bị phạt vào đó, cột chặt mình mấy và chân tay vào guồng xe, rồi vừa đánh vừa quay tít thò lò...! Bác đến cửa biển Náplơ, đi xem núi lửa Vexuvơ và di tích Pompêli. Đời xưa, Pompêli là một thành phố nghỉ mát của người Rômanh. Cách đây khoảng 1.880 năm, Pompêli bất thành linh bị tro và bùn núi lửa Pompêli vùi lấp hết. Về sau người ta đào lên dần dần. Ngày nay, dấu tích nhà cửa vẫn còn. Nhiều bức vẽ trên tường ghi tả đời sống xa hoa dâm dật của bọn quý tộc - màu sắc vẫn còn tươi đẹp. Núi lửa Pompêli không



dữ tợn như trước, nhưng vẫn phun khói mù trời. Bác đáp tàu Nhật Bản đi Xiêm. Ở Xiêm, Bác giúp kiều bào chỉnh đốn thêm những đoàn thể yêu nước, và tổ chức thêm trường học dạy các trẻ em. Kiều bào ở Xiêm có thể chia làm ba hạng. (A) là những đồng bào nghèo - số đông từ hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị sang Xiêm buôn bán kiếm ăn. (B) là cháu chắt những đồng bào theo đạo Thiên Chúa bị triều đình Minh Mạng và Tự Đức khủng bố, chạy trốn sang Xiêm. Những kiều bào này ở tập trung thành từng xóm từng làng. Họ vẫn nói tiếng Việt và ăn mặc như người Việt dù họ đã lấy quốc tịch Xiêm, (C) là những người đã tham gia phong trào Văn thân ngày trước và phong trào cách mạng ngày nay, bị thực dân Pháp khủng bố mà chạy sang đây. Khi đông người thì ở tập trung từng xóm, ít người thì ở xen lẫn với kiều bào cũ.

Nói chung, kiều bào đều đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, nhớ thương Tổ quốc, và căm thù thực dân. Có những cán bộ rất tận tụy và được kiều bào tin cậy.

Bà con Xiêm đối với kiều bào ta cũng tử tế. Chuyện sau đây chứng tỏ cảm tình tốt của người Xiêm đối với kiều bào: Cụ Tú Hường (em cụ Đặng Nguyên Cẩn) là một người cách mạng già rất gương mẫu. Một hôm, thực dân Pháp phái mật thám sang yêu cầu chính phủ Xiêm bắt giùm cụ Tú cho chúng. Viên quan địa phương cho mời cụ Tú đến trụ sở và hơn mười cụ già Xiêm đều da đen, người thấp, râu bạc, giống hệt cụ Tú, rồi bảo tên mật thám Pháp: "Đấy, ông xem ai là Tú Hường thì ông bắt đi. Nhưng nếu ông bắt nhầm người công dân Xiêm, thì ông sẽ phải chịu phạm luật quốc tế!". Tên mật thám nhìn kỹ, thấy ông già nào cũng giống nhau, nó không nhận ra ai là cụ Tú. Kết quả là nó phải cụp đuôi không dám bắt ai.

Việt kiều sinh sống ở Xiêm phần nhiều là nông dân, thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ, cho nên, trong thời gian ở đây, Người tiếp tục các hình thức hoạt động như ở Quảng Châu. Người hoà mình với đồng đảo quần chúng, sống đời sống của quần chúng, làm những việc cùng với quần chúng, tổ chức báo chí (đổi tên tờ báo *Đồng Thanh* thành *Thân Ái* và ra được hai số), mở lớp đào tạo ngắn hạn cho hội viên của chi hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, nắm tình hình trong nước và Quốc tế Cộng sản, dịch một sách mác xít phổ thông sang tiếng Việt (Nhân loại tiến hoá sử, A.B.C Chủ nghĩa cộng sản, v.v...). Với sự hoạt động tích cực của Người, phong trào yêu nước của Việt kiều ở Xiêm đã có nhiều chuyển biến mới, tích cực. Các tổ chức cách mạng được củng cố và phát triển. Sự đoàn kết trong nội bộ Việt kiều, mối quan hệ thân thiện giữa Việt kiều và người Xiêm được tăng cường. Ông Lê Mạnh Trinh, cơ sở Việt kiều ở Xiêm cũng kể lại: "... Mùa thu năm 1928, ở Ban Đông, thuộc Phi Chít (Trung Bộ nước Xiêm) có ông Chín xuất hiện. Những người chưa từng quen biết ông, đoán với nhau, thì thào. Có người nói: Có lẽ ông ở bên nước mới sang chăng? Nhưng rồi họ tự hỏi: nhưng sao ông lại nói tình hình thế giới được rành mạch như thế? Có người nói: Hay là ông ở Tàu về? Nhưng rồi họ cũng tự nhủ: Không lẽ! Vì ông biết tình hình trong nước rất tường tận kia mà!...

Ở đây luôn luôn có người trong ra, ngoài vào. Ai đến cũng đều có báo cáo tình



hình với Hội Hợp tác, nhưng không ai biết được nhiều chuyện mà nói rất rõ ràng và dễ hiểu như ông Chín cả. Mà lạ nhất là tại sao ông cũng hiểu rõ cả tình hình kiều bào ở Xiêm.

Ở Phi Chít kiều bào có ít, tổ chức tương đối tốt nhưng lại gần tai mắt của mật thám, nên ông Chín chỉ ở lại có mười ngày rồi đi U Đon. Từ Phi Chít đến U Đon, phải đi bộ theo đường rừng mát khoảng mười ngày. Mỗi người đi đường phải gánh theo hai thùng có nắp đậy để đựng những quần áo, đồ dùng lật vật và mang một con dao, một ống cheo (thịt gà hoặc sườn lợn băm nhỏ rang muối mặn) và 10kg gạo. Lúc ấy là mùa thu. Cây rừng trọi lá. Trên thì trời nắng, dưới chân thì đất cát lẫn sỏi.

Thấy ông Chín xưa nay chưa quen gánh mà cũng chưa quen đi bộ, anh em không để cho ông gánh. Nhưng ông không chịu. Đôi thùng đưa đi đưa lại, chân nam đá chân chiêu. Thế mà ông Chín vẫn cố gắng. Mấy ngày sau, trong lúc ngồi nghỉ, anh em thấy hai bàn chân của ông Chín đã đỏ chín, rớm máu. Hỏi ông, mới biết ra là ngay từ ngày đầu, chân ông đã phồng và đỏ như vậy, nhưng không ai biết, vì ông cứ thản nhiên làm như không có việc gì xảy ra. Ông cười và nói: "Thiên hạ vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên! Cứ để thế, đi một vài hôm nó sẽ thành "dạn", đừng ngại...". Quả nhiên, từ ngày thứ tư trở đi, ông Chín đã theo kịp mọi người. Mấy tháng sau gặp lại ông, tôi hỏi: "Bây giờ thì ông đi bộ giỏi lắm?" Ông Chín nói: "Hừ! Bây giờ thì mình "long hành hổ bộ" rồi." Thật vậy. Người ta kể lại rằng, từ U Đon đến Xa Vàng, dài 71 cây số, thế mà ông chỉ đi trong một ngày!

U Đon, thuộc Đông Bắc nước Xiêm, có thể nói là trung tâm của cuộc vận động Việt kiều ở Xiêm. Ngoài U Đon, thì Noọng Khai, Sa Côn, Na Khon, Thạt Pha Nôm, Mực Đa Han, đều có kiều bào đông. Ông Chín quyết định đi U Đon trước. Hồi ấy, chi bộ ở U Đon là chi bộ thứ hai của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Ở đó, cũng đã có tổ chức Hội Thân ái và Hội Hợp tác.

Với chủ trương của Tổng hội là đoàn kết kiều bào trường kỳ cách mạng, anh em thanh niên ở trong nước mới ra đã thực hành việc đó có kết quả khá. Nhưng dù sao, tư tưởng ấy vẫn chưa được thấm nhuần nên việc tổ chức kiều bào còn mắc bệnh hẹp hòi: ở đất nước người ta lâu mà tiếng Xiêm, chữ Xiêm không học, vì anh em cho rằng không bao lâu nữa, không đi nước ngoài thì cũng về nước để tuyên truyền vận động, chứ chẳng ăn đời ở kiếp ở đây. Mặt khác, trước tình hình có nhiều khó khăn, phong trào trong nước bị khủng bố dữ dội, anh em thấy tiền đồ cách mạng còn đen tối. Trong cuộc hội nghị đầu tiên khi tới U Đon, ông Chín báo cáo trước chi bộ, nói rõ tình hình và triển vọng cách mạng thế giới, tình trường kỳ gian khổ của cách mạng Việt Nam và đề ra chủ trương: mở rộng tổ chức, củng cố cơ sở cần thiết, tuyên truyền, giáo dục kiều bào tôn trọng phong tục tập quán và giữ pháp luật của người Xiêm, làm cho quần chúng Xiêm có cảm tình với cách mạng Việt Nam.

Ông Chín chủ trương đổi báo Đồng thanh (một tờ báo của Hội Thân Ái xuất bản từ năm 1927) ra báo Thân Ái; nội dung tờ báo phải rõ ràng, chương phải ngắn gọn



và dễ hiểu; báo phát hành càng rộng càng tốt. Hội Hợp tác trước kia chỉ nhận anh em thanh niên trong nước mới ra, nay chủ trương nhận cả kiều bào nào thật thà yêu nước tình nguyện gia nhập. Ông lại chủ trương xin phép Chính phủ Xiêm lập trường học cho trẻ em Việt kiều, khuyến khích mọi người học tiếng Xiêm, mở rộng việc vận động học chữ quốc ngữ. Ông Chín quyết định ở lại đây một thời gian. Lúc này, không ai bảo ai, người ta quen gọi ông là: "Thầu Chín" (Thầu, tiếng Lào để gọi người nhiều tuổi và biểu thị sự tôn kính).

Việc đầu tiên là Thầu Chín đặt chương trình hàng ngày của mình: Buổi sáng lao động mấy giờ, học tiếng Xiêm mấy chục chữ, dịch mấy trang sách; buổi tối, huấn luyện chính trị hoặc nói chuyện với mọi người... Thầu Chín đã làm đúng chương trình ấy. Khi mới đến, Thầu Chín cùng mọi người đào giếng và đào gốc cây. (Lúc này Hội Hợp tác đang vỡ đất hoang làm vườn). Gần một tháng, sau khi xin được phép của Chính phủ Xiêm, kiều bào xây dựng nhà trường. Thầu Chín cũng tham gia gánh gạch. Vì chưa quen gánh nặng nên buổi đầu, ông đặt chương trình gánh mỗi đầu mười viên, sau tăng dần lên 15 viên và mỗi sáng gánh hai chục gánh. Cứ mỗi lần gánh đến chỗ xếp gạch, ông lại lấy phấn đánh dấu, theo thứ tự nét chữ "chính". Đủ năm gánh thành một chữ, ông lại bắt đầu viết chữ thứ hai, cốt để khỏi nhảm. Khi đến bốn chữ "chính" là ông nghỉ; ông không bao giờ gánh hơn mà cũng không gánh kém. Xong, ông đi tắm, rồi làm việc khác theo chương trình. Nhà trường của Việt kiều ở U Don là nhà trường được Chính phủ Xiêm cho phép xây dựng đầu tiên, do chính phủ bổ nhiệm thầy dạy. Sau đó các nhà trường của Việt kiều ở Sa Côn, Na Khon được lần lượt xây dựng tương đối hơn. Buổi sáng, trẻ em Việt kiều học chữ Xiêm theo chương trình của nhà nước Xiêm, buổi chiều học chữ quốc ngữ. Thấy dạy chữ quốc ngữ là Việt kiều và do Hội Hợp tác nuôi. Ban đêm kiều bào đến đọc báo, vui chơi ở câu lạc bộ, thỉnh thoảng nghe nói chuyện tình hình trong nước và thế giới. Các trường này dạy được từ năm, bảy năm và đã có ảnh hưởng lớn trong kiều bào. Con cái người Xiêm ở gần cũng đến học ngày càng đông.

Thầu Chín cổ động mọi người trong cơ quan hợp tác cùng học chữ Xiêm; số người cùng học được mười người. Khi đặt chương trình, Thầu Chín để ra trong thời gian đầu, mỗi ngày học mười chữ, về sau tăng dần lên. Mọi người chểnh mảng, đòi học nhiều hơn. Thầu Chín chủ trương học mười chữ thôi. Mọi người cho rằng nhất định mình học được. Chưa đầy ba tháng, Thầu Chín đã xem được báo chữ Xiêm, còn những người khác thì chỉ hăng hái vỗ vập lúc đầu, về sau dần dần "bữa đục bữa cái". Kết quả chữ lại theo thầy!

Thầu Chín đã xem sách và dịch sách như thế nào? Trước khi định đọc hay dịch một cuốn sách (hồi ấy Thầu Chín dịch cuốn Nhân loại tiến hóa sử và cuốn Cộng sản A, B, C), ông đếm số chương và số trang, rồi đặt chương trình mỗi ngày dịch hay đọc mấy tờ. Ông không bao giờ chịu sai chương trình. Nếu gặp việc đột xuất, như có kiều bào đến nói chuyện chẳng hạn, thì trong ngày ấy, Thầu Chín cũng kiếm thì giờ khác bù vào, không chịu để vỡ kế hoạch.



Từ khi có Thầu Chín đến, nhà cửa anh em hợp tác, trừ những ngày có sinh hoạt nội bộ không kể, còn thì đêm nào cũng chạt ních những người. Họ rất thích nghe Thầu Chín nói chuyện, vì Thầu Chín nói chuyện rất hấp dẫn, rất thiết thực, từ câu chuyện làm ăn đưa đến câu chuyện cứu nước, từ những câu nói bình thường đưa đến câu chuyện chính trị. Người ta thấy ở ông có cái gì đáng tôn kính nhưng đồng thời dễ thân mật. Người ta thường đem chuyện gia đình, chuyện làm ăn ra bàn bạc, hỏi ý kiến Thầu Chín. Ông khuyên kiều bào phải siêng năng, chăm chỉ, thật thà, yêu Tổ quốc, giữ pháp luật và tôn trọng phong tục tập quán của người Xiêm. Thầu Chín thường nhắc đến mối cảm tình của hai dân tộc Xiêm - Việt. Ông nói: Việt Nam là thuộc địa, Xiêm là nửa thuộc địa. Việt Nam bị Pháp áp bức, Xiêm cũng bị Pháp bắt kỳ nhiều điều ước bất bình đẳng. Mình ghét Pháp, người Xiêm cũng chẳng ưa gì Pháp. Xiêm và Việt Nam lại là láng giềng. Nhất định người Xiêm có cảm tình với phong trào chống Pháp của Việt Nam.

Sinh hoạt của anh em hợp tác lúc ấy rất kham khổ. Không phải vì họ kiếm không ra tiền. Tuy số đông anh em khi ở trong nước là tiểu tư sản, trí thức, chưa lao động quen, nhưng trong thời gian ở Xiêm, anh em đã lao động hóa, làm được rất nhiều nghề. Thợ cưa, thợ mộc, thợ nề, v. v., thứ gì cũng làm được cả. Hơn nữa, ở Xiêm, nghề thủ công chưa phát đạt, nên anh em cũng dễ kiếm việc và làm cũng ra tiền. Nhưng anh em đều thấy phải cần kiệm vì còn phải nuôi con em của kiều bào và thiếu niên trong nước mới ra, cho học tập (trong số thiếu niên này, có nhiều người hiện nay là những cán bộ cốt cán), nào phải lo gây dựng cơ sở, như làm nhà trường chẳng hạn, và còn phải dự trữ để phòng khi có đông chí trong ra, ngoài vào, v.v... Cho nên có khi hàng tháng, anh em chỉ ăn rau sam hay rau lang chấm muối, hoặc chỉ ăn muối không. Muốn một vài kilô "pa-dec" (cà muối) cũng phải đợi khai hội biếm quyết. Thầu Chín cũng sống với anh em như vậy. Nhiều kiều bào gần đó thấy Thầu Chín hay hút thuốc lá, nên mỗi khi đi chợ về họ không quên mua một vài gói thuốc con "chim xanh" hay con "voi vàng" gửi cho Thầu Chín. Sau đó một thời gian không lâu, một số kiều bào cũng xin vào Hội Hợp tác, và mấy người Xiêm, vợ của kiều bào ở gần cũng biết đọc báo Thân ái, đã tham gia các cuộc khai hội của Hội Thân ái, vì họ thấy hội này săn sóc cả việc gia đình, làm ăn của họ nữa. Thầu Chín cũng thường cùng với một số thanh thiếu niên gánh khoai đi các bản đổi lấy lúa.

Ở U Đôn ít lâu, Thầu Chín ra Sa Côn. Ở đây, kiều bào đông hơn và cũng đã có trường học cho trẻ em, có Hội hợp tác của thanh niên. Nhưng ở đây, kiều bào còn chệnh tiến và mê tín. Phần lớn kiều bào theo Đạo Thiên chúa ở làng Thà Hẹ. Những người ở các làng xung quanh thị xã Sa Côn tin Đạo Phật. Những người ở thị trấn phần lớn thờ "Đức thánh Trần"...

Thầu Chín đến Sa Côn cũng sinh hoạt và công tác như ở U Đôn. Ngoài việc diệt sách và huấn luyện cho anh em thanh niên, Thầu Chín thường bày cho kiều bào tổ chức diễn kịch, thường là kịch lịch sử Việt Nam mất nước. Ông cũng đóng



một vài vai, được người xem rất thích, nhiều khi Thầu Chín ứng khẩu đặt câu hát ngay tại chỗ.

Ở đây, Thầu Chín chú ý việc giáo dục cho cán bộ về công tác quần chúng hơn ở Pi Chít và U Đon. Ông còn chủ trương cho hợp tác lập tủ thuốc, chọn người biết thuốc trong anh em hợp tác làm thầy lang để xem bệnh cho kiều bào. Thấy kiều bào hay lễ Đức thánh Trần, Thầu Chín viết ra "Bài ca Trần Hưng Đạo":

... "Diên Hồng thể trước thánh mình
Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành
Nếu ai muốn đến giành đất Việt,
Đưa dân ta ra giết sạch trơn,
Một người Việt hãy đương còn,
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà"...

Bài ca Trần Hưng Đạo được truyền bá một cách mau chóng và thần diệu. Chỉ một thời gian không lâu, Đức thánh Trần đã trở lại là người anh hùng cứu quốc. Những "dê tử" của ngài cũng dần dần giác ngộ, làm hội viên của Hội Thân Ái. Có ông Nho San vốn làm nghề lên đồng, cũng bỏ nghề cũ, đi làm thợ gạch và sau cũng xin vào Hợp tác.

Ở Sa Côn ít lâu, Thầu Chín lại cùng một vài anh em, với ít số báo Thân Ái trong mình đi khắp các nơi có Việt kiều ở rải rác trên dọc hữu ngạn sông Cửu Long, từ Mục Đa Han đến Nông Khai. Khoảng tháng 6-1929, Thầu Chín rời xứ Đông Bắc Xiêm vào Băng Cốc, ông đi thăm một số người cách mạng cũ ở rải rác nhiều nơi.

Thầu Chín di chuyển này, đến khoảng tháng 3-1930, mới trở lại đất Xiêm. Nhưng lần này, ông không gặp kiều bào. Ông chỉ ra Đông Bắc ở ít ngày, báo tin cho một số anh em biết, các nhóm cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất thành Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 3-2 ở Hương Cảng, và cho biết Chánh cương vắn tắt của Đảng. Có người hỏi: "Chủ trương của Đảng ta đối với Việt Nam Quốc Dân đảng thế nào?". Ông nói: "Sau khi thành lập Đảng, thì Đảng phái người liên lạc với họ để lập Mặt trận phản đế, khuyến họ đứng mạnh động, nhưng chưa liên lạc kịp, thì tháng 2 họ đã bạo động thất bại".

Thế rồi Thầu Chín lại đi..."

Cũng trong khoảng thời gian từ tháng 7-1928 đến tháng 11-1929, Nguyễn Ái Quốc, lúc đó với tên gọi Thầu Chín từ Xiêm vượt sông Mê Kông ít nhất hai lần sang thị xã Xavannakhet và bản Xiêng Vang, huyện Noọng Bốc, tỉnh Khăm Muộn của Lào để nghiên cứu tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của nhân dân Lào, của bà con Việt kiều và khảo sát thực địa để tìm đường bí mật qua Lào về hoạt động tại Việt Nam. Sau này, trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930, Người đã báo cáo về tình hình Lào và việc định trở về Việt Nam không thành: "Đã hai lần tôi cố gắng về An Nam, nhưng phải quay trở lại. Bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cẩn mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ An Nam "Quốc Dân đảng".



Trong những năm 1928-1929, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta tiếp tục phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Ngày 17-6-1929, tại nhà số 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, Hội nghị các đại biểu tiên tiến trong tổ chức Thanh niên Bắc Kỳ đã họp, quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, tiếp đến *An Nam Cộng sản Đảng*, *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* cũng lần lượt xuất hiện tại Việt Nam. Sự tồn tại ba tổ chức cộng sản biệt lập, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau trong một đất nước, đã dẫn đến nguy cơ chia rẽ, phân liệt của phong trào đấu tranh cách mạng, ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản đã ra Chỉ thị nêu rõ: "*Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương*".

Lúc này, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm, không biết tới nội dung bản *Chỉ thị* này, tuy nhiên, nhận thức được tầm quan trọng nguy cơ phân liệt, "*với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương*". Ngày 23-12, Người gấp rút đi Hồng Kông, gửi thư về nước mời đại diện của các tổ chức cộng sản sang Hồng Kông bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản. Tại Cửu Long, Hồng Kông, từ ngày 6-1-1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã được tiến hành dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Tham dự Hội nghị có các đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng là Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh; An Nam Cộng sản Đảng là Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm. Đông Dương Cộng sản liên đoàn đã thành lập, song chưa có liên hệ, nên chưa được triệu tập đại biểu tới dự. Tham gia giúp việc Hội nghị là Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn. Hội nghị hợp nhất diễn ra khẩn trương, thuận lợi và đạt được sự nhất trí hoàn toàn, trên cơ sở bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Các văn kiện này trở thành *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*.

Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam, viết *Lời kêu gọi* gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức, bóc lột xác định rõ đường lối, mục tiêu, phương châm của cách mạng Việt Nam trước mắt và lâu dài, đó là: "*Làm cho nước An Nam được độc lập. Thành lập Chính phủ công nông binh*". Đánh giá về sự kiện trọng đại này trong lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "*Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nước ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng*".

Lúc này, dù đang hoạt động ở nước ngoài, trên cương vị là người đại diện Ban Phương Đông, Nguyễn Ái Quốc giữ liên lạc chặt chẽ với Quốc tế Cộng sản, đồng



thời theo dõi chặt chẽ phong trào cách mạng trong nước. Ngày 27-2-1930, Người viết thư gửi đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản, báo tin Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập, đề nghị công bố trên báo *Nhân đạo* (*L'Humanité*) và tạp san *Thư tín quốc tế* (*Inprecor*) Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người cũng yêu cầu Đảng Cộng sản Pháp cho biết tên những con tàu chạy tuyến đường Pháp - Viễn Đông, có các đồng chí cộng sản Pháp làm việc trên đó để bắt liên lạc. Trong thư, Nguyễn Ái Quốc viết: Chưa thể về nước, không tham gia Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, vì đang chịu "*một cái án tử hình vắng mặt*". Ngày 28-2-1930, Người viết thư gửi các đồng chí Liên Xô yêu cầu cung cấp tài liệu để Người viết một cuốn sách tuyên truyền về nước Nga Xô Viết với nhan đề: *Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi*. Khoảng cuối năm, cuốn *Nhật ký chìm tàu* của Người đã xuất hiện ở Việt Nam, sau đó được in lại, phổ biến rộng rãi trong cao trào cách mạng Xô Viết - Nghệ Tĩnh.

Theo ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, cuối tháng 4-1930 Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm và Malaixia. Đến Đông Bắc Xiêm (Thái Lan ngày nay), Người báo tin cho một số đồng chí ở đây biết các nhóm cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong thời gian khoảng chừng một tháng ở đây, Người còn làm những nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản giao. Cuối tháng 4, Người đến Malaixia làm nhiệm vụ và sau khi thoát khỏi cuộc vây bắt ở Xinggapo (lúc đó thuộc Malaixia), vào cuối tháng 5-1930, Người quay trở lại Hồng Kông. Tại đây Người đã nhận được tin tức về phong trào cách mạng trong nước, cùng những báo cáo về hoạt động của Đảng trong quần chúng công nhân, binh lính và bà con người Việt Nam ở Thượng Hải. Tại Thượng Hải, Nguyễn Ái Quốc họp với Nguyễn Lương Bằng, Hồ Tùng Mậu, Đỗ Ngọc Du và Lưu Quốc Long,... hướng dẫn họ cách vận động cách mạng trong binh lính, làm báo *Kêu gọi lính* và đến 10-1930, Người tham dự Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Hồng Kông.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Đông Dương và sự cấu kết của bọn đế quốc trong việc bắt bớ, giam cầm các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam ở trong và ngoài nước (Trần Phú, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Lương Bằng... bị bắt cuối 3-1931), Nguyễn Ái Quốc báo cáo về Văn phòng Ban Phương Đông, đề nghị được chuyển công tác lên Thượng Hải khi tình hình diễn biến ngày càng xấu đi, song đề nghị chưa kịp thực hiện, thì ngày 6-6-1931, Nguyễn Ái Quốc (tên gọi khi đó là Tống Văn Sơ) bị bắt tại số nhà 186, phố Tam Kung (Cửu Long, Hồng Kông). Ngày 15-6-1931, Hile Nulen, người phụ trách Văn phòng chi nhánh Ban Phương Đông tại Thượng Hải cũng bị sa lưới kẻ thù.

Trước sự kiện Nguyễn Ái Quốc bị bắt, nhiều tờ báo tại Pháp đưa tin: "Người Anh đã bắt giữ ở Thượng Hải, nhà cách mạng An Nam Nguyễn Ái Quốc", (báo *Nhân đạo* (*L'Humanité*), 1931)", "Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Trung Quốc", (báo *Bao*



động tại Pari, 15-8-1931)... Các tổ chức cách mạng của ta ở trong nước qua tờ *Tin nhanh thuộc địa (La Dépêche Coloniale)* và *Dư luận (Opinion)* cũng đã biết được tin dữ này. Thực dân Pháp rất hý hửng, chúng tâng bốc nhau và tâng bốc đế quốc Anh khi bắt được Nguyễn Ái Quốc. Anh và Pháp có kế hoạch, mặc cả trong việc giam giữ, dẫn độ không trả tự do cho Nguyễn Ái Quốc, vì theo Toàn quyền R. Rôbanh (R. Robin), thì việc "trả lại tự do cho một người cực kỳ hăng hái và nguy hiểm này là một việc mạo hiểm cần phải tránh bằng bất cứ giá nào".

Tuy nhiên, đế quốc Anh và thực dân Pháp đã không thể thực hiện được kế hoạch đó. Biết Nguyễn Ái Quốc bị bắt, Hồ Tùng Mậu đã cùng đại diện của Quốc tế cứu tế đỏ đến gặp luật sư Lôđơbai (F.H. Loseby), một luật sư tiến bộ người Anh khi đó là Chủ tịch công ty luật gia ở Hồng Kông nhờ giúp đỡ. Thời gian Tống Văn Sơ bị giam giữ cũng đồng thời là khoảng thời gian nước rút của cuộc đua giữa một bên là gia đình luật sư và những người bảo vệ Tống Văn Sơ, một bên khác là sự cấu kết, có điều kiện của mật thám Anh và Pháp muốn hãm hại Người. Dưới sức ép của dư luận, của những phương tiện thông tin báo chí, luật sư Lôđơbai đã đưa vụ án Tống Văn Sơ ra xử trước Pháp viện tối cao. Lần đầu tiên trong lịch sử thuộc địa, Tòa án tối cao phải xét xử một bản án chính trị. Tính chất đặc biệt của vụ án, sự giúp đỡ cùng tài trí của luật sư và người cộng sự, sự thông minh và nhất quán trong từng câu trả lời của Tống Văn Sơ đã buộc tòa án phải xét xử Người một cách công khai. Kéo dài tới 9 phiên, phiên thứ nhất (1-8-1931), diễn ra trong không khí căng thẳng, quyết liệt, đến phiên cuối cùng (19-9-1931), nhưng việc đòi trả tự do cho Tống Văn Sơ không được giải quyết dứt điểm. Luật sư cùng người cộng sự đã quyết định chống án lên Viện Cơ mật Hoàng gia Anh. Tiền án phí và những thủ tục bắt buộc cho việc kháng án đã được luật sư lo liệu đầy đủ. Hai người bạn của ông là luật sư Đenit Noen Pơrit (Denis Noel Pritt) và Stafo Crip (Stafford Cripps) đã nhận lời giúp đỡ Tống Văn Sơ. Nhờ sự nỗ lực của luật sư Stafo Crip, Tòa án Viện Cơ mật Hoàng gia Anh đã đồng ý trả tự do cho Tống Văn Sơ. Song khi đi đến Xingapo, lấy cớ Tống Văn Sơ đi vào thuộc địa không có giấy phép, Người lại bị bắt giam. Luật sư Lôđơbai kể lại:

"Trước khi bào chữa cho vụ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi được nhiều người ở Hương Cảng (Hồng Kông) biết tiếng vì hồi đó tôi có bào chữa cho một người Việt Nam bị nhà cầm quyền Hương Cảng bắt. Hiện nay tôi không nhớ tên người Việt Nam đó là ai. Nhà cầm quyền Hương Cảng định giao người Việt Nam này cho thực dân Pháp ở An Nam với lý do An Nam là của người Pháp. Sau khi xem lại các hiệp định ký kết giữa Pháp và nhà vua An Nam lúc đó, tôi thấy chỉ có một hiệp ước trong đó nhà vua An Nam nhận cho cố vấn người Pháp sang An Nam. Do đó tôi chuẩn bị giấy tờ ra trước tòa án cãi rằng An Nam là của nhà vua An Nam chứ không phải của người Pháp, nên không thể trao trả người Việt Nam đó cho Pháp được. Sau đó người Việt Nam trên đã được thả. Nhờ vậy mà ở Hương Cảng có thêm một số người biết tôi.



Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông năm 1933

Một hôm có một người Việt Nam, hiện nay tôi không nhớ tên là gì nữa (theo đồng chí Tố Hữu thì đó là đồng chí Hồ Tùng Mậu) đến gặp tôi và báo cho tôi biết nhà cầm quyền Hương Cảng mới bắt được một người Việt Nam và yêu cầu tôi giúp bào chữa cho người Việt Nam đó. Được tin này, tôi đến nhà lao và gặp Tống Văn Sơ, tức tên Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc đó. Tống Văn Sơ kể cho tôi nghe ông bị Pháp ở Đông Dương kết án tử hình, và có nhận mặt được một số sĩ quan Pháp ở Hương Cảng. Lúc đó tôi mới biết bọn Pháp ở Đông Dương đã nhờ nhà cầm quyền Hương Cảng bắt Tống Văn Sơ. Đồng thời, Tống Văn Sơ cũng nói cho tôi biết trường hợp bị bắt của mình. Sau đó tôi đến gặp Hội đồng Luật sư để xem cần phải làm gì và về chuẩn bị giấy tờ đến gặp Chánh án.

Lần thứ hai tôi gặp Tống Văn Sơ là ở Tòa án. Chánh án ngồi trên bàn cao. Tôi cũng có mặt trong phiên tòa cùng với luật sư Gienkin (Jenkins) (hiện nay đã chết). Tống Văn Sơ đứng trước vành móng ngựa, tay bị xích. Tôi nói Gienkin xem tay Tống Văn Sơ. Gienkin nói lại với Chánh án xem tay Tống Văn Sơ. Tống Văn Sơ giơ tay đang bị xích lên cao. Gienkin nói luật pháp quy định mang bị cáo vào tòa án không được xích. Do đó, Chánh án phải ra lệnh tháo xích ở tay Tống Văn Sơ ra. Sau khi Tống Văn Sơ được tháo xích rồi Gienkin mới đọc trước tòa những lời bào chữa của luật sư.

Theo luật pháp của Anh hồi bấy giờ, khi bắt một người chỉ được hỏi người đó



năm câu mà thôi. Năm câu đó hiện nay tôi cũng không nhớ là gì nhưng đại để là tên, tuổi, làm nghề gì... Không được hỏi sang câu thứ sáu dù câu đó là câu gì. Nhưng khi bắt Tống Văn Sơ, nhà cầm quyền Hương Cảng lại có hỏi một câu thứ sáu là: "Vì sao anh sang Nga?". Nhà cầm quyền hỏi câu thứ sáu đó trái với pháp luật nên cuối cùng tòa án phải tuyên bố phóng thích Tống Văn Sơ.

Nhưng vừa thả Tống Văn Sơ ra cảnh sát Hương Cảng lại bắt giam lại lần thứ hai, với âm mưu giao cho Pháp, hoặc cho ám sát. Lần này tòa án nói lần bắt giam thứ hai là hợp pháp vì Tống Văn Sơ đã bị kết án tử hình ở Đông Dương nên phải trả lại cho nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương. Sau khi tôi nghiên cứu tài liệu thì thấy rằng một người bị kết án ở Thượng Hải chẳng hạn đi sang Hương Cảng thì nhà cầm quyền Hương Cảng có quyền bắt lại và trao trả cho nhà cầm quyền Thượng Hải, nhưng điều đó chỉ áp dụng cho những người thuộc quốc tịch Anh mà thôi. Do đó tôi thấy cần phải đưa việc này lên tòa kháng án ở Luân Đôn. Tôi chuẩn bị giấy tờ xong cho in tử tế rồi gửi đi cho các luật sư của tôi ở Luân Đôn.

Các luật sư ở Luân Đôn viết thư trả lời cho tôi biết họ đã nhờ luật sư Prit (Pritt). Tôi phải kiếm tiền để trả cho luật sư Prit. Còn về phía nhà cầm quyền Hương Cảng thì họ nhờ luật sư Stáppho Crip (Stafford Cripps). Sau khi nhận được tài liệu của nhà cầm quyền Hương Cảng, luật sư Stáppho Crip đến gặp Prit nói với Prit rằng ông đã được nhà cầm quyền Hương Cảng giao cho làm việc này nhưng thấy không thể đem việc này ra tòa được, vì mang ra tòa thì nhà cầm quyền Hương Cảng sẽ bị thất bại. Cuối cùng hai luật sư đồng ý rằng phải phóng thích Tống Văn Sơ. Stáppho Crip thay mặt nhà cầm quyền Anh, hứa giúp phương tiện cho Tống Văn Sơ muốn đi đâu thì đi. Sau đó Tống Văn Sơ lại được phóng thích.

Trong thời gian Tống Văn Sơ ở nhà lao, tôi có đến thăm nhiều lần, có lần mang cả bà Lôdobai và con gái đến thăm, bà Lôdobai thường mang thức ăn đến cho Tống Văn Sơ. Lúc đó ngay cả Tômát Saothơ (Thomas Southom) hồi đó làm thư ký thuộc địa, là người thứ hai sau Công sứ Hương Cảng, và vợ Saothơ là một văn sĩ nổi tiếng (thường lấy tên là Stella Benson) cũng đến nhà lao gặp Tống Văn Sơ. Tôi có yêu cầu nhà lao phải đối xử với Tống Văn Sơ tử tế. Từ trước đến nay chưa bao giờ có chuyện như vậy. Ai gần Tống Văn Sơ lúc đó cũng đều phải kính phục. Sau khi ở nhà lao ra Tống Văn Sơ bị đau, phải vào nhà thương nằm, chúng tôi cũng thường hay lui tới.

Hồi đó có một chuyến tàu đi Liên Xô qua Tângiaba. Theo ý kiến của Tống Văn Sơ, tôi sắp đặt để Tống Văn Sơ đi Tângiaba nhưng nhà cầm quyền Hương Cảng không muốn như vậy lại điện bí mật cho cảnh sát Tângiaba bắt lại và đưa về Hương Cảng. Khi về đến Hương Cảng, Tống Văn Sơ có viết cho tôi một bức thư nói rõ sự việc xảy ra và yêu cầu tôi can thiệp.

Tôi rất bức xúc khi nhận được tin này. Đêm hôm đó tôi ngồi suy nghĩ suốt từ 8 giờ đến 12 giờ đêm xem nên làm như thế nào. Sáng hôm sau tôi quyết định đến gặp Công sứ Hương Cảng lúc đó là Uyliam Pin (William Peel) nói nhà cầm quyền



Hương Cảng đã không giữ lời hứa và đề nghị để cho Tống Văn Sơ đi Hạ Môn bằng một chuyến tàu tôi đã chọn trước. Sau Công sứ Hương Cảng có gửi thư riêng cho tôi nói, nếu đưa Tống Văn Sơ xuống tàu ở bến thì khi cảnh sát khám xét tàu trước khi nhổ neo có thể nhận ra Tống Văn Sơ và bắt lại, vì vậy phải lấy một chiếc thuyền riêng đưa Tống Văn Sơ ra ngoài khơi rồi hãy lên tàu. Tôi cho anh thư ký riêng người Trung Hoa của tôi tên là Loong, hiện nay vẫn còn làm việc với tôi, đưa Tống Văn Sơ ra ngoài khơi, hẹn chiếc tàu sau khi đã khám xét xong sẽ đậu lại để đưa Tống Văn Sơ lên đi Hạ Môn. (Hồi đó cụ Lôđobai có hai người thư ký Trung Hoa, một người là Loong, một người là Wong, đã chết).

Suốt trong thời gian từ khi ở Tângiaba về Hương Cảng đến khi đi Hạ Môn, gia đình chúng tôi có chú ý giúp đỡ Tống Văn Sơ. Để tránh cho bọn mật thám khởi theo dõi, tôi đã đưa Tống Văn Sơ vào ở trong Ký túc xá của Hội thanh niên Thiên chúa giáo Trung Hoa (Chinese young men Christian association). Hội này có hệ thống từ bên Anh. Ký túc xá của hội này gồm những người nhân viên, thanh niên, học sinh, sinh viên, giáo sư, phần lớn chưa có gia đình đến ở với giá rẻ.

Ban ngày Tống Văn Sơ ở trong nhà. Bà Lôđobai thường mang thức ăn đến, Tống Văn Sơ có đưa cho bà một sợi dây trên có đánh dấu bằng từng nút số đo của vai, tay, cổ,... để bà mang về may cho Tống Văn Sơ một bộ quần áo dài Trung Hoa để giả làm một giáo sư Trung Hoa ở trọ trong ký túc xá của Hội thanh niên Thiên chúa giáo Trung Hoa - lúc đó Tống Văn Sơ cũng để râu mép để giả dạng. Tối đến tôi hẹn Tống Văn Sơ ra đợi ở một chỗ vắng gần Ký túc xá của Hội thanh niên Thiên chúa giáo Trung Hoa, vì xung quanh Ký túc xá có một bãi rộng. Tối đến giả làm như một kiến trúc sư người Âu, còn Tống Văn Sơ giả làm một nhà thầu khoán đi xem đất xây nhà, rồi đem Tống Văn Sơ về nhà ăn cơm chiều. Tôi không nhớ chuyện này xảy ra vào tháng mấy nhưng chỉ nhớ lúc đó trong nhà phải có lò sưởi và bộ quần áo may cho Tống Văn Sơ là bộ quần áo mặc rét.

Trong khi ăn cơm bà Lôđobai cũng rất cẩn thận không để cho người làm trong nhà nhận ra Tống Văn Sơ. Trong phòng ăn ở nhà tôi hồi đó có một cái tủ, trên tủ có một tấm gương to. Bà Lôđobai xếp Tống Văn Sơ ngồi quay lưng về phía gương để người đứng sau lưng không thể nhìn được mặt Tống Văn Sơ trong gương. Sau khi ăn cơm chiều xong, ngồi nói chuyện ở lò sưởi một lúc rồi tôi lại lái xe đưa Tống Văn Sơ về, nhưng trước khi đi đến chỗ để Tống Văn Sơ xuống tôi cũng cho xe chạy lung tung trong thành phố để đánh lạc hướng người theo dõi. Ở nhà tôi hồi đó cũng có nhiều người bạn Trung Hoa đến chơi nên người nhà cũng cho Tống Văn Sơ là một người bạn Trung Hoa quen của gia đình tôi mà thôi.

Sau khi Tống Văn Sơ đi Hạ Môn rồi tôi không được tin tức gì nữa. Mãi đến sau này tôi mới nhận được hai bức thư ký tên là Niumen (Newman) của Tống Văn Sơ và nói tôi viết thư trả lời. Nhưng tôi sợ bọn cầm quyền lại tìm ra được địa chỉ của Tống Văn Sơ nên tôi không viết thư trả lời".



Một lần nữa gia đình luật sư Lôđobai lại bênh vực và cứu Tống Văn Sơ ra khỏi nhà tù. Kế hoạch di chuyển và bí mật tổ chức cho Tống Văn Sơ trốn đã được vạch ra. Sau một thời gian tạm lánh bí mật trong vai một nhà buôn lớn đi nghỉ, khi thì ở tạm trong Ký túc xá Thanh niên Thiên chúa giáo Trung Hoa (Chinese YMCA), số 23 phố Oatéc lô (Waterloo), Cửu Long, có khi ở ngay trong nhà của luật sư Lôđobai. Ngày 22-1-1933, với sự giúp đỡ của gia đình luật sư cùng những người bạn và Thống đốc Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc - Tống Văn Sơ đã bí mật rời Hồng Kông đi Hạ Môn. Đến Hạ Môn (tỉnh Phúc Kiến), Nguyễn Ái Quốc dừng lại ăn Tết âm lịch.

Khoảng mùa hè năm 1933, khi tình hình về vụ án Tống Văn Sơ có dấu hiệu lắng xuống, Nguyễn Ái Quốc quyết định rời Hạ Môn lên Thượng Hải, tìm cách bắt liên lạc với những đồng chí của mình. Cũng vào mùa hè năm 1933, được bà Tống Khánh Linh giúp đỡ, Nguyễn Ái Quốc gặp Pôn Vayăng Cutuyariê, "trong chuyến anh sang Viễn Đông với tư cách đại biểu và người tổ chức Hội nghị vì hoà bình và chống chiến tranh đế quốc". Nhờ đồng chí Pôn Vayăng Cutuyariê, Người chấp được liên lạc với đoàn thể. Vượt qua những tháng ngày đầy sóng gió, mùa xuân 1934, Nguyễn Ái Quốc rời Thượng Hải, đi Vladivôxtốc (Liên Xô), trở về với quê hương của Cách mạng Tháng Mười. Tác giả T.Lan (bút danh của Bác Hồ) kể lại:

Năm 1931 là năm phong trào chống Nhật lên cao trong quần chúng nhân dân Trung Quốc, cũng là năm Quốc Dân đảng và bọn đế quốc khủng bố tợn. Nhiều người cách mạng bị bắt ở Trung Quốc, ở Philippin, ở Mã Lai, ở Hương Cảng... Các đồng chí Việt Nam như Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Thị Minh Khai, v.v... người thì bị bắt ở Hương Cảng, người thì bị bắt ở Thượng Hải, ở Quảng Châu.

Ngày 6-6-1931, Bác bị bắt ở nhà số 186, phố Tam Lung (Cửu Long). Sau đó, cảnh sát Anh bí mật bao vây dãy phố ấy suốt mấy tuần, hòng dặt "bẫy chuột" để bắt những đồng chí qua lại với Bác. Nhưng kết quả không bắt được ai. Gian nhà Bác ở thì bị chúng lật hết từng bức tường, từng viên gạch, dùng chất hoá học nghiên cứu, để tìm tài liệu bí mật. Nhưng cũng không tìm được gì.

Những người cách mạng Trung Quốc bị bắt ở Xiêm, Mã Lai, Philippin và các nơi khác đều bị đưa về Hương Cảng. Đối với họ cũng như đối với những người cách mạng bị bắt ở Hương Cảng, đế quốc Anh chỉ giam giữ ít lâu, tra khảo lấy khẩu cung, rồi đuổi ra khỏi Hương Cảng, chứ không phạt tù đày.

Thật là "khoan hồng"! Nhưng một khi bước chân xuống thuyền, (Hương Cảng là một hòn đảo, chung quanh là biển, muốn đi bất kỳ nơi nào khác, cũng phải đi thuyền), thì hầu hết những đồng chí được "trục xuất cảnh" đã bị bọn đặc vụ Quốc Dân đảng bắt ngay.

Bác vào nhà giam vài hôm, thì đồng chí Hồ Tùng Mậu bị đưa ra nhà giam để "trục xuất cảnh". Nhân dịp đó, đồng chí Mậu báo cho luật sư Lôđobai (Chủ nhiệm công ty luật sư RUSS, của người Anh) biết tin Bác bị bắt, và nhờ ông ta giúp Bác.



Bác nói không có tiền để trả phí tổn cho công ty.

Ông Lôđobai nói: "Tôi biết ông là một lãnh tụ cách mạng Việt Nam. Tôi cãi hộ ông là vì danh dự chứ không nhất thiết chỉ vì tiền...".

Từ đó, vợ chồng ông Lôđobai hết lòng giúp đỡ Bác về đời sống trong nhà tù cũng như về vụ án kiện. Cũng do ông Lôđobai mà các đồng chí Pháp và Hội quốc tế Cứu tế đỏ biết rõ tình hình của Bác.

Được tin Bác bị bắt, thực dân Pháp ở Việt Nam vui mừng và hoạt động tợn. Chúng phái cả bảy mật thám sang châu chực ở Cảng. Chúng vận động chính phủ tòa án và cảnh sát Anh dùng mọi cách để trao trả Bác cho chúng. Chúng phái tàu thủy chờ sẵn ở Cảng, nếu tòa án ký lệnh "trục xuất" là chúng tóm Bác đưa lên tàu chở về Việt Nam ngay. Chúng cho rằng lần này chúng sẽ thực hiện được lời đe dọa của quan thượng thư thuộc địa đã nói mười năm trước đây: tức là bẻ gãy những người cách mạng Việt Nam. Chính phủ Cảng cũng muốn bí mật trao Bác cho thực dân Pháp. Nhưng luật sư Lôđobai làm cho việc Bác thành ra công khai, và đòi Tòa án tối cao phải xét xử.

Một mặt do bọn thực dân Pháp tuyên truyền Bác là một người Bôn-sê-vích cực kỳ nguy hiểm; mặt khác, do công an Cảng vu cáo Bác có âm mưu lật đổ chính quyền người Anh ở xứ này - thành thử dư luận cho rằng đây là một vụ án quan trọng nhất từ trước đến nay chưa từng có ở Cảng!

Từ tháng 6 đến tháng 9, tòa án họp 9 phiên. Mỗi phiên họp đều có cảnh sát vũ trang Anh và Ấn Độ gác khắp các cửa ra vào.

Trong các phiên tòa có nhiều quan chức cao cấp đến xem. Vai chính là:

- 2 vị chánh án và phó án,
- 2 vị công tố, thay mặt "Nhà vua" buộc tội,
- 2 vị luật sư cãi hộ cho Bác.

Các vị này đều mặc áo thụng đen và mang tóc giả theo lối đời xưa đời xưa. Trên bàn trước mặt mỗi vị có những chồng sách to tướng về luật lệ. Họ luôn luôn giở sách ra để dẫn chứng những lời họ trình bày. Thật là "nói có sách mách có chứng!"

Ông Lôđobai ngồi ở bàn và Bác ngồi trong vành móng ngựa đều không được nói gì hết. Khi muốn trao đổi ý kiến với nhau hoặc với thầy kiện, thì chỉ viết tóm tắt trên một miếng giấy nhỏ.

Lý lẽ của các thầy kiện tóm tắt là:

1. Việc bắt giam Bác là trái phép, vì Bác bị bắt giam từ hôm 6 - 6 - 1931, nhưng đến hôm 12 - 6, tổng đốc Anh mới ký lệnh chính thức cho phép bắt.

2. Người công chức lấy cung đã làm trái phép vì y đã hỏi Bác những điều ngoài khuôn khổ pháp luật đã quy định hỏi.

3. Buộc Bác phải đáp tàu Pháp đi về Đông Dương, tức là cố ý giao Bác cho Pháp để chúng giết Bác, thế là trái phép.



Hai điểm trên, chính phủ và công tố đã phải nhận sai lầm. Nhưng quan tòa và công tố vẫn quyết định đuổi Bác về Đông Dương.

Ông Lôdobai chống án lên "Hội đồng nhà vua", và nhờ luật sư Nôoen Porít (Nowell Pritt) ở Luân Đôn cãi hộ cho Bác.

Đến tháng 2 - 1933, gần Tết âm lịch, "Hội đồng nhà vua" xoá án và ra lệnh: Cho phép Bác tự do đi đâu thì đi, miễn là ra khỏi Hương Cảng.

Thế là thắng lợi bước đầu! Nhưng đi đâu? Đi thế nào cho thoát? Nếu không khéo thì ra khỏi nhà giam sẽ rơi vào tay thực dân Pháp.

Bà Lôdobai nhờ một người bạn mua hai vé tàu thủy hạng nhất...



Nguyễn Ái Quốc - Tổng Văn Sơ ở nhà tù Hồng Kông năm 1932



Hôm đó, một chiếc tàu nước ngoài (từ Hương Cảng qua Thượng Hải đi Nhật Bản) mới nhổ neo đi ra biển độ ba cây số thì được lệnh phải đỗ lại...

Chiếc ca nô riêng của tổng đốc Hương Cảng đưa một vị thân sĩ Trung Quốc vào một phòng hạng nhất trên chiếc tàu ấy...

Tàu đến Hạ Môn thì vừa đúng 30 Tết âm lịch. Nhận lời mời của bầu bạn, vị thân sĩ Trung Quốc lưu lại ăn Tết ở Hạ Môn.

Sau 20 tháng gian lao nguy hiểm, một lần nữa Bác lại thoát khỏi âm mưu độc ác của thực dân Pháp và tạm thời đánh lạc hướng của chúng.

Thắng lợi này phần rất lớn là nhờ sự hết lòng giúp đỡ của ông bà Lôđobai.

Tức tối vì không bắt được Bác, giận giữ đối với người Anh, các báo thực dân Pháp bịa đặt tin rằng: Bác mắc bệnh lao trong nhà lao Anh, và đã chết rồi.

Các báo Anh liền quật lại, đại ý như sau:

"Các anh là những người hèn hạ, ngậm máu phun người. Các anh run sợ trước một người cách mạng Việt Nam nhưng không làm gì được. Người cách mạng đó đã được tòa án Anh tha rồi và đã xa chạy cao bay. Vì các người muốn bôi nhọ công lý và danh dự của người Anh, mà bịa đặt rằng người cách mạng đó chết là vì bị người Anh giam giữ. Sự thật là người Việt Nam ấy vẫn sống. Mà sự hy vọng vô lý của các anh thì chết rồi".

Các báo Anh nói thêm: Việc người cách mạng Việt Nam được trắng án là một danh dự lớn cho luật sư Lôđobai và của công lý nước Anh. Nhưng thiên hạ cũng phải công nhận rằng một người Việt Nam ấy được may mắn còn biết bao nhiêu người khác không được may mắn mà bị xử oan...

Nghe câu chuyện đến đây, anh em chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhàng cả người. Một lần nữa Bác lại thoát khỏi cơn nguy hiểm. Bác sĩ Chân liền hỏi:

"Thưa Bác, trong khi bị bắt giam, tình trạng tinh thần và vật chất của Bác thế nào?"

Bác xem đồng hồ, nói: "Sáng nay, chúng ta đã đi được nửa đường rồi. Các chú xem có chỗ nào tốt chúng ta nghỉ chân và ăn cơm, rồi Bác sẽ tiếp tục kể chuyện".

Khám lớn Hương Cảng rất to rộng, gọi là ngục Víchtoría. Víchtoría là tên một vị vua đàn bà Anh nổi tiếng, trị vì 64 năm, thọ 82 tuổi (1891 - 1901).

Nhà giam Bác có ba tầng, mỗi tầng hai dãy xà lim. Cách xây dựng xà lim không xứng kích thước phổ thông chút nào! Bề cao 3 thước tây, mà bề ngang chỉ hơn 1 thước, bề dọc không đầy 2 thước, bề rộng chỉ vừa một người nằm xiên xiên. Cao chót vót trên đầu tường chỉ có một cái cửa sổ nhỏ hình nửa mặt trăng lơ mờ, bị song sắt và lưới sắt bưng bít. Ban ngày, từ cửa sổ ấy ánh sáng lọt vào xà lim một cách rụt rè, bỡ ngỡ. Cửa xà lim bằng ván gỗ dày độ một gang tay và bọc sắt, ở chỗ cao ngang đầu người có một lỗ tròn, phía trong rộng phía ngoài hẹp, như một cái loa. Chốc chốc tên lính gác ngục (người Ấn Độ, người Xíc và người Anh) ghé mắt vào lỗ, xem xét tình hình người tù trong xà lim.



Mỗi ngày, tù được ra ngoài xà lim 15 phút, đi dạo quanh một cái sân hẹp. Bốn phía sân đều là nhà giam cao ngất ngheo với những bức tường kín mít, âm u, người ta cảm thấy như đi dạo dưới đáy một cái giếng. Ngừng đầu lên thì chỉ trông thấy trời rộng bằng một chiếc khăn tay. Ở trong xà lim ngột ngạt, ra ngoài xà lim cũng vẫn ngột ngạt.

Mỗi ngày ăn hai bữa cơm gạo xay, một phần tư là thóc. Hôm nay, thức ăn bữa sáng có rau muống, bữa chiều có mắm thối hoặc cá ươn. Hôm sau, thay đổi "khẩu vị", bữa sáng có mắm thối hoặc cá ươn, bữa chiều có rau muống. Mỗi tuần được ăn một bữa tiệc: một phần cơm trắng cùng vài miếng thịt bò.

Cùng giam với Bác đều là những người bị bắt vì chính trị, những người phạm tội khác đều bị giam riêng. Dù cực khổ và có lẽ cái chết đã treo sau ót, những người tù cách mạng không hề tỏ vẻ lo sợ, họ vẫn vui cười như thường. Tối nào, đến giờ đi ngủ, họ cũng hát vang Quốc tế ca và nhiều bài hát cách mạng khác, bất chấp bọn lính gác ngục đe dọa la lối om xòm.

Đời sống vật chất trong nhà tù, tóm tắt là như vậy. Mấy tháng về sau, vì sức yếu và nhờ có ông Lôdobai vận động, Bác được đưa vào nhà thương, điều kiện ăn ở có dễ chịu hơn.

Khi bị bắt giam, trong tâm trạng chỉ có một điều là Lo. Không phải lo số phận mình sau này sẽ ra sao, vì sẵn biết rằng kết quả cuối cùng chỉ có thể: hoặc là sẽ bị bọn thực dân thủ tiêu; hoặc là sẽ thoát khỏi xiềng xích, trở lại hoạt động cách mạng. Lo là lo những công việc mình làm chưa xong, ai sẽ tiếp tục làm thay? ít nhiều kinh nghiệm mình đã gom góp được, làm thế nào để truyền lại cho đồng chí khác? Những mối manh và những địa điểm chỉ có mình biết, từ nay ai sẽ xây dựng lại?... Đảng ta tuy mới thành lập, nhưng uy tín đã cao, đấu tranh đã mạnh, giai cấp công, nông đều trông vào sự dắt dìu của Đảng; đồng thời bọn thực dân ra tay khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt và bị hy sinh, nhiều tổ chức bị phá vỡ, từ nay công tác của Đảng sẽ tiến hành ra sao? Ai sẽ hướng dẫn những đảng viên mới, những chiến sỹ mới, anh dũng có thừa nhưng kinh nghiệm còn thiếu? Lo hết việc này, lại lo đến điều khác. Chỉ lo suông mãi không giải quyết được, cho nên:

"Ngón ngang trăm mối bèn lòng
Ngủ không yên giấc, ăn không ngon mồm"

Lo chán lại đặt kế hoạch. Nếu được trở lại tự do, đối với công việc Đảng ta sẽ tăng cường điểm này; cuộc vận động công nhân và nông dân ta sẽ cải tiến chỗ nọ; việc tổ chức thanh niên và phụ nữ ta phải sửa đổi chỗ kia... Biết bao nhiêu là kế hoạch chủ quan, mình tự đặt ra, rồi mình lại thảo luận, bàn cãi với mình. Nếu người ngoài nhìn thấy vậy có thể cho Bác là dưng trí, lắm cảm. Sự thật là một người lang hoạt động sôi nổi, bỗng nhiên bị nhốt lại một mình trong một cái xà lim âm thầm kín mít, ngày này qua tháng khác không được nói năng gì với ai, không ai được nói năng gì với mình - trong hoàn cảnh đó, muốn cho khỏi dưng trí



thì chỉ có một cách là đặt ra chuyện mà lo tính và tính lo cho khuấy khoả và giữ cho đầu óc cứ hoạt động như thường.

Còn một cách tiêu khiển nữa là gây chiến tranh với rệp, hoặc là xem kinh thánh Cơ Đốc. Kinh thánh Cơ Đốc là một thứ sách được khuyến khích xem trong nhà tù. Dù sao, đối với công cuộc và tương lai của cách mạng Bác quyết không hề bi quan, luôn luôn lạc quan.

Hồi đó, ở khám lớn Víchtoría có vài chuyện thú vị:

- Anh Lý bị án 7 năm tù (không rõ vì sao), còn 5 tháng nữa thì hết hạn. Lý được đưa vào làm (khổ sai) ở xưởng may áo của nhà tù. Ở xưởng này có một tên cai người Anh rất hung ác. Lý nói: "Ta quyết giết chết thằng ác ôn này, để anh em đỡ khổ với nó". Một hôm, tên cai ấy đang đánh đá túi bụi một bạn tù, thì Lý cầm một chiếc kéo to thọc nó lòi ruột. Lý lại bị đưa ra tòa án và chịu thêm 7 năm tù nữa. Từ đó bọn gác ngục không dám lại gần Lý. Còn anh em tù thì đều gọi Lý là anh hùng.

- Cũng trong thời gian đó, Trịnh Quốc Dậu, con một Hoa kiều triệu phú, vì giành nhau một cô gái nháy mà phạm tội giết người. Bị tống vào khám Víchtoría. Vì "công tử" không ăn được cơm gạo xay như mọi người tù khác, nó được phép nhận cơm ở nhà đưa vào. Cơm ở ngoài đưa vào thì phải kinh qua những người tù làm "coóc-vê" chuyển đến cho Dậu. Những người tù này nói với nhau: "Bổ ở nó ăn sung mặc sướng nhiều rồi. Nhân dịp này chúng mình chia chút đỉnh cho anh em tù nghèo cùng nếm". Thế là hầu hết nem, chả, vật lạ, của ngon không đến miệng Dậu. Dậu tức lắm nhưng không dám mở mồm.

- Anh em tù (đã thành án) bãi công, bãi thực để đòi cải thiện chế độ giam cầm. Chủ ngục dùng cách khủng bố, đánh đập từng người. Nhưng hễ một người tù bị đánh đập thì tất cả mọi người khác la um sùm. Khi đêm khuya thanh vắng, họ cùng nhau kêu van: "Đói lắm trời ơi! Khổ lắm trời ơi!" làm chấn động cả khu phố. Muốn dấu dụi, chính phủ Hương Cảng bảo một nhóm thân sĩ Hoa kiều vào khám lớn khuyên dỗ anh em tù... Có vị thân sĩ khi đứng đằng xa thì nói to: "Anh em nên chấm dứt cuộc bãi công, bãi thực đi. Nhà nước sẽ đáp ứng những lời yêu cầu của anh em...". Nhưng khi đến gần anh em tù, thì vị thân sĩ ấy nói khẽ: "Anh em cứ đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng...".

Những mẩu chuyện ấy cho chúng ta thấy rằng tình giai cấp và tình dân tộc ở đâu cũng có hoặc ít hoặc nhiều. Một mẩu chuyện nữa:

Khi Bác ở trong khám, nhiều "ông bà" người Anh có quyền thế dắt nhau vào xem, ý chừng họ muốn thấy mặt mũi "lạ lùng" của người Bôn-sê-vích.

Khi Bác vào nhà thương, anh chị em nhân viên người Trung Quốc cũng đến xem, nhưng với một cách kín đáo, không sờ sảng như người Anh.

Một hôm, cô y tá người Trung Quốc thường ngày chăm nom Bác, thủ thủ hỏi Bác một cách bí mật: "Chú này! Cộng sản là thế nào? Chú làm cộng sản làm gì để bắt



bờ khổ thân!" Cô ta biết cộng sản không phải là trộm cướp, buôn lậu, giết người; thế thì cộng sản là gì và vì sao mà bị bắt giam, điều cô ta không hiểu được!

Bác trả lời: "Nói tóm tắt, cộng sản là làm cho ai cũng sung sướng và bình đẳng, không ai bóc lột và đè nén ai. Ví dụ: cộng sản muốn làm cho chị em cô không phải mang cổ xanh suốt đời và suốt đời không bị người mang cổ đỏ sai khiến. (Cổ áo đỏ là y tá trưởng người Anh; cổ áo xanh là những y tá người Trung Quốc)". Cô y tá giương to cặp mắt nhìn Bác và nói "Thế à?". Ở Hạ Môn ít lâu, Bác đi tàu thủy lên Thượng Hải.

Đến Thượng Hải hôm trước, hôm sau xem báo thì thấy tin: "Hôm qua, những tàu biển cập bến tô giới Pháp đều bị nhà chức trách lục soát rất kỹ...".

Hú vía, ở Thượng Hải, bọn Quốc Dân đảng cũng khùng bố gắt gao. Để che mắt bọn mật thám, Bác phải tiếp tục giữ bộ điệu như một vị thân sĩ, mặc áo quần thật sang, ở khách sạn thật sang, nhưng đến tối thường khoá cửa phòng lại, rồi ăn khoai lang trừ bữa và tự giặt lấy quần áo...

Mùa thu năm 1933, được tin có một đoàn đại biểu từ châu Âu sắp sang các nước Viễn Đông tuyên truyền chống chiến tranh đế quốc. Đoàn gồm có một người quý tộc Anh, một đại biểu quốc hội nước Bỉ, một nhà văn người Pháp (là đồng chí Vayăng Cutuyriê). Tin tức này làm cho Bác mừng rỡ nhẹ cả người.

Bác đến Thượng Hải đã lâu mà vẫn chưa bắt được liên lạc.

Đối với người cách mạng, không gì khổ tâm bằng đã không hoạt động được, lại mất liên lạc với đoàn thể lâu ngày. Điều đó làm cho người cách mạng đêm ngày cảm thấy vô cùng cô độc linh đình.

Đoàn đại biểu hoà bình đến Thượng Hải bị chính quyền Quốc Dân đảng và tất cả người da trắng ở thành phố ngày tẩy chay. Khi tàu sang đến Nhật, cũng bị chính phủ Nhật cấm không cho lên bờ!

Ở Thượng Hải, bà Tống Khánh Linh (vợ goá cụ Tôn Trung Sơn) đã bí mật tổ chức một cuộc mít tinh cho đoàn nói chuyện.

Bác viết thư cho đồng chí Vayăng Cutuyriê. Thư này bỏ vào trong một thư khác cho một người bạn, nhờ chuyển hộ.

Người bạn này (Bác chỉ quen biết sơ thôi) có uy tín lớn cho nên Quốc Dân đảng và bọn đế quốc ghét lắm, nhưng chỉ phải đặc vụ bao vây dò xét, chứ không dám bắt bớ, giam cầm.

Bác ăn mặc thật sang, thuê một chiếc xe hơi thật sang, đi đến nhà người bạn ở trong tô giới Pháp, gõ cửa, trao bức thư, rồi đi ra ngay. Lúc trở về, thấy cảnh sát Pháp chặn các khu phố lục soát người đi đường, người lái xe tỏ vẻ ngấp ngừng... Bác bảo "Cứ đi!". Chắc là vì chiếc xe rất sang, cho nên không bị chặn lại khám xét... Một lần nữa, hú vía!

Chiều tối hôm sau, Bác gặp đồng chí Vayăng Cutuyriê ở một địa điểm kín đáo.



"Muôn dặm qua người gặp bạn thân!" Cả hai người vô cùng mừng rỡ, vừa cảm động nghẹn ngào...

Hai anh em siết chặt tay nhau mà nói chuyện.

Bác nói cho đồng chí Vayăng Cutuyriê biết hoàn cảnh khó khăn của mình.

Đồng chí Vayăng Cutuyriê nói cho Bác rõ tình hình phong trào cách mạng:

Ở Việt Nam từ ngày phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh anh dũng, thực dân Pháp cực kỳ hoảng sợ và thẳng tay khủng bố hết sức dã man. Nhiều làng mạc bị san phẳng. Nhiều đồng chí bị hy sinh. Nhiều tổ chức bị tan vỡ...



Nguyễn Ái Quốc - Tổng Văn Sơ cải trang rời khỏi Hồng Kông năm 1933



Tháng 3 - 1931, trong lúc Trung ương Đảng bí mật họp hội nghị ở Sài Gòn, Ngô Đức Trì bị bắt và phản bội. Vì nó khai mà đồng chí Trần Phú và nhiều đồng chí khác bị bắt. Suốt sáu tháng bị tra tấn dã man, tháng chín năm ấy đồng chí Trần Phú đã chết trong nhà tù.

Tuy phong trào tạm thời bị xuống thấp, nhưng sự hy sinh oanh liệt của cán bộ và đảng viên đã làm cho ảnh hưởng và uy tín của Đảng không ngừng lên cao. Tên bộ trưởng thuộc địa Pháp đã công khai nhận rằng: "Hoạt động của Đảng Cộng sản nguy hiểm cho Pháp gấp mấy lần cuộc bạo động của Quốc Dân đảng"...

Từ cuối năm 1931 đến nay (mùa thu 1933), do sự cố gắng phi thường của các đảng viên và lòng hăng hái của nhân dân, nhiều chi bộ Đảng và nhiều cơ sở quần chúng dần dần được tổ chức và hoạt động lại.

Tình hình thế giới thì thế này: một bên là chủ nghĩa tư bản lâm vào khủng hoảng trầm trọng, đã phải đi đến con đường tối phản động là chủ nghĩa phát xít. Một bên là giai cấp công nhân các nước đấu tranh ngày càng hăng. Nhân dân lao động Liên Xô thất lưng buộc bụng để xây dựng Chủ nghĩa xã hội, đã thu được nhiều thắng lợi lớn... Nói tóm lại, tuy cách mạng gặp khó khăn không ít, nhưng tiến bộ cũng rất nhiều...

Đã ba năm không hay biết gì hết, hôm nay được đồng chí Vayăng Cutuyriê cho biết những tin tức đó, lòng Bác bâng khuâng vừa thương xót, vừa vui mừng. Vui mừng, vì sau những cuộc thử thách cực kỳ ác liệt, Đảng ta đã tỏ ra cứng cáp về đường lối chính trị và Đảng dần dần khôi phục lại lực lượng của mình. Đồng thời phong trào cách mạng thế giới đang tiến lên, thành trì của cách mạng thế giới là Liên Xô đang xây dựng Chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Mấy hôm sau khi gặp đồng chí Vayăng Cutuyriê, thì Bác chấp được liên lạc với đoàn thể. Nỗi vui mừng lúc đó không thể tả được.

Ba năm lưu lạc, linh đình

Nay đã trở lại trong đại gia đình công nông!

Tháng 6-1934, sau một thời gian dừng lại Vladivôxtốc để hoàn thành thủ tục nhập cảnh vào Liên Xô, vượt đường xe lửa xuyên Xibia, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova. Người muốn bắt tay ngay vào công việc, nhưng các đồng chí lãnh đạo Quốc tế Cộng sản đề nghị Người đi an dưỡng một thời gian để phục hồi sức khỏe. Tại nơi nghỉ an dưỡng ở Xôtri, trên bờ biển Đen, Nguyễn Ái Quốc viết thư nhờ các đồng chí ở Mátxcova gửi ngay sách báo mới, để Người vừa nắm được những thông tin về tình hình cách mạng trong nước và thế giới trong mấy năm qua, vừa tập luyện phục hồi sức khỏe. Tác giả T.Lan kể lại:

* Lần trước, năm 1925, Bác rời Liên Xô đi sang Trung Quốc. Lúc đó nhân dân Liên Xô ai nấy đều thất lưng buộc bụng để xây dựng nước nhà. Về tinh thần, ai cũng hăng hái phấn khởi, nhìn về hạnh phúc mai sau. Nhưng về đời sống vật chất thì



dang rất eo hẹp. Nhà ở, áo mặc, lương thực, mọi thứ đều phải hạn chế nghiêm ngặt. Bác nhớ hồi đó người Liên Xô đàn ông không ai đeo caravat. Đàn bà ăn mặc rất giản đơn, thường chỉ dùng một vuông khăn đỏ buộc đầu, thay cho mũ. Thanh niên thì tự động cấm uống rượu, cấm hút thuốc, cấm nhảy đầm...

Lần này, năm 1935, Bác trở lại Liên Xô, tình hình đã khác hẳn. Trong 10 năm qua nhân dân Liên Xô đã tiến những bước khổng lồ. Đời sống về mọi mặt đã tiến bộ nhiều lắm, từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Liên Xô đã trở nên một nước hùng mạnh có công nghiệp tiên tiến và nông nghiệp tập thể.

Kinh tế tiến lên, thì thành phần trong xã hội cũng thay đổi, pháp luật cũng do đó mà thay đổi. Cho nên cuối năm 1936, Xô Viết tối cao đã ban hành hiến pháp mới, một hiến pháp dân chủ nhất trên thế giới.

Trước kia, Bác rất quen thuộc Mátxcova. Nhưng lần này trở lại Mátxcova có hơi bỡ ngỡ vì cái gì cũng đổi mới. Nhà cửa, đường sá... cho đến báo chí cũng đều đổi mới. Những em nhi đồng Bác quen biết trước nay đều là chiến sỹ Hồng quân hoặc là sinh viên đại học. Những bạn Côm-xô-môn (thanh niên cộng sản) nay đều là bác sỹ, công trình sư... và đều được vinh dự vào Đảng.

Tháng 10-1934, Nguyễn Ái Quốc vào học Trường Quốc tế Lenin, nơi bồi dưỡng lý luận dành riêng cho cán bộ các đảng anh em. Quyết định của Ban kiểm tra tư cách học viên của nhà trường ghi: "Nhận đồng chí Lin thuộc Đảng Cộng sản Đông Dương vào Trường Quốc tế Lenin, số hiệu 375, niên khoá 1934-1935", kèm theo Quyết định số 45 do Phó Giám đốc trường là Lidópki và Chánh văn phòng Makinnhe ký. Tại đây, Người học đầy đủ các môn lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin, với phương pháp học tập chủ yếu là tự nghiên cứu và thảo luận, kết hợp đi khảo sát thực tế. Được học tập tại trường, nhưng Nguyễn Ái Quốc không quên trách nhiệm bồi dưỡng lý luận cho những cán bộ, đảng viên ở trong nước. Trong bức thư ngày 16-1-1935, gửi cho Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, Người nêu rõ tình trạng thiếu lý luận cách mạng của đại đa số cán bộ Đảng Cộng sản Đông Dương, Trung Quốc, Thái Lan... và những vấp vấp, sai lầm của họ do tình trạng thiếu lý luận gây nên. Qua đó, Người yêu cầu Ban Phương Đông: "*Phải giúp đỡ các đồng chí của chúng ta khắc phục những khó khăn ấy bằng cách tạo điều kiện cho các đồng chí tiếp thu được những kiến thức sơ đẳng nhất mà mỗi chiến sỹ đều phải có*". Đồng thời, Nguyễn Ái Quốc cũng đề nghị cho xuất bản những cuốn sách nhỏ "đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu với quần chúng", với các nội dung về Tuyên ngôn Đảng Cộng sản, Đảng cộng sản và tổ chức của Đảng, Lịch sử Quốc tế Cộng sản, Lịch sử các tổ chức Quốc tế Cộng sản như Thanh niên, Công hội, Nông hội,... để giúp các cán bộ, đảng viên chấm dứt tình trạng lạc hậu về lý luận, tránh được những sai lầm, thất bại đau đớn.

Mặc dù được Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tháng 3-1935, ở Ma Cao bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, cử làm đại diện Đảng Cộng



sản Đông Dương ở Quốc tế cộng sản và cử đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản cùng Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn nhưng Nguyễn Ái Quốc không được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Trong thư gửi cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, do nữ đồng chí V. Vaxiliêva ký tên, có nói: "Đối với đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chúng tôi cho rằng trong hai năm tới đây, đồng chí ấy cần phải nghiêm túc học tập và không được làm một việc gì khác. Sau khi học xong, chúng tôi sẽ có những kế hoạch riêng để sử dụng đồng chí ấy. Vì vậy, những đề nghị của các đồng chí liên quan đến Nguyễn Ái Quốc là không được chấp nhận". Tuy nhiên, sau nhiều lần kiến nghị, Người được mời tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản với tư cách là đại biểu tư vấn, với Thẻ dự Đại hội số 154, ghi tên Lin, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau Đại hội, Nguyễn Ái Quốc dặn đồng chí Lê Hồng Phong khẩn trương thu xếp công việc, về nước để truyền đạt cho Trung ương Đảng ta những Nghị quyết của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Đồng chí Nguyễn Khánh Toàn, nguyên ủy viên Trung ương Đảng kể lại: "Đầu năm 1933, một hôm tôi có việc đến cơ quan Quốc tế Cộng sản, đang ngồi trong phòng của một đồng chí thì có điện thoại báo tôi dừng về vội. Khi họ báo cho biết có thể ra về được, tôi ra đến cửa thì bỗng thấy Bác đang nói chuyện với người lái xe. Tôi nghe rõ Bác nói với người lái xe câu tiếng Nga:

- *Ja scagiu* (Tôi sẽ bảo).

Tất cả các đồng chí Việt Nam ở Mạc Tư Khoa lúc đó chưa ai biết là Bác đã sang. Chỉ có đồng chí nữ thư ký của nhóm Việt Nam ở Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa biết, vì có đồng chí phụ trách nhóm Việt Nam báo cho. Đồng chí cán bộ phụ trách nhóm Việt Nam hồi đó cũng là một nữ đồng chí và là cán bộ của Quốc tế Cộng sản.

Sau đó mấy hôm, đang đi ngoài đường, tôi trông thấy Bác, nhưng cũng không đến chào hỏi vì tổ chức chưa giới thiệu chính thức.

Vài hôm sau, thì được gặp chính thức. Một đồng chí Việt Nam nữa với tôi được gọi đến Quốc tế Cộng sản. Bác đợi chúng tôi ở tầng gác thứ tư, trong buồng làm việc hàng ngày của đồng chí phụ trách nhóm Việt Nam ở Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Nhà đó ở đường Makhôvaia; hiện nay là chỗ tiếp khách của Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô Viết tối cao.

Thấy Bác, tôi mừng quá:

- Anh!

Bác niềm nở cười.

Người Bác rất gầy, nước da xanh xám, đầu cúp trọc lóc. Tất cả tinh thần ở hai con mắt sáng quắc.

Hôm đó gặp Bác là để báo cáo Bác rõ tình hình trong nước những năm qua, và thảo ra một số tài liệu để gửi về nước.

Từ đó về sau, trong nội bộ, Bác là người lãnh đạo nhóm học sinh Việt Nam ở



Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bác vào Trường Lênin là trường Đảng cao cấp cho các lãnh tụ các nước ngoài. Trường này có hai ban: Ban dài hạn ba năm và Ban ngắn hạn sáu tháng. Bác học ở Ban ngắn hạn. Ở trường, Bác lấy tên là Linốp. Còn đối với nhóm học sinh Việt Nam ở Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, thì Bác lấy tên là Lin.

Trong khi còn học ở trường Lênin, Bác liên hệ với nhóm Việt Nam rất chặt chẽ. Thường thường buổi tối, Bác đến nói chuyện về kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, nhất là Bác chú ý bồi dưỡng cho anh em về đạo đức cách mạng, và đặc biệt là tinh thần đoàn kết. Đôi khi, trong những anh em đó, có người còn ít tuổi, và cũng chưa được rèn luyện mấy trong trường đấu tranh cách mạng, có những chuyện xich mích lật vật có tính chất cá nhân. Bác phải phân xử cả những việc như vậy. Điều mà Bác muốn làm cho anh em thấm nhuần, là cần bỏ những tính tự cao tự đại, tự tư tự lợi, những biểu hiện vô kỷ luật, vô tổ chức, và phải luôn luôn đoàn kết, đặt lợi ích cách mạng lên trên hết. Bác thường nói với anh em: "Nếu chúng ta ở đây, chỉ có mấy người mà không đoàn kết với nhau được thì còn nói gì đến khi về nước đoàn kết nhân dân, quân chúng để đánh thực dân, cứu nước?"

Học xong trường Lênin, thì Bác chuyển hẳn sang Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đồng thời làm việc ở Quốc tế Cộng sản. Bác dạy nhóm Việt Nam về tổ chức và lịch sử Đảng.

Tuy là lãnh đạo nhóm, nhưng Bác rất hòa mình với anh em, tham gia mọi công tác như các anh em khác như: viết báo tường, tham gia các tiết mục trong những buổi biểu diễn, tổ chức đi tham quan, đi chơi với các anh em, nhận phiên dịch các tài liệu ra tiếng Việt v.v...

Trong khi nói chuyện với anh em về kinh nghiệm đấu tranh của mình, Bác thường dùng những thí dụ cụ thể, thiết thực, vì phần đông anh em trình độ còn thấp (phần nhiều từ Pháp sang, và trước đó là bồi bếp hoặc thủy thủ). Ví dụ nói đến đoàn kết thì Bác lấy câu chuyện bó đũa, cả nắm khó bẻ, lấy ra từng chiếc thì dễ bẻ gãy, v.v... Đọc báo bằng tiếng Trung Quốc, tiếng Anh có bài nào nói đến những cuộc đấu tranh thắng lợi của quân chúng ở các nước, Bác đều dịch cho anh em nghe, một là để bồi dưỡng tinh thần quốc tế chủ nghĩa cho các đồng chí, hai là để tăng thêm sự tin tưởng của anh em ở lực lượng cách mạng.

Bác rất chú ý dạy cho anh em cách viết: qua việc duyệt các bài báo hoặc những tài liệu cho anh em dịch ra tiếng Việt, Bác luôn luôn chú ý làm cho anh em viết một cách giản đơn, dễ hiểu, không dùng nhiều danh từ, và nếu dùng thì dùng cho đúng. Văn dịch hoặc văn viết, nếu Bác thấy lủng củng, khó hiểu tức thì Bác gạch đi, bảo viết lại hay dịch lại. Lúc đầu Bác ở một chỗ riêng, trong ký túc xá của trường Đại học cộng sản Đông Phương, rồi sau Bác dọn hẳn đến ký túc xá của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Bác ở trong một gian phòng nhỏ, vừa một người ở, rất giản dị, không khác gì một học sinh thường. Khi Bác mới sang Liên Xô, nghe nói



Quốc tế Cộng sản thấy Bác gầy yếu, có để Bác xuống nghỉ ở Xôtri, nhưng được một, hai ngày, Bác đã trở về.

Người Bác vẫn gầy, nước da vẫn xanh. Có điều lạ là Bác không bao giờ mệt, ốm, không bao giờ chịu nằm luôn mấy hôm, chỉ thỉnh thoảng ho và khạc ra huyết.

Lần này Bác ở Liên Xô lâu hơn hết. Mùa đông rất rét, có khi đến 30, 34 độ dưới không, nhưng Bác vẫn giữ được sức khỏe, là vì sinh hoạt của Bác rất đều, có giờ giấc rất nghiêm: sáng nào dậy Bác cũng tập thể dục, trong buồng có những dụng cụ tập như quả tạ, dây chun, v.v... Khi đi chơi, hoặc đến nhà anh em bạn bè, Bác cũng rất đều độ, nói giờ nào đến thì đúng giờ ấy, nói ở chơi được bao lâu thì ngồi chơi đúng bấy nhiêu, dẫu ai vì một lý do gì có thể giữ Bác lại được thêm mấy phút. Không lễ mễ, lu cà, không việc nọ sợ sang việc kia, đó là một biểu hiện của tính kỷ luật, tính tổ chức, của tinh thần tự chủ mà Bác đạt đến độ cao.

Ở Mátxcova, ngày kỷ niệm Lao động quốc tế 1-5, các đoàn đại biểu ngoại quốc đến rất đông. Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa có nhiều học sinh các thuộc địa. Để giữ bí mật, ngày đó nhà trường báo với học sinh đừng ra đường. Trong lúc ngoài phố thiên hạ nô nức, rộn rịp, Bác tổ chức cho anh em ăn Tết 1-5 ở nhà một cách thoải mái, vui vẻ.

Bác rất lo lắng đến việc học hành của anh em, nhất là đối với những người còn kém, học chậm. Có hôm tôi đến chỗ Bác, thấy Bác đang viết một bài lục bát, hỏi Bác làm thơ phải không, Bác bảo:

- Đây là bài địa lý lịch sử Việt Nam để dạy cho mấy anh em. Có người lớn tuổi, dạy thế nào cũng cứ quên, nên mình phải làm thế này để cho dễ nhớ.

Thường ở trường anh em học môn gì, sau lớp, Bác vẫn kiểm soát lại, một là xem anh em có hiểu mục đích, yêu cầu của môn đó không, hai là để xem học có thiết thực không, có dính liền với thực tế, với đấu tranh cách mạng không, ba là những danh từ trong bài có đúng không, anh em đọc có hiểu nghĩa không. Do đó mà nhiều khi Bác bổ sung thêm cho bài học, làm cho anh em hiểu thêm được nhiều.

Có điều là Bác làm một cách nhẹ nhàng, tự nhiên không phải quy định giờ để "kiểm soát", mà là hỏi han trong khi nói chuyện thường, thành ra không có không khí gò bó, khiến anh em không phải lo phải "trả bài" cho Bác.

Thỉnh thoảng, ngày chủ nhật, trong nhóm tổ chức nấu cơm Việt Nam, có nơi các đồng chí phụ trách trường đến ăn, Bác cũng xuống bếp thổi nấu, dọn dẹp.

Năm 1936, sau Đại hội Quốc tế được ít lâu thì Bác vào học năm thứ nhất lớp nghiên cứu sinh Ban Sử học của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Vì hoàn cảnh còn khó khăn, Bác chừa về nước được, cho nên ở lại học thêm, chứ mục đích chính không phải là học, vì học lớp nghiên cứu phải mất ba năm đằng đẵng, Bác là người hoạt động, không thể cứ ngồi nghiền sách. Bác lên đường về nước vào mùa thu năm 1938. Một buổi sáng, hồi 7 giờ, tôi còn ngủ, Bác đến chơi.



Thường mọi bận, không bao giờ Bác đến sớm như vậy. Tôi tưởng là có việc gì cần, nhưng Bác chỉ nói chuyện thường rồi Bác ra về.

Hôm sau, có đồng chí phụ trách ở Quốc tế cho hay là Bác đã đi rồi. Lúc đó tôi mới hiểu là sáng ngày hôm trước, Bác có ý đến từ biệt tôi..."

Kết thúc khoá học tại Trường Quốc tế Lenin, Người mong muốn trở về nước hoạt động, nhưng chưa được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Trong khoảng thời gian đó, Người được nhận vào công tác tại Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa ở nhà số 25, đại lộ Tvéckxaia, Mátxcova. Cuối năm 1936, Người trúng tuyển vào lớp nghiên cứu sinh, ngành Lịch sử của Viện. Giữa năm 1937, Người dự kỳ thi học kỳ I của lớp nghiên cứu sinh đạt kết quả tất cả các môn học, trong đó có môn đạt điểm xuất sắc. Tuy nhiên, khi chiến tranh thế giới thứ hai ngày một lan rộng, lò lửa chiến tranh ở khu vực Thái Bình Dương xuất hiện, Nguyễn Ái Quốc không thể yên tâm ngồi học để hoàn thành bản luận án nghiên cứu sinh, Người nóng lòng được trở về nước hoạt động. Để thực hiện nguyện vọng của mình, ngày 6-6-1938, Người (ký tên Lin) gửi thư cho Quốc tế Cộng sản nói về tình thế khó khăn của mình và đề nghị được bố trí công việc. Trong thư, Người viết: *"Đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng"*. Trong hoàn cảnh đó, nữ đồng chí Vaxiliêva, Trưởng khoa Phương Đông, đặc trách khu vực Đông Dương của Ban Phương Đông, Quốc tế Cộng sản đã ủng hộ nguyện vọng của Nguyễn Ái Quốc và viết thư đề nghị Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản ủng hộ nguyện vọng của Người, trong đó ghi rõ: *"Đồng chí Lin là Ủy viên Ban chấp hành Trung ương, là người có uy tín lớn trong Đảng Cộng sản Đông Dương, nay từ đây về thì Đảng sẽ chăm chú lắng nghe những ý kiến của đồng chí ấy"*. Quốc tế Cộng sản đã tổ chức một cuộc họp bí mật, trong đó có sự tham gia của các đồng chí G. Dimitrốp, Tổng bí thư Quốc tế Cộng sản và đồng chí Vasin Côlarốp ra chỉ thị về công tác cho Nguyễn Ái Quốc. Sau đó, Quốc tế Cộng sản đã ra Quyết định số 60 (mật): *"Sinh viên mang số hiệu 19 (Lin) từ ngày 29-9-1938 đã rời khỏi biên chế của Viện (về nước)"*.

Đầu tháng 10-1938, Người đáp xe lửa từ Mátxcova, đi về phương Đông. Vượt qua biên giới Xô - Trung, Nguyễn Ái Quốc đến Urumsi rồi đi Lan Châu. Tại đây, Người được Văn phòng Bát lộ quân chuẩn bị cho một chứng minh thư Trung Quốc, mang tên Hồ Quang, cấp bậc thiếu tá.

Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc trong bối cảnh tình hình có nhiều thay đổi: Đảng Cộng sản Trung Quốc lập lại Mặt trận thống nhất, hợp tác với Quốc Dân đảng cùng chống Nhật, v.v... Từ Lan Châu, Người đã đi Tây An theo đường dây của Đảng Cộng sản Trung Quốc, sau đó đến Diên An - căn cứ đầu não của 18 vạn quân cách mạng và 9 khu giải phóng ở Hoa Bắc và Hoa Trung. Sau hai tuần ở Diên An, Nguyễn Ái Quốc quay lại Tây An, đi xuống Quảng Tây, tìm cách về gần Tổ quốc. Dùng chân tại Quế Lâm (Quảng Tây), Nguyễn Ái Quốc, với bí danh Hồ Quang, làm



việc tại Văn phòng Bát lộ quân (đóng ở 96, đường Trung Sơn Bắc, Quế Lâm), đồng thời tìm cách liên lạc với trong nước. Tác giả T.Lan kể lại thời gian này như sau:

Mùa đông năm 1938, Bác trở lại Trung Quốc.

13 năm trước đây, lần đầu tiên Bác đến Trung Quốc, và lần này Bác lại đến Trung Quốc, hai hoàn cảnh khác nhau xa, về mọi mặt.

Lần trước, Bác đến Quảng Đông. Lần này Bác đến Thiểm Bắc.

Lần trước, bọn quân phiệt đang đánh nhau lung tung. Lần này, nhân dân Trung Quốc đang chiến tranh chống phát xít Nhật.

Lần trước, Đảng Cộng sản mới ra đời, lực lượng chưa có mấy. Lần này, Đảng Cộng sản đã mạnh dạn và có nhiều kinh nghiệm lắm.

Cuối năm ngoái (1937), Đảng Cộng sản lập lại Mặt trận thống nhất, lại hợp tác với Quốc Dân đảng để cùng nhau chống giặc Nhật. Do đó, Hồng quân đổi tên là Bát lộ quân, và Tân tứ quân. Đối với vấn đề nông dân, thì chính sách của Đảng trong thời kỳ kháng chiến là thực hành giảm tô giảm tức, tạm thời không tiếp tục cải cách ruộng đất...

Hôm đầu tiên Bác đến Tây An được các lão đồng chí hoan nghênh nhiệt liệt. Mà cũng là hôm đầu tiên phải "chạy máy bay" Nhật đến ném bom.

Tây An là một thành phố có nhiều di tích lịch sử xưa cũ hơn ba, bốn nghìn năm, và có nhiều phong cảnh đẹp. Nhưng trong hoàn cảnh chiến tranh, có thời giờ đâu, có tâm trạng đâu mà đi xem! Tuy vậy, Bác vẫn thấy được một điều lạ: rất nhiều chim quạ đen. Lúc trời gần tối có hàng chục vạn con quạ từ bốn phương bay đến, đỗ kín các mái nhà và ngọn cỏ thụ trong công viên. Sáng sớm chúng xuống đậu kín mặt đất, nháy nhót và kêu quạc quạc âm lên như cãi nhau, rồi từng nhóm, từng nhóm kéo nhau bay mỗi nhóm một phương trời. Trông thấy bầy quạ, Bác nhớ lại câu ca dao:

Quạ nào mà chằng đen lông

Địa chủ nào mà tốt với bản cố nông bao giờ?

Ở Tây An vài hôm, rồi đi Diên An. Bác cùng mấy đồng chí Trung Quốc phụ trách "hộ tống" mấy ngày chiếc xe chở vài rách (mua vé để bện dép) đến Diên An. Xe này không phải là xe hơi mà cũng không phải là xe bò, vì nhiều khi phải dùng một ngựa, một lừa và một trâu cùng kéo! Mỗi ngày chỉ đi được vài chục cây số. Tối đến, trọ ở nhà nông dân; tiền phòng ngủ và tiền ăn (ăn miến, ăn nhiều ít tùy ý) chỉ tốn 2 hào. Đi dủng dỉnh chậm chạp như thế có hơi mệt, nhưng lại thấy được nhiều điều thú vị.

Trên đường, gặp nhiều nhóm thanh niên, trai có, gái có, số đông là trí thức, từ các nơi lũ lượt kéo nhau đi Diên An. Phần thì vì không quen lao động, phần thì vì đi bộ đã nhiều ngày, lắm người mỏi mệt, hầu như phải lê từng bước. Nhưng họ hướng về Diên An trung tâm cách mạng như các tín đồ hướng về "đất thánh". Họ quyết vượt mọi gian khổ, đi cho đến nơi. Họ chia thành từng nhóm, giúp đỡ lẫn nhau. Hai



bên đường, trên gốc cây và tảng đá, thường có những khẩu hiệu viết bằng phấn hoặc bằng than: "Anh chị em ơi! Gân đến X... rồi! Cố gắng lên thôi...".

Bác có gặp một nhóm thanh niên Hoa kiều đi bộ từ Xiêm về. Bác thân mật nói chuyện và bảo họ: Lấy nước dài bóp chân cho đỡ mỏi; vừa đi đường vừa kể chuyện hoặc ca hát cho khuấy khoả...

Từ Tây An đến Diên An có nhiều vùng "xôi đỗ": Những huyện "trắng" thuộc Quốc Dân đảng. Những huyện "đỏ" thuộc về ta. Cũng có huyện nửa trắng nửa đỏ, ở đấy, vì huyện trưởng thường là "trắng", mọi việc dân cứ tìm đến cán bộ đỏ, cho nên "quan huyện" rất nhàn hạ như câu hát:

Chiều chiều quan huyện ra cầu,
Cái ve, cái chén, cái bầu sau lưng...

Thanh niên học sinh các nơi tìm vào Diên An, lúc đi qua vùng trắng, có khi bọn Quốc Dân đảng bắt cóc làm mát tích.

Ở vùng trắng, dọc đường thường có lính Quốc Dân đảng cầm súng gác. Ở các trạm vùng đỏ, do nông dân, hoặc thanh niên, phụ nữ, đôi khi các em nhi đồng cầm dao dài ngù đỏ canh phòng.

Một buổi trưa trời nắng, Bác đang nghỉ trong một cái quán. Khi cơm mới sôi thì chị nhà hàng hối hả mang nồi chạy ra sau vườn. Ngoài đường phố, một toán lính Quốc Dân đảng dang khệnh khạng kéo đi. Sau mười phút, bà chị lại hăm hờ mang nồi cơm về. Bác hỏi: "Cơm đang sôi, sao thím mang chạy?" Chị nhà hàng khẽ trả lời: "Các đồng chí mới đến không biết. "Chúng" ăn đã không trả tiền thì chớ, "chúng" còn đánh đập người ta nữa là khác!"

"Chúng" tức là bọn binh sĩ Quốc Dân đảng. Dân gian ở đây có câu: "Nhất binh, nhì phỉ, vợ vét thật kỹ, nhất phỉ nhì binh".

Cùng trên một đường phố ở thị trấn H., Bát lộ quân và Quốc Dân đảng đều có đặt trạm mộ lính mới. Bên trạm "Bát lộ" thì người đến đăng ký đông kìn kịt. Bên trạm "quốc dân" thì chẳng có ai vào, tên trạm trưởng bèn nghĩ ra một diệu kế - nó trang hoàng trạm nó giống hệt như trạm "Bát lộ". Kết quả có người vào ngay. Nhưng người vào rồi người lại ra, ra để đi vào trạm "Bát lộ"... Hơn nữa, nhiều lính Quốc Dân đảng bí mật trốn theo Bát lộ quân...

Nhìn qua những việc nhỏ bé, người ta cũng thấy rõ lòng dân hướng về ai.

Đi độ một tuần thì đến Diên An.

Diên An là một thị trấn thường, ở địa phận núi, nhà cửa không thấy nhiều, nhưng số người lại rất đông. Đại đa số ở nhà "hầm" tức là xuyên núi đất thành những tổ tò vò khổng lồ, hàng chục người ở được. Nhà hầm có cái ưu điểm là mùa đông thì ấm, mùa hè thì mát. Những dãy nhà hầm theo chân và sườn núi. Học sinh và bộ đội ở nhà hầm. Các đồng chí lãnh tụ Đảng và chính phủ cũng ở nhà hầm.

Bác nói: Đến Diên An, trong lòng rất phấn khởi, nhưng không khởi bỡ ngỡ ít



nhiều. Thí dụ: Lúc đầu không phân biệt được ai là bộ đội, ai là học sinh, ai là chỉ huy, ai là cán bộ, thậm chí không phân biệt được ai là đàn ông, ai là đàn bà! Thật vậy! Vì mọi người đều ăn mặc gọn gàng và một kiểu như nhau: áo quần nhuộm màu chàm, và giầy vải... Máy ký giả nước ngoài đã tặng đồng chí Chu Đức cái danh hiệu "Hỏa dẫu phu tướng quân", vì Chu tổng tư lệnh cũng mặc như người nấu bếp.

Ăn thì mỗi ngày hai bữa cơm gạo mạch vối cà rốt và củ cải. Lúc đầu, Bác chưa quen, ăn không được. Nhưng vài hôm sau dần dần ăn được, vì như câu tục ngữ nói: "Đói, thì muối cũng ngon".

Cứ cách mười hôm lại có một bữa "ca xôi" (thêm rau). Các "anh nuôi" khéo tiết kiệm. Khoảng 10 ngày cộng lại một lần, tiết kiệm được bao nhiêu đều dùng vào "ca xôi": Cơm trắng với cá, thịt, vịt, gà... như một bữa tiệc to.

Về mặt vật chất, Diên An là một nơi cực kỳ giản đơn, chất phác, khắc khổ. Về mặt tinh thần thì Diên An là một "Trời đất tự do" cực kỳ vui vẻ, sôi nổi, phấn khởi, khẩn trương. Ai cũng tăng gia, ai cũng học tập.

Trường học to nhất là trường "Kháng đại" (Kháng Nhật quân chính đại học) trong mấy năm đã đào tạo 20 vạn cán bộ quân sự và chính trị. Nhà trường trống rỗng, không ghế không bàn. Khi lên lớp, mỗi học sinh mang theo một cái ghế cõn con để ngồi; khi ghi chép thì học sinh kê sách lên đầu gối mà viết.

Lúc đó Diên An là nơi tổng chỉ huy của 18 vạn quân đội cách mạng và 8, 9 khu giải phóng ở Hoa Bắc và Hoa Trung. Một không khí bông bột lạ thường bao trùm tất cả mọi người và biểu lộ ra trên nét mặt của mỗi một người. Đoàn kết, phấn đấu, thắng lợi - đó là chí khí của Diên An, nó thật xứng đáng với cái tên vẻ vang mà nhân dân Trung Quốc tặng cho nó: "Thánh địa cách mạng".

Gần Diên An có mấy di tích lịch sử nổi tiếng: Lăng Hoàng Đế (Hoàng Đế là tên một vị vua có công đức với dân, cách đây khoảng 5.000 năm); "Đỗ Phủ xuyên" là con suối mà đời xưa đại thi sĩ Đỗ Phủ thường đi đến; có Bửu Tháp trên núi Gia Lăng. Khi đi gần Cam Tuyền, Bác nhớ lại câu: "Khôi Cam Tuyền mờ mịt thức mây" trong Chinh phụ ngâm nổi tiếng.

Vội đi Hoa Nam cho gần nước ta hơn, Bác chỉ ở Diên An hai tuần, rồi trở lại Tây An. Lần này đi cùng năm chiếc xe hơi chở học sinh, cán bộ trung cấp và cao cấp. Khi đi qua vùng "trắng" X, bọn đặc vụ Quốc Dân đảng bắt xe dừng lại và lục soát, rồi chúng dọa giữ xe và người lại. Đồng chí Lâm Bưu bảo chúng đại ý: "Chúng tôi đi có việc và rất quan trọng. Nếu muốn giữ chúng tôi lại, thì các anh phải viết giấy rõ ràng...". Trước thái độ cứng cỏi đó, bọn đặc vụ không dám lời thôi nữa.

Việc này lại một lần nữa phơi bày sự dè hèn của bọn Tưởng.

Đến Tây An, Bác đi Quảng Tây, vì Quảng Đông hồi đó bị giặc Nhật chiếm rồi. Cùng đi chuyến ấy có đồng chí L. là cán bộ Đảng. Để cho có vẻ, đồng chí L. ra vai quan tướng, Bác thì làm vai lính hầu của L.



Ở Quế Lâm (tỉnh lỵ Quảng Tây) có biện sự xứ là một đơn vị nhỏ của Bát lộ quân, Bác vừa tham gia công việc Bát lộ quân, vừa tìm cách liên lạc với trong nước. Các đồng chí Trung Quốc giúp Bác nhiều trong việc này.

Khi đơn vị Bát lộ quân mới đến đóng ở ngoại ô Quế Lâm, nhân dân địa phương tỏ vẻ lạnh nhạt, vì họ đã bị Quốc Dân đảng tuyên truyền. Nhưng ra sức thực hành khẩu hiệu "Hết lòng giúp đỡ nhân dân", cho nên không bao lâu thì cảm tình giữa Bát lộ quân và bà con địa phương đã trở nên "như cá với nước".

Bác được đơn vị bầu làm chủ nhiệm Câu lạc bộ. Câu lạc bộ vừa là một cơ quan văn hoá của đơn vị, vừa là cơ quan tuyên truyền đối với nhân dân địa phương.

Được ít lâu, Bác đi Hành Dương với đồng chí tướng quân Diệp Kiếm Anh. Vì Bát lộ quân và Tân tứ quân khéo dùng chiến thuật du kích, luôn luôn thắng lợi trước mặt trận cũng như sau lưng địch. Ngày bắt đầu chống Nhật, hai quân đội ấy chỉ có độ 4 vạn chiến sĩ; năm 1938 đã phát triển đến hơn 18 vạn người, được thu phục lại nhiều nơi bị Nhật chiếm vì quân Quốc Dân đảng bỏ chạy, đã mở được nhiều khu giải phóng rộng lớn, và đương đầu với hơn 40 vạn quân Nhật. Còn quân Quốc Dân đảng thì liên tiếp thua trận này đến trận khác. Thấy vậy, Tưởng Giới Thạch bèn nhờ Bát lộ quân dạy chiến thuật du kích cho một số sĩ quan của hắn. Đồng chí Diệp Kiếm Anh lãnh đạo một số đồng chí giáo quan phụ trách trường huấn luyện ấy.

Bác được bầu làm bí thư chi bộ, kiêm việc nghe đài phát thanh lấy tin tức quốc tế làm tài liệu huấn luyện thời sự cho đơn vị. Cả hai công việc đều mới lạ, nhưng cũng đều thú vị.

Trong chi bộ thì tướng có, binh có; trai có, gái có; tiếng nói đông, tây, nam, bắc đều có cả. Trong đơn vị thì có chiến sỹ cũ, có chiến sỹ mới, có một số không phải đảng viên, chi bộ đều phải săn sóc họ. Việc thì việc lớn, việc nhỏ, từ việc ăn uống, học tập giải trí, kỷ luật cho đến việc riêng của mọi người đều tìm đến bí thư. Bác cùng hai đồng chí phó bí thư (phụ nữ) làm việc suốt ngày.

Việc nghe radiô cũng không dễ, vì lần này là lần đầu tiên mó tay đến cái máy thu thanh, không biết đài nào phát, giờ nào và làn sóng nào. Bác thức suốt năm đêm, vắn di vắn lại tìm nghe. Đến khuya đêm thứ sáu mới nghe được đài Luân Đôn.

Trường huấn luyện du kích kết quả thế nào? Muốn đánh du kích thì phải dựa hẳn vào lực lượng của nhân dân, phải được nhân dân yêu mến và giúp đỡ. Muốn đạt mục đích đó thì mỗi đội viên du kích phải yêu kính nhân dân, giúp đỡ nhân dân, cùng nhân dân đồng cam cộng khổ, đoàn kết thành một khối. Đảng này, quân quan Quốc Dân đảng đều thuộc giai cấp bóc lột, quen thói hà hiếp nhân dân, họ không thể hành được cái họ đã học. Kết quả là "chữ thầy lại trả thầy".

Bọn Tưởng Giới Thạch đánh Nhật thì rất nhát, chống cộng lại rất hăng. Âm mưu của chúng là mượn tay phát xít Nhật để tiêu diệt quân đội cách mạng. Không ngờ Bát lộ quân và Tân tứ quân càng ngày càng đánh vào sau lưng địch, mở rộng khu giải phóng, phát triển bộ đội mình, và thế lực ngày càng mạnh.



Âm mưu nham hiểm kia đã thất bại, cuối năm 1939, Tưởng Giới Thạch công khai mở cuộc chống cộng, phái quân đánh vào Biên khu là nơi Trung ương Đảng Cộng sản đóng, và đánh vào những vùng thuộc phạm vi Bát lộ quân và Tân tứ quân. Đảng Cộng sản vừa phải đánh Nhật, vừa phải chống Tưởng, lại vừa phải khôn khéo giữ gìn cho Mặt trận thống nhất khỏi tan vỡ.

Trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, như: *Về những chỉ thị mà tôi có thể nhớ và truyền đạt lại* (năm 1939); *Báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản* (tháng 7-1939), báo cáo về tình hình hiện tại của mình, về tình hình chính trị ở Đông Dương từ năm 1936-1938; *Báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản* (tháng 7-1940), nêu những thông tin về địa lý, dân tộc, đồng thời khẳng định chỉ có Đảng Cộng sản là chính đảng chân chính, có tính chất toàn quốc và tính chất quần chúng",... thông báo về tình hình của bản thân và tình hình chính trị ở Đông Dương. Từ tháng 2-1939, Người viết nhiều bài dưới tiêu đề: *"Thư từ Trung Quốc"*, tập trung nêu lên họa xâm lược của bọn phát xít Nhật ở Trung Quốc và các quốc gia châu Á, đồng thời nêu rõ những hoạt động phá hoại của bọn Tờrốt xít ở Trung Quốc, qua đó gián tiếp báo động về những hoạt động của chúng ở Việt Nam, nhằm nhắc nhở, giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao tinh thần cảnh giác, không thoả hiệp với chúng trong bất cứ vấn đề nào. Cùng với những bài báo, Nguyễn Ái Quốc còn gửi thư cho Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, trực tiếp truyền đạt tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, nêu những ý kiến về đường lối, chủ trương của Đảng trong thời kỳ thực hiện Mặt trận dân chủ Đông Dương. Sau đó, Người báo cáo Quốc tế Cộng sản những ý kiến về mặt đường lối Người đã truyền đạt cho Trung ương Đảng ta và tình hình công việc của Người trong 9 tháng qua như: làm phiên dịch tin tức, viết sách nói về *Khu vực đặc biệt*, và một số bài báo phản ánh những biến cố chính trị, quân sự ở Trung Quốc.

Tháng 2-1939, Nguyễn Ái Quốc rời Quế Lâm, tham gia lớp huấn luyện du kích tại Nam Nhạc thuộc Hành Dương, tỉnh Hồ Nam. Sau 7 tháng ở Hồ Nam, khoảng sau ngày 20- 9-1939, Nguyễn Ái Quốc rời Hồ Nam trở về Quế Lâm và đi Long Châu (một huyện nằm ở biên giới Việt Trung, tỉnh Quảng Tây) để bắt liên lạc với người từ trong nước sang, nhưng không gặp được. Không bắt được liên lạc với đại diện của Trung ương, trong khoảng thời gian từ tháng 10-1939 đến cuối tháng 11-1939, Người di chuyển liên tục (Quế Lâm - Liễu Châu - Long Châu - Quý Dương - Côn Minh - Trùng Khánh). Tại Trùng Khánh, Nguyễn Ái Quốc thường đến Văn phòng Bát lộ quân đóng tại thôn Hồng Nham và gặp gỡ Chu Ân Lai. Đồng chí Đặng Văn Cáp kể lại trong hồi ký: *"Một hôm, tôi nhớ rõ là ngày 28-9-1939, đồng chí Phùng Chí Kiên đến tìm tôi ở huyện Phong Thuận. Sau khi trao đổi với nhau về tin "Hoa quân nhập Việt" trên, chúng tôi không khởi lo ngại, cuối cùng bàn nhau tìm hiểu thêm xem thực hư ra sao. Chia tay được ít ngày, tôi nhận được điện báo của đồng chí Phùng Chí Kiên báo tôi cố tìm cách xin nghỉ ít ngày, lý do sẽ cho biết sau.*



- Hiện nay Ông Cự đã về tới Long Châu (Quảng Tây) chúng ta, phải đi đón ngay. Đó là lời đồng chí Phùng Chí Kiên cho tôi biết khi tôi đã được nghỉ việc.

Chúng tôi mua vé xe lên đường vào một ngày cuối tháng 9. Qua Hưng Ninh đến Thiệu Quan chúng tôi tìm đến Biện sự xứ của Bát lộ quân. Gặp đồng chí chủ nhiệm Cô Đại Tôn, đồng chí nói:

- Ba lần Ông Cự tìm người đón để về nước mà không gặp - Ông Cự từ Biên khu phía nam Hành Dương, Hồ Nam đã đi Trùng Khánh rồi.

Chúng tôi tức tốc đi Hành Dương hỏi thăm, người ta cho biết Ông Cự đã đi Quế Lâm. Chúng tôi lại đi Quế Lâm tìm đến Biện sự xứ. Gặp Quý Hạ, đồng chí trả lời là Ông Cự đã đi Quý Châu.

Bấy giờ đang cuối tháng 10, ngày Quốc khánh Liên Xô là ngày 7-11, chắc đến kịp sẽ gặp được Ông Cự ở đó. Chúng tôi bảo nhau rồi tức tốc mua vé xe ngay. Rủi thay khi đi đường anh lái chiếc xe ô tô khách này, xếp đồ đạc hành lý thế nào để thất lạc chiếc vali của một tên quan Quốc Dân đảng. Khi hỏi vali không thấy, nó đổ mặt tía tai dọa dẫm:

- Không tìm được chiếc vali thì không cứ chúng mày, mà cả đoàn xe này cũng không yên được, tao sẽ nhốt tuốt vào doanh trại tao ở Trùng Khánh.

Xe bị giữ lại ở huyện Độc Sơn một tuần lễ - tìm được vali, tên quan Quốc Dân đảng mới cho đi. Vì thế mãi ngày 10-11 chúng tôi mới tới Quý Châu. Chúng tôi lại tìm vào Biện sự xứ của Bát lộ quân gặp đồng chí Viện Siêu Tuân. Đồng chí nói:

- Đồng chí Hồ Quang đã rời đây đi ba ngày rồi. Có thể đồng chí ấy đi thẳng Côn Minh, mà cũng có thể sẽ quay lại Quý Dương. Mấy ngày nay bọn quan quan Tưởng đang chuẩn bị họp tại thị trấn này. Chúng rất để ý chúng ta, ở lại không tiện, các đồng chí nên đi thẳng Côn Minh, nếu đồng chí Hồ Quang có về đây tôi sẽ báo cho đồng chí biết để đi ngay gặp các đồng chí.

Hồ Quang là bí danh của "Ông Cự".

Mua xong hai vé đi Côn Minh nhưng vì xe đến 5 giờ sáng hôm sau mới khởi hành, chúng tôi đi dạo chơi các phố Quý Châu. Cảnh ở đây đẹp. Chúng tôi đang đi thẩn thờ, bỗng một người đang đứng xem báo, chợt thấy chúng tôi vội chạy lại. Chúng tôi nhận ra là ông Hồ Học Lãm, một nhân vật kỳ cựu của lớp Đông Du hiện vẫn hoạt động trong Việt Nam độc lập đồng minh hội.

Tay bắt mặt mừng, sau bốn năm xa cách, ông cười bảo tôi:

- Chúng ta gặp nhau như trong giấc mộng vậy.

Nói xong ông kéo đồng chí Kiên và tôi về nhà chơi cách đó không xa. Ông nói:

- "Có cơ hội, chúng tôi cũng muốn về nước đóng góp một việc gì dù lớn hay nhỏ. Con rể tôi⁽¹⁾ hiện đang phụ trách giao thông của binh đoàn lúc này đang ở Quán

⁽¹⁾ Tức đồng chí Lê Thiết Hùng. Đồng chí Hùng lấy đồng chí Hồ Diệc Lan, con gái cụ Hồ Học Lãm lúc này đang học ở Diên An.



thảo điểm (Hồ Nam) cũng sẽ về đây, gặp nhau rồi các ông đi cũng chưa muộn. Hoặc là một người đi trước, một người ở lại chờ xem sao”.

Tôi nghĩ bụng và suy tính: “Nếu bán đi được một vé xe sẽ có thêm được một trăm bạc. Người đi Côn Minh còn dư ra ít tiền tiêu mà người ở lại Quý Dương may ra chờ gặp được đồng chí Hồ Quang cũng là điều hay. Quý Châu là đường giao thông đi nhiều ngã, biết đâu...”

Đúng như chúng tôi bàn tính, sau khi đồng chí Phùng Chí Kiên đi Côn Minh bảy ngày, đồng chí Hồ Quang về qua Quý Châu thật. Có điều không may cho tôi là chính hôm đó lại là ngày “hội sư” của Tưởng Giới Thạch với các tướng tá đủ loại binh chủng của hắn. Bọn tay chân của hắn đã giới nghiêm tất cả các ngã đường nhất là đường từ bến xe ô tô vào Biện sự xứ của Bát lộ quân. Không biết tôi đang ở đây đón, đồng chí Hồ Quang đi thẳng xuống Côn Minh.

Đồng chí Kiên báo cho tôi biết đồng chí Hồ Quang đã về Côn Minh. Tôi cố xoay sở mua vé xe mà không sao mua nổi. Mãi tháng 5-1940, đồng chí Trịnh Đông Hải (tức đồng chí Vũ Anh) lúc này đang làm cho hiệu Vĩnh An Đường, lợi dụng xe của chủ, tự tay lái lên đón tôi và đồng chí Lộc và đưa chúng tôi về Côn Minh. Được ít ngày đồng chí Kiên dẫn tôi vào gặp đồng chí Hồ Quang. Tôi còn đang bỡ ngỡ thì đồng chí đã reo lên:

- A, anh Linh⁽¹⁾.

- Anh Thấu Chín! Tôi cũng reo lên. Nhưng chợt nghĩ lại tôi vội chữa: Ông... à đồng chí...

Thì ra, rõ ràng đồng chí Hồ Quang là anh “Thấu Chín” mà tôi đã từng gặp ở Thái Lan, là Bác. Bác cười, vỗ vai tôi thân mật, hỏi về những người Bác quen biết ở Xiêm và nhắc lại những chuyện cũ hồi Bác ở bên đó. Mười năm đã qua mà Bác không quên một chi tiết nhỏ.

Ở đây tôi còn được gặp một số các đồng chí ở trong nước mới ra như đồng chí Lâm Bá Kiệt (Phạm Văn Đông), Dương Hoài Nam (Võ Nguyên Giáp) và Bùi Thanh Bình (tức Bùi Đức Minh), hoặc từ Diên An về như đồng chí Cao Hồng Lãnh.

Bác cho biết là Bác dự tính về nước bằng đường Côn Minh - Lào Cai qua huyện Khai Viễn nếu không có những con đường khác thuận lợi hơn. Bác phái đồng chí Bùi Thanh Bình về Hồ Kiều tìm hiểu tình hình đường sá và cử đồng chí Lộc cùng về theo. Hồ Kiều tức là Hà Khẩu, một thị trấn sát địa phận Lào Cai. Ở Hồ Kiều, đồng chí Bùi Thanh Bình còn có điều kiện thăm dò tình hình trong nước. Còn đồng chí Lộc được đưa vào làm ở một hiệu bánh để làm cơ sở liên lạc và có nhiệm vụ lo liệu mọi mặt suốt dọc đường từ Vân Nam về Hồ Kiều sau này. Còn tôi trong khi chờ đợi, được tạm đưa vào làm thợ nguội trong một xưởng công binh của Tưởng vì tôi còn có nhiệm vụ chữa bệnh cho cán bộ ta lúc này đang ở Côn Minh.

⁽¹⁾ Bí danh của tôi ở Thái Lan là Đặng Văn Linh.



Cuối tháng 6-1940, đường giao thông bị tắc. Kế hoạch về nước bằng đường Lào Cai thế là bị bỏ. Hướng đi thay đổi, đồng chí Lộc được gọi về Côn Minh. Tôi buộc phải nghỉ làm thợ để làm liên lạc giữa Bác với các đồng chí ta và các đồng chí bạn. Còn Bác lúc này là "nhân viên bán sách" cho "Độc thư sinh hoạt", một bộ phận của tổ chức cách mạng của ta nhưng bên ngoài là một hiệu sách của tư nhân. Hiệu sách là nơi liên lạc của ta, ai có việc chỉ cần đi qua, hoặc vào mua sách đúng ám hiệu. Bác sẽ có cách hẹn nơi nói chuyện. Riêng tôi sáng nào cũng ra văn miếu cốt để gặp Bác xin chỉ thị, và cùng Bác tập thể dục. Tập xong, nếu không có việc đi đâu, tôi ngồi nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô. Để kiểm tra sức học của tôi, một hôm trên đường tôi đưa Bác đi thăm một cơ sở (tôi nhớ là đến "Sinh hoạt thư điểm"), Bác bắt tôi phân tích tình hình thế giới. Rồi Bác hỏi tôi về trường hợp của Lý Nhược Sơn, Triệu Tiên đang dự tính thành lập chính phủ lưu vong.

- Chính phủ mà không có cơ sở cách mạng trong nước là hỏng - Tôi trả lời.
- Thế cái hành động của ta ở Nam Kỳ thì sao?
- Tôi e là còn hơi sớm. Việc chuẩn bị cho cơ sở chưa vững.

Bác cười gật đầu.

Từ ngày về Côn Minh, Bác tổ chức những buổi học tập, thảo luận tình hình. Tham gia các buổi học tập này còn các đồng chí Lâm Bá Kiệt, Dương Hoài Nam, Cao Hồng Lãnh và tôi. Nghiên cứu một vấn đề gì, hay một bài gì, anh em chúng tôi luân phiên nhau cử người ra trình bày và mọi người đều tham gia tranh luận.

Sau đó ít lâu, Nhật đưa quân vào xâm lược Việt Nam. Côn Minh bị Nhật ném bom dữ dội liên hơn một tháng. Tôi đưa Bác đi tránh máy bay ném bom mang theo cả chiếc máy chữ cùng với Bác ra ngoại thành Côn Minh. Cũng trong thời kỳ này, chúng tôi được tin từ Quảng Tây cho biết có 43 thanh niên của ta vượt biên giới sang Trung Quốc, số anh em này phần lớn là thanh niên yêu nước vì chưa biết bộ mặt thật của Trương Bội Công nên đã liên hệ với lão.

Trương Bội Công tên thực là Nguyễn Văn Chiêu thuộc lớp Đông Du nay đã phản bội, là một tên mật vụ được bọn Tưởng tin dùng. Nấp dưới chiêu bài một nhà cách mạng Việt Nam, một chiến sĩ yêu nước, hấn rắp tâm định dùng số anh em này làm nòng cốt trong đám quân đội "Hoa quân nhập Việt" sau này.

Bác chỉ thị cho cán bộ ta phải nắm lấy số 43 anh em thanh niên đó. Bác chỉ thị cho đi chuẩn bị cùng với Bác đi Quảng Tây. Ngày nào cũng đi mua vé nhưng không được, rông rã suốt hơn một tháng trời.

- Nhật vào Đông Dương rồi mà chúng ta chưa tiến được một bước nào cả, - Bác buồn bã nói.

Cuối cùng tôi chỉ mua được một vé, đành để Bác đi trước một mình. Mãi cuối tháng 11-1940 tôi mới mua được vé đi Liễu Châu.



Tại Liễu Châu, Bác triệu tập các đồng chí Lý Quang Hoa (Hoàng Văn Hoan), Phùng Chí Kiên và tôi đến để bàn một số việc. Tại một phòng trong một khách sạn, Bác giao trách nhiệm cho chúng tôi chuẩn bị về biên giới. Chúng tôi bố trí xong các công tác chuẩn bị thì vừa vặn các đồng chí Trịnh Đông Hải (Vũ Anh), Dương Hoài Nam đưa Nguyễn Hải Thần về Liễu Châu và đồng chí Lâm Bá Kiệt từ Quế Lâm cũng vừa về tới.

Việc chuẩn bị về nước rất khẩn trương..."

Vào khoảng nửa cuối 11-1939, Nguyễn Ái Quốc tìm đường đi Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam. Tại Côn Minh, Ban chỉ huy ở ngoài Đảng Cộng sản Đông Dương đã được lập lại do đồng chí Phùng Chí Kiên phụ trách. Tin tức từ trong nước đến Côn Minh rất đều đặn. Tại Côn Minh, nhờ sự giúp đỡ của các đồng chí trong Tỉnh ủy Vân Nam, Người bắt được liên lạc với Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng ta. Cuối tháng 2-1940, Nguyễn Ái Quốc gặp đồng chí Phùng Chí Kiên tại nhà ông Tống Minh Phương, số 77, đường Kim Bích, thành phố Côn Minh.

Trao đổi với tổ chức Đảng ở Côn Minh, Nguyễn Ái Quốc đề nghị đổi tên tờ *Truyền tin* thành *Đ.T.* Tháng 4-1940, Người đã cùng đồng chí Phùng Chí Kiên đi thăm một số cơ sở cách mạng dọc tuyến đường xe lửa Côn Minh - Hà Khẩu. Lúc này, Người sử dụng giấy giới thiệu của "Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện hội", cho hoạt động hợp pháp để đi Nghi Lương, Khai Viễn, Chỉ Thôn. Đầu tháng 6-1940, Nguyễn Ái Quốc với bí danh đồng chí Vương đến Thuý Hồ gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp từ trong nước sang. Sau đó ít ngày, với bí danh Hồ Quang, Người giới thiệu các đồng chí Cao Hồng Lĩnh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đi học chính trị dài hạn ở Diên An, nhưng sau đó kịp thời hoãn lại vì tình hình thế giới có nhiều biến động. Ở Côn Minh, nghe tin phát xít Đức tấn công Pháp (15-6-1940), Chính phủ Pétanh chấp nhận mọi điều kiện đầu hàng (22-6-1940), tạo ra những điều kiện mới cho sự phát triển của phong trào cách mạng, Nguyễn Ái Quốc quyết định triệu tập cuộc họp tại trụ sở báo *Đ.T.* Tại cuộc họp, Người nhấn mạnh: "*Đây là thời cơ thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước để tranh thủ nắm thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng*". Hội nghị tán thành ý kiến của Người và quyết định: Tìm mọi cách về nước. Đồng chí Hoàng Quang Bình, cơ sở cách mạng của ta mở hiệu cắt tóc Bình dân ở Vân Nam kể lại: "*... Hôm ấy, trời đã xế chiều. Tôi đang cắt tóc cho một khách hàng thì thấy bên kia đường có hai người đứng ngó sang. Mấy hôm trước tôi đã được anh Hoan báo cho biết là có đồng chí Trần và đồng chí Lý về công tác. Đồng chí Lý thì tôi biết là anh Phùng Chí Kiên, nhưng chưa biết người, còn đồng chí Trần thì chưa biết là ai. Hiệu đang có khách, tôi ra không được, mà các đồng chí cũng chưa tiện vào. Khi khách ra đi, đồng chí trẻ tuổi hơn trong hai người đi trước vào hỏi tôi. Nhận được nhau rồi thì biết đó là anh Kiên và đồng chí Trần thì chính là Bác. Nhưng cũng phải đợi đến khi cách mạng thành công, nghe qua đài phát thanh nhận*



được tiếng nói tôi mới biết Cụ Hồ Chí Minh, Cụ Nguyễn Ái Quốc với đồng chí Trần là một.

Tôi nhớ rõ hôm đó Bác mặc một bộ áo kaki bạc màu. Bác chưa để râu. Trông Bác cũ kỹ, hiền lành như một ông già thôn quê, lại mảnh khảnh, gân guốc, nếu ai không nhìn cặp mắt rất sáng của Bác thì khó có thể chú ý đến Bác. Bác rất ít nói, chào hỏi xong thì ngồi im nghe anh Kiên và tôi nói chuyện. Tôi có cảm tưởng Bác có chút lạnh lùng, không vô vấp, cởi mở như anh Kiên. Có lẽ Bác vụng về về sự giao thiệp chăng?

Anh Kiên hỏi tôi về tình hình đường sắt, về cơ sở, hỏi tôi hoạt động như thế nào. Tôi báo cáo rõ cả, Bác nghe rất chăm chú, nhưng vẫn không nói gì. Cuối cùng Bác mới hỏi anh em những ai hay ra đây. Tôi nói: ở Xi Xuyên này, bọn Quốc Dân đảng cũng mở một hiệu thợ cạo do anh em tên Diên, tên Mẫn cắt tóc. Chúng cắt khéo hơn tôi. Commi, xếp tanh và công chức ở trong xít-tê đều ra cắt ở đấy. Anh em thợ thuyền thì cắt bên này. Nghe xong Bác gật gù.

Nhà tôi, ngoài chỗ cắt tóc còn có một căn gác xép. Bác và anh Kiên, tôi và thằng con tôi là cháu Hải đều ăn ngủ trên đó. Gặp cháu Hải, Bác thân với nó ngay. Hay nói cho đúng hơn là nó quấn ngay lấy Bác.

Anh Kiên định chương trình làm việc. Trước hết tổ chức gặp gỡ anh em công nhân để biết tình hình cụ thể. Rồi sẽ mở một lớp huấn luyện cho chi bộ.

Anh Kiên bảo tôi mời anh em công nhân đến chơi. Anh hỏi han chuyện làm ăn, chuyện gia đình. Hỏi chuyện Tây đối đãi ra sao, đời sống anh em thế nào. Buổi nói chuyện kéo dài. Bác cũng chỉ ngồi nghe. Anh em công nhân cũng chẳng ai phân biệt ông già củ ỉm củ ỉm ngồi lặng im nghe chuyện đó chính là Nguyễn Ái Quốc.

Sau này còn có nhiều cuộc họp công nhân, nói chuyện về tình hình như thế. Anh Kiên vẫn nói chuyện với anh em. Anh Kiên bảo tôi kêu gọi anh em nhận xét. Anh em bảo anh Lý nói dễ hiểu, vui, anh em rất thích. Còn về ông già Trần thì anh em nói: Ông cụ ít nói quá. Thật thà và cục mịch, đúng là một ông lão ở thôn quê ta sang.

Riêng tôi cũng nghĩ Bác giản dị, kín đáo, và cũng thấy quả là Bác ít nói thật.

Nhưng Bác rất khiêm tốn, nên ít nói mà chẳng ai méch lòng. Nhà tôi cả giường lẫn ghế chỉ có dăm bảy chỗ ngồi. Anh em công nhân đến, bao giờ Bác cũng đứng dậy để nhường chỗ. Anh em không chịu ngồi thì Bác cũng đứng luôn, không ngồi một mình bao giờ.

Nắm vững tình hình rồi, Bác và anh Kiên mở một lớp huấn luyện cho chi bộ. Chi bộ chúng tôi chỉ có ba người, anh Đặng Tất Lạc là công nhân, anh Đặng Tất Vượng là tùy phái ở ga và tôi. Chương trình học sơ lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và tình hình thế giới, tình hình Đông Dương và cách mạng tư sản dân quyền. Sau lại học công tác chi bộ và lề lối làm việc của chi bộ. Khi giảng bài, Bác cũng vẫn ít nói. Bác giảng về duy vật biện chứng thường chỉ đặt vấn đề kêu gọi cho chúng tôi tìm hiểu. Bác lại hay lấy việc trước mắt, thấu lượm được trong tình hình công nhân làm



dẫn chứng. Bác nói nôm na như người kể chuyện. Nói xong lại hỏi chúng tôi có hiểu không, hiểu như thế nào? Thấy chúng tôi hiểu được chút ít, Bác lại hỏi rộng ra, lật lại vấn đề, gọi cho chúng tôi suy nghĩ.

Hàng ngày Bác dậy rất sớm. Nhà chật, gác lụp xụp, Bác vẫn tập thể dục, vươn vai, thở hít. Vận động xong thì Bác dọn dẹp trong nhà. Căn nhà tối tăm, bẽ bộn của một người nghèo như tôi bỗng trở nên ngăn nắp, quang quẻ, dễ thở hơn, như mới có thêm ánh sáng.

Ban ngày tôi bận cắt tóc. Bác hay xuống bếp chế củi, thổi cơm. Anh Kiên nhặt rau. Người vợ cũ của tôi làm ăn vất vả, hóa ra khó tính, mà cũng rất hài lòng. Vợ tôi buồn gạo. Kỳ nào có gạo về, Bác cũng ra vác hộ.

Một lần có gạo về, tôi đang bận học, không có người khâu vác. Vợ tôi bực tức, gắt gỏng. Tôi giận quá, từ trên gác xuống, rút guốc đánh mấy cái. Vợ tôi chưa kịp bủ lu bủ loa thì Bác đã xuống rồi. Bác phê bình tôi: Sao anh lại làm như thế? Rồi Bác rủ anh Kiên và tôi cùng ra vác gạo. Bác bảo: Vác gạo cũng quan trọng. Không vác gạo thì không có ăn ngay. Được nghe Bác nói, vợ tôi chùng chùng hả lòng, không mè nheo dai dẳng như mọi khi. Buổi tối, Bác lại phê bình tôi một lần nữa, Bác phân tích tại sao người dân bà nghèo khổ phải gắt gỏng, truy đến gốc nỗi khổ của những người bị bóc lột, Bác hỏi tôi đã là một đảng viên sao còn hành động như thế? Bác nói: về việc đoàn thể thì rất có thể chỉ vì hành động sai lầm còn con con như thế mà lộ bí mật. Bác nói rất thấm thía. Tuyệt nhiên Bác không gắt gỏng hay bực bội, nên tôi nghe ra ngay. Bác phê bình mà thành câu chuyện tâm sự, thấu vào tận ruột, tận gan.

Nhớ lại lúc đầu gặp gỡ, Bác không vỗ vập nhưng Bác đi sâu vào đời sống gia đình, giúp đỡ mọi việc thực tế, quan tâm thực sự đến đời sống vật chất và tinh thần của chúng tôi, nên Bác cảm hóa được mọi người trong nhà, gây được một nếp sống khác hẳn. Nhất là đối với cháu Hải, Bác săn sóc nó thật chu đáo, hơn cả tôi là bố nó. Nó ngủ ngoan đầu thì Bác sắp gối, nhẹ nhàng đặt nó nằm thẳng lại. Đêm Bác dậy mấy lần để đắp lại chăn cho nó. Bác luôn luôn lo cho nó ấm để phòng nó sưng phổi. Bác sờ bụng nó thấy ăn no mà giải rút buộc chặt thì lại nới ra. Nhiều lần Bác tắm rửa cho nó, dặn nó phải ở sạch. Ngồi ăn cơm, tuy chúng tôi là chủ nhà, Bác vẫn giục chúng tôi gấp thức ăn. Bao giờ Bác cũng gấp thức ăn cho cháu Hải trước.

Thỉnh thoảng Bác rủ chúng tôi đi tắm suối, Bác nhân đây hỏi han thêm về tình hình công tác, tình hình kiều bào và địa phương. Qua những nơi nào có cảnh đẹp, Bác dừng lại ngắm nghía. Tính tôi xốc nổi, có bận giục Bác đi mau. Bác bảo: ngắm cảnh đẹp rất tốt. Và muốn xem cảnh này giống cảnh nào trong nước mình.

Sau này biết Bác giỏi tiếng Trung Quốc, tôi rất lấy làm lạ. Suốt thời kỳ Bác ở Xi Xuyên, tuyệt đối Bác không nói một tiếng Trung Quốc nào, tiếng Pháp cũng vậy. Tôi mới học tiếng Trung Quốc và biết ít tiếng Pháp. Thỉnh thoảng cũng xì xỏ đôi tiếng với anh em bạn bè. Có lần anh em nói tiếng Pháp, hỏi tôi xem Bác là ông cụ nào? Tôi trả lời Bác là ông cụ ở nhà quê mới sang chơi, Bác nghe chuyện vẫn im như



không. Thật là một sự không ngờ. Bây giờ suy ra mới biết: Bác ít nói và không nói tiếng ngoại là công tác bí mật của Bác.

Bác rất tiết kiệm. Thuốc thơm hồi đó rất sẵn nhưng Bác chỉ hút thuốc cuốn lấy như sâu kèn. Thỉnh thoảng tôi có ít tiền, mua lẻ vài điếu thuốc thơm biếu Bác.

Bác giản dị nhưng thích mỹ thuật, yêu cái đẹp, ưa sạch sẽ. Lần đầu tiên tôi cắt tóc cho Bác. Bác bảo: "Anh nên năng giặt cái vải khoác này đi, khách sẽ vào hiệu ta đông hơn. Làm gì cũng phải làm cho tốt. Nhất là hiệu ta chỉ có anh em công nhân vào cắt tóc."

Bác ở Xi Xuyên một tháng rồi Bác đi. Bác giao nhiệm vụ ở lại phải tiếp tục gây cơ sở. Đó là công việc Đảng. Gây cơ sở phải bí mật. Công khai thì phải tích cực vận động kêu gọi ủng hộ Trung Quốc kháng Nhật. Bác bảo ủng hộ phải thiết thực. Nên lập một cái quỹ ủng hộ Trung Quốc kháng chiến. Chúng tôi làm một cái hòm, mời chính quyền địa phương đến niêm phong. Ai ủng hộ đồng nào thì tự tay bỏ vào đấy. Bác bảo việc này nhỏ nhưng ý nghĩa to, không được coi thường. Nhân dân Trung Quốc sẽ biết rõ những người cách mạng Việt Nam chân chính.

Cuối cùng Bác bảo: "Chúng tôi ở đây lâu, nay đi, đề nghị các đồng chí nhận xét phê bình". Tôi nói chẳng có gì để phê bình cả, chỉ thấy nhớ. Bác hỏi tôi có yêu cầu gì không? Tôi yêu cầu được liên lạc với các đồng chí Trung Quốc, và có đồng chí Trung Quốc đến cùng công tác ở đường sắt. Bác lại hỏi còn yêu cầu gì nữa không? Tôi trả lời không. Bác bảo nghĩ kỹ xem. Tôi nghĩ cũng không thấy cần yêu cầu gì thêm. Sau Bác bảo: "Không có yêu cầu để tôi đề yêu cầu ra cho. Các đồng chí ở đây cần giúp đỡ các đồng chí qua lại hoạt động. Phải cần đến tiền. Tôi đưa một số tiền vào tiền ăn của chúng tôi".

Tôi nhất định không chịu nhận, nói việc chạy tiền nuôi các đồng chí là nhiệm vụ của chúng tôi. Bác bẻ lại: "Tôi đi công tác của Đảng có tiền Đảng nuôi. Tôi đưa tiền thì đồng chí có nhiệm vụ nhận".

Tôi chẳng còn nói thêm gì được nữa..."

Cuối 6-1940, Người cử đồng chí Trần Văn Hinh đi Diên An để thiết lập mối quan hệ với quốc tế. Còn Người đi Trùng Khánh gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Cuối tháng 7-1940, Người trở lại Côn Minh, định trở về nước theo hướng Côn Minh - Lào Cai nhưng không thực hiện được. Trong khi đó, tháng 9-1940, Nhật tiến hành xâm lược nước ta, thực dân Pháp hoàn toàn không kháng cự, dâng nước ta cho Nhật. Từ đây, nhân dân ta một*chỗ phải chịu hai trùng áp bức. Tháng 10-1940, Nguyễn Ái Quốc lại cùng một số đồng chí rời Côn Minh đi Quế Lâm (Quảng Tây) tìm đường trở về nước theo hướng mới. Tại đây, để có danh nghĩa hoạt động, Người cho lập lại Việt Nam độc lập đồng minh - tổ chức chính trị chống đế quốc của người Việt Nam (được phép chính quyền Tưởng Giới Thạch cho thành lập từ năm 1935 tại Nam Kinh), và mời ông Hồ Học Lâm làm chủ nhiệm văn phòng hải ngoại của tổ chức. Trước những biến động của tình hình thế giới, Trung ương



Đảng Cộng sản Đông Dương họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (tháng 11-1940) và chỉ rõ: "Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập", đồng thời quyết định: Tiếp tục duy trì đội du kích Bắc Sơn, hoãn khởi nghĩa Nam Kỳ, chấp nối liên lạc với Quốc tế Cộng sản và bộ phận hải ngoại của Đảng. Công việc trọng yếu này giao đồng chí Hoàng Văn Thụ phụ trách,... Đồng chí Phùng Thế Tài viết trong cuốn *Những năm tháng không thể nào quên*: "Từ ngày về đến Côn Minh, một mặt Bác vẫn thường xuyên nhắc nhở việc chuẩn bị con đường trở về nước, một mặt Bác tranh thủ nắm tình hình, đẩy mạnh các hoạt động lên một bước mới. Hoạt động ở Vân Nam lúc ấy, ngoài các đồng chí Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, Cao Hồng Lĩnh còn có một vài đồng chí khác nữa, hình thành bộ phận hải ngoại của Đảng. Đến tháng 6 - 1940, có thêm anh Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp. Nhưng anh Giáp và anh Đồng ở một nơi khác, cách xa khoảng vài cây số. Đồng chí Phùng Chí Kiên ở cơ quan bí mật, phụ trách riêng một tờ báo. Bác rất quan tâm đến tờ báo này và trực tiếp viết nhiều bài cho báo. Bác còn góp ý cả tên của tờ báo. Bác bảo nên đặt tên là Đ.T, hiểu là "Đảng ta" "Đấu tranh" hay "Đánh Tây" cũng được. Bác đặc biệt chú ý đến công tác bí mật... Một hôm đồng chí Vũ Anh giao nhiệm vụ cho tôi phải bảo vệ một nhân vật quan trọng tên là Vương (bí danh của Bác). Tôi hỏi đồng chí Vương là ai? Cách bảo vệ như thế nào? Đồng chí Vũ Anh bảo đồng chí Vương là một nhà cách mạng nổi tiếng, hiện nay đồng chí Vương đang ở nhà một đồng chí đảng viên Đảng cộng sản Trung Quốc tên là Trần, nhà ở cùng phố với nhà tên Long Vân, tỉnh trưởng Vân Nam. Tôi muốn hỏi thêm một vài điều nhưng đồng chí Vũ Anh bảo không được tò mò. Bước đầu, nhiệm vụ cụ thể đồng chí Vũ Anh giao như sau: Cứ khoảng 7 giờ tối, tìm cách lảng vảng trước cổng nhà đồng chí Vương ở nhờ. Khi thấy đồng chí Vương ra cổng đi đâu đó thì cứ theo sau, khoảng cách chừng 6 đến 10 mét và sẵn sàng bảo vệ khi cần. Vũ khí dùng để bảo vệ, đồng chí Vũ Anh giao cho một cái búa, sau thêm con dao, không có súng ống gì cả.

Ngay đêm đầu tiên làm nhiệm vụ, tôi đã nhận ra ông Vương cũng chính là ông Trần mà trước đó, tôi đã gặp lần đầu tiên ở hiệu Vĩnh An Đường. Thì ra đây là nhân vật mà suốt mấy tháng trời từ cuối năm 1939 đến đầu năm 1940, đồng chí Vũ Anh cùng các đồng chí ở Chi bộ Vân Quý ra công tìm kiếm để bắt liên lạc. Từ đó, tôi càng cảm thấy trách nhiệm của mình thật to lớn. Một hôm đồng chí Vũ Anh bố trí cho tôi gặp đồng chí Vương tại một quán nước vắng, để chính thức giới thiệu tôi với Bác. Đồng chí Vũ Anh nói với Bác bằng tiếng Trung Quốc.

Đây là chú Nghĩa, một đảng viên, mọi điều tôi đã dặn kỹ, xin tiên sinh yên tâm.

Bác nhìn tôi một lúc lâu, tỏ vẻ hài lòng. Có lẽ vì thấy tôi khỏe mạnh, mặt mũi sáng sủa, chưa đầy 20 tuổi, mà đã là đảng viên...

Suốt mấy tuần đầu, Bác chỉ nói với tôi bằng tiếng Trung Quốc, sau đó mới dùng



tiếng Việt. Cũng chỉ đôi ba lần Bác hỏi tôi tình hình gia đình, quê quán... Nhiều lần tôi thấy Bác nhìn tôi với tất cả tình thương yêu như muốn gửi vào trong đó tất cả nỗi nhớ quê hương, đất nước. Nhưng do nguyên tắc hoạt động bí mật, cả Bác và tôi đều phải làm như không hề quen biết nhau... Mọi việc đều do đồng chí Vũ Anh bố trí sắp xếp. Thời gian, địa điểm tôi chỉ được báo trước một ngày. Tôi có nhiệm vụ phải đến quan sát trước, tìm địa thế có lợi, dự kiến mọi tình huống. Nhất là từ khi được đồng chí Vũ Anh cho biết đồng chí Vương chính là Nguyễn Ái Quốc, đã bị đế quốc Pháp kết án tử hình, đã bị cảnh sát Hồng Kông bắt năm 1931 và suýt bị nguy hiểm đến tính mạng nếu không được vợ chồng luật sư Lôđôbai tìm cách giải thoát, tôi càng thấy trách nhiệm hết sức nặng nề. Trong thâm tâm, với bản tính hiếu động của tuổi trẻ, tôi cũng thấy thích thích nhiệm vụ được giao, vì nó mang màu sắc trinh thám. Do đó, mỗi lần nhận nhiệm vụ tôi đều đem hết tâm sức nghiên cứu phương án tốt nhất và tự nhủ lòng lần này cũng phải bảo đảm an toàn như lần trước. Đạo đó, tuy hiểu về Đảng, về chủ nghĩa Mác - Lênin còn hạn chế, nhưng từ khi được tiếp xúc với Bác, tôi bắt đầu ý thức được rằng, nhiệm vụ mà tôi đang được giao, tuy nhiều đêm chỉ đi theo Bác như một cái bóng, Bác vào đâu, tôi chỉ lảng vảng ở ngoài cổng như một khách qua đường... nhưng là một trọng trách đặc biệt có liên quan đến vận mệnh của dân tộc.

Tháng 4-1940, Bác quyết định đi kiểm tra tình hình cơ sở dọc đường sắt, chủ yếu là trên các ga chính: Nghi Lương, Chỉ Thôn, Khai Viễn, Hồ Khẩu... Bác đóng vai một người công nhân đốt lửa, dừng lại khá lâu ở ga Chỉ Thôn. Ga này có hàng mấy trăm công nhân Việt kiều trong đó anh Hồ Quang Bình, một cơ sở của ta, mở hiệu cắt tóc ở gần ga để làm nơi liên lạc. Anh Phùng Chí Kiên cùng đi với Bác và dẫn Bác đến nhà anh Hoàng Quang Bình. Ban ngày Bác đi khảo sát tình hình, ban đêm Bác tranh thủ mở lớp huấn luyện. Mỗi lớp chỉ có 5 - 7 người, thậm chí chỉ có 3 - 4 người. Thời gian học cũng chỉ vào buổi tối. Cứ thế, những hạt giống cách mạng được Bác gieo trồng ngày càng phát triển. Tuy nhiên qua khảo sát tình hình, Bác đã thay đổi ý định ban đầu là tìm đường về nước bằng con đường qua Lào Cai. Có nhiều lý do để Bác thay đổi quyết định, trong đó có lý do sau vụ Yên Bái, bọn mật thám tăng cường chú ý đến hướng này. Chừng hơn một tháng sau Bác trở lại Côn Minh tiếp tục hoạt động, chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho việc trở về nước bằng con đường khác.

Tin Pari thất thủ đã làm cho cả Côn Minh náo động, báo chí đăng tít lớn đưa tin nước Pháp đã bị Đức chiếm. Trước tình hình đó, Bác triệu tập bộ phận ở hải ngoại của Đảng ở Vân Nam họp để đề ra phương hướng hoạt động mới. Đó là một đêm tháng 6. Không khí ở Côn Minh oi bức không khác gì ở ta. Bác cùng với đồng chí Phùng Chí Kiên, đồng chí Vũ Anh ngồi họp trong ngôi nhà nhỏ, nơi anh Kiên vẫn dùng để khai hội và là tòa soạn của báo Đ.T. Tôi được giao nhiệm vụ bảo vệ thật cẩn mật ở bên ngoài cuộc họp này. Cuộc họp diễn ra gần như suốt đêm. Sau này đồng chí Vũ Anh cho biết nội dung cuộc họp rất quan trọng. Do Pháp đã mất



nước vào tay Đức ngày 20 tháng 6 năm 1940, nên Bác quyết định phải mau chóng trở về nước hoạt động chuẩn bị mọi mặt, chờ thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. Bác nói: Lúc này mà chậm trễ là có tội với dân tộc.

Đội nghị nhất trí với đề nghị của Bác, nhưng ai cũng phân vân là không biết sẽ lấy vũ khí ở đâu mà cướp chính quyền. Bác đã giải thích:

Khởi nghĩa thì phải có vũ khí. Đó là một điều rất quan trọng của cách mạng. Nhưng nếu bây giờ có vũ khí thì lấy ai vác vũ khí. Cho nên cứ tìm cách về nước đã, về nước tuyên truyền giác ngộ quần chúng, khi quần chúng đã giác ngộ thì ta sẽ có vũ khí. Nghe đồng chí Vũ Anh nói tôi cảm thấy trong lòng rất sung sướng. Thế là mình sắp được về nước rồi. Và tự mình nghĩ làm sao để có vũ khí đây? Từ đó vấn đề vũ khí cứ ám ảnh mãi trong tôi. Có lần tôi lân la hỏi chuyện một vài lính Tưởng và bỗng nghĩ chuyện có thể mua vũ khí của bọn này, rồi chuyển dần về trong nước.

Trong những ngày này, việc bảo vệ Bác ngày càng vất vả. Hầu như đêm nào Bác cũng đi. Có thời gian đi cả ban ngày và thường xuyên cải trang, lúc mặc com-lê, khi mặc áo dài, lúc đi giày vải, khi đi dép, lúc đội mũ cứng, khi đội mũ mềm, loại mũ có lưỡi trai thò ra, phía trước có đinh khuy. Phương thức bảo vệ vẫn là phương thức "hình với bóng". Nghĩa là Bác đi trước tôi theo sau. Bác đi đâu, tôi bám theo đó. Nếu vào chỗ nào lâu khoảng hai ba giờ, Bác ra ám hiệu cho tôi biết trước bằng cách lấy mũi xoa lau mồ hôi trán. Những lúc như vậy tôi thường chọn một chỗ ngồi thật kín đáo để quan sát, chứ không đi lại lảng vảng ngoài cửa. Đó là những ngày Bác khẩn trương chuẩn bị nhiều việc để chuẩn bị về nước. Một mặt Bác điện cho các anh Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không đi Diên An học tập nữa mà quay lại Quế Lâm ngay. Một mặt Bác liên lạc với các cơ sở Đảng cộng sản Trung Quốc chuẩn bị cho Bác đi Trùng Khánh gặp đồng chí Chu Ân Lai, đại diện của Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc bên cạnh chính phủ Tưởng Giới Thạch.

Sau ngày 20 - 6 - 1940, tức ngày Paris thất thủ, vấn đề "Hoa quân nhập Việt" bắt đầu được đặt ra đối với Tưởng Giới Thạch. Với tầm nhìn xa của một lãnh tụ thiên tài, Bác đã hình dung ra từng đường đi nước bước của cách mạng Việt Nam trong những ngày sắp tới. Bác đi Trùng Khánh được hơn một tuần thì ở nhà đồng chí Vũ Anh và đồng chí Phùng Chí Kiên nhận được thư của cụ Hồ Ngọc Lãm, một nhân vật của thời kỳ Đông Du trước đây, có một thời gian phục vụ trong quân đội Tưởng nhưng chỉ là để chờ thời. Còn tấm lòng của cụ luôn hướng về Tổ quốc. Lúc này cụ đã nghỉ hưu ở Quý Châu, thủ phủ Quý Dương. Trong thư cụ cho biết hiện nay Trương Phát Khuê và Tiêu Văn đang có âm mưu dựng Trương Bội Công, từng làm quan cho Tưởng đã đến cấp tướng, đã nghỉ hưu thành lập một ngọn cờ nhằm tập hợp một số thanh niên Việt Nam ở Trung Quốc chuẩn bị cho "Hoa quân nhập Việt". Theo cụ Lãm cho biết thì từ trước đến nay Trương Bội Công chưa bao giờ hoạt động cách mạng, do đó cũng chưa tham gia một tổ chức cách mạng nào. Ông ta dựa vào thế lực của bọn Tưởng chỉ nhằm mưu đồ cá nhân. Vì không có uy tín nên Trương Bội



Công muốn mời cụ Lãm tham gia, nhằm lợi dụng uy tín của cụ Lãm để lôi kéo lớp thanh niên của ta. Cụ Lãm nêu ý kiến với các đồng chí Vũ Anh và Phùng Chí Kiên nên nhanh chóng thu xếp gặp Trương Bội Công để nếu có thể thì "giả vờ" gia nhập tổ chức này để kiếm đường về nước cho thuận tiện. Cụ cũng báo cho các anh biết là cụ sẽ nhận lời, tham gia với Trương Bội Công nhằm phá ý đồ đen tối của bọn này, không để chúng tự ý làm bậy, mang tiếng xấu cho cách mạng Việt Nam.

Bộ phận hải ngoại lại nhóm họp tại nơi ở của đồng chí Phùng Chí Kiên để thống nhất ý kiến. Sau khi bàn bạc, mọi người nhất trí nên lợi dụng tổ chức của Trương Bội Công để tìm đường về nước. Rất may là mọi việc vừa bàn xong thì Bác từ Trùng Khánh về. Bác nhất trí và quyết định chuyển hướng sang Quảng Tây để tìm đường về nước. Mấy ngày sau, tại một khu rừng thông thuộc ngoại thành Liễu Châu, bộ phận hải ngoại của Đảng nhóm họp, thành phần gồm các đồng chí Vũ Anh, Phùng Chí Kiên, Cao Hồng Lĩnh, có thêm các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp. Đây là một cuộc họp quyết định nhiều vấn đề quan trọng trong đó có việc đối sách thật khôn khéo với Lý Tế Thâm, Trương Phát Khuê và một số nhân vật người Việt Nam khác chính kiến, với tư tưởng chỉ đạo là thêm bạn bớt thù, tập hợp mọi lực lượng tập trung cho nhiệm vụ cấp bách trước mắt là giải phóng dân tộc. Vấn đề quan trọng thứ hai là bắt đầu chuẩn bị Hội nghị Trung ương lần thứ VIII sẽ triệu tập vào đầu năm sau khi tất cả về đứng chân ở trong nước. Do đó, việc nhanh chóng di chuyển xuống phía Nam để chuẩn bị về nước cũng được bàn bạc kỹ lưỡng trong hội nghị. Nhờ tài ngoại giao khéo léo của Bác, đường từ Quế Lâm về đến Tĩnh Tây đã khá thuận lợi, được Lý Tế Thâm cấp tiền lộ phí, cấp giấy giới thiệu đi đường với danh nghĩa "Hoa Nam công tác đoàn", đóng dấu sơn Trung Chính đỏ chói (Trung Chính là tên hiệu của Tưởng Giới Thạch khắc vào con dấu hành chính quốc gia, đóng vào các giấy tờ quan trọng). Bác về Tĩnh Tây thì có đoàn của đồng chí Hoàng Văn Thụ từ trong nước sang gặp. Đồng chí Hoàng Văn Thụ từng hoạt động nhiều năm ở Cao Bằng. Trình độ giác ngộ của nhân dân vùng biên giới tương đối cao, cán bộ lãnh đạo có nhiều đồng chí từng trải, trước có đồng chí Hoàng Đình Giọng, nay có đồng chí Bác Vọng (tức là đồng chí Lã). Cao Bằng lại đã có khu du kích Sóc Giang ở vùng Lục Khu ngay dọc biên giới Việt - Trung. Do đó việc Bác về Cao Bằng đã được quyết định dứt khoát.

Thời kỳ này, để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Trung Quốc đối với cách mạng Việt Nam, với bút danh Bình Sơn, Nguyễn Ái Quốc viết 12 bài đăng trên *Cứu vong nhật báo* (Trung Quốc) như: "Ông-trời-có-mat" (15-11-1940), tố cáo Pháp - Nhật, ca ngợi tình đoàn kết của nhân dân Trung Quốc và Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Nhật - Pháp; "Ca dao Việt Nam và cuộc kháng chiến của Trung Quốc" (4-12-1940), đưa tin nhân dân Việt Nam chi viện mọi mặt cho cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc; "Mắt cá giả ngọc trai" (5-12-1940), tố cáo Nhật cho tay chân đóng giả nhân dân Trung Quốc để dò la tin tức... Đồng thời, Người cũng viết nhiều



bài tuyên truyền về sự chi viện của nhân dân Việt Nam cho cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc, coi "cứu Trung Quốc là tự cứu mình".

Hạ tuần tháng 12-1940, Nguyễn Ái Quốc cùng một số cán bộ rời Quế Lâm đi xuống Tĩnh Tây. Vài ngày sau Tết dương lịch năm 1941, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Tân Khư (Tĩnh Tây). Thay mặt Trung ương Đảng, đồng chí báo cáo với Người tình hình trong nước, những công việc đang thực hiện và kế hoạch chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ VIII, đồng thời đề nghị Người nên chọn hướng Cao Bằng để về nước. Mấy ngày sau, Người cùng Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp được đồng chí Hoàng Sâm dẫn đường, qua Nậm Bo xuống Nậm Quang (sát biên giới Việt - Trung). Tại Nậm Quang, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện cho 43 cán bộ cách mạng Việt Nam. Chương trình của lớp học rất thiết thực, với các nội dung cơ bản như: Tình hình quốc tế, trong nước; Tổ chức đoàn thể quần chúng; Cách thức tổ chức, huấn luyện đấu tranh. Người cũng căn dặn các học viên trong mối liên hệ với dân có 5 điều nên làm và 5 điều nên tránh. Các tài liệu do Người tổ chức biên soạn và giảng dạy, sau đó được in litô thành sách *Con đường giải phóng*.

Lớp huấn luyện kết thúc vào khoảng giáp Tết âm lịch. Người cùng Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, Thế An và Hoàng Văn Lộc cũng chuẩn bị gấp rút về nước. Ngày 1-1 Tết Tân Ty 1941, Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí trong đoàn đi chúc Tết nhân dân hai làng Nậm Quang và Ngàn Táy. Ngày hôm sau 28-1-1941, tức 2-1 Tết, đoàn rời Nậm Quang trở về nước. Tác giả T. Lan kể lại như sau: *"Ở biên giới Quảng Tây không chấp được liên lạc, các đồng chí Trung Quốc giúp cho Bác đi Vân Nam. May mắn thay! Đến Côn Minh thì gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan, và mấy đồng chí nữa. Thế nào, chuyến này cũng nhất định về nước! Bàn định kế hoạch xong, mấy anh em cùng nhau đi trở lại Quảng Tây. Cùng đi trên thuyền có mấy Việt kiều khác. Để giữ bí mật, Bác đóng vai một người viết báo Trung Hoa, không biết tiếng Việt... Nhưng một hôm đồng chí Hoan để tàn thuốc rơi xuống áo mà không biết, Bác quên cả bí mật mà thốt ra: "Cháy áo, cháy áo, kìa!"*

Khi từ Côn Minh đến Tĩnh Tây, thì gặp một nhóm thanh niên Cao Bằng, dẫn đầu là các đồng chí Quảng Ba, Hoàng Sâm... Họ sang đây tìm người lãnh đạo cách mạng và đã gặp Trương Bội Công.

Trương Bội Công là người Việt Nam sang Trung Quốc và làm việc cho Quốc Dân đảng đã lâu năm. Tuy không hiểu biết gì về quân sự, nhưng y đã được Tưởng Giới Thạch phong cho hàm thiếu tướng. Nay Tưởng phái y đến biên giới, nhằm lung lạc cách mạng Việt Nam. Gặp nhóm thanh niên, Trương Bội Công khoe khoang nhiều lắm, lên mặt "chí sĩ yêu nước", "cách mạng lão thành" và sẵn sàng thu nạp đám thanh niên làm "bộ hạ" cho y.

Nhưng anh em thanh niên cũng tinh quái đáo để. Chỉ nghe cách y nói khoác lác,



họ cảm thấy y không phải là người cách mạng chân chính. Họ thất vọng. Họ sắp kéo nhau trở về Cao Bằng, thì nhóm Bác vừa đến Tĩnh Tây. Các đồng chí Đông, Giáp... tìm gặp nói chuyện với đám thanh niên hăng hái đó. Giải thích cho họ rõ bước đường cách mạng hiện nay. Bàn với họ mở ban huấn luyện, v.v... Anh em thanh niên rất hoan nghênh. Nói ngay, làm ngay. Tối hôm đó, họ rời khỏi Tĩnh Tây. Sáng hôm sau, Trương Hiếu Tường ngủ dậy thì không thấy "bộ hạ" của y đâu nữa; cho người đuổi theo, thì chậm quá rồi!

Đồng chí Lê Quảng Ba dẫn Bác và nhóm thanh niên đi cả đêm, đến một làng Trung Quốc gần biên giới Việt Nam, mượn nhà người quen, mở ban huấn luyện, do Bác phụ trách. Lớp huấn luyện rất sôi nổi, dân chủ và vui vẻ. Bà con Trung Quốc trong làng không hiểu chúng mình dạy cái gì, học cái gì, nhưng đều khen thanh niên Việt Nam đoàn kết, chăm học, siêng làm. Bà con trong làng nhất là những người cho mượn nhà rất mến chúng ta. Vì vò nước bao giờ cũng đầy, đóng cửa bao giờ cũng cao, nhà cửa bao giờ cũng sạch, trong nhà có việc gì chúng ta cũng ra tay làm giúp. Đặc biệt các em nhi đồng luôn luôn xoắn xít chung quanh anh em ta để học hát, học nhảy múa, không nghịch ngợm, và đánh nhau như trước nữa. Chúng ta đã góp phần làm cho cái làng tịch mịch trong một thung lũng âm u vui hẳn lên... Bác bảo các đồng chí thanh niên: "Đó là một cách dân vận thiết thực đấy".

Vào khoảng tháng 2 - 1941, vừa đến Tết âm lịch thì ban huấn luyện cũng vừa kết thúc. Tối mồng một Tết, được tin chuyên viên Quốc Dân đảng sắp đến kinh lý vùng này. (Tin này sau hoá ra tin vịt). Sợ bị lộ, sáng mồng hai Tết, Bác cùng tất cả anh em thanh niên cuốn gói chuồn, mặc dù bà con trong làng khẩn khoản mời ở lại ăn Tết đến ngày hạ nêu hãy đi.

Hôm đó, sương mù dày đặc, ngồi giáp mặt nhau cũng không thấy rõ nhau. Mọi người cho khí hậu như thế là tốt, vì dễ giữ bí mật. Đi cách làng một thôi quá xa, ai cũng mỏi chân và đói bụng. Bác bảo: "Nơi đây kín đáo, chúng ta ngồi nghỉ một chốc...". Nghỉ chưa đầy hai phút thì trời sáng, sương tan. Té ra ngồi nghỉ giữa cánh đồng, chẳng kín đáo chút nào! Mọi người lại vội vàng khoác gói lên đường, bước nhanh hướng về phía Tổ quốc.

Như vậy là, sau gần 30 năm bôn ba tìm đường giải phóng dân tộc, ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc đã trở về Tổ quốc. Vượt qua cột mốc biên giới 108, Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí về đến xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Ở lại nhà ông Máy Lý một thời gian ngắn, ngày 8-2-1941, Người bắt đầu sống và làm việc tại hang Cốc Bó, thôn Pác Bó, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng. Đồng chí Lê Quảng Ba kể lại trong hồi ký *Bác Hồ về nước*: "Bác ở hang Cốc Bó trên mười ngày. Một đêm nồm, đá cháy mồ hôi, nước nhỏ giọt thấm qua chần. Bác bị mất ngủ, chúng tôi rất khổ tâm. Nhưng Bác không hề lộ một chút nào mệt mỏi. Hôm sau chúng tôi cắt gianh lấy cọng dài, khi nồm đặt cọng gianh và cây con lên che.

Ông Máy Lý và một người cùng họ gốc ở Pò Vắn đi liên lạc cho đoàn thể. Đọc



dường bị tổng đoàn nghi, thu mất thể. Hai người trốn thoát, nhưng thể ghi trú quán ở xóm Cốc Bó.

Tên châu đoàn Hoàng dẫn đồng đến truy lùng người chạy trốn.

Chúng tôi giấu đồ đạc, xóa các dấu vết đi rồi lánh tạm vào rừng. Chị dâu cả đồng chí Đại Lâm rất tinh ý, chị đeo túi giả đi lấy rau lợn để xem xét tình hình bờ suối, thấy bếp còn dấu, bát đĩa, nồi đã dim xuống suối, nhưng vẫn còn nhìn thấy, chị liền che kỹ lại và rắc lá lên bếp. Khi tên châu đoàn đã đi khỏi chị ra gặp chúng tôi nói nhẹ nhàng: "Các anh giấu không tốt đâu"...

Bác cảm động nói với chúng tôi: "Nếu dân ta mọi người như chị Cả này thì kẻ địch không làm gì nổi chúng ta".

Mặc dù thằng châu đoàn lùng sục, không bắt được ai và cũng không biết chúng tôi ở đó, nhưng chúng tôi vẫn thận trọng tạm rời cơ quan lên Lũng Lạn ở cách hang Cốc Bó độ vài ba trăm thước. Đây chỉ là một mảng đá trống trải, mưa gió, sương muối đều có thể hắt tới. Không ván, không chiếu, chỉ có lá cây rừng giải xuống đất để ngủ. Sau những đêm vật lộn với mưa gió và sương lạnh, bọn thanh niên chúng tôi đã đau xương, mỏi lưng, ê ẩm khắp người. Bác vẫn không hé răng phàn nàn nửa lời, nhưng chắc Người đã phải chịu đựng vất vả hơn chúng tôi nhiều. Ở Lũng Lạn được sáu ngày, chúng tôi chuyển sang Khuổi Nậm, đi xuôi xuống một đoạn, rồi vòng sang phải, quanh một khu rừng rậm. Đây là nơi ở tương đối lâu dài và "sang" nhất của Bác trong thời kỳ ở Pác Bó. Lán dựng ngay trên lòng con suối đang mùa khô. Lúc mới tới, lán ở phía ngoài gần bờ rừng, sau chúng tôi chuyển lán sâu vào trong để việc bảo vệ Bác được chắc chắn hơn. Lán dựa vào một cây "mạ" làm cột cái. Lúc này các cây mạ đang trở hoa vàng thắm. Mái lán lợp bằng gianh do anh chị em thanh niên địa phương giúp. Nhân dân còn cho mượn một số ván kê sàn ngủ. Vách lán, chiếu nằm đều đan bằng lá dào rừng, lá dài một mặt trắng một mặt xanh.

Bác sống rất giản dị nhưng rất có nề nếp.

Sáng nào Bác cũng dậy sớm tập thể dục. Ở Khuổi Nậm không có đất, Bác cũng tạo một mặt phẳng đứng tập. Bác đeo lấy bốn cái chày, hai cái vừa, hai cái to và nặng để thay tạ tập hàng ngày. Sáng sớm Bác vẫn thường tập leo núi. Bác chọn những quả núi quanh vùng cao nhất để leo lên với đôi bàn chân không. Khi thì một hai đồng chí đi theo Bác, khi thì Bác tập một mình. Một lần Bác bị lạc, chúng tôi lo lắng phân nhau đi tìm, mãi trưa Bác mới về đến nhà.

Leo núi đối với Bác không chỉ có mục đích tập luyện mà còn là dịp để tìm hiểu địa hình nhằm ứng phó linh hoạt nhất khi quân thù bất ngờ ập đến. Có đồng chí nhắc Bác: Leo núi Bác đi giày vào cho khỏi đau chân. Bác đáp: Tôi tập leo núi chân không cho quen. Sau giờ tập Bác tắm nước lạnh để luyện chịu đựng với giá rét. Để luyện bàn tay đánh máy, Bác chọn hai hòn đá tròn như trứng gà, khi nghỉ đánh máy Bác bóp tay vào đá.

Sống ngay cạnh Bác, ai tinh ý lắm mới biết được Bác mệt; Người có một nghi



lực khác thường, mỗi khi mỗi mệt là Bác đứng dậy đi đi lại lại hoặc làm một việc gì đó, trừ trường hợp không đi lại được nữa, Người mới chịu nằm nghỉ. Có lần Bác bị sốt rét, người gầy đi nhiều, nhưng Bác cũng không chịu nghỉ. Mỗi khi lên cơn sốt, Bác lại leo núi cho mồ hôi vã ra như tắm. Lau chùi thân thể sạch sẽ xong, Bác tiếp tục làm việc.

Thời gian ở Pác Bó lúc nào Bác cũng mặc bộ quần áo Nùng màu chàm, đi giày vải chẳng khác gì một ông cụ người địa phương.

Bác rất chú ý tiết kiệm. Bác dặn kỹ đồng chí Lộc quản lý và tất cả chúng tôi là ăn uống tuyệt đối không được để thừa hoặc đổ đi. Đồng chí nào mang quà về hoặc có quà quần chúng gửi cho, phải dành đến bữa mới được ăn; nếu có nhiều thì đồng chí quản lý phải tính giảm bớt gạo.

Bác làm việc có kế hoạch, ăn đúng giờ. Cũng như chúng tôi, Bác không ăn sáng chỉ có ngày hai bữa vào lúc chín rưỡi mười giờ và bốn rưỡi năm giờ chiều. Bác ăn chung với chúng tôi, thức ăn chỉ có rau măng và một chút thịt muối băm (một cân thịt rang khô với nửa cân muối và vài lạng ớt chỉ thiên để ăn dần).

Để cải thiện sinh hoạt, Bác cùng chúng tôi trồng một vườn rau cải ở Khuổi Nậm, nuôi một đàn gà. Tùy mùa chúng tôi đi hái măng vầu, rau dớn, rau dại hiến tức là rau bồ khai, rau sắng tức ngót rừng. Ở gần giếng làng Pác Bó có rau cải xoong, dân không thích ăn, chúng tôi nhặt về rửa sạch ở suối Lenin (về sau giống rau này sinh sôi nảy nở ngay trong lòng suối). Ở các nương ngô, nhân dân gieo bí đỏ, cách vài thước một khóm, đồng bào cho chúng tôi tự do tỉa lấy những hoa đực và các ngọn con. Đồng chí Lộc đan thúng xúc để chúng tôi đi kiếm cá tép.

Các hội viên cứu quốc bắt đầu góp ít gạo ngô cho hũ gạo Việt Minh: dần dần cơ quan chúng tôi không phải đóng gạo nữa.

Lúc này đoàn thể chủ trương đẩy mạnh công tác binh vận. Bác dặn cẩn đặc biệt chú ý tuyên truyền giác ngộ các gia đình binh lính. Qua những nhân mối cách mạng trong số vợ lính, ta hiểu rõ được tình hình địch trong đồn, theo sát được các hoạt động của chúng. Bác kiểm tra rất kỹ việc chuẩn bị chống địch khủng bố. Cơ quan chúng tôi tuy nhỏ nhưng có những thứ đáng kể như máy chữ, đá in và tài liệu sách báo bí mật. Thứ nào thứ ấy đều được sắp đặt gọn gàng ngăn nắp. Khi có tin báo địch đến gần, Bác điềm nhiên cùng chúng tôi đi ngay đến địa điểm dự phòng.

Một tối, có tin Tây ngày mai sẽ vào Pác Bó, Bác cùng chúng tôi bàn định kế hoạch canh gác, và kế hoạch lánh vào rừng. Từng người được phân công lâu đấy. Bác cho đi ngủ. Anh em nằm được một giấc, Bác gọi dậy cười bảo: "Suýt nữa quên mất chuyện này: vườn rau cải ta trồng thành luống nhưng đồng bào ở đây có đánh luống rau bao giờ đâu?"

Tuy tiếc vườn rau đang xanh tốt, đang đêm Bác và chúng tôi cũng phải ra phá đi. Chúng tôi phá cả chuồng gà: sớm dậy xua gà lên rừng. Sáng ra đã có tin Tây tiến vào Pác Bó. Bác và chúng tôi ung dung qua phía sau núi vượt sang bên kia đồi. Khi



Tây đến Cốc Bó chúng tôi mới lo: con gà trống chúng tôi đã xua vào rừng lúc ấy cất cao cổ gáy o o trong khu Khuổi Nậm. May mà địch không nghe thấy!

Bác thường dạy chúng tôi: đối phó với kẻ địch, người cán bộ cách mạng phải nghiêm khắc giữ kỷ luật bí mật. Bác gương mẫu thực hiện điều kỷ luật này. Qua các vạch đường vào cơ quan bao giờ Bác cũng xóa bỏ ngay mọi dấu vết, không để lại một dấu chân hoặc một cành nhỏ bị bẻ queo, giập gãy nào. Mấy lần qua ngã tư Đôn Chương, từ Hòa An, Đào Ngạn trở lên Nà Mạ, Bác mặc áo dài như kiểu các ông già Tây. Bác ở Pác Bó hơn một năm, trừ anh em chúng tôi ra, còn thôn xóm không ai biết rõ về Bác. Họ chỉ biết đó là một cán bộ cách mạng tên là Sáu Sấn⁽¹⁾, có thế thôi. Ông Sáu Sấn có vầng trán cao, cặp mắt sáng, râu dài, rất hiền từ và trung hậu, được nhân dân các dân tộc kính yêu.

Ban đêm, quanh khu vực Bác ở có nhân dân bảo vệ, có tự vệ tuần tra, nhưng chúng tôi vẫn tổ chức thay nhau gác. Lúc đầu chúng tôi không để Bác gác, vì Bác còn bận bao việc lớn mà Bác đã cao tuổi rồi. Bác không nghe, Người bắt chúng tôi phải làm lịch gác hẳn hoi, cứ theo lịch lần lượt thay nhau gác. Có lần Bác không được khỏe, chúng tôi bàn nhau không để Bác gác nữa, dọn trước khi thay phiên giữ thật im lặng, chỉ bám nhau thôi, đến lượt Bác thì lờ đi không gọi. Nhưng cách đó không đạt kết quả; chúng tôi ra gác một lúc, giơ tay đập muỗi đã chạm phải Bác ở sau lưng, có lần vửa ra tới vọng gác đã thấy Bác ngồi ở đó rồi.



Nguyễn Ái Quốc về nước tại cột mốc 108, Cao Bằng (1/1941)

⁽¹⁾ Sáu Sấn: là Thu Sơn.



Người nhìn xa trông rộng, các việc Người làm đều có suy tính, kế hoạch trước, nên tuy bận bịu rất nhiều, Người vẫn ung dung. Về Pác Bó được ít ngày, Bác đã hoàn thành một chương trình có ý nghĩa lịch sử trọng đại: chuẩn bị họp Hội nghị Trung ương lần thứ VIII. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm về công tác tổ chức thi điểm Việt Minh ở Cao Bằng, Trung ương sẽ quyết định chính thức thành lập Mặt trận Việt Minh trong toàn quốc và chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.

43 cán bộ Cao Bằng đã qua lớp huấn luyện Việt Minh đầu tiên được Bác rất quý.

Cán bộ hoạt động ở cơ sở về chỗ Bác thường đi đến gần sáng mới tới nơi. Bác cho nghỉ một mạch tới bữa ăn cơm. Các buổi trưa Bác không ngủ, Bác nghe anh chị em báo cáo và dặn dò chỉ bảo cho từng người. Bác hỏi nhiều về công tác huấn luyện Việt Minh ở cơ sở.

43 đồng chí trở về làm hạt nhân tuyên truyền phổ biến sâu rộng điều lệ Việt Minh và tổ chức đông đảo quần chúng tốt vào hội.

Bác rất chú ý trình độ tiếp thu và hiểu biết của mọi người. Khi viết xong một tài liệu, Bác thường đưa cho người ít chữ xem trước. Chữ nào các đồng chí đó không rõ nghĩa là Bác chữa lại ngay; chữa xong Bác lại hỏi: "Nói như vậy đồng chí đã hiểu chưa?". Nếu chưa thì Bác lại sửa, kỳ cho các đồng chí hiểu được mới thôi.

Do đó quần chúng rất ham đọc sách báo và bài của Bác viết.

Người viết thành thơ 10 điều Việt Minh, và nhiều bài thơ khác nhau kêu gọi các tầng lớp nhân dân để ai nấy dễ nhớ và truyền miệng cho nhau. Bác đã trực tiếp viết tập "Địa dư các tỉnh xứ Bắc Kỳ" bằng văn vần, giới thiệu 28 tỉnh, trong đó có tỉnh Cao Bằng. Bác còn viết tập "Lịch sử nước ta" cũng bằng văn vần.

Người soạn lại các bài giảng ở những lớp huấn luyện Việt Minh in thành tập Con đường giải phóng phát về các cơ sở để cán bộ sử dụng làm tài liệu tuyên truyền rộng rãi.

Các lớp huấn luyện do Người trực tiếp lãnh đạo trong thời gian ở Pác Bó đều là những lớp ngắn hạn thường kết thúc sau bảy, tám ngày. Sau phân tình hình thế giới, tình hình trong nước, chương trình, Điều lệ Việt Minh, Bác giảng rất kỹ về năm bước công tác: điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, tranh đấu.

Người căn dặn: tuyên truyền thì bao giờ cũng phải nắm được đối tượng, phải hiểu được nông dân có khổ gì, công nhân vì sao lại tham gia cách mạng hàng hái nhất. Đối với cụ già, binh lính... thì tuyên truyền những gì...

Bác phân tích từng đối tượng, hướng dẫn cặn kẽ cách thức tuyên truyền cho các học viên bổ sung ý kiến. Sau đó Bác tổ chức cho thực tập.

Ở lớp học nào Bác cũng dặn: khi đã tuyên truyền, tổ chức được đông người rồi thì chọn những người tốt nhất để tổ chức thành tự vệ và tự vệ chiến đấu, phải xây dựng được một lực lượng vũ trang sẵn sàng. Bác đã viết quyển Chiến thuật du kích để làm tài liệu cho các lớp học. Tài liệu này sau được phổ biến rộng rãi về khắp các tỉnh.



Bác giảng rất sinh động về các cách đánh, đánh mai phục, đánh úp bằng vũ khí thô sơ, cướp súng địch rồi từ khẩu súng đó tiếp tục chiến đấu để ra nhiều khẩu súng khác. Điều cốt yếu nhất để thực hiện các cách đánh là phải biết rõ địch. Biết rõ địch thì ta có thể nay đông mai tây, khiến kẻ địch không lường trước được.

Để phòng tâm lý quá hăng mà đánh bừa, Bác không quên nhắc kỹ điều này: học tập cho giỏi, tổ chức lực lượng cho nhiều nhưng chưa được đánh. Đánh vào lúc nào là phải có lệnh của cấp trên, phải có thời cơ..."

Đồng chí Vũ Anh, nguyên Bí thư Trung ương Đảng kể lại: "... Buổi trưa ngày 8-2-1941, tôi ra đón Bác ở chân một ngọn núi đá cạnh mấy đám ruộng vừa gặt. Mặt trời ngả sang chiều thì Bác và đoàn về đến bên này cột mốc. Anh Lê Quảng Ba dẫn đường đi trước, Bác đi sau rồi đến anh Phùng Chí Kiên... Tài sản của Bác sau bao nhiêu năm di khắp bốn biển chân trời giờ đây vẫn chỉ một chiếc vali con, dài chưa quá ba gang tay, trong đựng một ít tài liệu quan trọng và một chiếc máy chữ của các đồng chí trong nước gửi cho Bác trước đây. Tôi đưa Bác đến dòng suối, ngược trở lên đầu nguồn, băng qua phía bên kia rồi leo lên núi đá vào hang. Lần đầu, sau nhiều năm xa cách, khi đặt chân trở lại mảnh đất quê hương, Bác xúc động mạnh. Nhưng chúng tôi biết Bác tự kiểm chế mình rất nhiều để giữ được vẻ bên ngoài bình tĩnh. Gặp cái gì Bác cũng nhìn, cũng ngắm với một vẻ say sưa: từ ngọn cây, chiếc lá đến những con cá tung tăng dưới dòng suối trong. Những khi ấy, đôi mắt Bác càng long lanh, trong sáng.

Bác vẫn mặc bộ quần áo chàm người Nùng từ bên Tỉnh Tây. Đường mòn hẹp và nhỏ, nhiều gai góc, dây leo chằng chịt, đá nhọn chắn đường, những bụi lau già trở cờ trắng bạc ngả sang hai bên lấp mắt lối đi. Cũng có khi Bác và chúng tôi đi qua rồi quành lại, leo tít lên cao, khi lại xuống thật sâu như xuống một thung lũng. Chúng tôi cứ lo Bác vấp ngã, lòng rất ân hận vì không tìm được một con đường nào dễ đi hơn. Nhưng Bác vẫn đi rất nhanh nhẹn, gọn gàng.

Đối với những ai mới quen biết Bác, chắc sẽ ngạc nhiên và không hiểu được tại sao Bác lại có thể thích nghi được một cách mau lẹ với mọi hoàn cảnh như vậy. Đối với chúng tôi, những người đã có dịp may mắn gần Bác trong một thời gian, chúng tôi hiểu rằng tất cả những cử chỉ và hành động của Bác lúc bấy giờ đều được Bác chuẩn bị từ trước. Ngay những khi đi công tác, đến những nơi nào có núi, sáng dậy bao giờ Bác cũng tập leo núi, có sông Bác tập bơi. Nơi nào không có núi, không có sông Bác tập chạy, tập vận động rồi về tắm.

Ở Pác Bó dù trời ẩm áp hay mưa lạnh đến đâu, gà rừng chưa dậy Bác đã dậy chạy ra ngoài tập leo núi, tập đi quyền rồi xuống suối tắm. Sau đó Bác vào hang triệu tập anh em chúng tôi lại hỏi han công việc của mỗi người trong ngày. Ai chưa có việc Bác cất đặt công việc cho. Bác thường bảo: "nhàn cư vi bất thiện". Bác muốn ai cũng có việc làm dù là những việc to như xây dựng cơ sở, xây dựng phong trào hay chỉ là việc nhỏ như vá quần áo.



Ngay hôm đầu tiên về nước, Bác đã bắt tay ngay vào công việc một cách bình thường. Thấy Bác làm việc có nề nếp, quy củ, anh em chúng tôi cứ nghĩ hình như Bác đã từng ở đây từ rất lâu.

Công việc hàng ngày của Bác là nghiên cứu những tài liệu, nghị quyết của các đảng cộng sản anh em, đặc biệt là của Đảng Cộng sản Liên Xô, nghiên cứu những tài liệu và nghị quyết của Đảng ta, từ đó rút ra những kết luận, những nhận xét, kết hợp với thực tiễn đấu tranh của ta để đi tới những nhận định mới về đường lối chủ trương cho cách mạng Việt Nam. Cũng có khi Bác dịch tài liệu, dịch sách, dịch Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô. Thỉnh thoảng chúng tôi mua được một tờ báo, Bác tranh thủ xem rất kỹ, chú ý đặc biệt đến những con số. Những chỗ quan trọng bao giờ Bác cũng gạch dưới và đánh dấu cẩn thận.

Thời kỳ này Bác viết rất nhiều bài cho báo Việt Nam độc lập. Bác làm thơ, vẽ - những hình thức văn học rất dễ thuộc, dễ nhớ, để có thể truyền đạt dễ dàng những chủ trương, đường lối cách mạng trong quần chúng. Có những bài thơ lục bát diễn tả phong cảnh tài nguyên, rừng núi, sông biển, đất đai, dân số của ta. Bác viết cuốn Lịch sử Việt Nam bằng thơ lục bát, ghi lại tất cả những phong trào chống ngoại xâm của nhân dân ta từ đời Hồng Bàng cho đến năm 1941. Sau phần mục lục, Bác ghi rõ niên hiệu các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta chống ngoại xâm. Cuối cùng Bác ghi Việt Nam độc lập năm 1945. Chúng tôi xem bàn tán rất sôi nổi. Người đoán sớm, kẻ đoán muộn. Hỏi Bác, Bác chỉ cười và bảo: ừ, để rồi xem. Bác làm việc có kế hoạch và cẩn mẫn. Tuy công việc bẽ bộn, ngổn ngang, nhưng giờ nào việc ấy, rất có trật tự. Bác còn tranh thủ thì giờ đi kiếm củi, hái rau, vun trồng khoai sắn,... với chúng tôi. Những lúc ấy Bác tỉ tê trò chuyện với người này, người khác. Qua đó Bác hiểu thêm được nguyện vọng tâm tư của từng người và thực tế ở từng cơ sở.

Tối, Bác và chúng tôi quây quần trong hang đá ấy đốt lửa sưởi. Sáng dậy mỗi người đi mỗi việc. Bác thường mang máy chữ xuống chân núi, bên kia dòng suối dưới bóng cây để làm việc. Ở đây có mấy tảng đá chúng tôi đem chồng lên nhau, thành mặt bàn phẳng giống chiếc bàn đá. Chúng tôi chọn một hòn đá khác làm ghế ngồi. Tại bàn đá này Bác đã dịch cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô làm tài liệu cho chúng tôi học tập. Lúc dịch xong một đoạn, hay một chương, cần nghỉ ngơi cho thoải mái, Bác thường đến ngồi bên bờ suối lấy cơm thả xuống cho cá ăn. Vừa xem phong cảnh, Bác vừa tức cảnh làm thơ:

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Đời sống nhân dân vùng Pác Bó hồi ấy rất khổ. Làm ra bao nhiêu thì bọn Tây, bọn Nhật, bọn quan lại và tổng đoàn... cướp giết hết. Cán bộ cách mạng đến, nhưng còn dang hoạt động bí mật, chưa có thể đem lại quyền lợi gì cho nhân dân ngoài



việc giác ngộ cách mạng, thức tình lòng yêu nước, ý chí căm thù của nhân dân đối với bọn bóc lột và đàn áp mình. Bữa ăn chính của Bác và chúng tôi cũng như nhân dân lúc bấy giờ là cháo bẹ và rau măng, rau rừng. Thỉnh thoảng Bác câu được con cá hay anh em mua được cân thịt nào anh Lộc lại đem kho thật mặn - thường một thịt hai muối.

Bác đề nghị chúng tôi làm thế nào giáo dục quần chúng để trong một thời gian ngắn, ta có được một phong trào chống Pháp dưới Nhật như ngọn thủy triều dâng lên ở các địa phương.

Trong công tác cũng như trong khi giảng dạy ở các lớp huấn luyện, Bác chú trọng đặc biệt đến cách tuyên truyền vận động quần chúng. Bác thường nói:

- Chúng ta ở rất bí mật. Nhưng đó là bí mật với tụi tổng đoàn, với bọn mật thám, bọn Tây, bọn thống trị chứ không phải bí mật với nhân dân.

Bác còn yêu cầu lấy quần chúng làm bình phong bảo vệ và che chở cho cách mạng. Muốn được như thế, cán bộ không được làm cái gì trái với ý quần chúng, trái với phong tục tập quán địa phương. Có những phong tục tốt, cần giữ lại. Cũng có nhiều phong tục tập quán không tốt, cần phải thay đổi. Nhưng không phải tự ý cán bộ thay đổi ngay một lúc mà phải vận động từ từ để quần chúng giác ngộ và tự cải cách lấy.

Ở mỗi trường hợp, mỗi hoàn cảnh Bác đều có một hình thức giáo dục, vận động quần chúng khác nhau. Hình thức nào cũng nhẹ nhàng, mới trông qua tưởng đơn giản nhưng càng suy nghĩ càng thấy ý nghĩa sâu sắc và qua thực tế rất có kết quả. Sắp Tết nguyên đán, anh em cán bộ về báo cáo dân làng Pác Bó định trong ngày Tết sẽ lên chúc Tết Bác và đoàn thể. Phong tục địa phương ai đến chúc Tết thì được tặng quà. Bác bảo mua giấy đỏ vẽ làm phong bao, mỗi phong bao gói một đồng xu, ngoài để: chúc mừng năm mới. Chiều mừng một Tết, các hội cứu quốc, đặc biệt là chị em phụ nữ kéo nhau đến chúc Tết Bác rất đông. Mỗi người đều được Bác tặng một phong bao. Bác nói:

- Đoàn thể còn nghèo, không có gì để chúc mừng năm mới các cụ, các bác, các anh chị và các cháu. Đoàn thể chỉ xin biếu mỗi người một phong bao, trong có một xu. Một xu ấy đoàn thể nhắc các cụ, các bác, các anh chị và các cháu nhớ mua báo đoàn thể mà xem, nhớ đóng nguyệt phí cho đoàn thể. Báo mỗi số một xu và nguyệt phí cho Hội mỗi tháng cũng chỉ một xu.

Công tác bí mật là một công tác được Bác chú ý và thường xuyên nhắc nhở chúng tôi. Mỗi lần phái cán bộ đi công tác Bác thường gặp riêng đồng chí ấy. Tuy cơ quan đông, nhưng mỗi người mỗi việc không ai biết việc của ai. Mỗi khi cần về một cơ sở nào đó, Bác chỉ báo cho đồng chí có trách nhiệm biết.

Ngay chỗ ở, Bác cũng luôn thay đổi. Về hang Cốc Bó được hơn một tháng, Bác bảo chúng tôi chuẩn bị dọn qua Khuổi Nậm. Khuổi Nậm tiếng địa phương là dòng suối. Ở đây tiện hơn ở Cốc Bó. Mùa lũ đến, việc đi lại dễ dàng hơn, khỏi phải lội



qua suối, mặt khác, nếu có "động", việc tránh thoát kẻ thù cũng nhanh chóng. Ta chỉ cần ngược theo dòng suối, qua khỏi cột mốc 108 là đến Sơn Đắc, bản đầu tiên của Trung Quốc. Vào khoảng tháng 2, tháng 3 nước ít, anh Lê Quảng Ba và anh Dương Đại Lâm làm cho Bác một chiếc lán giữa dòng suối, không xa chân núi bao nhiêu. Ngay trên dòng Khuổi Nậm này Bác ở đến ba nơi...". Cuối tháng 3-1941, do bị địch lùng sục, Người rời Pác Bó sang Khuổi Nậm. Trong tháng 4-1941, Nguyễn Ái Quốc nhiều lần vượt qua biên giới trở lại Tỉnh Tây và nhận được sự giúp đỡ quý báu của những người dân nơi biên khu Trung Quốc. Cuối tháng 4-1941, theo đề nghị của Người, một cuộc hội nghị cán bộ tỉnh Cao Bằng được triệu tập, để tổng kết kinh nghiệm tổ chức thí điểm các hội quần chúng như: Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc... nhằm tiến tới thành lập Mặt trận Việt Minh trong toàn quốc.

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị, tháng 5-1941, lấy danh nghĩa đại diện Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ VIII của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (từ ngày 10 đến 19-5-1941), với sự tham gia của các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên, một số đại biểu Xứ uỷ Bắc Kỳ, Trung Kỳ (Bùi San, Hồ Xuân Lưu) và đại biểu hoạt động ở ngoài nước. Nghị quyết Hội nghị Trung ương tám đã đề cập và làm rõ nhiều vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam, trong bối cảnh chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng lan rộng. Từ việc xác định rõ kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là "phát xít Pháp Nhật và các lực lượng phản cách mạng tay sai cho chúng", Hội nghị xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương, cho nên tập trung vào nhiệm vụ: "Đánh đuổi Pháp - Nhật" làm cho xứ Đông Dương độc lập". Theo đề nghị của Người, Hội nghị đã bầu Ban chấp hành Trung ương mới, cử đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư và Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt. Để tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, tranh thủ mọi lực lượng yêu nước có thể tranh thủ, chia mũi nhọn vào kẻ thù, Hội nghị quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Minh chính thức ra đời với Tuyên ngôn và Chương trình cụ thể. Sau Hội nghị, ngày 6-6-1941, Nguyễn Ái Quốc viết Kính cáo đồng bào phải đoàn kết lại để đánh đổ bọn đế quốc và Việt gian, đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng. Trong thư, Người nhấn mạnh: Việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm, và kêu gọi: "Toàn thể đồng bào tiến lên. Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật", và kiến lập chính thể "dân chủ cộng hoà". Đồng thời, để đẩy mạnh việc tuyên truyền, cổ động quần chúng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định xuất bản báo Việt Nam độc lập, gọi tắt là Việt lập. Số 1 của báo ra ngày 1-8-1941, được đánh số 101, với mục đích kế tục sự nghiệp của các tờ báo cách mạng xuất bản trước đó. Từ 1-8-1941 đến Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, báo ra được 226 số. Sau đó, báo tiếp tục được xuất bản và chuyển thành cơ quan ngôn luận của tỉnh Cao Bằng. Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 6 đến tháng 11 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc đặc biệt chú ý



đền công tác cán bộ và bồi dưỡng cán bộ như mở những lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ địa phương, yêu cầu chọn một số thanh niên Cao Bằng gửi đi học lớp vô tuyến điện ở Liễu Châu (Trung Quốc), giao cho Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm cùng cộng tác mở lớp huấn luyện quân sự, quyết định tổ chức một đội vũ trang, v.v... Cũng trong thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đã biên soạn các cuốn sách "Cách đánh du kích", "Lịch sử nước ta", "Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô tóm tắt làm tài liệu phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng:

Bước sang năm 1942, chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn ác liệt. Ở Đông Dương, Pháp đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật. Chiến tranh đã làm cho mâu thuẫn giữa các phe phái, các lực lượng, đặc biệt là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với bọn phát xít Nhật - Pháp càng thêm gay gắt, thúc đẩy tình thế cách mạng mau chín muồi. Đồng chí Thuý Bách kể lại trong hồi ký *Trong vùng núi đá Lam Sơn*: "Hồi ấy, khoảng tháng 3- 1942, một ngày đẹp giữa mùa xuân, tôi trở về cơ quan vào lúc phải nấu bữa cơm chiều. Nhìn vào hang, tôi thấy một người lạ, có râu cằm. Về ngôi, cách ăn mặc hết người cán bộ Nùng. Đồng chí Vũ Anh đi vắng. Người cán bộ lạ ngồi nói chuyện với Vân Trình, trông như hai bố con. Sau khi chào qua, tôi quay sang hộc đá bên cạnh đóm bếp nấu cơm. Đang bận tay làm, bỗng tôi thấy người cán bộ lạ đến ngồi bên tôi, hỏi chuyện xa, chuyện gần, chuyện làng xóm và gia đình, tay luôn giúp tôi đun củi. Sự quan tâm thăm hỏi và cử chỉ thân mật của người cán bộ mới đến khiến tôi có cảm tình ngay.

Nhìn kỹ, tôi thấy đồng chí có đôi mắt sáng, nét mặt xotang xotang, nói tiếng Nùng lơ lơ như người Nùng miền Hà Quảng, có râu cằm. Tôi nghĩ ngay đến "Đồng chí già" mà đồng chí Lã và Mã Sơn đã kể cho nghe.

Đến bữa ăn, tôi đem cho Bác bát dầy. Bác bảo gạt cho bằng. Bát thứ hai, tôi đem lôm xuống một chút, Bác bảo tôi đem cho bằng miệng. Ăn xong hai bát, Bác buống dĩa. Tôi định đem nữa, Bác không ăn. Thương Bác làm việc nhiều, sức khoẻ yếu, những bữa sau khi Bác đi công tác vắng, tôi dành phần cơm cho Bác nhiều hơn. Lúc về Bác cũng chỉ ăn đúng hai bát cơm dầy bằng miệng bát. Tôi mời thêm, Bác nói: "Cơ quan ở bí mật, gặp nhiều khó khăn, chúng ta chưa thể ăn nhiều hơn".

Từ ngày sang ăn ở ngay bên nhà báo, Bác làm việc cả ngày. Nhưng đêm, Bác cũng không ngủ trọn giấc. Đến giờ ngủ, Bác giục Vân Trình và tôi đi ngủ. Vân Trình nằm trên một cái sà riêng; tôi và Bác nằm chung sà, mỗi người một tấm chiếu. Nhà có ngõ gì dàu, thỉnh thoảng, trời mưa, tôi vẫn thấy vết chân hổ bằng cái bát to in trên đường lầy, tôi nằm mép giường ngoài, dành Bác nằm trong. Nhiều lần, trăng sáng nửa đêm, tôi thức giấc nhìn không thấy Bác đâu. Có ai đã đắp thêm lên người tôi một tấm chăn? Bác không ngủ, trở dậy làm việc từ lúc nào. Nhiều buổi sáng tỉnh mơ, bừng mắt dậy tôi cũng không thấy Bác. Dụi mắt nhìn ra ngoài hang, hình Bác đang in lên khoáng trời rạng nắng. Bác đang vung tay tập thể dục.

Ở gần Bác, tôi chăm chỉ hơn mọi khi. Đường xa, tôi không ngại; đường khó qua



lại, tôi không phân nản. Cơ quan hết gạo, tôi đến trạm nhà Lén dưới chân núi. Cơ quan hết thức ăn, tôi lặn lội đi tới trạm nhà Sơn Tinh. Quần chúng mền cách mạng, ủng hộ nhiều. Nửa đêm giữa đường rừng, tôi gánh gánh nặng trên vai: nào gà, vịt, chanh quả, gạo... đi vun vút.

Cuộc sống trong rừng âm thâm, lạnh ngắt... Sang xuân lá vàng rụng nốt chiếc cuối cùng, nhường cho đám lá mới non xanh mơn mớn.

Bác viết bài; Vân Trình cùng tôi lăn rulô in báo. Khi một chữ bật lên, Vân Trình lại hí hoáy chữa. Tôi chấp tay ngồi chờ, mắt lim dim, đầu gật gật. Vân Trình bảo tôi đứng ra ngoài hang, đi lại một lúc cho tỉnh táo...

Biết tôi làm việc chăm chỉ, Bác không phê bình tôi ngủ gật, Bác thương tôi, không bao giờ trách móc một lời.

Lúc này đế quốc Pháp vẫn tăng cường lùng sục cơ sở cách mạng tìm bắt cán bộ. Cường hào gian ác hống hách, nạt nộ, bóc lột nhân dân. Lòng căm thù trong nhân dân lên cao như ngọn lửa rừng ngày gặp gió. Hàng trăm báo cáo gửi đến xin cho khởi nghĩa.

Bác gọi các đồng chí Vũ Anh, Vân Trình và cả tôi nữa đặt vấn đề: Nên khởi nghĩa hay chưa?

Mọi người đều tham gia ý kiến. Bác lắng nghe hết ý kiến mọi người, cuối cùng Bác bảo:

- Để khi Pháp thua Nhật, mình đánh lấy lại nước từ tay Nhật mới được.

Tối hôm qua, tôi cứ nghĩ mãi về ý kiến Bác và nhớ lại câu kết luận cuốn Lịch sử nước ta diễn ca do Bác viết dùng để huấn luyện cán bộ hồi ở Pác Bó. Ở cuối cuốn sách huấn luyện này, Bác viết:

"Nay ta đã có Việt Minh
Đủ tài lãnh đạo dân mình đấu tranh
45, sự nghiệp hoàn thành"

Đường liên lạc giữa cơ quan báo với cơ quan cách mạng ngày càng gặp khó khăn. Các đội quân tuần tiêu của Pháp đi luôn rừng, thỉnh thoảng cắt ngang đường liên lạc ấy. Pháp đặt thêm đồn lính ở Hào Lịch để có thể vây rừng một cách bất ngờ. Các đồn nhỏ của bang tá đặt khắp nơi, bao vây rừng núi Lam Sơn. Trước đây đi liên lạc nhiều ngã, nay, tôi chỉ còn xuống phía chân núi nhà các đồng chí: Tòng Thành, Cho The, Đáp Hải, Bích Long, Hoàng Nghiệp, Hoàn Tắm Sơn, Nghi Dương, Xuân Hồng.....

Ngày lại ngày, hết mùa chim queng queng gọi, sang mùa chim "tim cô" gào; hết tiếng ve sầu than, lại đến mùa chim rừng ca hát.....

Đế quốc càng đi lũng, tôi lại càng phải tích cực xuống làng, đến các cơ quan nghe ngóng tình hình hoạt động của địch. Bà cụ Xin, một bà lão bình thường trong làng Lam Sơn, nói với tôi:



- Ông xã L. sáng nay nói bô bô với người nào ở giữa sân rằng: đường từ mỏ nước Bó Tháy lên hang núi Bó Tháy lâu nay không có nay tự nhiên thấy con đường mòn có dấu người qua lại. Nhất định có cộng sản ở hang ấy.

Tôi nghe mà giật mình. Nó nói đúng chỗ ở của ta. Cái tổ ấm của mình sắp bị kẻ ác phá... tôi vùng chạy theo đường tắt về hang Bó Tháy, báo cáo lại với Bác. Chín giờ đêm hôm ấy, Bác gửi một thư theo đường dây bí mật vào Nguyên Bình. Chín giờ đêm hôm sau, đồng chí Xích Thắng được đoàn thể cử đến đón cơ quan báo Việt Nam độc lập vào hang Lũng Đẻ (thuộc xã Minh Tâm huyện Nguyên Bình) ở sườn bên kia dãy núi đá vôi Lam Sơn...".

Đồng chí Dương Đại Lâm kể lại trong hồi ký *Bác Hồ đến bản tôi*: "Tháng 5 - 1942, đồng chí Nguyễn Ái Quốc rời Khuổi Nậm đi nơi khác, về các huyện Hòa An và Nguyên Bình. Mấy tháng sau, Người lại quay về Pác Bó, tiếp tục ở Khuổi Nậm. Hôm về do công tác gấp, Người đi ban ngày, đóng vai một ông thầy cúng vừa ngớ ngẩn vừa diếc, người dẫn đường là đồng chí Phù Sấn, dân tộc Nùng, quê ở Đào Ngạn. Phù Sấn đóng vai một người đi đón thầy về cúng cho mẹ vợ bị ốm. Bất ngờ dọc đường gặp trạm gác của địch, thằng xã đoàn Tông phụ trách trạm là một thằng khá rắc rối. Sau khi thống nhất kế hoạch, hai người cứ lững thững trong vai kịch đi qua trước mũi súng của bọn gác. Phù Sấn toát mồ hôi, lòng dạ bồn chồn, lảng lạng bước đi, mà mỗi bước nặng như có buộc đá ở chân. Người thì vẫn bình tĩnh làm ra bộ lơ láo nhìn bọn lính. Tưởng đã thoát, bất đồ một tên lính gác xô ra chặn lại:

- Bọn này đi đâu?

"Ông thầy cúng" chỉ vào tai, lắc đầu ra hiệu là mình diếc.

"Anh người nhà" mau miệng, cố ghìm lo sợ, trả lời:

- Mời thầy cúng về cúng cho mẹ vợ mình ốm đấy mà.

- Cúng với bái. Đưa tao xem có những cái gì nào hay lại toàn truyền đơn cộng sản.

Nó giằng lấy cái gánh trên vai Phù Sấn lục soát. Đã chuẩn bị trước nên hành lý hôm ấy được sắp xếp hoàn toàn giống như của các ông thầy cúng khác: một bên là khẩu mạ có cum (bó) thóc nếp, một bên là khẩu hương có một bát đựng gạo làm bát hương với một con gà chích chích bằng nắm tay vẫn thường có trong các buổi cúng lễ, ngoài ra là sách cúng với đồ lễ lật vật.

Thấy không có gì khả nghi, tên lính gác cho hai người đi. Nhưng thằng xã đoàn Tông nghe nói có thầy cúng, bỗng gọi giật lại:

- Thầy cúng há? Vợ tao đang ốm ở nhà, may quá, lại cúng cho vợ tao cái dã rồi hãy đi.

Thật là tiến thoái lưỡng nan. Phù Sấn quay lại nhìn "ông thầy cúng" như ý xin chỉ thị. "Ông thầy cúng" vẫn không có gì tỏ ra hốt hoảng, tiến gần lại phía thằng trưởng đồn rồi bỗng loạng choạng chân nam đá chân chiêu va cả vào người nó, hai



hàm răng đen ám khói nhe ra cười, cái cười của một người vừa cảm, vừa điếc in vào mắt nó.

Phù Sấn nhanh trí, biết vai kịch lại bắt đầu được biến hóa, tự nhiên cũng rất nhập vai, quay lại lầu bà lầu bầu:

- Gồm cái ông cụ vừa điếc vừa ngây ngô này, uống chưa hết hai chén rượu mà đã say diên say đảo thế đấy.

Thằng xã đoàn Tòng thấy dáng điệu đó, chả thiết nhờ cúng bái làm gì nữa, cho phép đi. Hai ông con "người thầy cúng" lại lẻo đẻo trên đường về Pác Bó giữa ban ngày.

Về đến địa điểm an toàn, khi Phù Sấn dang toát mồ hôi diễn lại vở kịch cho mọi người nghe, thì "ông thầy cúng" có hai hàm răng đen ám khói, dùng một ngón tay tuốt mạnh vào răng, cạo nếp dính than miết vào răng giờ đã khô cong, bong ra.

Ở đây một thời gian ngắn thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị đi công tác xa. Trong khi đợi các đồng chí khác đi trước chuẩn bị đường, Người ở nhà chúng tôi độ một tháng. Khi ấy chúng tôi vẫn thường chia nhau xuống các làng công tác, chỉ có một mình anh Đại Phong được phân công ở nhà săn sóc Người. Một hôm, Người bảo anh Đại Phong:

- Ta làm cách mạng thì phải làm cho đến thành công, sau đó còn phải bắt tay vào xây dựng đất nước. Muốn thế phải biết chữ, phải học văn hóa.

Và đều đặn hàng ngày, Người dạy cho anh Đại Phong vài ba chữ trước khi anh đi làm nương, làm vườn. Mỗi khi nghỉ việc, anh Đại Phong lại lấy que vạch xuống đất học cho thuộc rồi khi anh đi làm về, Người kiểm tra xem đã thuộc chưa, hôm sau lại dạy thêm chữ mới. Đến khoảng ngày thứ hai mươi, thì người dạy cho Đại Phong thuộc hết mặt chữ. Nhưng còn việc ghép vần mới gay, dạy được vài hôm thì Người cho biết Người sắp phải đi công tác...".

Đồng chí Trương Nam Hiến kể lại trong hồi ký Vào núi gặp lãnh tụ: "Tháng 7-1942. Tôi có nhiệm vụ dẫn đồng chí Trần (Hoàng Sâm) cùng một số cán bộ đi các xã tổ chức triển lãm "Tội ác phát xít Nhật".

Bọn Pháp dò biết công việc của tôi. Tên quan ba Tây Batttini cùng tên Tri châu dẫn một bọn lính khố đỏ và lính cơ đến tận nhà vây bắt.

Tôi rút vào hoạt động bí mật, cùng đồng chí Xích Thắng làm một cái lán lợp bằng vỏ cây nghiền ở trong rừng... Chúng tôi lên Đản Đây, qua Phía Đông lên Lũng Lừa, một xóm của đồng bào Mông, tìm gặp đồng chí Bình Dương (nay gọi là Khoa) phụ trách ở đây. Ba chúng tôi trao đổi tình hình, thì có một đồng chí liên lạc người Mông, tên bí mật là Tự Vệ đến, hỏi:

- Đồng chí Bình Dương có dây không?

- Có thưa đây.

Đồng chí này rút trong vành khăn trên đầu, lấy ra một lá thư cuộn nhỏ như tổ sâu kèn. Đồng chí Bình Dương bóc ra đọc. Đồng chí Xích Thắng hỏi chen vào:



- Thư gì thế?

- Thư của Ông Cự gọi mình đi ăn cháo gà!

- Thế cậu có đi không?

- Mình còn đang lưỡng lự.

- Ông Cự đã gọi thì đi. Có lẽ Ông Cự còn giao công việc gì nữa đấy.

Tôi không hiểu chuyện gì. Ngồi nghe hai người nói chuyện với nhau nửa kín, nửa hở, tôi đoán là thư của cơ quan in báo gửi tới. Chúng tôi xếp dọn tài liệu rồi ra đi. Đến một nương ngô, đồng chí Tự Vệ rẽ ngang. Chúng tôi tiếp tục theo đồng chí Bình Dương. Vừa đi, đồng chí Xích Thắng vừa nói chuyện với đồng chí Bình Dương:

- Ông Cự không biết mình qua đây. Nếu biết thế nào Cự cũng gọi mình đến gặp. Cậu thử lên gặp Ông Cự trình bày ý xem có cho mình được gặp không. Nếu Ông Cự đồng ý thì cậu chỉ việc gõ vào gốc cây ba tiếng. Nếu không thì gõ bốn tiếng.

Qua một thoi đường nữa, đồng chí Bình Dương bảo chúng tôi dừng lại ngồi đợi, còn mình thì leo lên núi, men theo một vách đá. Chúng tôi đợi, càng sốt ruột. Mới vài phút mà cảm thấy thời gian trôi đi rất lâu. Mắt cứ chăm chăm nhìn lên phía đồng chí Bình Dương. Tuy mệt mà không dám thở mạnh vì sợ không nghe thấy tiếng gõ báo hiệu. Đồng chí Xích Thắng thở dài đứng dậy nói:

- Thôi chúng mình đi đi.

Vừa nói xong thì từ trên núi vọng xuống ba tiếng: "cốc, cốc, cốc...". Chúng tôi vui vẻ cùng leo thoăn thoắt lên núi.

Đến một hang đá, lại gặp Ông Cự mặc quần áo Dao đỏ trước đây cùng các đồng chí Vũ Anh, Đặng Văn Cáp, Văn Trình, Lộc, Bình Dương, đang quây quần bên chảo cháo gà sôi sùng sục trên bếp lửa. Đồng chí Xích Thắng giới thiệu tôi với Cự:

- Thưa Cự, đây là đồng chí Hồng Mi ạ!

Ông Cự chìa tay ra bắt và hỏi ngay:

- Có phải vừa rồi Tây lùng bắt vợ con đồng chí phải không?

- Vâng ạ.

- Thế đồng chí có lo không?

- Lo thì cũng lo. Nhưng làm thế nào được ạ. Chúng không bắt được mình thì chúng sẽ bắt vợ con hoặc bố mẹ, đánh vào tình cảm để hòng mình ra đầu thú. Chúng cũng chả có cơm gạo đâu mà nuôi mình được. Đến một ngày nào đó chúng sẽ phải thả. Tôi đã chuẩn bị sẵn tinh thần như vậy rồi.

Ông Cự mỉm cười:

- Tất nhiên là như vậy. Nếu không hoạt động được công khai thì rút lui vào bí mật chứ sao. Rừng núi của ta như thế này, thì Tây lấy đâu ra quân lính để lùng bắt ta được. Chính vì ta thương vợ, thương con mà đi làm cách mạng. Nếu bây giờ muốn gặp vợ con mà ra đầu thú, thì sẽ bị chúng bắt bỏ tù. Rồi cả đời không được gặp vợ



con nữa. Bây giờ chịu đựng thì một ngày gần đây sẽ được sum họp. Thôi, hãy ăn bát cháo đã.

Ông Cụ múc cháo cho từng người, đưa tận tay và giục ăn. Ăn xong, Ông Cụ giơ đồng hồ ra xem, bảo chúng tôi:

- Bốn giờ chiều rồi. Các đồng chí đi, hay ngủ lại?

Chúng tôi đáp:

- Đi ngay ạ!

- Phải. Tây đang bắt bớ đồng bào. Một số cơ sở ta đang tận rã, số ít quân chúng đang hoang mang. Các đồng chí cũng nên về ngay để bám sát, ổn định tình hình. Nếu về thì phải dựa vào họ hàng, anh em thân thích để nắm tình hình của địch dã. Không được vào nhà mình ngay mà mắc bẫy của địch. Phải chọn cơ sở tốt. Không được bạ ai cũng bắt liên lạc. Bốn ngày sau, các đồng chí quay lại báo cáo công việc.

Chúng tôi chào Ông Cụ và các đồng chí, ra về. Vừa tụt khỏi miệng hang, Ông Cụ lại thò đầu ra vừa cười vừa dặn thêm:

- Này Xích Thắng! Chú nhớ hôm nay về có quà đấy nhé!

Đồng chí Xích Thắng thật thà hỏi lại:

- Thưa, Cụ muốn quà gì ạ?

Ông Cụ cười:

- Cái gì chú thích thì tôi cũng thích!

Thấy tôi đùa, đồng chí Xích Thắng hích vào sườn tôi nói nhỏ:

- Này, Cụ Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ đấy!

Nghe nói, tôi mừng quá. Tôi biết là đồng chí Xích Thắng đã lỡ lời lộ bí mật. Tôi quay phắt lại nhưng chỉ còn thoáng thấy bóng Ông Cụ quay vào hang. Tôi tiếc dịp gặp gỡ vừa rồi quá. Vì lãnh tụ ở ngay cạnh mà vẫn không biết. Tôi đứng tần ngần một lúc rồi theo sau đồng chí Xích Thắng xuống núi, về làng củng cố lại cơ sở.

Đúng hẹn, tôi và đồng chí Xích Thắng quay về. Đồng chí Xích Thắng xách một con vịt. Tôi đeo một dây gạo nếp. Trời mưa tầm tã. Đi trong rừng, mưa dội xuống nghe rào rào. Quần áo chúng tôi ướt đẫm. Về đến hang, Bác bảo đồng chí Lộc - cấp dưỡng - mổ vịt, nấu cơm nếp ăn mừng, vì mới kết nạp đồng chí Vân Trình vào Đảng. Thấy mặt tôi đỏ gay, rên hừ hừ, Bác hỏi:

- Đồng chí Hồng Mi sốt à?

- Vâng ạ!

Bác sờ trán tôi:

- Không lo! Đồng chí mới xa nhà đi hoạt động phải nằm sương nằm đất, mưa nắng chưa quen, nên bị sốt. Ở đây có đồng chí Lý (tên gọi đồng chí Đặng Văn Cáp lúc bấy giờ), gia đình đã ba đời làm thầy thuốc, rất giỏi. Thấy thuốc cách mạng đấy. Đồng chí Lý chữa sẽ khỏi ngay!



Bác gọi đồng chí Cáp mang kim ra châm cứu cho tôi. Tôi biết đồng chí Cáp từ lâu. Thấy đồng chí lục túi hết lấy hộp dầu con hổ, mẩu gừng và gói kim bạc dài ngoằng ngoẵng, đuôi xoắn tít như vụn thừng, tôi ngài ngại...

Châm cứu cho tôi xong, Bác tập trung mọi người lại nghiên cứu tài liệu Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô. Bác giao cho một người đọc. Riêng tôi Bác cho nằm nghe, nhưng không được ngủ. Sợ tôi không chú ý, bất thành linh Bác hỏi:

- Đồng chí Hồng Mi, tư bản chủ nghĩa là gì?

- Thưa Cụ: tư là riêng, bản là vốn. Tư bản là vốn riêng ạ!

Bác không nói gì, lần lượt hỏi từng người. Mỗi người nói một cách, một ý khác nhau. Cuối cùng Bác hỏi đồng chí Vũ Anh. Đồng chí Vũ Anh trả lời đúng hơn cả. Bác kết luận:

- Định nghĩa như đồng chí Trinh (tên thật đồng chí Vũ Anh) là đúng. Tư bản, nếu hiểu theo nghĩa đen của chữ Trung Quốc là "vốn to". Song phải hiểu theo nghĩa bóng, đó là những người có nhiều nhà máy, hầm mỏ, chuyên sống bằng bóc lột thợ thuyền...

Cả bọn tôi cùng cười ồ, thấy câu trả lời của mình ngây ngô quá.

Hôm sau, đồng chí Xích Thắng xuống núi công tác. Bác giữ tôi lại, chưa cho tôi đi vì chưa khỏi sốt. Bác bảo đồng chí Lộc nấu cháo hẹ cho tôi ăn. Theo kinh nghiệm thì người ốm ăn cháo hẹ rất tốt.

Lần này, ở với Bác mấy hôm, tôi càng hiểu thêm về Bác. Bữa nào cũng cháo bẹ, mắm tôm, rau bí hoặc măng. Bác rất thích ăn ớt. Khi nấu rau, Bác thả xuống chảo rau vài quả ớt chỉ thiên. Rau chín, Bác vớt ớt ra và bảo:

- Đây là phần của tôi. Đồng chí nào không ăn được thì thôi!

Sáng nào Bác cũng tập thể dục. Tập xong uống một chén nhỏ rượu thuốc. Đúng giờ, Bác lại ra ngồi tựa vào gốc cây làm việc. Hồi ấy, Bác đang soạn ba mươi bài thơ cách mạng. Soạn xong một bài, Bác đọc cho tôi nghe và hỏi:

- Đồng chí có hiểu không?

- Có ạ!

- Tại sao lại hiểu?

- Vì biết một tí tiếng Kinh ạ.

- Thế đem đọc cho đồng bào có hiểu được không?

- Được ạ. Vì một số người biết tiếng Kinh.

- Sao họ biết?

- Vì họ đi chợ, giao thiệp với người Kinh.

Bác suy nghĩ một lát rồi lắc đầu:

- Không! Câu này hơi khó. Đồng chí đã được đi học, đi hoạt động, có trình độ, nên hiểu được. Tôi sẽ sửa thêm cho dễ hiểu.



Bác rất thích hút thuốc. Loại thuốc sừng bò, đen sì. Bác mở tráp thuốc luôn mang theo, hỏi tôi:

- Đồng chí còn thuốc không? Có thuốc đây... Thuốc không ngon đâu. Nhưng... bây giờ có hơi thuốc là được. Sau này cách mạng thành công, ta sẽ có thuốc ngon.

Thường lệ, cơm trưa xong, bao giờ Bác cũng đi nằm một lúc, Bác duỗi thẳng chân trên giường, hai mắt nhắm nghiền, hai tay thay nhau lắc một hòn đá cuội và một khúc cây để định thần. Đến khi thấy tay Bác đặt yên, thì đồng chí Vũ Anh lại khẽ nhắc tôi im lặng, vì Bác đã ngủ. Và Bác chỉ ngủ đúng năm phút là dậy.

Bốn ngày sau, khỏi sốt, tôi xin xuống làng công tác. Bác đưa tôi ra tận cửa hang. Thấy tôi còn xanh xao, Bác ân cần dặn dò giữ gìn sức khoẻ để hoạt động lâu dài. Vừa bước được vài bước chân, đến mở cửa hôm đầu tiên tôi biết Bác là lãnh tụ, bỗng tôi quay lại nhìn về phía hang, Bác vẫn đứng đó, vẫy tôi dặn với:

- Chú Hồng Mi, cố gắng công tác nhé. Nhưng phải giữ gìn sức khoẻ đấy!".

Nhận thức được tầm quan trọng của liên minh quốc tế, đặc biệt là sự phối hợp cùng nhân dân Trung Quốc chống Nhật, ngày 13-8-1942, Nguyễn Ái Quốc lên đường sang Trung Quốc. Lấy tên mới Hồ Chí Minh, Người đi Trung Quốc với tư cách là đại biểu của phong trào Việt Minh và đại diện của Phân hội Việt Nam thuộc Hiệp hội quốc tế chống xâm lược. Ngày 27-8-1942, khi đến phố Túc Vinh (Thiên Bảo, Quảng Tây), Hồ Chí Minh bị bắt với lý do những giấy tờ tùy thân của Người đã quá hạn sử dụng. Tóm tắt diễn biến chính của sự kiện này như sau: Đầu tháng 8-1942, Người cho gặp đồng chí Vũ Anh để yêu cầu làm một con dấu của phân bộ Việt Nam thuộc đồng minh quốc tế chống xâm lược. Người cũng thảo luôn hai bức thư bằng chữ Hán và chữ Pháp, nhân danh hai tổ chức trên giới thiệu một kiều dân Trung Quốc ở Việt Nam về nước gặp những đại diện của Chính phủ Trùng Khánh của Tưởng Giới Thạch. Để đánh lạc hướng mật vụ đế quốc, Người lấy tên là Hồ Chí Minh. Dự đoán rằng Việt Minh không thể liên hệ trực tiếp với Trung Quốc được và Hội đồng minh chỉ là tiền thân của một tổ chức quốc tế nên khả năng nhập cảnh khó khăn, bởi thế Người mang theo ba chứng minh thư cũ cấp từ tháng 2-1940, đó là giấy của Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện Hội, thẻ hội viên đặc biệt của Quốc tế Tân hoa xã, giấy thông hành quân dụng của Văn phòng đệ tứ chiến khu cấp (đều dùng tên Hồ Chí Minh) kèm theo một tấm danh thiếp ghi bằng chữ Hán: ở giữa in Hồ Chí Minh, một bên in Tân văn ký giả, một bên in Việt Nam- Hoa kiều (có nghĩa là: Nhà báo, quốc tịch Việt Nam - kiều dân tại Trung Quốc).

Ngày 13-8-1942, Hồ Chí Minh lên đường sang Trung Quốc để liên lạc với các lực lượng cách mạng người Việt Nam và đồng minh, cùng đi với Người có đồng chí Lê Quảng Ba. Từ 19 đến 24-8, Người đến địa phận Quảng Tây. Ngày 25-8, Người



đến Ba Mông thuộc huyện Tĩnh Tây và tạm trú ở nhà Từ Vĩ Tam, một gia đình nông dân nghèo. 26-8, Người ăn tết Trung nguyên với những người dân Trung Quốc quen biết, sau đó ngày 27-8, Hội gia đình kết nghĩa anh em cử một thanh niên nông dân người Choang là Dương Đào hăng hái nhận trách nhiệm dẫn đường tới huyện Bình Mã để đón ô tô đi Trưng Khánh. Ngày 29-8, đoàn người đến thị trấn Túc Vinh, huyện Đức Bảo, tỉnh Quảng Tây và ngủ trọ trong một quán nhỏ. Đêm ấy, đột nhiên đặc vụ do tuấn canh Hương Phúc Mậu chỉ đường áp vào, kiểm tra giấy tờ rồi còng tay mọi người, dẫn nộp cho trưởng quan Mã Hiến Vinh. Trung tướng Trần Bảo Xương, Tư lệnh an ninh biên giới Tĩnh Tây lúc ấy nhận được tin báo đã bắt một người tên là Hồ Chí Minh có thân thế phức tạp vì mang nhiều giấy tờ nhưng đều cấp từ năm 1940, bèn nghĩ cách quy tội nghi phạm gián điệp, giam ở Tĩnh Tây, chờ giao cho Ủy ban quân sự Quốc dân ở Quế Lâm, thế là:

Ta là đại biểu dân Việt Nam
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm
Ai ngờ đất bằng gậy sóng gió
Phải làm "khách quý" tại nhà giam!

Trên đường bị giải lên huyện lỵ Tĩnh Tây, chị gái của Từ Vĩ Tam tình cờ nhìn thấy hai người nên quay về báo tin dữ. Thời gian này, một nông dân Trung Quốc có quan hệ mật thiết với cách mạng Việt Nam là Vương Tích Cơ đến thăm, nhờ đó Người gửi tin nhắn ra ngoài cho Lê Quảng Ba, sau đó Vương còn quay lại đưa giấu cho Bác một ít tiền để phòng khi cần dùng đến. Trong hai tháng ở Tĩnh Tây, Người bắt đầu sáng tác thơ để bày tỏ thái độ bất bình và cũng để cho khuây khoả. Những ngày đầu bị giam giữ, một tên khiêu khích còn tố giác với chúa ngục rằng người tù mới đến đã tuyên truyền cộng sản trong xà lim, bọn giám ngục đánh mười gậy vào hai gót chân người tù đã có tuổi này rồi giải sang nơi khác. Sau đó, Người đã bị giải qua Diên Đông, Long An, Thiên Bảo, Ung Ninh, Nam Ninh, Vũ Minh, Tân Dương, Lai Tân... trong cảnh: Năm mươi ba cây số một ngày; áo mũ dầm mưa, rách hết giày; Lại khổ thân đêm không chỗ ngủ; Ngồi trên hố xí đợi ngày mai.

Cứ như thế, Hồ Chí Minh bị giải qua 30 nhà tù của khắp 13 huyện tỉnh Quảng Tây. Đó thực chất là việc luân chuyển từ những căn hầm dưới đất hôi thối, đầy giòi bọ sang những nhà kho bằng gỗ xiêu vẹo hoặc những trại lính tối tăm. Trên đường di chuyển lại phải di bộ, cổ đeo gông có lính đi kèm lần qua đường núi, vượt đèo lầy dưới nắng gay gắt hoặc trong mưa thu dầm lạnh nên trong mấy tháng, tóc Người vừa bạc vừa sấu, răng rụng dần vì bệnh xuất huyết. Bọn cai tù theo dõi chặt chẽ từng hành động của Người và tịch thu ngay tức khắc tất cả những gì Người viết bằng chữ chữ chúng không đọc được, vì thế, trang đầu của cuốn Ngục trung nhật ký cũng phải để lệch ngày tháng nhưng nội dung thơ bằng chữ Hán lại chứa đựng tính mỉa mai hài hước: ăn cơm nhà nước, ở nhà công; Binh lính thay phiên để hộ tù; Non nước dạo chơi, tùy sở thích; Làm trai như thế cũng hào hùng.



Tinh thần lạc quan yêu đời, vượt qua mọi đây đoạ về thể xác và tâm hồn:

*Mặc dù bị trói chân tay
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng
Vui say ai cấm ta dìng
Đường xa âu cũng bớt chùng quạnh hiu*

Và đặc biệt là lòng tin tưởng vào ngày mai tươi sáng, tới sự toàn thắng của lẽ phải:

*Vì không có cánh đông tàn
Thì đâu có cánh huy hoàng ngày xuân
Nghĩ mình trong bước gian truân
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

Ngày 10-12-1942, Người bị giải đến nhà ngục Quế Lâm, sau đó vì nghi là chính trị phạm nên lại bị giải về Liễu Châu để giao cho Cục Chính trị đệ tứ chiến khu tra xét. Ngoài việc làm thơ, tự lao động phục vụ ra, Người còn viết thư cho Tưởng Giới Thạch và Tôn Khoa- Viện trưởng viện lập pháp của chính quyền Quốc dân, vạch rõ sự bất bớ giam cầm đây đoạ vô cơ một người ngoại quốc không qua xét xử là một hành động bất công, phi luật pháp và man rợ. Bọn giám thị thấy Người giao thiệp đến tận Trung ương Quốc dân như vậy nên cũng nể nang hơn trước. Trong lúc ấy, diễn biến của cách mạng thế giới đang thay đổi từng ngày từng giờ. Một người lính canh tốt bụng đem cho Người tờ Liễu Châu nhật báo trong đó đưa tin Hồng quân Liên Xô đã thắng trận ở Xtalingrát, mừng quá, Người lấy ra một đồng quan kim giấu kín từ lâu nhờ người lính gác mua hộ chiếc bánh đậu, kẹo vừng và chè xanh để liên hoan. Khi quay lại nhà giam ở Liễu Châu, Người viết lên mép trang của một tờ báo Quảng Tây bài thơ tứ tuyệt chữ Hán bằng nước cơm và kèm theo dòng chữ: Chúc chú huynh ở nhà mạnh khoẻ và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên. Tờ báo này được chuyển ra nhờ một viên quan ngục đã được giác ngộ. Trong khi các đồng chí lãnh đạo Đảng ở Cao Bằng lại nhận được tin Hồ Chí Minh ốm nặng và đã mất trong tù, mọi người quyết định làm lễ truy điệu Người. Đồng chí Phạm Văn Đồng được giao nhiệm vụ soạn diếu văn, mọi người còn mở chiếc va ly mây của Người để phân phát những đồ dùng lặt vặt cho một số đồng chí thân thiết làm kỷ niệm và cử gấp một liên lạc sang Trung Quốc tìm phần mộ. Lúc đó bỗng nhiên tờ báo kia được gửi đến, bôi iốt vào, chữ hiện dần ra... niềm vui không tả xiết! Lập tức, Việt Minh tìm mọi cách vận động trả lại tự do cho Người bằng cách đánh điện cho Tôn Khoa. Nhận được điện, Tôn Khoa chuyển cho Ngô Thiết Thành - Bí thư trưởng Ban chấp hành Trung ương Quốc Dân đảng. Ngày 9-11, Ngô Thiết Thành gửi cho Tư lệnh đệ tứ chiến khu Trương Phát Khuê bức điện sau: "Tôn Viện trưởng gửi bức điện của Phân hội Việt Nam Hiệp hội chống xâm lược quốc tế đánh sang nói rằng đại biểu của Phân hội là Hồ Chí Minh tới Trùng Khánh dâng cờ tỏ ý kính trọng Tưởng Ủy viên trưởng, đi tới Tỉnh Tây bị bắt, đề nghị gửi điện thả ra. Xét việc này trước đã gửi



điện cho chính quyền tỉnh Quảng Tây, nay lại gửi điện thông báo, xét rõ rồi thì thả ra. Được phúc đáp, xin cảm ơn". Nhưng do lúc này Hồ Chí Minh chưa được giải tới Liễu Châu nên Trương Phát Khuê cũng không thể trả lời ngay được. Cùng lúc, chi hội Việt Nam Hội quốc tế chống xâm lược gửi một bản báo cáo dài từ mặt trận Hoa - Việt tới cơ quan thông tấn Liên Xô TASS ở Trùng Khánh đề nghị ủng hộ việc thả Hồ Chí Minh và coi việc bắt giữ đó là sai lầm nghiêm trọng của phía Quốc Dân đảng, bức điện có đoạn: "Tiền tuyến Trung - Việt ngày 15-11-1942. Gần đây, giữa chính quyền Trung Quốc và Đảng cách mạng Việt Nam có xảy ra một việc hiểu lầm hết sức nghiêm trọng. Đồng chí cách mạng Hồ Chí Minh, đại biểu cho Phân hội Việt Nam Hiệp hội chống xâm lược quốc tế tới Trùng Khánh để chào Tưởng Ủy viên trưởng và hội đàm với Phân hội Việt Nam Hiệp hội chống xâm lược của Trung Quốc. Mượn cơ giấy thông hành không hợp lệ, trên đường từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo, đồng chí đã bị quan chức địa phương của Trung Quốc bắt giữ. Phân hội Việt Nam Hiệp hội chống xâm lược quốc tế được thành lập năm 1941 là nhờ đồng chí Hồ lo toan chạy vạy... Xét tâm quan trọng của Phân hội Việt Nam Hiệp hội chống xâm lược quốc tế và tiếng tăm được ngất ngờ vọng của đồng chí Hồ, vậy mà lần này bị bắt ở Trung Hoa, thực là tăng thêm không ít bất mãn cho Đảng cách mạng Việt Nam đối với Trung Quốc. Tuy hội viên của Phân hội ở Trung Hoa gần đây có tích cực thuyết phục Trung ương, nhưng đồng chí Hồ vẫn bị giam giữ và bị giải tới Liễu Châu. Nếu thấy cần thiết, đề nghị công bố tin này". Bên cạnh đó, các Hội Cứu quốc ở Việt Bắc, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng như các giới Việt kiều ở miền Nam Trung Quốc đều nhất loạt lên tiếng, hàng trăm thư, kiến nghị được gửi đến Trùng Khánh và tới các tổ chức dân chủ, các nhà hoạt động chính trị của Trung Quốc. Đồng chí Chu Ân Lai còn tìm đến Phùng Ngọc Tường, một viên tướng Quốc Dân đảng yêu nước để nghị giúp đỡ. Sau khi gặp cố vấn Liên Xô để bàn cách, Phùng Ngọc Tường đi gặp Tưởng Giới Thạch để chất vấn 4 điểm vô lý trong việc bắt giữ người bạn cách mạng quốc tế Hồ Chí Minh. Trước tình hình đó, cuối cùng chính quyền Quốc dân ra lệnh thả Hồ Chí Minh ra khỏi nhà tù để Cục Chính trị "xem xét cảm hoá".

Hơn một năm trời, bị giải qua hơn 30 nhà lao của 13 huyện của tỉnh Quảng Tây, phải trải qua những ngày tháng bị giam cầm thiếu thốn, khổ cực, đầy bệnh tật, Hồ Chí Minh đã viết 133 bài thơ bằng chữ Hán, theo thể thất tuyệt, thất luật, ngũ ngôn và tạp thể, chép trên một loại giấy bản, đóng thành tập, bên ngoài ghi 4 chữ: Ngục trung nhật ký. Tác giả T.Lan (bút danh của Bác Hồ) kể lại:

Tháng 8 năm ấy, Bác có việc sang Trung Quốc, thì bị bọn Quốc Dân đảng bắt. Sau khi bị chúng trói giải đi suốt 18 ngày, từ trại giam này đến trại giam khác, chúng đưa bác về giam ở Liễu Châu. Trong khi nhân dân Liên Xô anh em đang dốc hết lực lượng vào cuộc kháng chiến thần thánh, khi phát xít Nhật - Pháp đang hoành hành ở Việt Nam, khi đồng bào ta đang quần quai dưới hai ách áp bức, khi



công việc Đảng và Mặt trận Việt Minh đang nhanh chóng lan rộng ăn sâu vào quần chúng nhân dân - mà mình thì phải nằm queo trong một phòng giam của bọn phản động Trung Quốc, sốt ruột biết bao! Đây không phải là một trại giam chính cống, mà chỉ là một "cám bế thất" - một phòng giam nhỏ hẹp ngay bên cạnh đội bảo vệ của tướng Trương Phát Khuê. Chỉ một mình Bác bị nhốt ở đó. Lâu lâu mới có một vài sĩ quan Quốc Dân đảng bị phạt vào ở đó năm, bảy ngày, Bác lợi dụng những dịp đó để học tiếng "quan".

Bác gây được cảm tình với vài người lính gác. Mỗi bữa ăn xong còn thừa rau bí luộc, họ đưa cho Bác để "cải thiện sinh hoạt" phần nào. Điều tốt nhất là mỗi ngày họ bí mật quẳng vào cho Bác một tờ Liễu Châu nhật báo, đó là món ăn tinh thần. Nhờ đó mà Bác theo dõi được tin tức chiến sự.

Tháng 2 -1943, xem thấy tin: Sau hơn sáu tháng chiến đấu vô cùng anh dũng, Hồng quân đã đại thắng ở Stalingorat, bắt sống 33 vạn quân Hít-le... Bác mừng nhảy lên, xuýt đụng đầu vào kèo phòng giam. Bác tự bảo nhất định phải ăn mừng cuộc thắng lợi này. Trong túi chỉ còn vền vền 1 đồng bạc, Bác đưa tuốt cả số tiền đó nhờ người lính gác mua dùm cho ít kẹo và "dầu chá quấy" (mua 1 đồng chỉ được 5 hào, đó là quy chế của nhà giam), để làm một bữa tiệc. Sau khi phấn khởi hô khe khe máy khẩu hiệu: Đảng Bôn-sê-vích muôn năm! Hồng quân muôn năm! Liên Xô thắng lợi muôn năm! Bác ngồi xuống một mình "chén tạc chén thù" rất đàng hoàng vui vẻ. Từ đó về sau, mỗi tin tức Liên Xô thắng lợi là một món quà tinh thần từ phương xa để đến an ủi Bác.

Tôi nói: "Thưa bác, lúc đang bị giam Bác có làm nhiều thơ. Nếu Bác cho đăng lên báo, chắc cán bộ và đồng bào sẽ hoan nghênh lắm..."

Bác cười và trả lời: "Các chú không nhắc thì Bác cũng không nhớ đến nữa. Bác không phải là người hay thơ, mà thơ của Bác cũng không hay. Mười mấy tháng bị nhốt trong các phòng u ám và quạnh hiu, một hình một bóng, không được nói chuyện với ai, không có việc gì làm. Muốn "du lịch" thì đi dọc chỉ năm bước, đi ngang bốn bước. Để "tiêu khiển" ngày giờ, chỉ có cách ghéu ngao, vắn tắt ghi lại sinh hoạt của người ở tù, cho khuấy khoả thế thôi, phải thơ phú gì đâu..."

Khi được thả ra, mắt Bác nhìn kém, chân bước không được, Bác quyết tâm tập đi, mỗi ngày 10 bước mới thôi. Cuối cùng Bác chẳng những đi vững mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đến đỉnh núi, Bác cao hứng làm một bài thơ chữ Hán như sau:

"Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như cánh tĩnh vô trần.
Bồi hồi độc bộ Tây Phong Lĩnh,
Nam vọng trùng dương ức cố nhân".



Tạm dịch:

"Mây ôm núi, núi ôm mây
Lòng sông sạch chẳng mấy may bụi hồng.
Bùn ngùi đạo đình Tây Phong,
Trông về cố quốc, chạnh lòng nhớ ai!"

Ngày 10-9-1943, Người được trả tự do, nhưng vẫn bị quản chế. Sức khoẻ của Người sau khi ra tù rất yếu, vì vậy, Người đã đặt một kế hoạch và kiên trì tập luyện. Vào khoảng giữa tháng 9-1943, Hồ Chí Minh viết bài thơ "Tán xuất ngục học dưỡng sơn" lên mép của một tờ *Quảng Tây nhật báo*, rồi gửi về nước kèm theo một bức thư, báo tin đã được trả tự do, song vẫn bị quản chế với tư cách "cố vấn", để Đoàn thể ở trong nước cần có sự vận động mạnh giúp Người được trả tự do hoàn toàn. Cuối tháng 10-1943, theo yêu cầu của Trương Phát Khuê, Hồ Chí Minh tham gia một số hoạt động của Việt Nam cách mạng đồng minh hội - tổ chức của người Việt Nam tại Trung Quốc, gồm nhiều đảng phái, được sự hỗ trợ của Đệ tứ chiến khu, do tướng Trương Phát Khuê trực tiếp chỉ đạo. Để tranh thủ uy tín, đức độ và tài năng của Hồ Chí Minh, thực hiện kế hoạch hợp tác với Việt Minh, triển khai "Hoa quân nhập Việt", Trương Phát Khuê đề nghị Hồ Chí Minh hợp tác với Nguyễn Hải Thần - lãnh tụ của *Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội*, để cải tổ lại *Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội*.

Chủ trương của Đảng ta trong việc hợp tác với tổ chức này được thể hiện rõ trong Nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương Đảng (25 đến 28-2-1943): "Hết sức vận động cho *Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội* và *Việt Nam độc lập Đồng minh*" hợp lại làm một, đặt mau tập trung lực lượng cách mạng Việt Nam đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp". Trên tinh thần đó, Hồ Chí Minh nhận lời tham gia tổ chức, để vừa tranh thủ, lôi kéo, vừa phân hoá những phần tử yêu nước và tiến bộ về phía cách mạng. Cuối tháng 11-1943, Hồ Chí Minh đã chuyển đến ở tại trụ sở *Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội* tại đường Ngư Phong, thành phố Liễu Châu. Tại đây, Người viết bài cho báo *Đồng minh* - cơ quan ngôn luận của *Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội*, xuất bản bằng tiếng Việt ở Liễu Châu. Nhà hoạt động cách mạng lão thành Lê Tùng Sơn kể lại: "... Cho đến hôm nay qua tác phẩm lớn Nhật ký trong tù, chúng ta ai cũng đã biết về những ngày gian truân của Bác trong thời gian hơn một năm trời bị bọn phản động Tưởng Giới Thạch bắt giải qua mấy chục nhà lao ở tỉnh Quảng Tây. Bản thân tôi may mắn được gặp Bác ở Liễu Châu sau ngày bọn Tưởng buộc phải trả lại tự do cho Bác. Có thể nói đó là một trong những ngày hạnh phúc nhất trong cuộc đời tham gia cách mạng của tôi - một phần thường bất ngờ mà cuộc sống dành riêng cho tôi trải qua bao nỗi gian nan vất vả trong buổi bình minh của cách mạng.

Lúc bấy giờ vào tháng 8-1943, tôi thay mặt Hội Giải phóng từ Côn Minh tới Liễu Châu dự hội nghị toàn quốc của Việt Nam cách mạng đồng minh hội. Đường trường hơn một nghìn cây số đi dọc xương sống của cao nguyên Vân Quý, băng qua



các triền núi hiểm trở bốn mùa mây phủ. Có nhiều hôm từ sáng tinh mơ tới chiều tối, chúng tôi chỉ đi được hơn trăm cây số. Hôm khác lại phải nghỉ chân sớm vì sợ lỡ độ đường, không tìm được nơi nghỉ chân, ngủ đêm ngoài trời sẽ phải chịu đựng cái rét xé da, cắt thịt của khí hậu vùng cao hàng hai, ba nghìn mét so với mặt biển. Đây là chưa kể đến những khó khăn khác nếu gặp thổ phỉ những nhiều giữa đường.

Trước sau hơn một tuần lễ, tôi mới tới được Liễu Châu - thị xã xây dựng trên ngọn núi Ngự Phong nhìn xuống dòng Liễu Giang trong xanh. Túc cảnh tôi đã đánh bạo viết về thị xã này như sau:

Đầy lúc thu sang cảnh Liễu Châu
Đàn ca vang nhộn suốt canh thâu
Phố phường lộng lẫy người chen chúc
Qua lại trên sông nhộn nhịp cầu.

Đầu tiên tôi đưa thư của Hội Giải phóng giới thiệu tôi với Trương Phát Khuê, Tư lệnh trưởng chiến khu IV. Từ Bộ Tư lệnh của chiến khu, viên chủ nhiệm chính trị là Hầu Chí Minh viết thư giới thiệu tôi với Ban Thường vụ của Cách mạng đồng minh hội. Người đầu tiên tôi gặp ở hội là Nguyễn Hải Thần - một nhân vật tôi đã nghe tiếng từ lâu. Sau câu chuyện xã giao thường lệ, ông ta tiếp chuyện tôi, giọng pha nhiều tiếng Quảng Đông, do ông ta sống ở Trung Quốc từ năm 1905 nên đã quên mất nhiều tiếng Việt. Rồi như sực nhớ ra điều gì, ông ta hỏi tôi:

- À này ông Lê (Thần gọi tôi là ông Lê), ở đây có ông Hồ Chí Minh. Nếu như ông cần gặp, tôi có thể đưa ông vào gặp.

Nghe nói vậy tôi phải cố gắng lắm mới nén nổi, không để nổi vui mừng lộ rõ trên nét mặt. Thật kỳ lạ, sao đời làm cách mạng của tôi lại có thể biết tới nhiều điều may mắn kỳ lạ đến thế! Tuy vậy tôi vẫn giả dò hỏi lại:

- Ông Hồ Chí Minh là ai vậy? Tôi chưa biết bao giờ.

- Ông Hồ Chí Minh, chưa rõ lai lịch ra sao mà bị bắt ở Tĩnh Tây, rồi bị giải về hành doanh Quế Lâm. Nhưng chủ nhiệm hành doanh Quế Lâm là ông Lý Tế Thâm bảo ông Hồ là người Việt Nam thì cứ đưa về Liễu Châu, ở đó có Việt Nam cách mạng đồng minh hội. Còn hiện nay Trương trưởng quan (tức Trương Phát Khuê) đã cho tu đái ông ta ở tại Bộ Tư lệnh của chiến khu IV.

Tôi hỏi lại:

- Nếu vậy tôi vào có tiện không?

- Vào được chứ - Nguyễn Hải Thần nói oang oang - ở đây chủ nhật nào mà chẳng có anh em "phục quốc" tới thăm ông ta. Đông người vào lắm. Tuy chưa rõ thái độ chính trị của ông ta thế nào, nhưng trông người về quốc thước, đi đứng, ăn nói đường hoàng. Tôi thấy ông ta không phải người bình thường.

Và ngay chiều hôm đó, Thần dẫn tôi vào thăm Bác. Đến nơi Thần gọi Bác:

- Cụ Hồ, có ông Lê ở Vân Nam mới sang đến nơi, tôi đưa ông ấy vào thăm Cụ đây.



Tôi để ý nhìn vào trong nhà thấy Bác đang chăm chú ngồi viết bên bàn. Nghe có người gọi Bác quay lại rồi đứng dậy, bước đến gần bắt tay Thân và tôi, kể đó Bác hỏi:

- Ông ở Vân Nam mới sang? (Bác gọi tôi là ông) - rồi Bác hỏi thăm - đời sống của kiều bào ta ở bên đó hiện giờ ra sao? Tôi vội trả lời, song vẫn hết sức chú ý mọi cử chỉ của Bác. Tôi nghe Bác nói giọng vang vang, trầm hùng khiến tôi bất giác nghĩ đến giọng của Lê Lợi như đã được ghi chép trong Đại Việt sử ký. Trông Bác thật đúng là điển hình của sự cấu tạo ngoại hình của những vĩ nhân Việt Nam: vầng trán Bác cao, vóc người tâm thước, chòm râu thưa và dài - lúc đó râu Bác chưa bạc, đôi mắt Bác to, sáng long lanh. Mặc dù vừa mới trải hơn một năm trời trong cảnh sống lao tù khốc liệt của Tưởng Giới Thạch, người Bác trông còn yếu nhưng phong thái của Bác tỏ ra ung dung, tự tại lạ thường.

Thời gian này Bác sống trong một ngôi nhà tám mái, dựng trên ngọn đồi, sát bên bờ dòng Liễu Giang từ Quế Lâm đổ về, chảy qua vùng núi đá vôi, nước trong xanh in màu da trời ngấn ngát. Bên trong nhà sáng sủa, thoáng đãng, chung quanh nhà chạy dài rập rờn nhấp nhô những rặng liễu, đôi thông bốn mùa xanh tốt.

Đây vốn là toà nhà văn hoá Trung Sơn, người ta đã ngăn làm đôi. Một bên là thư viện, nửa bên kia là nhà ăn của sĩ quan thuộc Bộ Tư lệnh chiến khu IV. Bác ở luôn đây và cùng ăn với sĩ quan.

Chỗ Bác ở có kê một chiếc giường con, có màn, chăn và đệm. Cạnh giường là một cái bàn con. Trên bàn có để nhiều sách báo chữ Trung Quốc, một lọ cắm mấy chiếc bút lông và một nghiên mực.

Ngoài một số ít những đồ dùng đơn sơ ấy, tôi còn thấy một ít mảnh vải vụn, mấy mũi kim, vài cuốn chỉ Bác vẫn dùng để khâu vá bộ quân phục đã bạc màu của mình. Tất cả những thứ đó Bác xếp đặt rất ngăn nắp, gọn gàng. Điều đó nói rõ nếp sống có tổ chức và đức tính cẩn thận của Bác.

Qua mỗi cử chỉ hay lời nói, Bác tỏ ra hết sức thoải mái song vẫn giữ được mực thước vừa phải mà luôn tỏ ra chủ động trong mọi tình huống. Nên chỉ mới sau một lúc mà sự giáo dục của Bác đối với tôi đã rất sâu sắc, khiến tôi mãi ghi nhớ suốt đời. Tôi còn nhớ buổi đó, trong câu chuyện giữa tôi với Nguyễn Hải Thần, tôi tỏ ra không khoan nhượng đối với bọn phản cách mạng lúc đó. Chờ cho Nguyễn Hải Thần đã bước ra ngoài, Bác mới bảo tôi:

- Ở đây không giống như bên Vân Nam, ông cần nói ít, nghe nhiều. Đừng "thanh niên" quá, làm người ta sợ.

Qua mấy lời dẫn dò ngắn gọn, súc tích của Bác tôi bỗng sực nhớ ra hoàn cảnh cụ thể của Liễu Châu lúc đó: Một số phần tử người Việt làm tay sai cho Quốc Dân đảng Trung Quốc đang mưu mô chống Cộng, chống Việt Minh. Do đó tôi quyết tâm tiếp nhận lời dặn của Bác làm phương châm chỉ đạo hành động của mình trong suốt thời gian ở cái thị xã sông gió này.



Kể từ hôm ấy, cứ đến ngày chủ nhật tôi lại chỗ Bác ở để thăm Bác. Cũng có lúc Bác ra trụ sở Việt Nam cách mạng đồng minh hội gặp tôi. Nhân đó tôi tranh thủ báo cáo rõ với Bác về tình hình phong trào Việt kiều ở Vân Nam, về mối liên hệ của phong trào Việt kiều với trong nước cũng như quan hệ với các nước Đồng minh.

Với mỗi quan tâm đặc biệt, Bác chăm chú nghe tôi báo cáo xong, rồi Bác căn dặn tôi những việc cần làm sau khi trở về Vân Nam. Về đường liên lạc với trong nước, Bác nói: Nên tới Cột Mạ, Cao Bằng tìm gặp đồng chí Dương Đại Lâm và Hoàng Quốc Văn, tự khắc sẽ có người ra đón. Thế là kể từ hôm ấy trở đi, tôi may mắn được sự chỉ đạo trực tiếp về mọi mặt của Bác.

Đời sống hàng ngày của Bác lúc này tuy cùng ăn với đám sĩ quan của Trương Phát Khuê, nhưng cơm nấu gạo xay, vừa ăn vừa phải nhặt thóc, thức ăn chỉ có rau không, sau một tuần mới có một lần được ăn chất béo.

Thấy Bác yếu, ăn uống kham khổ, tôi viết thư cho anh em bên Vân Nam biết rõ tình hình. Anh em liền gửi sang cho tôi 2.000 bạc tiền Trung Quốc lúc đó, bảo tôi đem biếu Bác bồi dưỡng sức khoẻ.

Tôi đem số tiền trao cho Bác. Bác không lấy, phần tôi cũng khăng khăng không chịu nghe. Sau Bác cầm tiền đi mua sách gửi về trong nước. Bác bảo tôi:

- Mình ở đây tuy khổ song không đến nỗi đói. Còn anh em trong nước hiện nay đói không có cơm ăn, ốm không có thuốc uống. Nhiều khi có cơm mà không có muối ăn (lúc này ở trong nước, Tây treo giải 20kg muối đổi lấy một cái dầu Việt Minh). Đây là chưa kể đến khó khăn của cán bộ sống trên rừng núi, sốt rét liên miên. Nếu không biết đồng cam cộng khổ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, sẽ khó mà vượt qua được thử thách.

Bác chỉ nói có bấy nhiêu lời mà qua đó tôi nhận thấy tấm lòng thương yêu rộng lớn của Bác đối với anh em và cũng do đó tôi được Bác giáo dục sâu sắc.

Về phần sức khỏe của Bác sau khi được trả lại tự do, như tôi được biết, ngay bệnh lao của Bác cũng chưa ổn định hẳn. Nên tôi để ý thấy Bác kiên trì tập luyện cũng nhẫn nại như đạo Bác mới từ nhà lao ra, hai chân bị xích lâu ngày, không cất bước được, Bác đã áp chặt hai bàn tay vào tường, cứ như thế tập đi từng bước một.

Còn bây giờ sáng nào cũng vậy, ngay giữa tháng giá mùa đông, lính thổi kèn hiệu vừa trở dậy, Bác đã một mình bước ra sân tập luyện. Trước tiên Bác ã vài bài "Thái cực quyền" do Hầu Chí Minh, Thiếu tướng Chủ nhiệm chính trị của chiến khu IV hướng dẫn. Sau đấy trên con đường phủ cát lượn sóng rập rờn dọc theo dòng Liễu Giang, Bác chạy mãi miết và hăng say cho đến khi mồ hôi thấm ướt áo. Kể đó Bác cởi quần áo, dấm mình bơi thoải mái trong làn nước xanh trong giá suối của dòng Liễu Giang đang rì rầm tuôn chảy trong ánh bình minh nhợt nhạt giữa những tháng mùa đông.

Sự việc hiếm có này ngay tức khắc gây dư luận sôi nổi trong đám sĩ quan. Họ bảo: "Ông ấy hẳn phải có bộ thần kinh bằng thép".



Sau giờ tập luyện sáng sớm, Bác cùng ngồi ăn với đám sĩ quan. Nhân đó Bác tranh thủ tiếp xúc rộng rãi với họ, nói lên tình cảm của mình đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc chống Nhật. Nội dung những câu chuyện Bác nói nghe sinh động, cụ thể, cách nói hóm hỉnh, hấp dẫn người nghe, thể hiện sự hiểu biết rộng và sâu không những đối với các vấn đề về Trung Quốc, về thế giới mà cả đối với những vấn đề thực tế trong đời sống hàng ngày.

Cũng vì thế vô luận Bác đứng hay ngồi hoặc xuất hiện bất chợt ở đâu, lập tức đám sĩ quan nọ quây tròn hỏi chuyện Bác. Nhưng có một điều tôi để ý thấy trong các bữa ăn, Bác không mấy khi ngồi cố định ở một bàn nào mà mỗi bữa Bác ngồi một nơi. Qua đó Bác tiếp xúc trò chuyện được với nhiều người mà ai nghe chuyện Bác cũng đều thấy bổ ích.

Về phía các sĩ quan của chiến khu IV, không ai là không quen thân Bác và dường như họ đều rất quan tâm đến Bác. Mỗi khi gặp Bác từ xa, họ đã cất tiếng chào vui vẻ, nhiệt thành:

- Chào Hồ tiên sinh! Hồ tiên sinh vẫn mạnh giỏi chứ? Hồ tiên sinh ăn cơm chưa? v.v...

Sự thật thì đám sĩ quan này, trong đó có một số là nhân sĩ chính giới ở Hoa Nam, đều kính phục Bác. Họ nhất trí với nhau cho Bác là người có học vấn uyên bác, có chí hướng lớn và sẵn có nghị lực phi thường. Nhưng đồng thời họ cũng nhận thấy đây là một nhân vật đáng sợ đối với họ. Vì họ ngỡ Hồ tiên sinh là Nguyễn Ái Quốc - Họ thường vẫn thì thầm với nhau như vậy.

Một hôm tôi hỏi Bác:

- Ở đây họ đồn Cụ là ông Nguyễn Ái Quốc. Vậy có thực Cụ là ông Nguyễn Ái Quốc không?

Bác cười bảo tôi:

- Vậy chú cứ đi hỏi ông Nguyễn Ái Quốc xem sao?

Câu trả lời hóm hỉnh của Bác khiến tôi cũng vui vẻ cười theo.

Trong đám sĩ quan thì Hầu Chí Minh, Thiếu tướng, Chủ nhiệm chính trị của chiến khu IV là người hay gần và thân với Bác hơn cả. Tôi đồ chừng Trương Phát Khuê cho ông ta theo dõi Bác, mong dò tìm thái độ chính trị của Bác. Chính ông ta là người hướng dẫn Bác học "Thái cực quyền" và tặng Bác nhiều sách mới về chủ nghĩa Tam dân.

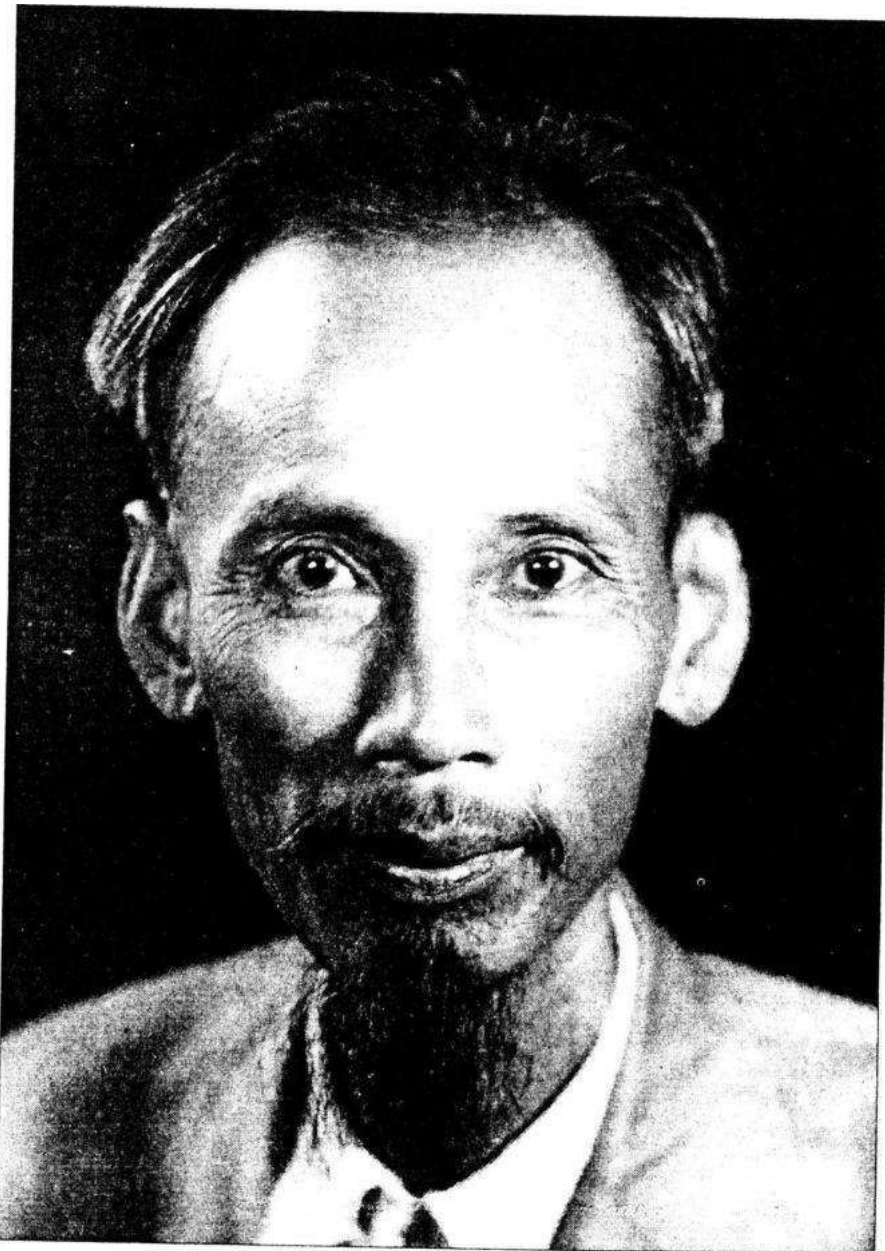
Sau bữa ăn sáng, Bác vào thư viện đọc sách báo. Bác để tâm ghi chép những vấn đề thời sự có liên quan đến thời cục lúc bấy giờ dùng làm tài liệu trao đổi ý kiến thảo luận với đám sĩ quan. Vì vậy, nội dung những buổi tiếp xúc của Bác bao giờ cũng hấp dẫn và phong phú.

Bác thường xuyên viết bài cho Nhật báo Liễu Châu. Số bài viết và đăng báo của Bác rất nhiều, tôi không nhớ hết. Hiện nay chỉ còn nhớ đầu đề một số bài viết của Bác như sau:



- "Làm thế nào để việc giúp đỡ của Trung Quốc đến tận tay nhân dân Việt Nam".
- "Nhân dân Libăng phải được độc lập, tự do".
- "Vấn đề chống Trục của các nước Đồng minh với vấn đề dân tộc tự quyết của các dân tộc nhỏ yếu".

Qua những bài báo của Bác, mọi người càng thêm chú ý đến Bác. Và hôm nào báo có đăng bài của Bác, nhà báo lại loan báo trước để thu hút bạn đọc. Mọi người đều bảo: "Nếu nói văn của Hồ tiên sinh khác nào nhả ngọc, phun châu, thật chẳng phải là nói quá. Thật vậy, sao lại có người Việt Nam viết văn Trung Quốc hay như vậy". Và họ đều thừa nhận văn của Bác viết mạch lạc, trong sáng, khúc triết, lập luận danh thép, khác hẳn lối văn khuôn sáo, cũ kỹ mà mọi người thường đọc lúc bấy giờ..."



Hồ Chí Minh năm 1945



Tại một cuộc họp trừ bị của *Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội*, theo ý kiến của Hồ Chí Minh, để đi đến thống nhất, Đại hội của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội sẽ được gọi là *Đại hội đại biểu các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở hải ngoại*. Tham gia Đại hội có đại biểu của *Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội*, *Việt Nam Quốc Dân đảng*, *Việt Nam Phục quốc quân*, *Đảng Đại Việt*,... đại biểu của Quốc Dân đảng Trung Hoa và chính quyền Tưởng Giới Thạch. Tại Đại hội, ngày 16-3-1944, Hồ Chí Minh đọc báo cáo: "*Về tình hình các đảng phái trong nước*" và chỉ rõ dù có nhiều đảng phái, nhưng đảng có ảnh hưởng nhất, tổ chức chặt chẽ nhất và nổi tiếng nhất là Đảng cộng sản. Người cũng báo cáo "*Về tổ chức và hoạt động của phân hội Việt Nam*" tại đại hội. Sau đó, Đại hội đã bầu lại Ban Chấp hành và Ban kiểm tra. Hồ Chí Minh được bầu làm Ủy viên của Ban chấp hành. Lợi dụng cương vị này, Người thảo kế hoạch đưa lực lượng thanh niên trong lớp huấn luyện đặc biệt ở Liễu Châu về nước phát triển lực lượng.

Do tranh thủ được sự đồng tình của Trương Phát Khuê (tướng Trương giúp trang bị vũ khí cho đội vũ trang 300 tay súng của ta ở Cao Bằng, 1000 khẩu súng ngắn cùng chất nổ, 4000 lựu đạn, 6 súng máy và 15.000 viên thuốc sốt rét. Ngoài ra tướng Trương còn cấp chứng minh cho Người, viết thư giới thiệu Người với các đảng phái chính trị khác, phát một súng ngắn cá nhân, tài liệu tuyên truyền và tiền đi đường), Ngày 9-8-1944, Hồ Chí Minh rời Liễu Châu và cuối tháng 9-1944, Người về đến Cao Bằng. Ngay sau khi về nước, nhận thấy các điều kiện cần thiết cho một cuộc khởi nghĩa chưa đến độ chín muồi, Người đã kịp thời hoãn chủ trương phát động chiến tranh du kích của liên tỉnh uỷ Cao - Bắc - Lạng. Theo Người, trước tình thế mới, cần phải tìm một hình thức thích hợp thì mới có thể đi tới thành công, vì vậy, quyết định kịp thời của Người không chỉ tránh tổn thất cho phong trào cách mạng của ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng, mà còn vạch ra một hướng đi phù hợp, đúng đắn của một phương pháp đấu tranh trong thời điểm then chốt của lịch sử dân tộc.

Tước tình hình thế giới, những điều kiện thuận lợi và khó khăn của cách mạng Việt Nam, tháng 10-1944, Hồ Chí Minh viết *Thư gửi đồng bào toàn quốc* và dự đoán thời cơ của cách mạng Việt Nam như sau: "Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!".

Tình thế cách mạng đang chín muồi, cuối tháng 10-1944, Hồ Chí Minh đến kiểm tra Đại đội tự vệ vũ trang chiến đấu Hồng Phong (tên bí mật của châu Hà Quảng) và Người quyết định thành lập *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* và giao đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách. Mục đích và nguyên tắc tổ chức đội được nêu rõ trong Bản Chỉ thị thành lập: "*Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng*



quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền", "Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam". Ngày 22-12-1944, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* được thành lập tại khu rừng Sam Cao (còn gọi là Trăn Hưng Đạo), thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, gồm 34 đội viên do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Việc thành lập *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* và các lực lượng vũ trang tại các địa phương, cùng khí thế quần chúng dâng cao đã làm cho các lực lượng phản động ngày càng hoang mang, lo sợ, tạo ra những thuận lợi mới cho cuộc Tổng khởi nghĩa sắp tới.



1945 - 1946

Bước sang năm 1945, tình hình thế giới càng có nhiều thay đổi quan trọng. Nhạy cảm trước những chiều hướng phức tạp, đan chéo nhau của các lực lượng chính trị quốc tế trong vấn đề Đông Dương, đặc biệt là ý đồ đặt Đông Dương dưới sự ủy trị quốc tế do Mỹ và Trung Hoa giữ vai trò chủ yếu (thông qua Tuyên bố của Hội nghị Cairo), tháng 2-1945, Hồ Chí Minh quyết định sang Côn Minh. Cùng đi với Hồ Chí Minh có trung úy Sao (Shaw), người được Việt Minh cứu, để trở về Bộ tư lệnh không quân Mỹ ở Côn Minh. Đến trụ sở Cơ quan không quân cứu trợ Mỹ (AGAS) tại Côn Minh, Hồ Chí Minh tranh thủ đọc sách báo, tài liệu của Cơ quan thông tin chiến tranh Mỹ (AOWI) nhằm thu thập thông tin về tình hình thế giới. Tại đây, ngày 29-3-1945, Hồ Chí Minh gặp tướng Sênôn (Claire L. Chenault). Tướng Sênôn cảm ơn Việt Minh đã cứu thoát Sao, còn Hồ Chí Minh thì cho rằng đó là bổn phận của những người chống phát xít, giúp đỡ quân Đồng minh. Trong cuộc gặp gỡ này, người Mỹ hứa sẽ giúp đỡ vũ khí, thuốc men, điện đài cho Việt Nam, và huấn luyện cho người của Việt Minh biết sử dụng các thứ đó. Ngay sau đó, từ Côn Minh, Hồ Chí Minh đi Bách Sắc, một thị trấn nhỏ nhưng quan trọng về chiến lược ở phía Tây Nam tỉnh Quảng Tây tìm gặp *Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội* (lúc này đã chuyển về đây vì Liễu Châu đã bị quân Nhật chiếm đóng từ 11-11-1944). Người được biết tổ chức này đã có nhiều thay đổi, Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ đã rời Đệ tứ chiến khu và Hội gần như đã ngừng hoạt động, song các nhóm Việt Minh vẫn hoạt động tích cực tại vùng biên giới. Người lựa chọn một số chiến sỹ của các nhóm Việt Minh hoạt động ở đây để cuối tháng 4-1945 cùng Người về nước. Với chuyến trở lại Côn Minh lần này, Hồ Chí Minh đã mang về một số thuốc men, cùng lời hứa của Tướng Sênôn, đồng thời giới thiệu hình ảnh, tâm ảnh hưởng, sự lớn mạnh và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của quân Đồng minh đối với cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc của nhân dân ta. Chuyến đi này có thể tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 1941, chiến tranh thế giới thứ II đã tiến triển theo hướng thắng lợi của phe Đồng Minh, nhưng chính trong phe này lại nảy sinh mâu thuẫn về tương lai của các thuộc địa sau khi thế chiến kết thúc. Một phái là đại diện là Thủ tướng Anh Churchill, vì quyền lợi của chính họ đã ủng hộ Pháp quay trở lại Đông Dương. Phái kia theo quan điểm của Tổng thống Mỹ Roosevelt, chủ trương cho một số nước tư bản bảo trợ để Đông Dương tự trị sau vài chục năm tới. Năm được



thông tin này, lãnh tụ Hồ Chí Minh quyết định gặp phía Mỹ để tranh thủ sự ủng hộ của họ đối với Việt Minh, qua đó có thể khẳng định vai trò của cách mạng Việt Nam trong phe Đồng minh chống phát xít và góp phần phân hoá sức mạnh của hàng ngũ đế quốc. Lúc đó ở Côn Minh, Mỹ có Bộ tư lệnh quân đoàn không quân 14 do tướng Chenault chỉ huy. Nhiệm vụ của lực lượng này là hỗ trợ bộ binh Trung Quốc đánh quân Nhật, trong các cuộc giao tranh, một số máy bay Mỹ đã bị lực lượng phòng không Nhật bắn hạ trên đất Việt Nam và quân du kích Việt Minh đã cứu giúp được 17 phi công Mỹ, mặc dù việc chăm sóc và bảo vệ cho những phi công này rất khó khăn vì điều kiện vật chất thiếu thốn và bọn Nhật thường xuyên lùng sục tìm kiếm.

Để nắm lấy thời cơ giải phóng dân tộc khi chiến tranh đến hồi kết, lãnh tụ Hồ Chí Minh dự định trực tiếp bắt liên lạc với các cơ quan quân sự Mỹ đang đóng ở Trung Quốc. Đầu năm 1945, với giấy phép đi lại do tướng Trương Phát Khuê cấp, Hồ Chí Minh trong bộ quân phục Quốc dân có Phùng Thế Tài đi cùng đã lên đường đi dọc theo lộ trình mà Người từng đi qua năm 1940 với ý định gặp lại các đồng chí từng hoạt động ở Vân Nam và tiếp xúc với cơ quan của Mỹ ở Côn Minh. Để tranh thủ tình cảm của họ đối với cách mạng Việt Nam, Người dẫn theo cả trung úy Shaw, viên phi công Mỹ này đã được ta cứu thoát sau khi chiếc B25 của anh ta bị bắn rơi trên đất Cao Bằng. Để hành trình nhanh và tiết kiệm kinh phí, trước khi đi Bác bảo mua 1kg thịt lợn, 1kg muối, 1kg ớt tất cả trộn đều, rang khô cho vào một ống bơ, trên đường đi cứ nghỉ ở đâu nấu ăn ở đó. Đồng chí Tài mua gạo, mượn nồi thổi cơm, một bó rau muống nửa luộc nửa nấu canh với một thìa thịt rang là thành nồi súp ngon. Riêng Shaw được ưu tiên ăn bánh mì với thịt luộc mua ở quán, nhưng anh chàng phi công này không chịu nổi đường trường, luôn cà nhắc nhắc nhớ rất khổ sở. Đến Tĩnh Tây, đồng chí Tài liên hệ với bản doanh của Trung tướng Trần Bảo Xương (quân Tướng Giới Thạch) nhờ gọi điện cho tướng Mỹ Chenault, nhân có đại biểu Việt Minh đến trao trả viên phi công và bàn việc hợp tác đánh Nhật, nhưng tay Trần này tráo trở, một mặt luôn miệng cảm ơn, mặt khác âm mưu bắt giữ Bác, vì thế khi biết tin, hai Bác cháu giả vờ ra cổng doanh trại mua thuốc lá rồi quay về ngay trong đêm ấy. Hơn một tuần sau, Bác lại khởi hành đi Côn Minh, lần này có thêm đồng chí Đinh Đại Toàn. Chuyến đi này rất quan trọng và dài ngày nên Bác dặn chuẩn bị rất cẩn thận. Trang phục quần áo, giấy thông hành đều là của Quốc dân cả, lương khô đạm mặn vẫn chế biến như lần trước, lịch trình trên đường cụ thể như sau: sáng sớm đồng chí Toàn thổi cơm, ăn cơm nóng canh nóng rồi nằm để dành đến trưa, trưa nghỉ ăn cơm nằm, tối tìm nhà trọ lại thổi cơm nóng. Đường rất xa (hơn 1000 km từ Pác Bó đến Côn Minh), nhiều dốc đèo (có dốc cao gần 3 km, buổi sáng sớm ở chân dốc bên này, buổi trưa mới lên tới đỉnh, xuống dốc bên kia trời vừa tối). Bác đi dép rơm phồng rộp cả chân, còn hai đồng chí rã rời rệu rạo. Thấy vậy, Bác bày cho cách buổi tối trước khi đi ngủ ngâm chân vào nước tiểu quả



nhiên sáng hôm sau dỡ hẳn mọi chân. Mất hai tuần đi bộ, Bác cháu tới ga tàu hoả, lên tàu về Côn Minh, nhưng ở trên tàu Bác bị sốt cao nên đến ga Nghi Lương anh em đưa Bác xuống tạm nhà anh Hoàng Quang Bình, cơ sở của ta mở hiệu cắt tóc. Một tuần liền được tiêm kỹ ninh trực tiếp nên cơn sốt lui dần, mọi người nhất trí đưa Bác đến Côn Minh điều trị tiếp.

Thế là vừa đi bộ vừa đi tàu hoả tới tháng Hai mới đến nơi, anh em bố trí Bác ở nhà anh chị Tống Minh Phương, cơ sở của ta mở tiệm cà phê tại phố Chin- Pi, Côn Minh. Mọi người dồn sức chữa thuốc và bồi dưỡng sức khỏe cho Bác nhưng Người ăn uống rất thanh đạm, chỉ lo làm việc. Gần 3 tháng ở Côn Minh, Bác rèn luyện và sinh hoạt rất đều đặn. Hàng ngày Bác dậy từ 5 giờ sáng chạy dọc đường mương tập thể dục. Đến 7 giờ, Bác xuống giúp kê dọn cửa hàng và phụ bán bánh mì lúc đông khách. Chiều 30 tết Ất Dậu, Bác đi thăm vài cơ sở hoạt động của ta. Đêm giao thừa, trong tiếng pháo nổ râm ran, pháo thăng thiên vút lên sáng rực cả bầu trời Côn Minh, Bác vẫn cặm cụi làm việc. Sáng mồng 1, Bác mời các gia đình Việt kiều tiêu biểu đến gặp mặt. Người nói: "Năm nay cách mạng Việt Nam có nhiều thuận lợi. Bây giờ ta phải đoàn kết, phải ủng hộ cách mạng, ủng hộ đoàn thể. Nhất định cách mạng Việt Nam sẽ giành thắng lợi". Sau đó, rất nhiều kiều bào ta đã quyên tiền, mua súng đạn gửi về chiến khu và không ít người tình nguyện về nước hăng hái tham gia kháng chiến.

Mấy hôm sau thì bắt liên lạc được với Đông minh và bắt đầu gặp gỡ bàn việc cụ thể. Phía Mỹ cảm ơn Người đã cứu Shaw, muốn gửi tặng tiền bạc và thuốc men để cảm tạ, nhưng Bác chỉ nhận thuốc mà không nhận tiền. Mỹ đã cử trung úy Charles Fenn, đại diện cơ quan cứu trợ không quân (AGAS) đến gặp Bác lần đầu vào chiều 17-3-1945 để bàn việc hợp tác giữa hai bên, rồi lần hai vào ngày 20-3 tại hiệu cà phê của anh chị Tống. Tiếp theo là những cuộc gặp với các sĩ quan Hall, Glass, Sibour thuộc cơ quan phục vụ chiến lược (OSS). Phía Mỹ nhận cung cấp các phương tiện thông tin liên lạc, người sử dụng và đồng thời huấn luyện cho ta. Phía ta đồng ý cung cấp địa bàn hoạt động cho Đông minh. Cũng do Fenn thu xếp nên ngày 23-3, Hồ Chí Minh hội kiến với tướng Chenault, Tư lệnh tập đoàn không quân Mỹ 14 tại tổng hành dinh. Mọi việc giao dịch được Bác giao cho đồng chí Phạm Việt Tử rất giỏi tiếng Anh phụ trách. Khi thuyết phục được Chenault về tình cảm trên danh nghĩa của những người ủng hộ phe Đông minh, Bác mới vào vấn đề chính: "Hiện nay phong trào du kích của chúng tôi rất phát triển nhưng vũ khí, thuốc men đều thiếu thốn. Chúng tôi đề nghị các ngài tạo điều kiện để hai nước chúng ta có đầy đủ điều kiện mau chóng đánh bại phát xít Nhật". Tướng Chenault hoàn toàn ủng hộ ý kiến của Bác và hứa sẵn sàng giúp đỡ. Kết thúc buổi gặp, ông ta đã tặng Hồ Chí Minh một tấm ảnh để chữ phía dưới: "Bạn chân thành của Ngài, Chenault", điều đó chứng tỏ Bác chủ động nắm vững mục đích của mình và thái độ cùng sự uyên bác của Người đã chinh phục được đối tượng. Cùng thời



gian này, Hồ Chí Minh tham dự đại hội các đoàn thể hải ngoại của Đông minh Hội họp từ 25 đến 28-3. Thực chất đây là đại hội cải tổ theo sự chỉ đạo của Trương Phát Khuê, đưa thêm 2 thành viên của Đảng Cộng sản Đông Dương là Hồ Chí Minh và Lê Tùng Sơn vào Ban chấp hành Hội. Vấn đề này, như nhà sử học K. Chen nhận xét, rất thú vị vì: "Với uy tín và ảnh hưởng của mình, Đảng Cộng sản Đông Dương chẳng bao lâu sẽ biến tổ chức của kẻ thù thành tổ chức của mình, điều mà Hồ Chí Minh đã đặt kế hoạch để thực hiện". Ngày 29-3, tướng Chenault sai Fenn đi ô tô đến nhà anh Tống đưa Bác đi họp, thực ra phía Mỹ đề nghị Bác làm việc cho họ, nhưng Người trả lời: "Chúng tôi không phải người đi làm thuê. Chúng tôi là người cách mạng. Chúng tôi đánh Nhật, Đông Minh cũng đánh Nhật. Chúng tôi giúp Đông Minh thì Đông Minh phải giúp chúng tôi. Chúng ta bình đẳng với nhau. Còn nhiệm vụ cách mạng, chúng tôi cứ làm...". Tiếp đó tướng Chenault mở tiệc chiêu đãi Bác và phái đoàn ta tại khách sạn. Quan khách được mời dự tiệc khá đông, toàn những nhân vật cỡ bự: tướng Lư Hán, Tư lệnh quân Tưởng ở Vân Nam, tướng Trương Phát Khuê, Tư lệnh đệ tứ chiến khu, Long Vân tỉnh trưởng Vân Nam... Hồ Chí Minh nói chuyện với các tướng Mỹ bằng tiếng Anh, với các tướng Tưởng bằng tiếng Trung Quốc phổ thông và khi nâng cốc chúc sức khoẻ, Bác nhắc khéo Trương Phát Khuê: "Rất tiếc là không gặp được tướng quân khi đến Côn Minh. Tôi có nhờ Trần Bảo Xương điện cho tướng quân biết trước để xin vài lời chỉ giáo, nhưng không hiểu sao ông ta lại không báo cáo gì với tướng quân?!". Sau bữa chiêu đãi của phía Mỹ mấy hôm, Bác bàn bạc với tất cả anh chị em: "Chúng ta đang hoang là phái đoàn của Việt Nam độc lập Đông minh sang đàm phán với Mỹ để hợp tác đánh Nhật. Sau khi hội đàm thắng lợi, họ đã chiêu đãi ta, ta cũng nên chiêu đãi họ: tuy ta không có nhiều tiền nhưng ta tổ cái tâm là chủ yếu". Thế là bữa chiêu đãi của đoàn ta được tổ chức ngay tại gác hai quán cà phê của anh chị Tống Minh Phương. Không nhiều món sang trọng đắt tiền, chỉ là những món ăn phương Đông do chị Tống tự tay chế biến, nhưng cả 6 khách mời và 6 người bên ta đều tấm tắc khen ngon. Không khí buổi tiệc hết sức thân tình, sau mỗi câu nói dí dỏm của Bác, các tướng Mỹ đều cười rất sảng khoái.

Sáng hôm sau, phái đoàn ta lên đường về nước. Tướng Chenault cho xe đến tận nhà đưa Bác ra sân bay, cùng đi còn có hai bạn đồng minh F.Tan (người Mỹ gốc Hoa) và Maxim (phụ trách điện đài). 9 giờ sáng máy bay hạ cánh xuống sân bay Bách Xắc, Bác gặp Trương Phát Khuê cùng đồng chí Hoàng Quốc Việt dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Minh đang bàn kế hoạch chống Nhật ở đó. Bác cũng đề đạt nguyện vọng xin cho một số học viên vừa tốt nghiệp trường quân sự về nước để tăng cường lực lượng kháng chiến, tướng Trương cũng hoàn toàn nhất trí. Ngày 14-4, Người tham gia Ủy ban hành động của Việt Nam cách mạng Đông minh Hội do tướng Tiêu Văn, Trưởng phòng ngoại vụ của đệ tứ chiến khu chỉ định thành lập. Chiều ngày 16-4, Ủy ban họp lại, thành phần đoàn bên ta gồm: Ông Hồ Chí Minh,



Hoàng Quốc Việt, Đặng Việt Châu, Dương Đức Hiền, Trịnh Khiêm, Nguyễn Thanh Đồng, Lê Tùng Sơn, hai bố con cụ Đinh Chương Dương, Đinh Trọng Cung và sĩ quan bảo vệ Lưu Minh Đức. Phía Phục quốc quân có: Bồ Xuân Luật, Vũ Kim Thành. Đồng minh Hội có: Nguyễn Tường Tam, Hoàng Kỳ Nam. Đảng Đại Việt có Văn Chí và đại diện phía Trung Quốc là tướng Tiêu Văn. Nội dung bàn bạc khá căng, Bồ Xuân Luật nói to chỉ trích Bác: "Ông uỷ viên Hồ Chí Minh làm nhiều việc vô nguyên tắc như: lôi kéo thanh niên về nước không báo cáo Hội; lấy tiền của Hội chuẩn bị về nước; đưa chủ lực qua biên giới nấp cũng không báo cáo Hội?". Bác đứng dậy điếm tĩnh trả lời: "Ông Bồ uỷ viên bố ba bữa đều trượt. Bữa thứ nhất bảo tôi lôi kéo thanh niên về nước nhưng thanh niên yêu nước xin về chứ có phải trẻ con đâu mà lôi kéo được? Bữa thứ hai bảo tôi lấy tiền của Hội nhưng không phải, tôi chỉ vay trước thôi, bởi đã có ngân khoản tướng Trương Phát Khuê biểu, tôi đợi tướng Tiêu Văn ký, tôi sẽ lĩnh tiền trả Hội. Bữa thứ ba là về nấp ở biên giới không báo cáo, vậy đề nghị ông Bồ uỷ viên gợi ý dàn bài cho tôi viết báo cáo nộp Hội?". Hôm 17-4 kết thúc cuộc họp, Người cùng 20 thiếu sinh quân, hai người bạn đồng minh và anh em khiêng giúp 2 máy phát điện, diện dài, đồ quân dụng đi Điện Đông, Tĩnh Tây. Tại đây Bác gặp lại Patti, ông này rất có cảm tình với Người, sau này ông ta viết trong hồi ký: "Đây là một con người thông minh, thấu hiểu những vấn đề của đất nước mình, biết đùa và tinh tế. Tôi biết mục tiêu cuối cùng của ông là giành được sự ủng hộ của Mỹ đối với sự nghiệp của nước Việt Nam tự do...". Sau đó, Bác và đoàn cán bộ 12 người trang bị kính kính súng, đạn kèm theo giấy, mực in và lương khô... tiếp tục đi theo đường Bình Mãng, Cột Mả mất một tuần, nửa đêm ngày 22-4 mới về đến biên giới nước ta.

Ba tháng sau, thiếu tá Tomat cùng biệt đội Con Nai của Mỹ nhảy dù xuống Kim Lung, trong thời gian này Mỹ cũng đã thả dù tiếp viện xuống Việt Bắc và đưa từ Nam Ninh sang một số vũ khí nhẹ, thuốc men cho Việt Minh. Phía ta cũng cung cấp cho họ những tài liệu rất quan trọng về tình hình quân Nhật, giúp tìm những người Mỹ đang lạc trong rừng Tuyên Quang, Patti đã nhận xét: "Hồ Chí Minh đã giữ lời hứa". Khởi đầu sự hợp tác Việt - Mỹ có kết quả như vậy, nhưng bản chất của một nước tư bản đế quốc không dễ thay đổi, nên không thể tiến tới một quan hệ tốt đẹp hơn. Mãi cho đến lúc chết, ngày 12-4-1945, Tổng thống Roosevelt vẫn không có được một quyết định dứt khoát cho Đông Dương và do vậy việc công nhận Việt Minh cũng chưa thành văn bản.

Đồng chí Trần Việt Hoa, cơ sở của ta ở Côn Minh cũng kể lại: "... Khoảng cuối năm 1944 âm lịch, Bác Hồ và các anh đi bộ từ trong nước sang. Đến Côn Minh vừa đúng một tháng. Khi đi Bác mang theo một ống bương dài trong đựng một kilôgam muối, một kilôgam mỡ và một kilôgam ớt. Tất cả cho vào một cái cống đi đường. Cùng đi với Bác có anh Minh (người dân tộc thiểu số) và anh Phùng Thế Tài. Cứ sau một ngày đi đường, nghỉ ở đâu thì nấu cơm ăn ở đó. Gần đến Côn Minh, Bác bị



sốt rét phải ở lại hai ngày. Anh Phùng Thế Tài đến trước báo cho chúng tôi. Anh Phạm Việt Tử và anh Tống Minh Phương (chồng tôi) mừng lắm, các anh nói với tôi là nhà ta sắp có khách. Buổi sáng một ngày tháng 10, có một Ông Cụ mặc quần áo và đôi mũ của lính Tàu Tưởng, đi đôi dép rách, ngoài khoác cái chăn sợi cũ rách, cứ thế đi thẳng vào trong nhà tôi. Cầu thang đi lên gác phải qua bếp, Ông Cụ nhìn tôi, làm tôi giật mình, lúc đầu tôi hơi sợ vì thấy Ông Cụ có đôi mắt rất sáng. Ông Cụ lên gác, tôi thấy anh Việt Tử, anh Phương, cụ Lê và cả nhà nhộn nhịp hẳn lên. Tôi lên gác, Cụ nhìn tôi và hỏi: Phương đấy à. Lúc đó nhìn Cụ gầy gò tôi thấy thương Cụ quá. Sau đó Cụ lên cơn sốt, đến bây giờ nghĩ lại tôi vẫn thấy sợ. Anh Phạm Việt Tử đi mua thuốc ký ninh về tiêm ven cho Cụ, như vậy có chết người không? Tôi tiêm cho Cụ hai ngày, tiêm được hai ống thì dứt cơn sốt. Chúng tôi cho cụ uống thuốc bổ, nhưng Cụ không chịu uống mà nói: ở trong nước thuốc bệnh cũng không có, có thuốc là tốt lắm rồi. Chúng tôi phải nói dối Cụ là thuốc của nhà thừa lại (lúc bấy giờ chưa gọi Bác), nếu Cụ không uống thì phí đi. Lúc đó Ông Cụ sợ lãng phí và sợ lộ bí mật. Vì thế thuốc mua về bỏ vỏ ra, đưa cho Cụ uống, uống được mấy hôm thì Cụ phát hiện ra là tôi nói dối. Trong thời gian này, sáng nào chúng tôi cũng chuẩn bị cho Cụ một cốc cà phê sữa, nhưng phải nói khéo lắm Cụ mới uống. Ăn uống hàng ngày, Ông Cụ ít dùng đến thịt, cá. Lúc bấy giờ Cụ đã khỏe, mỗi bữa ăn được ba bát. Sau một thời gian ngắn Cụ xuống bán hàng, mỗi ngày khoảng hai tiếng đồng hồ. Chúng tôi báo với Cụ: Nếu cứ thế này thì lộ bí mật mất, nhưng Ông Cụ bảo: Có như thế này mới giữ được bí mật. Ông Cụ biết nhiều thứ tiếng, cửa hàng của tôi Tây vào nhiều. Lúc bấy giờ các cửa hàng ở Tàu chưa treo biển tiếng Pháp, chỉ sính tiếng Anh thôi, do đó biển treo toàn viết bằng tiếng Anh. Ông Cụ bảo: Bây giờ nhà mình viết biển bằng tiếng Pháp đi, vì đất này ít lâu nữa Pháp sẽ sang rất đông, mà cả cái tỉnh này, không có cửa hiệu nào treo biển bằng tiếng Pháp, chỉ nhà mình treo thì bọn chúng sẽ vào nhiều. Chúng tôi thấy Ông Cụ nói có lý nên làm ngay. Ông Cụ nói hôm trước thì hôm sau kẻ lại biển và quả nhiên sau khi Ông Cụ về, với cái biển cà phê Việt Nam bằng chữ Pháp, bọn Pháp sang đây và tập trung vào nhà chúng tôi rất đông. Chúng nó vào nhà uống, không có tiền thì có cái gì đưa cái đó, nào là súng, đạn, thuốc để uống rượu và uống cà phê. Ông Cụ biết bảo trước chứ lúc bấy giờ không biết Nhật sẽ đảo chính Pháp.

Ở được mấy hôm thì bắt liên lạc được với Đồng minh, với Mỹ. Hôm đó người đứng đầu phái bộ Mỹ ở Côn Minh mời Bác đến gặp. Bác mang bộ quần áo ra. Đó là bộ quần áo vải xanh công nhân của Tàu, may kiểu cổ đứng học sinh của Tàu đã bị sờn tay và một đôi giày cũ thủng thò cả hai ngón chân cái. Chúng tôi đề nghị may lại quần áo và giày dép, nhưng Bác nhất định không cho. Bác nói: Đây là bộ quần áo sang nhất ở Việt Bắc, sang nhất chiến khu. Còn cái mũ thì khâu bằng vải theo kiểu bê rê. Bác nhất định không cho thay đổi cái gì cả. Về sau tôi mua một đôi giày, lên thưa với Bác, chiều tôi Bác nhận và nói: Thế này là Bác chiều cô lắm đấy nhé.



Đi dẫu, tiếp tư lệnh Mỹ cũng chỉ bộ quần áo ấy, mũ ấy và đôi giày chúng tôi mua thêm đó thôi.

Khi đó tôi không được đi theo Bác mà chỉ có các anh Tống Minh Phương và Phạm Việt Tử. Một lần nghe các anh nói, khi gặp tư lệnh, Bác sơ ý làm rơi cái mũ xuống đất, nó vội vàng nhặt lên, lau hết đất rồi mới đưa cho Bác. Điều đó chứng tỏ là chúng rất kính trọng Bác.

Bác ở Côn Minh mấy tháng, tôi nhớ là ăn Tết lâu lắm rồi mới về...."

Trong thời gian Hồ Chí Minh đi Trung Quốc, ở trong nước, ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Cuộc chính biến Nhật - Pháp đã làm cho tình hình chính trị Đông Dương khủng hoảng sâu sắc, tạo điều kiện khách quan để Đảng ta phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi điều kiện cho phép. Ngày 15-3-1945, Tổng bộ Việt Minh phát *Hịch kháng Nhật cứu nước*, ngày 12-4-1945, Mặt trận Việt Minh ra Lời kêu gọi: *Mấy lời tâm huyết ngỏ cùng các vị quan chức ái quốc Việt Nam và mấy lời tâm huyết ngỏ cùng các vị huynh thứ ái quốc*, nhằm tranh thủ một bộ phận yêu nước, lôi kéo các tầng lớp trung gian ngả về phía cách mạng, thúc đẩy nhanh quá trình phân hoá trong hàng ngũ quan lại ngụy quyền. Tiếp đó, ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức các *Ủy ban dân tộc giải phóng*, coi đó là "hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng". Để có thể kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng trong cả nước, đầu tháng 5-1945, Hồ Chí Minh quyết định chuyển đại bản doanh từ Cao Bằng về Tuyên Quang, nơi phong trào cách mạng phát triển, giao thông giữa miền xuôi và miền ngược đều thuận tiện. Ngày 6-8-1945, được tin Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hirôshima, Hồ Chí Minh viết nhiều thư hoả tốc, thúc giục các đại biểu về nhanh Tân Trào dự Hội nghị toàn quốc của Đảng. Nhận thức sâu sắc được tầm quan trọng của thời cơ cách mạng, của cơ hội ngàn năm có một, ngày 10-8-1945, trong khi bàn với một số đồng chí về công tác chuẩn bị tổ chức Hội nghị, Hồ Chí Minh nói: *"Nên họp ngay và cũng không nên kéo dài Hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút, tình hình chuyển biến nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội"*. Chuyển về Tân Trào của Người được diễn biến như sau:

Ngày 15-3-1945, Tổng bộ Việt Minh phát Hịch kháng Nhật cứu nước, kêu gọi tập trung tổng lực cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền và ngày 16-4-1945, ra chỉ thị về Việc tổ chức các Ủy ban dân tộc giải phóng, coi đó là hình thức tiền Chính phủ tiến lên nắm giữ chính quyền cách mạng. Để thuận tiện cho việc chỉ đạo phong trào cách mạng trong cả nước, sau khi gửi cho thiếu tá tình báo Mỹ Patti một bức thư và hai tài liệu đề nghị chuyển cho phái đoàn Mỹ ở hội nghị Liên Hợp Quốc kêu gọi ủng hộ nền độc lập của Việt Nam, ngày 4-5-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh bắt đầu cuộc hành trình từ Pắc Bó về Tân Trào. Đúng 8 giờ sáng tại



Khuổi Nậm, Người tập hợp tiểu đội du kích và hai sỹ quan Đồng minh Mỹ sang giúp ta về kỹ thuật vô tuyến điện, nói rõ ý nghĩa quan trọng của chuyến đi rồi trực tiếp phân công từng người, dặn dò cách giữ bí mật và cố gắng tránh đụng độ với địch để bảo toàn lực lượng. Người quy ước hiệu lệnh trên đường đi: "Nghe ba tiếng còi ngắn là có địch, tất cả phân tán nằm xuống; hai tiếng còi dài là báo yên, tập hợp lại". Người cũng dịch lại bằng tiếng Anh cho hai người Mỹ hiểu. Khoảng 9 giờ đoàn lên đường. Hồ Chí Minh mặc bộ quần áo Nùng, tay chống gậy song, đội nón chóp quai thao, khăn che gán kín mặt và đeo chiếc túi dết nhỏ có hai nút buộc dây. Buổi trưa, Người đến bản Thua Phia và nghỉ ăn cơm tại nhà đồng chí Nông Hiền Hữu- Chủ nhiệm Việt Minh châu Hà Quảng. Chiều tối, Người đến Đào Ngạn và nghỉ chân ở nhà đồng chí Nông Văn Giáo xóm Bản Nuta. Sáng ngày 5-5, Hồ Chí Minh và đoàn công tác lên đường đi Lam Sơn. Từ ngày 6 đến 8-5, Hồ Chí Minh làm việc ở Lam Sơn, Người họp với các cán bộ Trung ương như Hoàng Quốc Việt, Đặng Việt Châu, Vũ Anh, Phạm Văn Đồng, Đặng Văn Cáp cùng các cán bộ của Liên tỉnh uỷ Cao-Bắc-Lạng để bàn một số công việc chuẩn bị khởi nghĩa. Ngày 9-5, Người viết thư cho Phenn và Benard để cảm ơn họ đã giúp đỡ huấn luyện một số thanh niên Việt Nam sử dụng vô tuyến điện và những trang thiết bị khác cho cuộc đấu tranh chung chống Nhật và bắt đầu rời Lam Sơn đi Hào Lịch. Tiểu đội cận vệ đặc biệt do đồng chí Đặng Văn Cáp phụ trách đi theo bảo vệ Người. Buổi trưa, Người đến Bình Dương và ăn trưa ở Thìn Tăng. Buổi chiều, đoàn cán bộ tiếp tục hành trình đến bản Khuổi Lầy. Ngày 10-5, Hồ Chí Minh cùng đoàn cán bộ hành trình tới Ngăn Sơn. Người yêu cầu đồng chí Đặng Văn Cáp quay lại Lam Sơn dựng một nhà chứa súng, tiếp tục công việc chế tạo và sửa chữa vũ khí để chuẩn bị Tổng khởi nghĩa (đó là địa điểm mà sau này năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp tổng kết chiến dịch Biên Giới). Ngày 11-5, buổi sáng trời mưa to, buổi chiều đoàn cán bộ đến bản Hoàng Phài. Người nghỉ chân ở một gia đình cơ sở rồi sang thăm một lớp bình dân đang học gần đó. Sau bữa cơm tối, Người dự buổi gặp gỡ thân mật với các cán bộ và quần chúng địa phương và nói chuyện về tình hình cách mạng trong nước, trên thế giới. Ngày 12-5, Hồ Chí Minh và những đồng chí cùng đi tiếp tục hành trình đến Khuổi Mản và nghỉ đêm ở nhà đồng chí Đàm Ngọc Hải. Ngày 13-5, Đoàn cán bộ tiếp tục lên đường, Hồ Chí Minh vui vẻ kể chuyện cho mọi người quên mệt và chỉ cách cho các cán bộ trẻ cách chữa chân đau vì đi bộ nhiều, gần tối đến Chợ Rã. Sáng 14-5, Hồ Chí Minh lại lên đường, nghỉ ăn cơm trưa ở Pò Cốt, chập tối thì đến Bản Chán. Ngày 15-5, Hồ Chí Minh gửi Bản sách đen và tập ảnh chụp người dân Việt Nam trong nạn đói Bắc kỳ cho Patti và yêu cầu ông ta chuyển cho Đại sứ quán Mỹ ở Trùng Khánh để chuyển về Bộ ngoại giao Mỹ. Người cũng yêu cầu trung úy báo vụ Jhon của cơ quan OSS điện về Côn Minh đề nghị thả tù cho Người một quyển Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ. Đoàn công tác tiếp tục hành trình, chiều tối đến Bản Cải và nghỉ đêm ở đây. Ngày 16-5, đoàn



đi qua khỏi Chợ Đồn thì nghe có tiếng súng Nhật ở châu lỵ nên rẽ vào rừng Khuổi Luông để nghe ngóng. Sau đó, Hồ Chí Minh cùng một số cán bộ đi vòng đường rừng ra khe Nậm Cằng và nghỉ ăn cơm chiều tại nhà ông Lý Quý ở bản Duồng. Ngày 17-5, Người tiếp tục cuộc hành trình và buổi chiều về tới Nà Kiến, xã Nghĩa Tá, huyện Chợ Đồn thì gặp đồng chí Võ Nguyên Giáp lên đón. Ngày 20-5, anh tự Hồ Chí Minh cùng đoàn công tác đến địa phận tỉnh Tuyên Quang và nghỉ ăn trưa tại Pá Hốp, sau đó đi qua bản Pài, bản Pình rồi nghỉ tối ở bản Coóc.

Ngày 21-5, Hồ Chí Minh và đoàn cán bộ đi qua làng Chạp, làng Nha, làng Đồn rồi vượt qua đèo Chấn đến Hồng Thái, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Người nghỉ chân ở đình Hồng Thái, sau đó vượt qua sông Đáy đi Tân Trào vào buổi trưa. Khoảng 16h, người dân ở Tân Trào nhìn thấy có một ông cụ mặc quần áo đen tộc cổ cao, hàng cúc giữa bằng vải nhuộm màu chàm đã bạc, tuy gãy yếu và mái tóc bạc quá nửa mà cặp mắt rất sáng, nghiêm nghị, vầng trán cao, giọng nói rõ ràng, ấm áp. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đưa Người cùng Đinh Đại Toàn, Tân, Maxim đến nhà ông Nguyễn Tiến Sự thôn Tân Lập, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 25-5, Hồ Chí Minh và ông Sự lên rừng tìm địa điểm làm nơi ở mới. Người mang theo la bàn và tổ vô tuyến điện. Đến lưng chừng đồi Nà Lừa, Người chọn làm nơi dựng lán. Cuối tháng 5, Người chuyển từ nhà ông Sự lên một chiếc lán nhỏ làm theo kiểu nửa nhà sàn giữa một khu rừng nửa lưng chừng đồi Nà Lừa. Dưới chân đồi là con đường mòn đi chợ Chu bên con suối quanh co uốn khúc. Chiếc lán nhỏ chia làm hai gian: một bên là buồng nằm của Bác, còn bên kia bày chiếc bàn nửa vữa để làm việc và tiếp khách. Bác làm việc suốt ngày: đọc sách, soạn tài liệu, viết báo, dạy chính trị... ngoài ra Người còn hướng dẫn anh em tỳ mỷ về cuộc sống tập thể như cách sắp xếp đồ đạc, giữ gìn súng đạn, làm mẫu các động tác tập thể dục và cả cách vá quần áo và chọn rau rừng ngon. Đêm khuya nhiều lúc đang ngủ cũng bật dậy làm việc, Bác giải thích: "Đang nghĩ được một vấn đề, phải dậy ghi lại cho khỏi quên". Rất nhiều nhân dân và cán bộ các dân tộc đến thăm đồng chí Già, Bác tiếp đón rất ân cần cởi mở, nên dù là người Nùng, Tày, Mán khi gặp được Bác rồi đều rất kính phục và tin tưởng. Tiếng đồn bay đi khắp nơi: Có ông Cụ đã cao tuổi mà nhanh nhẹn, tài giỏi, tốt đến thế. Dân mình lắm người tài, phen này nhất định lấy lại được nước. Tình hình biến đổi rất nhanh chóng, cuối tháng 5, Hồ Chí Minh chỉ thị khẩn trương mở trường đào tạo cán bộ (trường Quân chính kháng Nhật) tại Khuổi Kịch (đông bắc Tân Trào) do đồng chí Hoàng Văn Thái làm Hiệu trưởng kiêm chính trị viên. Sau khi phái một liên lạc viên trao tận tay Patti ở Côn Minh một thông báo về việc quân Nhật xây dựng công sự ở vùng Cao Bằng, dọc tuyến đường về Hà Nội, Người đến Trường quân chính kháng Nhật, thăm hỏi tình hình sinh hoạt, học tập của học viên và tình hình làm ăn của đồng bào..."



Đồng chí Lương Thị Khanh, nguyên cán bộ phụ nữ Cứu quốc xã kể lại trong hồi ký *Bác Hồ ở Tân Trào*:

"Cơm nước đã sẵn sàng. Tôi đã dọn mâm lên, mời mọi người. Ông Cự già cùng ngồi mâm với đồng chí Văn và mấy đồng chí khác nữa. Nghĩ đến người già có tuổi, đi đường xa, tôi lấy mấy quả trứng gà đặt vào mâm và mời Cự. Cự liền từ chối: "Gà đẻ ấp lấy con, sao lại đem mời chúng tôi". Thấy tôi mời mãi, Cự đành phải nhận và mời mọi người cùng ăn. Bữa cơm đơn giản đã xong. Mọi người ngồi quây quần uống nước, hỏi thăm chuyện gia đình và công tác của tôi. Đồng chí Văn giới thiệu cho tôi biết người ngồi cạnh Ông Cự già là đồng chí Đại Toàn: "Việc cần liên hệ với các đồng chí ở đây thì cứ trao đổi với Đại Toàn". Còn Ông Cự già có vầng trán cao rộng, đôi mắt tinh nhanh, giọng nói ấm áp và rất đỗi hiền từ là ai, tôi không được biết. Song Ông Cự là người có tuổi, mà vẫn tham gia cách mạng nên tôi rất tôn kính. Đối với các đồng chí khác, sự tôn kính còn được thể hiện trong mối quan hệ công tác.

Ông Cự cùng đồng chí Đại Toàn và hai đồng chí nữa ở nhà tôi. Cự mang theo một cái máy chữ, hành lý của Cự rất đơn giản. Các đồng chí khác có cả diện dài. Gia đình tôi dành cho Ông Cự và các đồng chí một gian để làm việc và nghỉ ngơi.

Thời gian ở nhà tôi, Ông Cự và các đồng chí đều ăn cơm chung với gia đình. Lúc đầu tôi sắp cơm một mâm riêng cho Ông Cự và các đồng chí. Nhưng Cự nhất định không chịu, và mời cả gia đình tôi ngồi chung. Ông Cự ăn được ít cơm lắm, mỗi bữa chỉ ăn được non hai lưng bát thôi. Ăn được ít, nhưng làm nhiều, tôi rất lo cho sức khoẻ của Cự. Ở nông thôn đạo ấy, rau xanh rất hiếm. Thấy tôi băn khoăn, hiểu ý, Ông Cự liền hỏi: "Nhà ta có vừng không? có chè xanh không?" Tôi trả lời: "Vừng cũng có, còn chè xanh thì nhiều lắm". Rồi Cự nói: "Thế thì không lo. Ta dùng măng chám muối vừng, dùng chè xanh nấu canh lấy nước chan cơm thế là ngon rồi". Ông Cự còn vận động gia đình tôi trồng rau muống. Cự nói với nhà tôi (khi ấy là Chủ nhiệm Ban Việt Minh xã Tân Trào): "Chủ nhiệm phải vận động bà con dù chạy giặc, nhưng cũng phải khẩn trương làm mùa, không thì chết đói, cần trồng nhiều rau muống để ăn và nuôi bộ đội nữa. Sắp tới bộ đội sẽ còn về đông hơn".

Ở nhà tôi, Ông Cự làm việc liên tục, rất ít khi nghỉ ngơi, thường thường cứ 4 giờ sáng là Ông Cự dậy và đánh thức mọi người dậy tập thể dục. Ông Cự rất năng tập thể dục buổi sáng. Tập xong, Ông Cự vào nhà lấy khăn ra khe suối rửa mặt, sau đó về nhà ngồi vào chỗ làm việc. Tôi thấy lúc thì cạy đục, khi thì viết, khi thì đánh máy, lúc thì hội ý v.v., không phút nghỉ ngơi. Thấy vậy, tôi muốn đỡ việc giặt giũ cho Cự. Tôi thưa chuyện đó với Đại Toàn. Nhưng Ông Cự từ chối, vì Cự không muốn làm phiền nhân dân. Hôm sau, tôi lại nói, lần này, Cự không nữa từ chối. Tôi đem áo của Cự đi giặt, phơi khô, rồi khâu vá lại những chỗ bị rách và đứt chỉ. Làm việc suốt từ sáng đến trưa, cơm nước xong, không nghỉ, Ông Cự lại đi. Có lúc thì Cự đi dạo



quanh làng một tí. Nhiều khi lại vào các gia đình để xem việc ăn uống và nghỉ ngơi của bộ đội. Khi quay về, Cự lại tiếp tục ngồi vào chỗ làm việc cho đến lúc gia đình dọn cơm chiều. Trong ngày cũng có lúc Ông Cự đi xem việc luyện tập của bộ đội. Có lần bộ đội đi lấy củi, có một số ít đồng chí không đi, Ông Cự liền hỏi: Sao các đồng chí này không đi lấy củi? Có đồng chí trả lời: "Thưa Cự chúng cháu không có dao". Ông Cự liền nói: "Không có dao thì lên rừng dùng tay kéo, bẻ, rút lấy, ngày nắng phải đi lấy củi, lúc mưa mới có củi đun".

Tối đến Ông Cự làm việc cho tới khuya mới chịu đi nghỉ.

Tuy bận nhiều việc, nhưng Ông Cự vẫn dành thì giờ để nói chuyện với gia đình và bà con trong bản. Cự thường gọi lên cảnh khổ của nhân dân ta dưới ách Nhật, Tây. Và Người nêu lên, muốn thoát khỏi vòng nô lệ của Nhật, Tây thì chỉ có cách là đứng lên đánh đuổi bọn chúng, để giành lấy độc lập, tự do.

Đôi khi đi thăm các gia đình trong bản và anh em bộ đội, Người giảng giải cho các cán bộ Hội Cứu quốc hiểu rằng: "Ta bây giờ làm cách mạng, thay cũ đổi mới, sẽ không có vua quan nữa, nhân dân ta tự làm chủ xã hội ta. Muốn vậy, chúng ta phải đoàn kết, cùng một lòng đuổi giặc Nhật. Ví như nhiều chiếc dũa nếu đem bó lại thì khó có thể bẻ gãy đấy, nhưng rời từng chiếc một thì rất dễ bẻ".

Đến giữa tháng 8-1945, cao trào kháng Nhật cứu nước, khởi nghĩa từng phần đã cuộn cuộn dâng lên từ Bắc đến Nam Á. Trong khi đó, quân Đồng minh đã đánh bại quân đội phát xít Nhật. Ngày 14-8-1945, vua Nhật tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, tê liệt, còn thực dân Pháp thì ráo riết quay trở lại xâm lược Đông Dương. Thời cơ tổng khởi nghĩa chín muồi, đã đến lúc nhân dân ta vùng dậy giành lại quyền độc lập của mình. Trước cơ hội có một không hai ấy, tại Tân Trào, thủ đô lâm thời của nước Việt Nam mới, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến 15-8-1945, quyết định Đảng phải "kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội", "thống nhất tổ chức... thống nhất chính trị... phát triển và củng cố Đảng", "thi hành 10 chính sách Việt Minh", phát động và lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh kéo vào tước vũ khí quân đội Nhật. Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc và 23 giờ ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 khẳng định: "Giờ tổng khởi nghĩa đã đến! Cơ hội có một không hai cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!". Vì vậy "Chúng ta phải hành động cho nhanh, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!". Hồ Chí Minh đề nghị Hội nghị sớm bế mạc để các đại biểu nhanh chóng trở về các địa phương, kịp thời mang mệnh lệnh khởi nghĩa phát động, lãnh đạo quần chúng tổ chức vùng lên giành chính quyền. Tiếp theo Hội nghị toàn quốc của Đảng, chiều ngày 16 và 17-8-1945, Quốc dân Đại hội đại biểu đã họp tại Tân Trào dưới sự chủ tọa của Hồ



Chí Minh. Hơn 60 đại biểu tham dự Đại hội, đại diện cho ba miền Bắc, Trung, Nam và kiều bào ta ở nước ngoài, đại biểu của các đảng phái chính trị, các đoàn thể nhân dân, các dân tộc, tôn giáo. Quốc dân Đại hội thực sự là hình ảnh của khối toàn dân đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh

Thắng lợi một cách khá ôn hoà của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, việc Bảo Đại thoái vị để làm một người dân của một nước độc lập đã chứng tỏ ngọn cờ dân tộc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh giương cao, chủ trương đoàn kết mọi lực lượng của dân tộc trong đấu tranh giành chính quyền ở Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn.

Ngày 23-8-1945, Hồ Chí Minh về đến làng Gạ (Phú Gia, Từ Liêm, Hà Nội), để cùng Trung ương Đảng giải quyết những vấn đề quan trọng liên quan đến vận mệnh của nước nhà. Đồng chí Hoàng Tùng kể lại trong hồi ký *Đón Bác từ làng Gạ*: "Chiều ngày 23 - 8, tôi trở về chỗ ở, tức là khu an toàn, gặp khoảng hơn mười người đang ăn cơm ở đình làng Phú Xá. Tôi thấy một cụ già có râu, ngồi cạnh anh Trần Đăng Ninh. Bữa ăn của đoàn cán bộ hôm ấy chỉ có cơm gạo hầm và canh mướp nấu suông. Mọi người ngồi trên chiếc phản ở đình làng Phú Xá. Anh Trần Đăng Ninh trước có ở tù với tôi, tuy đã được bầu vào Trung ương ở Pác Bó, nhưng chửa làm được ngày nào đã bị bắt, sau vượt ngục trốn về. Tại Tân Trào anh lại được bầu vào Trung ương. Tôi nghĩ ông Cụ được anh Trần Đăng Ninh đưa đi chắc phải to hơn cả Trung ương. Tôi nghe giọng Nghệ, đoán chắc là Ông Cụ rồi. Đêm hôm trước ngày Ông Cụ về đây, đoàn tự vệ ở Chèm bắt được bốn người từ bên kia sông sang. Bốn người đó hỏi phụ trách khu này là ai, khi biết tôi là phụ trách khu, họ để nghị gặp. Chẳng phải ai xa lạ mà là các anh Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Văn Trân, Vũ Thọ Khôi và Nguyễn Văn Phươg. Bốn người từ Tân Trào về. Họ nói chuyện về Hội nghị Tân Trào và cho tôi xem danh sách Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu. Anh Trần Quốc Hoàn nói với tôi:

- Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc đấy.

Tôi nói với các anh:

- Dân Hà Nội rất sốt ruột, không biết ai là lãnh tụ cách mạng, có lẽ ta nên công bố danh sách này, đăng lên báo cho mọi người được biết.

Ngay ngày hôm sau, bản danh sách các vị trong Chính phủ Lâm thời được dán khắp thành phố. Nhân dân biết Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp nhưng chưa biết Hồ Chí Minh. Lại nói về chuyện tôi gặp Bác ở đình làng Phú Xá. Hôm đó tôi mặc bộ quần áo mùa thu bình thường. Bác nhìn tôi và hỏi anh Trần Đăng Ninh:

- Quan nào mà diện thế (sau này anh Trần Đăng Ninh nói lại tôi mới biết). Như trong ý thức của Bác, cách mạng mới thành công nên khi về Hà Nội, cán bộ phải rất chú ý tới cách ăn mặc. Bác muốn người cán bộ cách mạng phải ăn mặc giản dị, không được làm ra dáng là quan cách mạng.

Cơm nước xong, lúc đó cũng đã muộn, tôi đưa Bác và anh em vào làng Phú Xá,



đến nhà bà chánh tổng ở làng Gạ (Phú Gia). Nhà này do chị Sáu, cán bộ của đội công tác giới thiệu. Nhà không to lắm nhưng cũng đủ để chứa độ hơn mười người. Tôi muốn nói lại một chút. Có ai đó viết về Bác, nói Bác mặc áo choàng hay áo gi đó là không phải. Hôm đó, Bác mặc chiếc áo của người thiếu số, trời nóng, nên Bác mặc quần soóc, đi chân đất, trong túi áo có một chiếc đèn pin khoằm khoằm. Bác mời ốm đây nên phải chống gậy. Chủ nhà mời Bác nằm nghỉ ở chiếc sập gỗ (gỗ thừng thôi, không phải gỗ gụ) trước bàn thờ. Anh Trần Đăng Ninh và một số người khác nằm ở hai gian bên cạnh. Tôi nằm trong buồng. Quen kiểu đùa như khi ở tù, tôi nói với Bác:

- Đồng chí nằm đây cho sướng cái thân già.

Sau anh Ninh nháy tôi ra ngoài nói:

- Ông Cụ không thích đùa đâu.

Tất nhiên lúc đó tôi cũng đã biết Ông Cụ là ai rồi (khi ấy chưa gọi là Bác mà gọi là Cụ).

- Thế đồng chí cùng nằm với tôi, chúng ta nói chuyện.

Cụ hỏi tôi:

- Chiều nay chú vào trong thành, có nghe chuyện gì lạ không?

Tôi nói:

- Thưa Cụ có hai việc. Việc thứ nhất: Dư luận đang bàn tán Hồ Chí Minh có phải là Nguyễn Ái Quốc?

Cụ hỏi:

- Anh em mình trả lời thế nào?

- Anh em ta nói mập mờ. Không nói là phải, mà cũng không nói là không phải.

Cụ bảo:

- Như thế là anh em mình nói đúng.

Cụ hỏi tôi việc thứ hai. Tôi nói quán Trung Quốc đã đến, trông nhếch nhác lắm, mặc quần áo vàng bạc màu, chân quần xà cạp, gánh cả nồi niêu, bát đĩa, lại có chó theo sau.

Cụ nói:

- Ấy! Đệ nhất phutong điện quán của người ta đấy.

Tôi hỏi Cụ ý nghĩa của việc Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản. Cụ bảo:

- Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản là muốn đánh tín hiệu cho Liên Xô phải ngừng tiến quân.

Đồng chí Công Ngọc Kha cũng kể lại trong hồi ký Hạnh phúc đến bất ngờ: "Vào khoảng 8 giờ tối hôm ấy (ngày 23-8-1945), tôi cùng với một số đồng chí trong ủy ban Nhân dân lâm thời của xã đang dự cuộc họp của phụ nữ ở nhà bà Hai Vẽ, cô Sự em gái tôi đến gọi phải về ngay, nhà có khách.



Tôi và anh Lương vội vàng chạy về ngay. Về đến cổng nhà tôi thì chúng tôi bị đồng chí bảo vệ ngăn lại và hỏi một cách hòa nhã.

- Các đồng chí là ai?

Tôi vội vàng trả lời.

- Báo cáo đồng chí tôi là người trong gia đình ạ!

- Hôm nay có các đồng chí ở chiến khu về, các đồng chí đừng chờ tôi một chút.

Nói rồi đồng chí ấy chạy vào gọi người nhà ra nhận. Chúng tôi được mẹ tôi ra đón. Vừa đặt chân vào trong sân, nhìn thấy trong nhà người ngồi đông, anh Khánh (tức Hoàng Tùng) cùng Ông Cự già đang ngồi nói chuyện với nhau ở chiếc bàn nhỏ gian giữa. Còn nhiều đồng chí khác ngồi ở gian bên này. Nhà đã thấp đèn sáng trưng. Với tính háo hức của tuổi trẻ, chúng tôi reo lên:

- Chào các đồng chí, các đồng chí kể chuyện chiến khu cho bọn em nghe đi!

Anh Khánh thấy vậy liền chạy ra kéo chúng tôi ra góc sân nói nhỏ:

- Các đồng chí ở chiến khu mới về còn mệt, cần yên tĩnh nghỉ ngơi.

Sau đó anh giao trách nhiệm cho chúng tôi bố trí tự vệ địa phương bảo vệ bên ngoài cho chu đáo. Sau khi anh Lương đi, anh Khánh cho tôi biết thêm có đồng chí cán bộ từ chiến khu về sẽ còn ở lại nhà tôi vài ba ngày nữa. Anh Khánh đề nghị việc bố trí ăn uống gia đình cố gắng làm cho chu đáo. Được anh Khánh giao nhiệm vụ, tôi đi bố trí lực lượng bảo vệ ở đầu làng và cuối làng, khi trở về nhà tôi mới có dịp quan sát kỹ hơn những người ngồi trong nhà. Người đang làm việc trên chiếc bàn nhỏ là một ông cụ đã có tuổi, mặc bộ quần áo nâu, tóc hoa râm, râu thưa, chân đi đôi giày vải của người dân tộc, vóc người gầy yếu, nước da ngăm đen hình như vừa qua một cơn sốt. Tôi đoán chắc đây là đồng chí cán bộ lãnh đạo. Ông Cự xem ra bận lắm, đang chăm chú ghi chép điều gì trên cuốn sổ tay nhỏ. Những người ngồi trên chiếc giường gian bên thì trẻ hơn. Mọi hoạt động và lời nói của họ hết sức nhẹ nhàng, trật tự và tỏ ra rất kính trọng Ông Cự. Trên chiếc sập đặt giữa nhà, nơi mà Ông Cự sẽ nghỉ, tôi thấy có chiếc mũ lá, một chiếc túi vải, chiếc gậy để tựa bên cạnh sập, đó chắc là hành lý của Ông Cự.

Không khí trong gian nhà rất yên tĩnh, trang nghiêm. Tôi rón rén pha nước và rót mời Ông Cự uống. Mãi đến lúc đó cụ mới chịu ngừng tay bút, ngẩng đầu nhìn tôi, tôi thấy đôi mắt của cụ trong sáng lạ thường. Cụ hỏi tôi:

- Chú là người thế nào với bà chủ nhà đây?

- Dạ là con ạ!

- Gia đình chú có mấy người?

- Thưa Cụ nhà cháu có bốn người ạ. Mẹ cháu, em gái cháu và hai vợ chồng cháu. Cháu còn ông nội, ông nội cháu ở với anh cả cháu ở nhà bên.

Ông Cự gạt đầu rồi lại mãi miết làm việc cho đến khuya mới chịu đi ngủ.



Cụ nghỉ trên chiếc sập cổ kê gian giữa, anh Khánh cùng các anh em khác ngủ hai gian bên còn tôi ngủ trên chiếc chõng tre ở ngoài hiên cho tiện việc bảo vệ và lúc đó trời vẫn còn nóng.

Sáng hôm sau, Cụ dậy sớm ra sân đi lại hít thở không khí. Sau đó Cụ vào trong nhà đem báo ra đọc. Lúc ấy Cụ vẫn còn đang phải uống thuốc nên tôi còn nhớ anh Khánh nhờ mẹ tôi mua một con gà nhỏ về hằm rồi Cụ rắc thuốc vào nước gà hầm để uống.

Trưa hôm ấy, nhà tôi chuẩn bị bữa cơm khá tươm tất. Mẹ tôi dọn hai mâm lên giường, mời Cụ cùng anh em đi xơi cơm, nhưng Cụ không bằng lòng. Cụ bảo cứ trái chiếc chiếu xuống nền gạch, ngồi vòng tròn theo hai mâm, nấu cơm để ở giữa, ai ăn thì tự ra xơi lấy. Đây là lần đầu tiên thay đổi tập tục cũ của gia đình tôi.

Chiều và sáng hôm sau Cụ phải làm việc nhiều với các đồng chí cán bộ cao cấp của Đảng từ Hà Nội đi ô tô lên báo cáo tình hình. Về sau tôi mới được biết, trong số cán bộ cao cấp của Đảng đến nhà tôi làm việc với Bác Hồ mấy ngày đó có các đồng chí Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh...

Trong hai ngày Cụ ở trong nhà tôi, người ra vào đông, nhưng vẫn hết sức bí mật và yên tĩnh.

Vào khoảng 4 giờ chiều ngày thứ ba (ngày 25-8-1945), Cụ vẫy tay gọi tôi lại rồi bảo:

- Nhà ta còn có cụ ông phải không?

Tôi vội thưa:

- Dạ, thấy cháu mất rồi, còn có ông nội cháu thôi.

Cụ nói:

- Bây giờ chú đi mời cụ và những người trong gia đình vào đây tôi nói chuyện.

Tôi vội đi mời ông tôi, mẹ tôi, anh tôi, vợ tôi và em gái tôi. Lúc đó gia đình tôi đang chuẩn bị bữa cơm chiều, thấy nói Cụ mời lên đều lên ngay.

Cụ thấy ông tôi chống gậy liễn ra đỡ vào trong nhà và bảo gia đình quây quần xung quanh. Sau mấy câu chuyện Cụ hỏi về làm ăn sinh sống từ trước tới nay rồi Cụ nói:

- Chúng tôi về đây với gia đình, được gia đình hết lòng giúp đỡ, tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ của gia đình. Bây giờ chúng tôi phải đi công tác, chúc gia đình mạnh khoẻ. Có dịp nào đó, tôi sẽ trở lại thăm cụ và gia đình.

Để tạm biệt, Cụ bắt tay ông tôi và cả gia đình từ lớn đến bé. Tôi theo tiễn Cụ ra ô tô.

Cụ vui vẻ chào mọi người như thân thuộc từ lâu. Khi Cụ sắp lên xe, tôi và các đồng chí giải phóng quân ở lại đều tới bắt tay.

Khi xe chạy rồi, nhìn theo xe lòng tôi xao xuyến mãi.



Sáng ngày 2-9-1945, cán bộ và nhân dân các làng Sù, Gạ chúng tôi được về vườn hoa Ba Đình dự lễ ra mắt của Chính phủ lâm thời. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lễ đài đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tôi chăm chú nhìn thấy khuôn mặt Chủ tịch quen quen. Một số anh em tự vệ cùng làng được dịp bảo vệ Cụ đứng gần tôi cũng chăm chú nhìn rồi nói nhỏ với nhau:

“Thôi đúng rồi, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là Ông Cụ hôm nọ đã về làng mình! Chỉ khác hôm nay Cụ mặc bộ quần áo kaki mới, còn vẫn vâng trán ấy, cặp mắt và chòm râu ấy”.

Sáng 25-8-1945, Người nghe các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh báo cáo tình hình Tổng khởi nghĩa và chủ trương ra mắt của Chính phủ lâm thời. Chiều 25-8-1945, Người vào nội thành, qua lối 35 Hàng Cân để sang nhà 48 Hàng Ngang. Bà Trịnh Văn Bô (tức Hoàng Thị Minh Hồ), chủ nhân ngôi nhà 48 Hàng Ngang kể lại trong hồi ký *Những năm tháng bên Bác Hồ kính yêu*: “Bác từ chiến khu về chỉ có một đôi dép cao su nhân hiệu Con hổ trắng, chiếc quần soóc nâu, chiếc áo sơ mi ngắn tay, một chiếc can và chiếc mũ phớt bạc màu. Đêm đêm, Bác thức rất khuya đánh máy chữ. Chuông đồng hồ điểm 12 tiếng, đèn bàn của Ông Cụ mới tắt, nhưng 5 giờ sáng đã thấy Ông Cụ tập thể dục ngoài ban công. Hàng ngày, lúc 7 giờ, ông Vũ Đình Huỳnh đón Bác ra Bắc Bộ phủ làm việc với ông Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt... (Sau này bà Bô mới biết rằng khi tiếng máy chữ vang lên trong đêm khuya ấy chính là lúc Bác Hồ đang soạn thảo bản hùng văn vô giá - Bản tuyên ngôn lịch sử khai sinh cho Tổ quốc). Thời gian này, Hà Nội đang chuẩn bị cờ hoa và cả vũ khí cho ngày trọng đại sắp tới. Khoảng những ngày 26, 27 tức là khi đã ấn định Lễ tuyên ngôn vào ngày 2-9-1945, anh em cán bộ mới sức nhớ ra cần phải trang bị mỗi người một bộ quần áo thật tươm lúc ra mắt trên lễ đài, đặc biệt là Hồ Chủ tịch. Đa số anh em từ chiến khu trở về và kể cả Bác cũng đều ăn mặc những đồ đã cũ sờn hoặc chấp vá tạm bợ. Lúc bấy giờ trong tủ của nhà chúng tôi có rất nhiều vải (vì nhà buôn vải vóc), tôi lấy ra mấy súc kaki để may cho anh em. Ngoài ra, trong tủ cũng có hàng chục bộ quần áo khá sang trọng may sẵn mà ông Bô chưa dùng, nên tôi lấy ra cho anh em mặc tạm trước, anh nào mặc vừa bộ nào thì dùng bộ nấy, ông Phạm Văn Đồng, rồi ông Võ Nguyên Giáp... nhưng tấm người như Ông Cụ không hợp bộ nào cả. Gần sát ngày lễ, ông bà Bô đã chọn riêng loại vải kaki còtlê của Anh và ông Vũ Đình Huỳnh - nguyên là thư ký lễ tân mang đến xin ý kiến Bác, Bác nói: “Tôi mặc xuềnh xoàng thôi. Không len, dạ dặt tiền làm gì, cốt tươm tất giản dị, không phải cà vạt cổ cồn là tốt...”. Ông Vũ Đình Huỳnh chợt nhớ tới một bức ảnh của Xtalın nên ước thử với Bác may theo kiểu áo đó, cũng không có cà vạt mà oai vệ. Bác mỉm cười nói: “Nhưng mình có phải Xtalın đâu”. Bác luôn học hỏi tinh hoa nhưng không chấp nhận bắt chước theo khuôn mẫu sẵn. Cuối cùng ông Vũ Đình Huỳnh mời ông Phú Thịnh, chủ hiệu may có tiếng ở phố Hàng Quạt tới và trình bày: “Tôi có người nhà là cụ Lý ở quê ra thăm Thủ đô, tôi



muốn cắt vài bộ đồ cho cụ, nhờ anh cắt may kiểu áo bốn túi, mặc kín cổ khi có việc quan trọng, lúc thường nhật thì mở khuy áo thoải mái, đi giày, đi dép đều hợp với cụ Lý nhà tôi". Ông Phú Thịnh ngẫm nghĩ một lúc, rồi dè dặt nói: "Tôi muốn tượng ra kiểu áo này rồi. Chỉ cần tính toán cái ve áo nhọn hay tù", rồi ngắm nghía tấm ảnh Stalin, ông Phú Thịnh nói: "Kiểu tương soái này oách lắm, nhưng không hợp với các cụ nhà mình. Thôi được, tôi sẽ lo liệu để có bộ áo hợp ý với cụ Lý". Hai hôm sau, ông Phú Thịnh đem hai bộ quần áo đến cười ý nhị nói: "Tôi trộm nghĩ cụ Lý này không phải là lý tưởng mà có lẽ là một cụ Lý... khác thường". Ông Vũ Đình Huỳnh cười đáp lại tình cảm tình tế của ông thợ may. Hôm sau lựa lúc Bác tập thể dục, tắm sáng xong, ông Vũ Đình Huỳnh đem bộ quần áo mới vào. Bác ướm thử, ngắm kỹ cổ áo và mỉm cười: "Được thế này là hợp với mình". Ông Vũ Đình Huỳnh lúc đó đã rất vui và thắm mỉm cười nghĩ, chỉ trong vài ngày nữa, ông Phú Thịnh sẽ vô cùng ngạc nhiên và vinh dự khi "cụ Lý" mà mình may quần áo cho lại chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đọc Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình để khai sinh ra một quốc gia mới - Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa..."

Ngày 26-8-1945, Người mở phiên họp đầu tiên với Ban Thường vụ Trung ương Đảng để thảo luận các vấn đề quan trọng, đặc biệt là việc công bố danh sách thành viên Chính phủ lâm thời và soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập. Theo Người, việc mít tinh lớn ở Hà Nội, ra mắt Chính phủ, tuyên bố Việt Nam độc lập và thiết lập chính thể dân chủ cộng hoà phải được gấp rút làm ngay, và làm trước khi quân Đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật. Trên tinh thần đó, ngày 28-8-1945, Ủy ban dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời. Thực hiện chủ trương của Hồ Chí Minh, một số cán bộ của Đảng và Việt Minh tự nguyện rút lui để nhường chỗ cho các đảng phái khác. Đánh giá hành động cao đẹp này của các đồng chí cán bộ của Đảng và Việt Minh, Hồ Chí Minh khẳng định: Đó là "Một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân. Đó là một cử chỉ đáng khen, đáng kính mà chúng ta phải học".

Tại 48 Hàng Ngang, Hồ Chí Minh đã soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập và tranh thủ ý kiến của các đồng chí lãnh đạo Đảng. Sau những ngày chuẩn bị khẩn trương, một cuộc mít tinh lớn của nhân dân Hà Nội đã diễn ra tại Quảng trường Ba Đình chiều ngày 2-9-1945. Trong buổi lễ long trọng đó, Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, thủ tiêu hoàn toàn chế độ thực dân, phong kiến, tuyên bố về nền độc lập của dân tộc Việt Nam trước đồng bào cả nước và nhân dân thế giới. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết trong hồi ký của mình về những ngày tháng không thể nào quên: "... Tình hình đang khẩn trương. Anh Thọ được cử lên chiến khu đón Bác thì Bác đã về. Anh Ninh và tôi cùng đi lên Phú Gia gặp Bác. Chúng tôi vào làng Gạ. Bác ở một ngôi nhà gạch nhỏ nhưng sạch sẽ.



Chúng tôi bước vào, nhìn thấy ngay Bác đang ngồi nói chuyện với cụ chủ nhà. Ngày nào ở Việt Bắc, Bác còn là một ông ké Nùng. Bữa nay, Bác đã trở thành một cụ nông dân miền xuôi rất thoải mái, tự nhiên trong bộ áo quần nâu. Bác vẫn gầy nên đôi gò má cao. Những đường gân hằn rõ trên trán và hai thái dương. Nhưng với vầng trán rộng, bộ râu đen, và nhất là đôi mắt, luôn luôn ngời sáng, một sức mạnh tinh thần kỳ lạ toát ra từ hình dáng mảnh dẻ của Bác. Dù sao, so với những ngày dự hội nghị ở Tân Trào, Bác đã khá hơn nhiều.

Cụ chủ nhà thấy chúng tôi tới, giữ ý, mời thế nào cũng không ngồi lại, nói vài câu chào hỏi rồi lánh đi chỗ khác.

Bác tươi cười nhìn chúng tôi, nói:

- Trông các chú bữa nay ra dáng người tỉnh thành rồi.

Chúng tôi sôi nổi báo cáo với Bác tình hình khởi nghĩa ở Hà Nội và các tỉnh. Bác ngồi lặng nghe, vẻ mặt điềm đạm. Tính Bác như vậy, khi vui khi buồn đều vẫn bình thản.

Chúng tôi nói với Bác ý Thường vụ muốn tổ chức sớm lễ ra mắt của Chính phủ. Theo quyết định của Hội nghị toàn quốc họp tại Tân Trào, Ủy ban Dân tộc giải phóng do Bác làm Chủ tịch sẽ trở thành Chính phủ lâm thời.

Với một vẻ vui vui, Bác nói như hỏi lại chúng tôi:

- Mình làm Chủ tịch à?

Thực ra, một thời kỳ rất vẻ vang nhưng cũng cực kỳ hiếm nghèo của dân tộc đã bắt đầu. Bác đã nhận sứ mệnh khó khăn: Lái con thuyền quốc gia Việt Nam vừa mới hình thành, vượt qua những thác ghềnh nguy hiểm. Bác đã đón nhận nhiệm vụ đó trước lịch sử, trước nhân dân đúng như Bác đã trả lời các nhà báo nước ngoài ba tháng sau đó: "Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận".

Chúng tôi trở về Hàng Ngang trước để chuẩn bị. Anh Nhân (đồng chí Trường Chinh) lên sau, ở lại đến chiều cùng về với Bác.

Đây là lần đầu tiên Bác đến Hà Nội. Chặng đường 300 km từ ngôi nhà tranh nhỏ hẹp tại làng Kim Liên tới đây, Bác đã đi mất hơn 35 năm.

Con đường Bác đã đi không giống bất cứ con đường của một người Việt Nam yêu nước nào đã đi trước Bác.

Chập tối, Bác đến nhà. Chúng tôi ra đón, nhận thấy trên nét mặt của Bác những dấu hiệu xúc động. Anh chị chủ nhà ở số 48 phố Hàng Ngang đã dành cho chúng tôi tầng gác hai. Bác được mời lên tầng ba làm việc cho tỉnh. Nhưng Bác không thích ở một mình, Người cùng ở với chúng tôi. Lúc đó, theo sự phân công của Bác, anh Tô (đồng chí Phạm Văn Đồng) và anh Hoan còn ở lại Tân Trào ít lâu. Đối với những



người giúp việc trong gia đình và hàng xóm thì Bác và chúng tôi là "các cụ và các ông ở nhà quê ra chơi". Anh Ninh hỏi đó có bộ râu rậm lười cạo nên cũng được coi làm là một "ông cụ".

Tầng gác này vốn là phòng ăn và buồng tiếp khách nên không có bàn viết, Bác ngồi viết ở cái bàn ăn rộng thênh thang. Chiếc máy chữ của Bác được đặt trên cái bàn vuông nhỏ, mặt bọc nỉ xanh, kê ở góc buồng.

Hết giờ làm việc, mỗi người kiếm một chỗ nghỉ luôn tại đó. Người nằm ở divăng. Người ngủ trên những chiếc ghế kê ghép lại. Bác nghỉ trên một chiếc ghế xếp bằng vải trước kia vẫn dựng ở góc buồng.

Thường vụ đã quyết định ngày ra mắt của Chính phủ lâm thời cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố giành quyền độc lập và thiết lập chính thể Dân chủ Cộng hoà. Ngoài đường lối, chính sách của Chính phủ, phải chuẩn bị cả những lời thề để đưa ra trước nhân dân. Bác và Thường vụ trao đổi về một việc hệ trọng cần bắt tay vào làm ngay: Thảo bản Tuyên ngôn Độc lập.

Trong căn buồng nhỏ thiếu ánh sáng của ngôi nhà sâu thẳm, nằm giữa một trong 36 phố phường cổ kính của Hà Nội, Bác ngồi làm việc, khi thì viết, khi thì đánh máy.

Những người giúp việc trong gia đình không biết ông cụ có cặp mắt sáng, chiếc áo nâu bạc thường để hở khuy ngực, hay hút thuốc lá, ngồi cặm cụi đó làm gì. Mỗi lần họ tới hỏi cụ có cần gì, cụ quay lại mỉm cười, chuyện trò đôi câu. Lần nào cụ cũng nói không có gì cần phải giúp đỡ. Họ không biết là mình đang chứng kiến những giờ phút lịch sử.

Một buổi sáng, Bác và anh Nhân gọi anh em chúng tôi tới. Bản Tuyên ngôn lịch sử đã thảo xong, Bác mang đọc để tập thể thông qua. Như lời Bác nói lại sau này, đó là những giờ phút sáng khoái nhất của Người.

Mồng 2-9-1945.

Hà Nội tưng bừng màu đỏ. Một vùng trời bát ngát cờ, đèn và hoa. Cờ bay đỏ những mái nhà, đỏ những rặng cây, đỏ những mặt hồ.

Biểu ngữ bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Hoa, Nga chằng khắp các đường phố: "Nước Việt Nam của người Việt Nam", "Đả đảo chủ nghĩa thực dân Pháp", "Độc lập hay là chết", "Ủng hộ Chính phủ lâm thời", "Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh", "Hoan nghênh phái bộ Đồng minh"...

Các nhà máy, các cửa hiệu buôn to, nhỏ đều nghỉ việc. Chợ búa không họp. Mọi hoạt động buôn bán, sản xuất của thành phố tạm ngừng, đông bào Thủ đô già, trẻ, gái, trai đều xuống đường. Mọi người đều thấy mình cần phải có mặt trong ngày hội lớn đầu tiên của đất nước.

Những dòng người đủ mọi màu sắc, từ khắp các ngã tuôn về vườn hoa Ba Đình.



Đội ngũ của những người thợ quần xanh, áo trắng, tràn đầy sức mạnh và niềm tin. Người lao động bình thường hôm nay đến ngày hội với tư thế đường hoàng của những người làm chủ đất nước, làm chủ tương lai.

Hàng chục vạn nông dân từ ngoại thành kéo vào. Những chiến sĩ dân quân mang theo côn, kiếm, mã tấu. Có những người vác theo cả những quả chùy đồng, những thanh long đao rút ra từ những giá vũ khí bày để trang trí trong các điện thờ. Trong hàng ngũ của các chị em phụ nữ nông thôn với những bộ quần áo ngày hội, có những người vấn khăn vàng, mặc áo tứ thân, thắt lưng hoa lý. Cũng chừa bao giờ người nông dân ở những làng xóm nghèo quanh Hà Nội đi vào thành phố với một niềm tự hào như ngày hôm ấy.

Những cụ già vẻ mặt nghiêm trang. Những cô gái Thủ đô hớn hở, áo màu rực rỡ.

Rộn ràng là các em thiếu nhi. Dù sự giàu nghèo của mỗi gia đình chưa đổi khác, nhưng từ ngày hôm nay, tất cả các em đều trở thành những người chủ nhỏ của đất nước độc lập. Theo nhịp còi của các anh, các chị phụ trách, các em khua rền trống ếch, giậm chân bước đều, hát vang những bài ca cách mạng.

Những nhà sư, những ông cố đạo cũng rời nơi tu hành, xuống đường, xếp thành đội ngũ đến dự ngày hội lớn của dân tộc.

Nắng mùa thu rất đẹp trên quảng trường Ba Đình từ giờ phút này đã đi vào lịch sử. Đội danh dự đứng nghiêm trang chung quanh lễ đài mới dựng. Các chiến sĩ Quân giải phóng bữa trước theo Quân lệnh số 1 của Ủy ban Khởi nghĩa, từ Tân Trào tiến về phía Nam "đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch". Hôm nay, họ đã đứng sát cánh cùng các đội tự vệ của công nhân, thanh niên và lao động Thủ đô bảo vệ Chính phủ lâm thời.

Sau bao năm bôn ba khắp thế giới, mang án tử hình của đế quốc Pháp, qua mấy chục nhà tù và những ngày dài gỏi đất nằm sượng, Bác đã trở về ra mắt trước một triệu đồng bào. Sự kiện lịch sử này mới hôm nào còn ở trong ước mơ. Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã ra mắt đồng bào như một lãnh tụ lẫm lẫm xuất hiện trước đông đảo quần chúng.

Đó là một cụ già gầy gò, trán cao, mắt sáng, râu thưa. Cụ đội chiếc mũ đã cũ, mặc áo kaki cao cổ, đi dép cao su trắng.

Mấy ngày hôm trước, một vấn đề được đặt ra là phải có một bộ quần áo để Bác mặc khi Chính phủ ra mắt đồng bào. Cuối cùng, Bác đã chọn bộ quần áo này. Hai mươi bốn năm làm Chủ tịch nước, trong những ngày lễ lớn của dân tộc, trong những cuộc đi thăm nước ngoài, Hồ Chủ tịch bao giờ cũng xuất hiện với một hình ảnh giản dị, không thay đổi. Vẫn bộ quần áo vải, trên ngực không một tấm huân chương, y như lần đầu Bác đã ra mắt đồng bào.

Ông Cụ có dáng đi nhanh nhẹn. Dáng đi này cũng làm cho đôi người lúc đó hơi



ngạc nhiên. Họ đã không nhìn thấy ở vị Chủ tịch đáng di trang trọng của những người "sang". Giọng nói của Ông Cụ phảng phất giọng nói của một miền quê đất Nghệ An.

Bác đã xuất hiện trước một triệu đồng bào ngày hôm đó như vậy.

Lời của Bác điềm đạm, dậm ấm, khúc chiết, rõ ràng. Không phải là cái giọng hùng hồn người ta thường được nghe trong những ngày lễ long trọng. Nhưng người ta tìm thấy ngay ở đó những tình cảm sâu sắc, ý chí kiên quyết; tất cả đều tràn đầy sức sống; từng câu, từng tiếng đi vào lòng người.

Đọc bản Tuyên ngôn Độc lập đến nửa chừng, Bác dừng lại và bỗng dừng hỏi:

- Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?

Một triệu con người cùng đáp, tiếng dậy vang như sấm:

- Co...o...ó...!

Từ giây phút đó, Bác cùng với cá biển người đã hòa làm một.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập 2/9/1945



Đây là bản Tuyên ngôn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa giành được độc lập bằng cuộc chiến đấu suốt 80 năm của dân tộc. Đây còn là những lời lẽ tâm huyết, đầy cảm kích của đội tiên phong giác ngộ nhất của giai cấp cách mạng nhất, có những người con tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của dân tộc, trước máy chém, trước miệng súng của quân thù, đã từng giật tâm bằng đen bịt mắt, hô lớn: "Việt Nam độc lập muôn năm!".

Buổi lễ kết thúc bằng những lời thề Độc lập:

- Chúng tôi, toàn thể dân Việt Nam xin thề: "Kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh".

- Chúng tôi xin thề: "Cùng Chính phủ giữ nền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc chống mọi mưu mô xâm lược, dù có phải chết cũng cam lòng".

- Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi xin thề:

"Không đi lính cho Pháp,
Không làm việc cho Pháp,
Không bán lương thực cho Pháp,
Không đưa đường cho Pháp!"

Một triệu con người, một triệu tiếng hô cùng hòa làm một. Đó là lời thề của toàn dân kiên quyết thực hiện lời Hồ Chủ tịch vừa đọc để kết thúc bản Tuyên ngôn:

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".



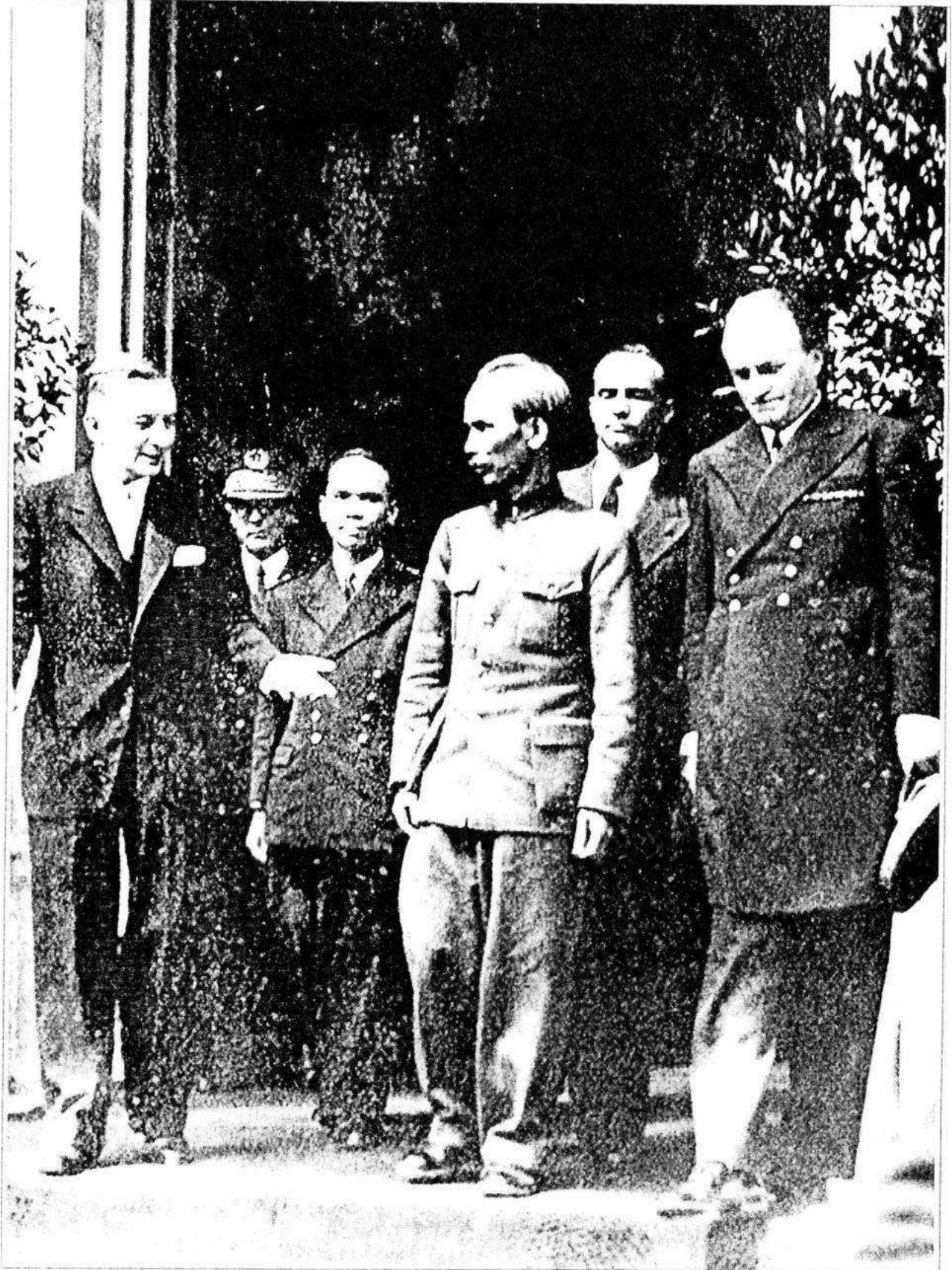
Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Liên hiệp kháng chiến tuyên thệ nhậm chức tại Nhà hát lớn, Hà Nội (3/1946)



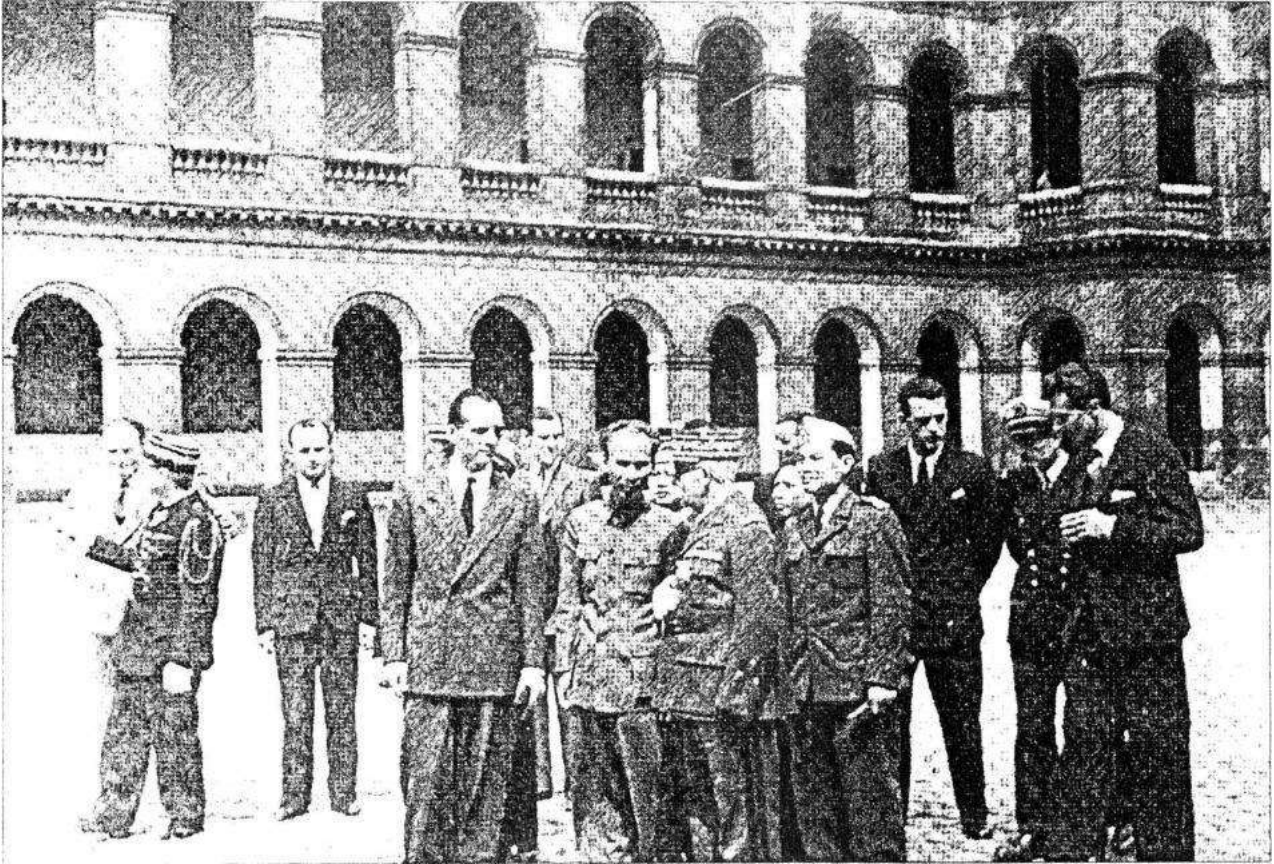
Chủ tịch Hồ Chí Minh tại buổi ký Tạm ước 6-3 (1946)



Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi lên đường thăm Pháp 1946



Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Pháp Bidault sau cuộc hội đàm tại Paris (7/1946)



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm lâu đài Invalid, Pháp (7/1946)